

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III
CUỘC CHIẾN
VIỆT - HOA - MIÊN
1979 - 1989

*CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III * 3*

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III
CUỘC CHIẾN VIỆT-HOA-MIÊN 1979-1989

*** HOÀNG DUNG**

TIẾNG QUÊ HƯƠNG xuất bản
Mẫu bìa và trình bày : TỪ PHONG

Tái bản lần thứ hai tại Hoa Kỳ
Virginia 2013

Tác giả giữ bản quyền

4 * HOÀNG DUNG

HOÀNG DUNG

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III

**CUỘC CHIẾN
VIỆT - HOA - MIÊN
1979 - 1989**

*TÁI BẢN LẦN THỨ HAI
ĐÃ SỬA CHỮA VÀ CẬP NHẬT*



Virginia 2013

6 * HOÀNG DUNG

THAY LỜI TỰA

Tôi không biết phải gọi Hoàng Dung, tác giả cuốn sách này bằng danh hiệu gì. Về nghề nghiệp ông là bác sĩ, nhưng chức vị bác sĩ sẽ không làm cho giá trị cuốn sách này tăng lên một chút nào.

Ông không phải nhà văn, mặc dù thỉnh thoảng có viết đôi bài đăng báo. Ngay cả ông là tác giả thiên khảo cứu này, ông cũng không nhận là nhà biên khảo. Có một điều chắc chắn : ông là người ưa đọc sách, có thói quen ghi lại những gì rút tĩa được nơi những trang sách đã đọc.

Tôi biết Hoàng Dung từ khi chúng tôi còn thơ ấu. Trong sân trường trung học Nguyễn Trãi, lúc trường này chưa có trụ sở riêng, còn học nhờ tại trường tiểu học Lê Văn Duyệt. Năm đó là năm 1957, tôi học đệ ngũ, Hoàng Dung dưới tôi một lớp. Chúng tôi là bạn chơi banh trong trường. Hai năm sau tôi rời Nguyễn Trãi lên Chu Văn An, một năm sau chúng tôi gặp lại nơi trường Chu Văn An cũ, sau lưng trường Petrus Ký. Khi lên Chu Văn An, là học sinh trung học đệ nhị cấp, chúng tôi ít giao thiệp vì không còn đá banh, đá cầu trong sân trường nữa.

Hơn mười năm sau gặp lại Hoàng Dung tại Pleiku. Ông đã là một bác sĩ quân y. Tuy là bạn thiếu

thời, nhưng không phải đồng nghiệp nên thỉnh thoảng chúng tôi mới gặp nhau trong Câu Lạc Bộ Sĩ Quan quân đoàn, và đôi khi tệ hơn nữa là gặp nhau nơi bàn mặt chược. Dù gặp nhau ở nơi nào, ông cũng cho người khác thấy ông là người ít nói, lặng lẽ. Nhưng không một ai chối cãi được ông là một người tử tế. Ông tử tế với bạn là chuyện đương nhiên, ông tử tế với binh sĩ dưới quyền. Ông là một y sĩ tận tình săn sóc thương binh của ta và của địch.

Thế rồi chúng tôi tan tác trong cuối mùa trận chiến. Đầu thập niên 80, gặp lại nhau trên xứ người. Hoàng Dung đang đi học lại. Ông mới tới Mỹ một thời gian ngắn, lại lao vào việc sách đèn để có thể đi hết con đường đã chọn, để tiếp tục tuân thủ lời thề Hyppocrate. Nơi xứ người thỉnh thoảng chúng tôi mới có cơ hội gặp nhau, khi thì tôi sang miền Đông, khi thì Hoàng Dung sang Cali cho đỡ nhớ không khí nước Việt.

Cách đây gần một năm, Hoàng Dung gọi điện thoại đến tôi, muốn tôi đọc hộ một tập bản thảo. Ông không hé lộ một chút gì về nội dung cuốn sách, chỉ vấn tắt một câu : *“Ông đọc hộ tôi coi nó có ra cái giống gì không.”* Buông điện thoại xuống, tôi nghĩ tới Hoàng Dung, những đồng nghiệp của ông, và thế hệ di dân đầu tiên mà trong đó có Hoàng Dung và cả tôi.

Rất nhiều người trong cộng đồng chúng ta, sau khi đã an tâm về vật chất đều cần một món ăn tinh thần. Mỗi người đến với món ăn tinh thần này một kiểu. Có người thành nhà văn, nhà thơ. Có người thành nhạc sĩ, họa sĩ. Cũng không thiếu gì người thành ca sĩ trình diễn trong vòng thân hữu, trong những party mừng sinh nhật, kỷ niệm thành hôn hay trong các tiệc cưới.

Có người thành chuyên viên tranh đấu, có mặt trong năm bảy đoàn thể, tổ chức. Có người không làm gì cả, chỉ ngơ ngơ ngác ngác nơi xứ người. Hoàng Dung không rơi vào những thông lệ trên. Dù nghĩ gì thì nghĩ, tôi không bao giờ tưởng tượng được Hoàng Dung, người bạn thiếu thời, một quân y sĩ nhiều lương tâm, sống giản dị cho tới năm ngoài 40 mới lập gia đình, lại có thể rơi vào cái vòng lợi, danh luẩn quẩn. Suốt mấy ngày liền, tôi bị cuốn sách của Hoàng Dung ám ảnh. Đã có lúc tôi nghĩ là bạn tôi chắc đang cơn quẩn trí, một mình lủi thủi một xó, thành ra viết văn làm thơ cho nó bớt buồn. Dù sao chẳng nữa, ở nhà viết bất cứ cái gì, cũng còn hơn mãi mê trong những canh mặt chược, đăm đúi trong chỗ ánh sáng mờ ảo của vũ trường.

Cầm cuốn bản thảo trong tay, một lần nữa những suy nghĩ về bạn cũ lộn tung phèo. Đó không phải là một tập truyện ngắn, không phải một tập thơ, tập nhạc. Đó là tất cả những gì Hoàng Dung đọc trong những khi nhàn rỗi, bởi vì ông làm việc tại một bệnh viện của một tỉnh nhỏ, thừa người. Tập bản thảo là kết quả của thời gian dài cặm cụi, nghiền ngẫm, ghi chép. Hoàng Dung đặt tên cho cuốn sách là Chiến Tranh Đông Dương III. Bên dưới tên của cuốn sách có chừa một hàng chữ: Chiến tranh biên giới Hoa Việt, Miên Việt 1979.

Ông đã từng là một nạn nhân của cộng sản, đã từng ở tù. Vừa thoát khỏi hàng rào trại tù, ông nhắm hướng biển Đông xông tới. May thì đến được một bến bờ, không may thì thêm một mạng người chui vào bụng cá. Nào có xá kể gì, vì sinh mạng con người trong thời khoảng vừa tàn cuộc chiến không khác gì sinh mạng một con kiến. Vài năm đầu tại Mỹ, Hoàng Dung chú

đầu vào việc học. Ông chỉ thật sự đọc sách sau khi đã tốt nghiệp, đã thực tập và đã trở thành một y sĩ góp mặt với đời. Sau giờ làm việc tại bệnh viện, ông rảnh rỗi, mượn sách thư viện về nhà, xục tìm nơi những trang sách về một đề tài ông rất quan tâm. Đó là những trận đánh trong chiến tranh Đông Dương hồi III. Hồi I là chiến tranh Việt - Pháp cho tới 1954, hồi II là chiến tranh Nam - Bắc Việt Nam cho tới 1975, và hồi III là chiến tranh tại vùng biên giới, giữa các nước từng có thời là đồng minh trong các trận chiến Đông Dương cũ. Để có thể liên kết nhiều tài liệu, nhiều tác giả với nhau, ông nảy ra ý định ghi chép lại. Ông ghi chú tất cả những điều gì cần ghi chú, sắp xếp thành từng chương sách, liên hệ cách nhìn của các tác giả, và rút ra cách nhìn của riêng ông. Nội dung tập bản thảo dày hơn 200 trang, viết về các trận đánh biên giới xảy ra năm 1979, giữa ba quốc gia đã có một thời là anh em, môi hở răng lạnh, đã từng là hậu phương lớn với tiền tuyến lớn: Campuchia - Việt Nam - Trung Hoa.

Chỉ mới ngón đợc hai trang đầu, tôi biết là tôi đã gặp một cuốn sách đặt đúng vấn đề. Tôi nhớ lại khi trận chiến giữa Việt Nam và Trung Hoa đang xảy ra khốc liệt, cũng như chiến tranh Việt Nam và Campuchia tới giai đoạn một mất một còn. Không biết người Việt trong nước nghĩ gì, nhưng tại hải ngoại trong lòng người Việt ly hương là một mớ suy nghĩ hỗn độn. Chẳng lẽ lại ca tụng Trung Quốc, kẻ thù truyền kiếp của dân Việt từ phương Bắc. Lại càng không thể cổ vũ bạo quyền cộng sản trong nước, khi mà hàng trăm ngàn sĩ quan, công chức miền Nam còn đang lê những tấm thân tàn trong các xó núi, góc rừng. Thành thử trong

khi cả nước từ Bắc chí Nam, bất kể đảng viên cộng sản hay dân chúng, đang oằn người chịu đựng một cuộc chiến tranh khác thì ngoài nước không một cá nhân nào, một tổ chức nào có một cái nhìn tương đối dứt khoát, đối với một tai hoạ mới đang diễn ra với anh em, ruột thịt đồng bào. Hoàng Dung có mặt trong nước khi chiến tranh biên giới xảy ra, nhưng người cộng sản có bao giờ thông tin cho dân chúng một cách trung thực. Cái mà ông đọc ở báo chí trong nước, chỉ là những mớ bùi nhùi chữ nghĩa, chỉ là những khẩu hiệu ca tụng chiến thắng rất kêu, hết như tiếng phèng la của những tay Sơn Đông mãi võ. Ông muốn tìm hiểu việc gì đã đích thực xảy ra. Do đó ngay khi điều kiện sinh sống cho phép, ông vùi đầu vào những cuốn sách của các nhà sử học, các ký giả ngoại quốc đã viết về trận chiến tranh này. Nhân tiện ông ghi lại cho những bạn đồng tù của ông, hay bất cứ ai muốn tìm hiểu trận chiến này. Ông vẽ lại các cuộc chuyển quân của cả ba nước cộng sản tham chiến Hoa, Việt, Miên. Ông cũng ghi lại những biến chuyển nhân sự, những con người trôi lên tụt xuống trong Chính Trị Bộ Bắc Việt, trong Trung Nam Hải Bắc Kinh, cũng như trong rừng già nhiệt đới Campuchia, để người đọc ông, có thể liên kết những biến chuyển chính trị, xạ chiếu trên mặt trận quân sự như thế nào. Cách ông viết giống như ông trình bày luận án, do đó cuốn sách có một cái nhìn nhất quán, trình bày sáng sủa mạch lạc, tài liệu tra cứu dồi dào, với những phụ bản cần thiết. Chỉ cần đọc ghi chú sơ lược về các nhân vật cuốn sách nói tới, người đọc sẽ thấy cái cần cù của tác giả. Mỗi một nhân vật đều có một vài dòng tiểu sử, ghi năm sinh, năm chết, giữ chức vụ gì, tại sao bị thanh

trình... Ông cũng thiết lập một danh sách những đại đơn vị của Việt Nam, từ cấp Sư Đoàn trở lên, được thành lập thời điểm nào, và vùng hoạt động trong các trận đánh cùng với Trung Quốc và Miên Cộng.

Đánh giá lại trận chiến này là một việc làm cần thiết cho người Việt lưu vong, bởi vì khi khối cộng sản tan thành mảnh nhỏ tại Đông Âu và cả nước Nga, đã khai sinh lại nhiều quốc gia trên bản đồ thế giới.

Trong việc khai sinh những quốc gia này, máu đã đổ không ít giữa những người có thời là đồng chủng, tại Nam Tư, cũng như tại Liên Xô, hướng hồ giữa hai sắc dân hoàn toàn khác biệt về ngôn ngữ cũng như chủng tộc giữa nòi Việt và nòi Hán, hay những oán thù chủng tộc giữa người Việt và người Khmer.

Những tranh chấp lãnh hải trong vùng Biển Đông, nơi lưu trữ một nguồn hơi đốt và dầu hỏa, có thể không thua lượng dầu thô dự trữ tại bán đảo Ả Rập. Số lượng tài nguyên này chưa biết có đủ tốt để khai thác kỹ nghệ không. Nhưng có thể nó sẽ là một liều thuốc nổ, khơi ngòi chiến tranh trong một vài năm tới.

Một cuộc chiến nữa có thể xảy ra giữa các nước trong vùng Đông Nam Á là một điều khả tín.

Vì thế ước vọng khiêm nhường của Hoàng Dung, tác giả của cuốn sách này chỉ mong mỗi cuốn sách sẽ là bước đầu tìm hiểu những cỗi rễ, căn nguyên, cũng như những yếu tố đã đưa tới chiến tranh giữa Việt Nam và hai nước lân bang. Để nếu không giải quyết được thì cũng làm giảm đi sự nghi kỵ và lòng thù hận, hoặc tăng thêm sự cảnh giác về mối đe dọa thường trực của đất nước.

Hoàng Dung là một ngọc nhiên trong đời sống tôi.

Biết nhau suốt 40 năm tôi chưa bao giờ có dịp nhìn ông thật kỹ. Cuốn sách cho tôi biết một điều: Có những con người bình thường mà chúng ta tiếp xúc hằng ngày, trông như đã hiểu, đã biết rõ về họ. Kịp cho tới khi có một việc không bình thường xảy ra, mới là dịp để chúng ta biết con người đó đích thật nghĩ gì, làm gì?

Nếu như ông gửi tới tôi bản thảo một tập truyện ngắn, một tập thơ thì có thể ông sẽ là một “nhà văn y sĩ”, như một số cây bút, hay chưa thêm chữ MD dưới tên tác giả mỗi khi viết bài.

Nếu ông viết một tài liệu y khoa tôi đã không ngạc nhiên mà tài liệu y khoa thì chắc chắn người nhận là các đồng nghiệp của ông. Tôi biết gì về thuốc men, về bệnh trạng, về cơ thể con người?

Đọc xong tập bản thảo, tôi biết ông là người như thế nào. Ông là một người học thức khoa bảng với cấp bằng ông hiện có, với nghề nghiệp ông đang làm, nhưng đồng thời ông cũng là trí thức. Chữ trí thức với nghĩa giản dị, khiêm tốn và đúng nghĩa nhất của danh từ này.

Xin thành thật cảm ơn người bạn thuở thiếu thời, mà mãi tới 40 năm sau tôi mới có dịp nhận biết con người thực sự, ẩn sâu trong những công việc ông đã làm cho chính ông, cho bằng hữu, cho bệnh nhân. Bất kể bệnh nhân ấy là ai, làm gì, từ đâu tới.

Xin cảm ơn cuốn sách Chiến Tranh Đông Dương III, tác phẩm đã soi tỏ cho tôi những điều tù mù tăm tối của hơn mười lăm năm trước.

● HOÀNG KHỞI PHONG

14 * HOÀNG DUNG

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III
CUỘC CHIẾN
VIỆT - HOA - MIÊN
1979 - 1989

*CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III * 15*

MỤC LỤC

● **PHẦN THỨ NHẤT**
CHIẾN TRƯỜNG
BIÊN GIỚI TÂY NAM

▶ **CHƯƠNG 01 – Tr. 21**

Sơ lược lịch sử Campuchia.

▶ **CHƯƠNG 02 – Tr. 35**

Lịch sử tranh chấp Việt – Miên trước năm 1975.

▶ **CHƯƠNG 03 – Tr. 48**

Sự thành lập đảng Cộng Sản Campuchia.

▶ **CHƯƠNG 04 – Tr. 61**

Chính quyền Campuchia Dân Chủ.

▶ **CHƯƠNG 05 – Tr. 73**

Nội tình Việt – Hoa – Miên sau năm 1975

▶ **CHƯƠNG 06 – Tr. 90**

Việt Nam và Trung Hoa cố gắng lập bang giao với Hoa Kỳ

▶ **CHƯƠNG 07 – Tr.102**

Chiến trường biên giới Tây Nam năm 1977

▶ **CHƯƠNG 08 – Tr.118**

Tình hình chính trị và ngoại giao Việt – Miên – Hoa năm 1978

▶ **CHƯƠNG 09 – Tr.130**

Biên giới Tây Nam 1978-1979 – Cuộc tấn công tiền chiếm

● **PHẦN THỨ HAI:**
TRẬN CHIẾN
BIÊN GIỚI PHÍA BẮC

▶ **CHƯƠNG 10 – Tr. 149**

Sơ lược quan hệ lịch sử Việt Nam – Trung Hoa

▶ **CHƯƠNG 11 – Tr. 161**

*Tình hình chính trị và quân sự
Trung Hoa trước cuộc chiến 1979*

▶ **CHƯƠNG 12 – Tr. 182**

*Mục tiêu của Trung Hoa
và sách lược chuẩn bị chiến tranh*

▶ **CHƯƠNG 13 – Tr. 190**

Trận chiến biên giới Việt – Hoa 1979

● **PHẦN THỨ BA**
CUỘC CHIẾN ĐỢT II

▶ **CHƯƠNG 14 – Tr. 207**

*Chiến trường Việt - Miên đợt II — 1979-1989
Cuộc chiến bình định*

▶ **CHƯƠNG 15 – Tr. 222**

*Chiến trường Việt – Hoa đợt II — 1979-1989
Cuộc chiến tiêu hao*

▶ **CHƯƠNG 16 – Tr. 240**

*Tương quan lực lượng
Việt Nam – Trung Hoa tại biên Đông*

● **KẾT TỪ**
CHỈ DANH NHÂN VẬT



18 * HOÀNG DUNG

PHẦN THỨ NHẤT

MẶT TRẬN
BIÊN GIỚI TÂY NAM

*CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III * 19*

20 * HOÀNG DUNG

● CHƯƠNG 01

Sơ lược lịch sử Campuchia

Lịch sử Việt Nam từ khi lập quốc luôn quan hệ thặng trầm với Trung Hoa. Suốt gần hai ngàn năm, văn minh Trung Hoa đã ảnh hưởng nhiều đến Việt Nam trong cả thời kỳ bị đô hộ hay thời kỳ độc lập. Do đó, người Việt Nam biết nhiều về văn hoá cũng như lịch sử của Trung Hoa. Tuy nhiên, người Việt lại mù mờ về hai lân bang Lào và Campuchia, chỉ vì hai quốc gia này không gây nhiều ảnh hưởng đến an ninh lãnh thổ cũng như nếp sống văn hoá xã hội của Việt Nam. Vì mù mờ về lịch sử bang giao giữa hai nước, nên đại đa số người Việt không biết một nguyên nhân sâu xa đưa đến cuộc chiến giữa hai nước vào năm 1979 hay còn gọi là cuộc chiến Đông Dương Thứ Ba, cuộc chiến cộng sản tàn bạo hoặc cuộc chiến hậu chiến là mối thù hận lâu đời của người Campuchia đối với người Việt, mối thù đã kéo dài suốt mấy trăm năm, kể từ khi Việt Nam thôn tính xong Chiêm Thành và trở nên lân quốc của Campuchia.

Cũng như lịch sử Việt Nam, nguồn gốc lập quốc của Campuchia rất mơ hồ. Người ta chỉ biết vùng đất trước kia từng thuộc Campuchia đã có người sinh sống từ hai ngàn năm trước tây lịch. Quốc gia đầu tiên được biết đến ở phần đất này là Phù Nam, khi thứ sử Giao Châu là Sĩ Nhiếp năm 220 báo cáo về triều đình Đông Hán là đất Giao Châu (Việt Nam hồi đó) bị quân Lâm Ấp (sau là Chiêm Thành) và Phù Nam quấy nhiễu. Năm 245, vua nhà Hán có gửi một sứ bộ

đến Phù Nam. Một sứ giả là Khang Thái ⁽¹⁾, khi về nước đã viết về quốc gia này. Theo ông, người sáng lập vương quốc là vua Kaundinya. Ông đến từ Ấn Độ, đánh bại nữ hoàng Liễu Diệp ⁽²⁾ rồi kết hôn với bà này. Tuy nhiên, cũng như người Việt tự hào là con rồng cháu tiên, người Khmer cũng huyền thoại hoá lịch sử của họ. Trên một bia đá tìm thấy ở Phú Yên, có khắc một chuyện thần tiên, trong đó kể lại vua Kaundinya có một cây thương thần và đã kết hôn với con gái của thần rắn Naga. Do đó thần rắn trở nên một biểu tượng cho nguồn gốc thần thánh của dân tộc Campuchia.

Đế quốc Phù Nam cũng như những đế quốc khác, sau thời gian hưng thịnh đã bị sụp đổ vào thế kỷ 6 do cuộc nổi loạn của một chư hầu là Chân Lạp. Theo sử nhà Tùy, Chân Lạp là một nước nhỏ ở phía tây nam Lâm Ấp (vùng rừng núi Ratakini ở phía tây Kontum - Pleiku) và dân tộc Chân Lạp cũng thuộc giống dân Khmer. Sau khi tiêu diệt triều đình Phù Nam, vương quốc Chân Lạp luôn luôn có nội chiến, và năm 706, lãnh thổ bị phân làm hai nước: Thượng hay Thổ Chân Lạp (vùng đất Campuchia hiện nay), và Hạ hay Thủy Chân Lạp (vùng đồng bằng sông Cửu Long).

Năm 802, vua Jayavarman II, một vị vua sáng suốt của Thổ Chân Lạp lên ngôi. Ông thống nhất hai nước, củng cố hành chính, đổi tên nước là Kambuja, tên nguyên thủy của Campuchia, dời đô về Angkor, mở đầu một kỷ nguyên vàng son. Các vị vua kế nghiệp ông đã xây thêm nhiều đền đài lăng tẩm, nhất là cha con vua Indravarman (877- 900) phát triển hệ thống dẫn thủy nhập điền, đào những con kênh rộng hơn cây số, những hồ chứa nước, mở ra một cuộc “cách mạng xanh” giúp cho Campuchia có thể sản xuất lương thực dồi dào suốt mấy trăm năm. Một vị vua nổi tiếng khác, vua Suryavarman II (1113-1150) bành trướng

⁽¹⁾ *Khang Thái: K'ang T'ai*

⁽²⁾ *Liễu Diệp: Liu yeh (lá liễu)*

đất đai đến bán đảo Malaysia, đánh phá Chiêm Thành, và xây dựng ngôi đền Đế Thích Angkor Wat, một công trình kiến trúc nổi tiếng nhất Đông Nam Á. Sau khi vua Suryavarman II băng hà, thành Angkor bị người Chiêm Thành tấn công, và vua Jayavarman VII sau đó lên ngôi.

Vua Jayavarman VII có lẽ là vị vua nổi tiếng nhất lịch sử Campuchia. Ông hưng binh phục hận và chinh phục Chiêm Thành, biến nước này thành chư hầu, mở rộng lãnh thổ. Đồng thời ông đào thêm kinh rạch, xây dựng Đế Thiên Angkor Thom và đền Bayou, cùng hơn một trăm ngôi nhà nghỉ mát. Để có những chiến công và những công trình vĩ đại đó dân chúng phải làm việc như nô lệ để xây dựng và trùng tu cung điện, đền đài. Trai tráng bị cưỡng bách tòng quân chinh chiến liên miên. Tài nguyên quốc gia kiệt quệ, và ngay sau khi vua Jayavarman VII qua đời, những gì ông thực hiện được hoàn toàn tan rã. Tuy nhiên, những công trình xây dựng và những chiến công hiển hách của ông đã trở nên niềm hứng khởi cũng như mỗi ám ảnh cho đường lối cai trị cuồng điên của những lãnh tụ Khmer Đỏ sau này.

Sau khi vua Jayavarman VII qua đời năm 1228, triều đại Angkor bắt đầu suy tàn, khởi đầu là Chiêm Thành thôn hời độc lập. Từ đó, người Chiêm Thành và người Thái liên tiếp tấn công thủ đô, triều đình phải di chuyển về Phnom Penh năm 1434, rồi Lovek năm 1516. Đế Thiên Đế Thích bị bỏ hoang. Năm 1594, quân đội Thái tấn công chiếm kinh thành Lovek. Họ đô hộ cả quốc gia, tịch thu và cướp bóc của cải, bắt đem về Thái Lan hàng chục ngàn thợ giỏi, trí thức, nghệ sĩ, tăng sĩ. Dù về sau Campuchia đã nổi dậy đánh đuổi được quân Thái Lan, nhưng từ đó, Campuchia không còn năng lực sản xuất được những công trình mỹ thuật và kiến trúc vĩ đại như xưa. Quốc gia Campuchia đã không bao giờ hồi phục lại được phong độ cũ.

Trong giai đoạn suy tàn đó, vào thế kỷ 17, Việt Nam đã thôn tính xong Chiêm Thành và trở nên lân quốc trực tiếp

của Campuchia. Nằm kẹt giữa hai quốc gia hùng mạnh, Campuchia chỉ có một cách duy nhất để sống còn là hoặc thần phục Thái Lan, hoặc thần phục Việt Nam, có khi đồng thời thần phục cả hai nước. Nhưng vì nhu cầu bành trướng lãnh thổ của Việt Nam, và vì nội bộ triều đình Campuchia luôn lung củng, lãnh thổ Campuchia bị thu hẹp dần. Tới thế kỷ 19 thì Việt Nam chiếm hết lãnh thổ Thủy Chân Lạp cũ, và nếu Pháp không can thiệp vào Đông Dương, có lẽ quốc gia Campuchia đã biến mất.

Người Pháp bắt đầu can thiệp vào Đông Dương từ thế kỷ 19. Lúc đó Anh đã chiếm Ấn Độ, Mã Lai và Pháp đang cần một đầu cầu đi vào thị trường rộng lớn Nam Trung Hoa. Thời gian đó, Nhật Bản có Minh Trị Thiên Hoàng, Thái Lan có vua Mongkut⁽³⁾ có đầu óc canh tân, trong khi các vua triều Nguyễn thi hành chính sách bế quan toả cảng và đàn áp đạo Thiên Chúa, khiến Pháp có cơ tấn công Việt Nam. Từ năm 1851, sau khi vua Tự Đức ký dụ cấm đạo, các tướng Pháp Grenouilly, Charner liên tiếp bắn phá Đà Nẵng, rồi Bonard, De Lagrandière lần lượt chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ làm thuộc địa. Tiếp theo, Pháp bắt đầu dòm ngó Campuchia. Tháng 9-1862, Bonard đích thân sang thăm vua Norodom (Nặc Ông Chân), yêu cầu nhận cho Pháp bảo hộ. Nhà vua từ chối thì năm sau, Lagrandière sợ trì hoãn lâu, Thái Lan sẽ giành ảnh hưởng nên tháng 7-1863 đích thân lên Phnom Penh, ép nhà vua Norodom ký hiệp ước bảo hộ.

⁽³⁾ Như Nhật Bản, cuối thế kỷ 19, Thái Lan nhờ sự sáng suốt của vua Mongkut đã giữ được nền độc lập trong khi Trung Hoa, Miên Điện, Ấn Độ, Mã Lai, Việt, Miên, Lào, Nam Dương đều bị Tây Phương chiếm đóng. Hồi trẻ, vua Mongkut vào tu trong chùa, nhưng khi học đạo, ông học thêm về ngoại ngữ và khoa học. Vì thế, khi lên ngôi năm 1851, ông rất cởi mở, để cho Tây phương vào buôn bán, chịu một ít nhân nhượng về đất đai, thi hành một chính sách ngoại giao quân bình với Anh - Pháp, thuê bà Leonowens người Anh dạy dỗ con cái, gửi người ra ngoại quốc du học, thuê chuyên viên nước ngoài làm việc.. Hồi ký của bà Leonowens đã là tiền đề cho cuốn phim "The King and I".

Mới đầu, người Pháp chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ và Campuchia với mục đích tìm đường đến Nam Trung Hoa. Một phái đoàn thám hiểm ngược dòng sông Cửu Long được thành lập, do De Lagrée làm trưởng đoàn, Francis Garnier phụ tá. De Lagrée bị chết trong chuyến thám hiểm, còn Garnier đến được Vân Nam. Phái đoàn thấy không thể dùng tàu bè ngược sông Cửu Long để lên Vân Nam, nhưng tại Vân Nam, Garnier gặp Jean Dupuis (Đồ Phở Nghĩa), một thương gia. Jean Dupuis xúi Garnier yêu cầu thống đốc Nam Kỳ Duprée can thiệp để Dupuis có thể dùng sông Hồng Hà qua Vân Nam buôn bán. Garnier được cử đem quân ra Hà Nội dàn xếp. Sau mấy ngày thương thuyết không xong, Garnier tấn công, lấy được thành Hà Nội. Tổng đốc Hoàng Diệu tự tử, Garnier sau đó cũng bị quân Cờ Đen phục kích giết chết.

Không dùng được sông Cửu Long, Pháp khai thác những mối lợi khác. Năm 1884, họ đòi vua Norodom phải ký thoả ước để Pháp được nắm toàn quyền về hành chính, tư pháp, tài chính, thương mại và thu mọi thứ thuế. Vua Norodom từ chối, Lagrandière tự đem tàu chiến lên Phnom Penh, vào tận hoàng cung, ép vua Norodom phải ký.

Tự ái dân tộc bị tổn thương, nhân dân Campuchia nổi loạn dưới sự lãnh đạo của hoàng thân Si Vatha.⁽⁴⁾ Pháp phải đánh dẹp hai năm mới yên. Vua Norodom chết năm 1904, em của ông là Sisowath nối ngôi, trị vì đến năm 1927 thì con là Monivong nối nghiệp. Nhưng khi Monivong mất năm 1941 thì toàn quyền Decoux⁽⁵⁾ chọn Sihanouk là chất của vua Norodom lên ngôi, chỉ vì lúc đó ông ta còn trẻ và người Pháp nghĩ là ham chơi, thiếu kinh nghiệm.

Campuchia, dưới sự bảo hộ của Pháp, có một thời kỳ

⁽⁴⁾ Hoàng thân Si Vatha khởi nghĩa ở vùng biên giới Việt Miên (Châu Đốc, Tây Ninh..) và được nhiều người Việt gốc Miên ủng hộ.

⁽⁵⁾ Toàn quyền Pháp tại Đông Dương từ 1940 đến 1945.

tương đối yên tĩnh, và cũng may mắn không bị liên quan nhiều đến thế chiến thứ hai. Tuy mỗi quan tâm chính của Pháp là bóc lột tài nguyên và nhân lực dân bản xứ, nhưng họ đã giúp bảo vệ được toàn vẹn lãnh thổ cho Campuchia và làm được vài công trình có lợi ích. Trước hết là sự phát hiện và trùng tu lăng tẩm Đế Thiên Đế Thích, làm sống lại một thời vàng son rực rỡ của Campuchia, khơi dậy niềm tự hào dân tộc. Thứ hai là canh tân hệ thống giáo dục, mở mang dân trí, trong đó có sự thành lập hai cơ sở chính là viện nghiên cứu Phật Học và trường Sisowath. Hai cơ sở này là nơi đào tạo giới lãnh đạo tương lai của Campuchia.

Viện nghiên cứu Phật Học Phnom Penh thành lập năm 1930 với sự giúp đỡ của một học giả Pháp, bà Suzanne Karpelès, nhân viên viện Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội.⁽⁶⁾ Viện chủ trương phát huy tinh tuý Phật giáo tiểu thừa, gạt bỏ các lễ nghi mê tín, làm sống lại niềm kiêu hãnh và khát vọng của người Campuchia. Trong một xứ không có giai cấp sĩ phu hay quan lại và Phật giáo được coi như quốc giáo, tầng lớp sư sãi có uy tín và ảnh hưởng rất lớn. Họ sống khổ hạnh, đạo đức, nuôi cô nhi, làm việc thiện, dạy dỗ trẻ con. Người Campuchia khắp nơi đổ về học, nhất là người Khmer Hạ từ vùng đồng bằng Cửu Long trước kia là Thủy Chân Lạp nay đã thuộc Việt Nam. Trong công cuộc phục hưng văn hoá cổ truyền, Viện Phật Học gián tiếp phát huy tinh thần quốc gia chống thực dân và bài Việt Nam.

Một cơ sở giáo dục là trường trung học Sisowath, được coi như nơi tập trung tinh hoa của giới học sinh. Hội ái hữu cựu học sinh đã qui tụ được một nhóm trí thức sau này trở

⁽⁶⁾ Bà Karpelès, người gốc Do Thái sang Việt Nam làm việc tại Hà Nội năm 1923. Năm 1925, bà sang Campuchia. Bà yêu mến dân tộc và văn hóa Campuchia, giúp lập thư viện, in các tập san Phật Giáo, dịch kinh Pháp Cú, tổ chức chương trình phát thanh Phật Giáo và thành lập Viện Nghiên Cứu Phật Học Nam Vang.

nên những lãnh tụ chính trị mà tư tưởng cũng như khuynh hướng dù rất khác nhau đã ảnh hưởng quan trọng đến vận mạng dân tộc Campuchia suốt mấy chục năm qua.

Người được coi như đứng đầu phong trào giải phóng quốc gia Campuchia đầu tiên trong giai đoạn này là Sơn Ngọc Thành.⁽⁷⁾ Ông là người Khmer Hạ, sinh trưởng ở vùng đồng bằng Cửu Long, học hết trung học ở Việt Nam, sau đó sang Pháp học Luật, và mấy năm sau, dù chưa tốt nghiệp, ông trở về Phnom Penh. Với trình độ học vấn lúc đó, ông trở nên một nhân vật quan trọng trong Viện Phật Học và là gạch nối giữa tầng lớp sư sãi và nhóm trí thức cựu học sinh Sisowath. Nhóm trí thức này phần lớn có địa vị, có khả năng tài chánh, có kiến thức trong khi tầng lớp sư sãi lại có uy tín và tổ chức sâu rộng trong quần chúng. Năm 1936, Sơn Ngọc Thành xuất bản tờ báo Nagaravatta.

Dưới danh nghĩa truyền bá Phật giáo, bảo tồn văn hoá, tờ báo kêu gọi đấu tranh giành độc lập. Tờ báo cũng cực lực công kích người Pháp về sự ưu đãi dành cho người Việt khi giao cho họ giữ các chức vụ hành chánh ở Campuchia.



Sơn Ngọc Thành

Mấy năm sau, thế chiến II bùng nổ. Quân Nhật tiến vào Campuchia, nhưng vẫn để Pháp duy trì bộ máy hành chánh. Lo sợ cao trào đấu tranh của dân bản xứ, năm 1942, Pháp đóng cửa báo Nagaravatta, bắt giữ lãnh tụ Phật giáo Hem Cheav. Nhà sư này sau đó chết trong tù tại Côn Đảo.

⁽⁷⁾ Sơn Ngọc Thành có một cuộc đời lao đao lận đận. Sau 1975, ông ở lại Việt Nam và chết trong tù cộng sản.

Việc bắt giữ cao tăng Hem Cheav đã gây phẫn nộ trong dân chúng Campuchia.

Ngày 20-7-1942, Sơn Ngọc Thành tổ chức cuộc biểu tình lớn đòi Pháp phải thả hết tù chính trị và trao trả quyền tự quyết cho dân tộc Campuchia. Cuộc biểu tình bị Pháp dẹp tan và Nhật không can thiệp. Sơn Ngọc Thành phải trốn sang Nhật. Mấy năm sau, Nhật đảo chánh Pháp, ép ông hoàng Sihanouk thành lập chính phủ thân Nhật, ra tuyên ngôn độc lập trong khối Thịnh Vượng Đại Đông Á. Sơn Ngọc Thành về nước làm bộ trưởng ngoại giao. Mấy tháng sau, Nhật đầu hàng Đồng Minh và ngày 9-8-1945, Sơn Ngọc Thành đảo chánh tự đứng lên làm thủ tướng.

Lúc đó, tại Âu châu, Đức Quốc Xã đã đầu hàng. Chính phủ De Gaulle không che giấu ý định trở lại Đông Dương. Để cứu vãn tình thế, Sơn Ngọc Thành mưu thoả hiệp với Việt Minh để thành lập mặt trận chung chống Pháp, nhưng viên bộ trưởng quốc phòng của ông đã phản bội, trốn xuống Sài Gòn, báo cho Pháp biết kế hoạch. Ngày 10-10-1945, liên quân Anh – Pháp – Ấn tiến vào Phnom Penh bắt giam Sơn Ngọc Thành, tái lập chế độ thuộc địa và cho Sihanouk trở lại làm vua. Sơn Ngọc Thành bị kết án hai mươi năm khổ sai, đày sang Vence rồi Poitiers. Ông được thả năm 1950, nhưng từ đó, uy tín đã lu mờ dần.

Sau giai đoạn hỗn loạn đó, hai phong trào giải phóng quốc gia được thành lập.

Ở phía tây, là phong trào Khmer Issarak, được chính quyền Thái Lan che chở, giúp đỡ. Đây là phong trào gồm nhiều thành phần, có người thuộc phe bảo hoàng, phe Sơn Ngọc Thành, kể cả người có khuynh hướng tả phái, kết hợp lại cùng chung mục đích đuổi thực dân Pháp.

Ở phía đông, một lãnh tụ Phật giáo, nhà sư Achar Man, đã gia nhập đảng Cộng Sản Đông Dương khi bị tù ở Côn Đảo cùng với tù nhân cộng sản Việt Nam, trở nên lãnh tụ đầu tiên của phong trào cộng sản Campuchia với bí danh

Son Ngọc Minh. Nhưng hai phong trào này đều yếu ớt, cho nên trong chiến tranh Đông Dương thứ nhất, tình hình chiến sự Campuchia tương đối yên tĩnh. Khi chiến tranh chấm dứt, hai phong trào này gần như tan rã.

Tại hội nghị Genève 1954, các lãnh tụ cộng sản Việt Nam, Trung Hoa, Liên Xô đều không đem xia tới cộng sản Campuchia. Cộng sản Việt Nam được nửa quốc gia phía bắc, cộng sản Lào được hai tỉnh Sầm Nứa, Phong Saly. Riêng cộng sản Campuchia một số phải lui vào bóng tối, một số khác giả làm bộ đội Việt Nam theo tàu Ba Lan đi Hà Nội. Chỉ ông hoàng Sihanouk có quyền tuyên bố đã giành được độc lập và toàn vẹn lãnh thổ một cách hoà bình. Với đa số dân Campuchia, ông trở nên anh hùng giải phóng dân tộc. Nhưng dù khôn khéo đến đâu, ông cũng không thể giữ cho Campuchia đứng ngoài vòng tranh chấp của cuộc chiến Đông Dương thứ hai và vận mạng không may của dân tộc Campuchia đã phải trải qua từ thảm trạng này đến thảm trạng khác.

Xét bề ngoài, Campuchia đã có một thời gian hoà bình từ 1954 đến 1970. Trong khi trận chiến Đông Dương thứ hai diễn ra ở Việt Nam kéo dài gần hai mươi năm, thì nội chiến Campuchia chỉ thực sự bùng nổ dữ dội từ 1970 đến 1975. Nhưng trong thời gian này, những diễn biến chính trị nội bộ cùng biến chuyển ở Việt Nam đã đưa đến sự phát triển phong trào cộng sản Campuchia, lần này được lãnh đạo bởi các tay lãnh đạo mới, có khả năng hơn, tương đối có học nhất trong giới lãnh đạo cộng sản châu Á, và cuồng tín hơn. Vì thế, dù cuộc nội chiến chỉ xảy ra năm năm, đã gây ra những tổn hại nhân mạng, kinh tế và xã hội nghiêm trọng cho quốc gia và nhân dân Campuchia.

Nhân vật chính trị nổi bật nhất giai đoạn này vẫn là ông hoàng Sihanouk. Ông là một người đa dạng. Tùy cách nhìn của mỗi người, ông ta có thể là một ông vua bình dân, một nhà độc tài, một chính trị gia khôn khéo, một kẻ cơ hội,

một nhà soạn nhạc dờ hay một diễn viên điện ảnh tôi, ông từng cộng tác với Pháp, với Nhật nhưng vẫn tự nhận là anh hùng giải phóng dân tộc. Khi thấy cộng sản mạnh, ông đi đôi với Trung Hoa rồi Việt Cộng. Sau 1968, Việt Cộng yếu đi, ông tìm cách trở lại kết thân với Mỹ. Sau khi bị đảo chánh, ông theo Khmer Đỏ. Thoát được ra ngoài, ông đã kích họ kịch liệt. Tuy ông không là một nhà lãnh đạo nhìn xa trông rộng, nhưng trong hoàn cảnh chên vênh của một nước nhỏ ở bên cạnh một quốc gia mà tình hình luôn sôi động như Việt Nam, sự khôn khéo và đường lối chính trị đư dây đã giúp ông lúc nào cũng là một nhân vật chính trong mọi hoàn cảnh.

Sau năm 1954, theo hiến pháp, Campuchia phải bầu cử quốc hội. Sợ các đảng đối lập có thể thắng cử và lập chính phủ, Sihanouk đang làm vua tự ý thoái vị, nhường ngôi cho cha, rồi dùng uy tín cá nhân kết hợp các đảng phái ôn hoà và hữu phái thành một đảng, lấy tên là Cộng Đồng Nhân Dân Xã Hội (Sangkum Reasts Niyum) ra tranh cử với mục đích trực tiếp làm thủ tướng để cầm quyền.

Cùng ra tranh cử trong thời gian đó là những đảng viên của đảng Độc Lập (phe Sơn Ngọc Thành), đảng Nhân Dân (của Keo Meas, cộng sản trá hình), đảng Dân Chủ (Thioun Mumm, cũng cộng sản). Nhờ uy tín cá nhân của Sihanouk, cũng như nhờ gian lận và đàn áp, đảng Sangkum Reasts Niyum chiếm được tất cả các ghế trong quốc hội, nhưng ông ta vẫn không nương tay với các chính khách đối lập, nhất là các cán bộ cộng sản. Chủ bút tờ báo cộng sản Cờ Giải Phóng Pracheachon bị đánh đập, hành hung rồi chết vì vết thương hai ngày sau đó. Thioun Mumm phải trốn về Pháp, Keo Meas trốn sang Bắc Việt. Phong trào cộng sản Campuchia càng suy đồi hơn vào năm 1959, khi lãnh tụ cộng sản số hai phụ trách nông thôn là Sieu Heng về hồi chánh, chỉ điểm cho mật vụ của Sihanouk bắt bớ, phá hoại hết cơ sở cộng sản ở nông thôn.

Thời gian đó, các trí thức tả phái Khieu Samphan, Hou Youn đã tốt nghiệp bên Pháp trở về dạy đại học và hoạt động cộng sản ở trong nước, thì Sihanouk lại kết thân với những chính quyền cộng sản ở ngoài. Ông tuyên bố đi theo đường lối trung lập không liên kết và gia nhập khối Á Phi. Đường lối này rất phù hợp với Trung Hoa, không muốn thấy Hoa Kỳ có căn cứ hay ảnh hưởng ở biên giới phía nam, và với Bắc Việt, vì Sihanouk đã làm nơm cho quân Bắc Việt dùng đất Campuchia làm đường mòn tiếp vận và mật khu an toàn. Khôn ngoan hơn nữa, năm 1962, ông mời các trí thức tả phái tham gia chính phủ. Hu Nim được cử làm phụ tá chủ bút báo đảng Sangkum, Samphan làm bộ trưởng thương mại và Hou Youn, bộ trưởng kế hoạch.

Mấy người này mới làm được một vài cải cách nhỏ thì năm sau, 1963, song song với các cuộc biểu tình của sinh viên và Phật tử ở Việt Nam, sinh viên học sinh tỉnh Siem Reap cũng biểu tình phản đối cảnh sát Campuchia tham nhũng và có hành vi đàn áp thô bạo. Họ phản đối luôn cả Sihanouk. Đây là một biến cố tự phát, nhưng là lần đầu tiên ở Campuchia có biểu tình phản đối chính phủ. Sihanouk nghi ngờ đảng sau có phe tả xúi giục nên buộc Khieu Samphan, Hou Youn, Hu Nim phải từ chức. Còn Saloth Sar bị săn đuổi phải trốn vào rừng.

Tuy đàn áp tả phái trong nước, Sihanouk vẫn tiếp tục chính sách đối nội và đối ngoại lưng chừng. Để Trung Hoa và Bắc Việt không viện trợ cho cộng sản Campuchia, ông quốc hữu hoá những ngành sản xuất, ngưng nhận viện trợ Mỹ, và làm nơm cho cộng sản Việt Nam hoạt động ở vùng biên giới. Mất viện trợ Mỹ, ngân sách thiếu hụt, Sihanouk ra lệnh thu mua lúa gạo với giá rẻ hơn. Điều này khiến nông dân bất mãn, không chịu tăng gia sản xuất. Ngay cả phe hữu cũng bất bình vì thái độ đối ngoại thân cộng và vì ngân sách quốc phòng bị cắt giảm. Họ càng bất mãn hơn

khi Sihanouk đứng ra triệu tập Hội Nghị Nhân Dân Đông Dương ở Phnom Penh năm 1966, chỉ mời Bắc Việt, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và Pathet Lào tham dự. Vào cuối năm đó, quốc hội Campuchia được bầu lại. Chỉ trừ Khieu Samphan, Hou Youn và Hu Nim đặc cử, còn lại toàn là dân biểu phe hữu. Lon Nol được bầu làm thủ tướng, và chính phủ bắt đầu chính sách thu mua lúa gạo một cách cứng rắn hơn.

Mầm mống bất mãn nổi lên. Sáng ngày 2-4-1967, nông dân làng Samlaut tỉnh Battambang nổi loạn, giết hai binh sĩ, cướp súng ống, tấn công đồn bót tỉnh lỵ.

Cuộc nổi loạn bị dẹp tan, nhưng ở một mật khu ở biên giới phía đông gần vùng tam biên, Saloth Sar và trung ương đảng Cộng Sản Campuchia nghĩ thời gian đã chín mùi để có thể phát động đấu tranh vũ trang chiếm chính quyền, bắt đầu nổi lên gây rối. Sihanouk tố cáo phe tả đứng sau cuộc nổi loạn ở Samlaut, cho mật vụ bắt bớ đàn áp. Khieu Samphan, Hou Youn, Hu Nim phải trốn vào bưng. Kể từ đó, Sihanouk mất dần sự ủng hộ của cả hai phe tả, hữu. Ngày 18-3-1970, khi Sihanouk đang nghỉ hè ở Pháp, quốc hội Campuchia được triệu tập, ra tuyên cáo truất phế Sihanouk khỏi chức quốc trưởng, tố cáo ông ta đã để bộ đội Việt Nam chiếm đóng đất đai Campuchia, vi phạm sự toàn vẹn lãnh thổ và nền trung lập Campuchia. Cuộc đảo chánh chấm dứt đường lối chính trị đu dây của Sihanouk. Nhân vật chính trong cuộc đảo chính là hoàng thân Sirik Matak ⁽⁸⁾ và tướng Lon Nol.

⁽⁸⁾ *Sirik Matak, cháu của vua Sisowath Monivong, sau đảo chánh làm thủ tướng nhưng từ chức 2 năm sau vì bị anh em Lon Nol và Lon Non chèn ép. Tuy Khmer Đỏ lên án tử hình, ông từ chối sự giúp đỡ di tản của đại sứ Mỹ. Bức thư trả lời đại sứ Dean của ông rất nổi tiếng, trong đó ông nói không thể hèn nhát bỏ đi và nói trong đời ông chỉ tiếc đã phạm lỗi lầm là tin vào người Mỹ. Ông bị bắt và xử tử sau khi vào tị nạn trong tòa đại sứ Pháp.*

Tướng Lon Nol xuất thân nông dân, năm 1946, lập đảng Canh Tân Campuchia. Năm 1955, đảng này nhập vào đảng Sangkum của Sihanouk và Lon Nol được Sihanouk cho làm tham mưu trưởng quân đội. Ông ta giấu kín tham vọng, được Sihanouk tin cậy và trở nên cánh tay mặt của Sihanouk. Sau khi đảo chánh, Lon Nol gom tất cả Việt kiều vào các trại tập trung, và rồi hàng trăm người Việt bị thảm sát thả trôi trên dòng Cửu Long. Chính phủ ngậm xúi giục dân chúng Phnom Penh biểu tình đập phá toà đại sứ Bắc Việt và toà đại diện Việt Cộng, đồng thời chính thức yêu cầu quân Việt Cộng rút khỏi những mật khu biên giới. Ngày 30-4-1970, quân đội Việt Nam Cộng Hoà và Hoa Kỳ tràn qua biên giới tấn công các mật khu Việt Cộng ở khu Lũy Câu và Mỏ Vẹt, tịch thu nhiều vũ khí, lương thực, nhưng bộ chỉ huy Cục R chạy thoát.

Mất căn cứ ở biên giới, quân Việt Cộng lùi sâu vào lãnh thổ Campuchia, đánh chiếm hầu hết lãnh thổ vùng đông bắc, rồi giao lại cho quân Khmer Đỏ cai trị. Lon Nol phản ứng bằng cách tăng cường quân đội, từ ba mươi lăm ngàn quân lên một trăm ngàn trong vòng hai tháng.

Dù thiếu trang bị và huấn luyện, Lon Nol tin rằng ông ta sẽ chiến thắng. Trước hết, ông ta tin vào lòng thù ghét Việt Nam của dân chúng Campuchia, thứ hai là vì những lý do rất mê tín. Lon Nol tin rằng Phật sẽ giúp ông chống lại ma vương cộng sản, do đó quân sĩ được khuyến khích đeo bùa, hay xâm lên người những dấu hiệu thiêng liêng. Dù binh sĩ Cộng Hoà Khmer chiến đấu dũng cảm, nhưng thiếu trang bị, thiếu huấn luyện, và vì tệ nạn tham nhũng, nhất là vì Lon Nol cứ liên tiếp xen vào hệ thống chỉ huy nên hai cuộc hành quân Chân Lạp I và Chân Lạp II năm 1970 và 1971 đã thảm bại, gây tổn thất trầm trọng cho quân đội. Trong khi đó, Khmer Đỏ lớn mạnh dần.

Sau khi hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết ngày 27-1-1973, Khmer Đỏ bắt đầu đảm nhiệm cuộc chiến một

cách tích cực hơn. Với lối đánh liều mạng bất kể tổn thất, Khmer Đỏ dần dần mở rộng vùng kiểm soát và tới cuối năm 1974, họ bắt đầu tấn công Phnom Penh. Tuy hai lần Khmer Đỏ bị đẩy lui với tổn thất nhân mạng rất lớn, nhưng rồi vòng đai phòng thủ Phnom Penh cũng bị vỡ. Ngày 1-4-1975, Neak Luong thất thủ, ngày 12-4-1975, cứ điểm cuối cùng Takhman ở phía tây bị tràn ngập. Phnom Penh trở nên thành phố bỏ ngõ.

Ngày 17-4-1975, Khmer đỏ tiến vào thủ đô. Cuộc nội chiến trong cuộc chiến Đông Dương thứ hai chấm dứt, nhưng người dân Campuchia không biết rằng họ đang bước sang một giai đoạn lịch sử đen tối khác, bi thảm hơn tất cả mọi thảm họa mà họ hay toàn thể nhân loại đã trải qua.

THAM KHẢO :

- *History of Southeast Asia của D.G.E Hall, lịch sử Campuchia thời lập quốc*
- *Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, lịch sử Việt Nam và Campuchia.*
- *When The War Was Over của Elizabeth Becker, Campuchia cận đại và sự thành lập đảng Cộng Sản*
- *Brother Enemy của Nayan Chanda: quan hệ Việt Miên Hoa và những xung đột*
- *Campuchia, Year Zero của Francois Ponchaud. Tình hình Căm Pu Chia sau 17/4/75.*

● CHƯƠNG II

Lịch sử tranh chấp Việt – Miên trước 1975.

Trong lịch sử thế giới, hầu như hai quốc gia lân bang nào cũng xảy ra tranh chấp. Biên giới mỗi quốc gia nhiều lần thay đổi, lãnh thổ mỗi quốc gia có lúc được mở rộng, có lúc bị thu hẹp. Có những quốc gia biến mất, có những quốc gia mới được tạo dựng. Mỗi quốc gia đều có thời kỳ hưng thịnh hay suy tàn và nguyên tắc mạnh được yếu thua không chỉ áp dụng cho con người mà còn áp dụng cho mỗi quốc gia, dân tộc.

Nguyên nhân chính gây ra xích mích thường là vấn đề kinh tế, an ninh quốc phòng. Quốc gia nào cũng muốn có một láng giềng thân hữu hay tốt hơn, chịu ảnh hưởng của mình. Nhưng hoàn cảnh khách quan như thế cũng chưa đủ cho một mối bang giao tốt đẹp giữa hai dân tộc. Nó còn cần những điều kiện chủ quan nội bộ. Một khi đường lối kinh tế hay cai trị trong nước thất bại, gây chia rẽ và bất mãn, những nhà cầm quyền thường đổ thừa cho yếu tố bên ngoài để bào chữa, và yếu tố bên ngoài dễ dàng nhất là do quốc gia lân bang.

Lịch sử bang giao Việt Nam - Campuchia trải hơn một ngàn năm là lịch sử những tranh chấp và nguyên nhân sâu xa thường là do nhu cầu bành trướng lãnh thổ của Việt Nam và sự chia rẽ nội bộ của Campuchia.

Từ hơn một ngàn năm trước, vào thế kỷ thứ ba, khi Việt Nam lúc đó có tên Giao Châu, đang bị Trung Hoa đô hộ thì

vương quốc Phù Nam đang ở một giai đoạn cực thịnh. Họ đã liên kết với quân Lâm Ấp đánh phá đất Giao Châu (thời Khúc Thừa Dụ), nhưng bị quân Trung Hoa đánh bại. Sau đó, vì những mâu thuẫn nội bộ, và vì ở giữa hai nước còn có nước Lâm Ấp (sau là Chiêm Thành) nên hai nước đã không có chiến tranh. Khoảng năm thế kỷ sau, lúc Chân Lạp đã chinh phục Phù Nam, mở mang bờ cõi đến Nam Lào thì họ lại cùng quân Nam Chiếu đánh phá biên giới Giao Châu. Một lần nữa, họ bị quân nhà Đường (lúc đó Bùi Nguyên Dụ làm Kinh Lược Sứ) đẩy lui. Chân Lạp (Campuchia sau này) sau giai đoạn cực thịnh, bắt đầu bước vào suy tàn cùng lúc với sự phát triển của hai lân bang phía đông và phía tây là Việt Nam và Thái Lan. Việt Nam, lúc đó đã thu hồi độc lập nhưng phải ở trong một hoàn cảnh đặc biệt là luôn bị đe dọa bởi láng giềng khổng lồ phương bắc, mặt đông giáp biển, phía tây là dãy Trường Sơn hiểm trở, nên chỉ có thể bành trướng về phía nam. Công cuộc xâm chiếm những nước nhỏ, bành trướng lãnh thổ được Việt Nam gọi một cách giản dị là Nam tiến.

Cuộc Nam tiến của Việt Nam bắt đầu ngay sau khi thu hồi được độc lập. Năm 1069, vua Lý Thánh Tông bắt được vua Chiêm Thành là Chế Củ, đòi ba châu để chuộc mạng, và ba châu đó đã thành Quảng Bình, Quảng Trị ngày nay. Hơn hai trăm năm sau, địa giới Việt Nam lại mở rộng khi vua Trần Anh Tông gả Huyền Trân Công Chúa ⁽¹⁹⁾ cho vua Chế Mân để đổi lấy hai châu Ô, Lý. Hai châu này, vua Trần

⁽¹⁹⁾ Năm 1301, vua Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông, rồi đi chu du. Khi đến Chiêm Thành, ông gặp vua Simhavarman III (Chế Mân) và hứa gả một cô công chúa cho vua này. Được lời hứa, vua Simhavarman bằng lòng nhường hai châu Ô, Lý. Năm 1306, vua Trần Anh Tông gả em gái là Huyền Trân công chúa cho. Vua Simhavarman chỉ sống được với người trong mộng chưa được một năm thì chết (History Of South East Asia của D.G.E. Hall). Theo truyền thuyết, Huyền Trân được Trần Khắc Chung cứu về bằng đường biển, nhưng hai người đi lạc cả năm sau mới về tới Thăng Long.

đổi lại tên là Thuận Châu và Hoá Châu.

Từ vùng đất Thuận Hoá này, khoảng ba trăm năm sau, cuộc Nam tiến trở nên mãnh liệt khi Nguyễn Hoàng vào đó dựng nghiệp, tranh chấp với họ Trịnh ở phương Bắc. Vì nhu cầu quân sự, kinh tế và chính trị, các chúa Nguyễn đã bành trướng đất đai một cách cấp bách. Cả một dải đất từ Quảng Bình hiện nay đến mũi Cà Mau đều được bành trướng thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Khởi đầu các chúa Nguyễn đánh chiếm những đất đai còn lại của Chiêm Thành, lần lượt là Phú Yên, Phan Rang, Khánh Hoà, Phan Rí và nước Chiêm Thành coi như mất hẳn năm 1697. Một quốc gia có những thời kỳ rực rỡ, một nền văn minh biệt lập, một anh hùng như Chế Bồng Nga từng làm rung động triều đình nhà Trần, đã bị tiêu diệt. Những gì còn lại chỉ là những tháp Chăm ven biển miền Trung và những nhóm dân Chăm sống rải rác ở Nam Việt và Campuchia. Tới năm 1697, Việt Nam thành lân quốc trực tiếp của Campuchia, lúc đó có tên Chân Lạp, và lịch sử những tranh chấp triền miên giữa hai quốc gia bắt đầu.

Thật ra, trong quan hệ yêu ghét giữa hai dân tộc, đại đa số người Việt ít ai để ý đến nguyên nhân và tầm mức sự thù hận của người Miên đối với người Việt. Điều đó dễ hiểu vì qua lịch sử hai dân tộc, chỉ Campuchia bị mất đất và bị đô hộ. Mỗi khi nhắc đến người Việt, người Miên luôn nhớ đến mối hận mất đất và sự cai trị tàn ác của quan lại Việt Nam hồi xưa. Trong khi đó, nhắc đến người Miên, người Việt thường có thái độ tự cao. Chính thái độ tự cao và khinh miệt này đã khiến người Việt có được một cái cố, coi việc chinh phục và đô hộ là một nghĩa vụ khai hoá, và từ đó dễ dàng áp dụng những biện pháp dã man khi đô hộ.

Campuchia, trong giai đoạn suy tàn của vương quốc Angkor, luôn bị Thái Lan rồi Việt Nam xâm lăng. Trong cách đối xử với dân bản xứ, thâm tâm người Thái chắc cũng không khác gì người Việt, nhưng người Miên thù hận

người Việt nhiều hơn. Thứ nhất là vì người Việt đã chiếm đất đai của họ nhiều hơn, cả một vùng đồng bằng Cửu Long rộng lớn phì nhiêu. Thứ hai là lịch sử trong hơn một thế kỷ qua, đã gắn liền vận mệnh Campuchia theo những thăng trầm của Việt Nam, và quan hệ càng nhiều, thì mâu thuẫn càng nảy sinh. Nguyên nhân thứ ba, quan trọng nhất, là vì biên giới Việt - Miên không giản dị là biên giới giữa hai dân tộc mà còn là biên giới của hai nền văn minh khác biệt Ấn Độ và Trung Hoa. Cùng theo Phật giáo, người Việt theo Đại Thừa, người Miên theo Tiểu Thừa. Người Việt mặc quần, người Miên mặc xà rông. Người Việt thích màu đơn giản như trắng, nâu, đen người Miên thích màu sắc sỡ như đỏ, xanh, vàng. Người Việt làm nhà trên nền, người Miên ở nhà sàn. Người Việt ăn dưa, người Miên dùng muồng hay tay. Người Miên xem trọng nghệ thuật múa, người Việt trước kia coi múa hát là xướng ca vô loài. Do ảnh hưởng Trung Hoa, về hành chính, Việt Nam có một giai cấp quan lại và về xã hội có một tầng lớp sĩ phu làm khuôn mẫu đạo đức. Trong khi đó, ảnh hưởng văn minh Ấn Độ khiến tầng lớp tăng lữ ở Campuchia có địa vị đặc biệt. Quan trọng hơn nữa, dù đã liên tiếp đấu tranh giành độc lập, người Việt cũng bị ảnh hưởng văn minh Trung Hoa trong khuynh hướng bành trướng, coi các láng giềng nhỏ yếu như bán khai, lạc hậu. Khi Thái Lan đô hộ Campuchia, họ không bắt dân Miên phải thay đổi lối sống thì người Việt không bao giờ coi người Miên như bình đẳng.

Tuy nhiên, suy thoái của Campuchia trong mấy trăm năm gần đây không hẳn chỉ do tham vọng bành trướng đất đai của các lân bang mà còn do những nguyên nhân nội tại.

Lịch sử Campuchia cứ tái diễn như một quy luật. Trong khi Việt Nam đất hẹp người đông cần có nhu cầu bành trướng đất đai thì nội bộ Campuchia cứ luôn chia rẽ. Kể từ năm 1658, khi chú cháu vua Chân Lạp tranh quyền nhau chạy sang Việt Nam cầu cứu, chúa Hiền sai quân sang

Phnom Penh, bắt vua Nặc Ông Chân và bảo vệ cư dân người Việt, thì đã có hơn mười lần các chúa Nguyễn đem quân sang đất Miên hoặc giúp vua Miên phục quốc, hoặc kiểm soát bảo vệ kiều dân. Mỗi lần như thế, vua Chân Lạp lại phải cắt đất hay triều cống. Sự chia rẽ đó vẫn thể hiện trong những năm gần đây. Ngay cả khi chiến tranh Đông Dương thứ ba ở giai đoạn gay go nhất, Pol Pot vẫn đẩy mạnh thanh trừng nội bộ, khiến một số cán bộ chỉ huy chạy sang Việt Nam, cống hiến cho Việt Nam cơ hội xâm lăng. Gần đây hơn, khi nhân dân Campuchia vẫn lầm than sau bao biến cố, hai người con ông hoàng Sihanouk vẫn theo hai phe khác nhau và kinh chống nhau kịch liệt.

Trong công cuộc Nam tiến và bành trướng lãnh thổ, người Việt Nam còn được người Trung Hoa chạy giặc nhà Thanh trốn sang Việt Nam giúp đỡ. Đầu tiên là cựu tổng binh Dương Ngạn Địch, không chịu thần phục nhà Thanh, đem ba ngàn quân cùng năm chục chiến thuyền chạy sang Việt Nam, được chúa Hiền cho vào khai khẩn đất Mỹ Tho. Một tổng binh khác là Trần Thượng Xuyên cũng được chúa Nguyễn đưa vào khai khẩn đất Biên Hoà, Gia Định. Cả hai vùng đất này lúc đó đang thuộc Campuchia. Sau đó mười năm, vì Dương Ngạn Địch bị phó tướng Hoàng Tiến làm phản giết chết, chúa Hiền sai quân dẹp tan quân Hoàng Tiến và cử ông Nguyễn Hữu Kính vào làm Kinh Lược Sứ, sát nhập đất này vào Việt Nam.⁽¹⁰⁾

Một người Quảng Đông khác là Mạc Cửu, cũng chạy giặc nhà Thanh sang Hà Tiên buôn bán, mở sòng bạc, lại không thần phục vua Campuchia mà thần phục chúa Nguyễn, được phong chức tổng binh. Năm 1759, con cháu

⁽¹⁰⁾ Theo *Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim*. Nhưng theo *History of South East Asia của Hall*, vì quân của Dương Ngạn Địch cướp bóc trên sông Cửu Long, Nặc Ông Nộn phải cầu cứu chúa Nguyễn. Khi dẹp loạn xong, chúa Nguyễn ép vua Nặc Ông Nộn phải nhường đất.

Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ giúp Nặc Tôn lên làm vua Campuchia, Nặc Tôn dâng đất Vĩnh Long, Sa Đéc, Châu Đốc cho chúa Nguyễn, vùng đất còn lại ở đồng bằng Cửu Long thì cho Mạc Thiên Tứ. Mạc Thiên Tứ dâng hết đất này cho chúa Nguyễn. Từ đó, sáu tỉnh Nam Kỳ thuộc Thủy Chân Lạp hay Khmer Hạ đều thuộc về Việt Nam.

Sau khi đã bành trướng lãnh thổ đến mũi Cà Mau, vì nội chiến xảy ra giữa hai nhà Nguyễn và Tây Sơn, nên Việt Nam không xâm lăng hay can thiệp vào nội tình Chân Lạp trong một thời gian. Mãi tới năm 1833, Thái Lan thừa lúc Lê Văn Khôi nổi loạn ở Gia Định đem quân đánh chiếm Chân Lạp. Vua Minh Mạng sai Trương Minh Giảng đem quân qua dẹp. Chỉ trong một tháng, quân nhà Nguyễn phá tan quân Thái, vua Minh Mạng đổi tên nước Chân Lạp thành Trấn Tây Thành, chia phủ huyện cai trị. Đây là một thời kỳ đen tối của lịch sử bang giao Việt - Miên. Quan lại Việt Nam cai trị dân Campuchia rất hà khắc. Công Chúa Ang Mey bị đưa về Gia Định, các quan chức Chân Lạp đã đầu hàng bị đày ra Bắc. Năm 1840, dân Campuchia nổi lên khởi nghĩa. Quan quân Việt Nam phải bỏ Trấn Tây Thành rút về An Giang. Trương Minh Giảng buồn bực mà chết. Trong Việt Nam Sử Lược, học giả Trần Trọng Kim viết về giai đoạn này như sau: *“Đây cũng là vì người mình không biết bênh vực kẻ hèn yếu, chỉ đem lòng tham tàn mà ức hiếp người ta, cho nên hao tổn binh lương, nhọc mệt tướng sĩ, mà lại phải sự bại hoại, thật là thiệt hại cho nước mình.”*

Ít năm sau, sự can thiệp của Pháp vào Đông Dương đã giúp Campuchia bảo vệ được toàn vẹn lãnh thổ. Tuy cả hai dân tộc cùng đấu tranh giành độc lập, nhưng những nguyên nhân căn bản như tranh chấp đất đai và thái độ trịch thượng của người Việt đối với người Miên vẫn còn. Thái độ trịch thượng này lại được sự đồng tình của người Pháp. Trước hết họ cho là người Việt khôn ngoan chịu khó hơn, nên đã dùng người Việt trong những chức vụ hành chánh cấp thấp

để cai trị Campuchia. Để tiện việc hành chánh, họ gọi chung ba quốc gia có ba nền văn hoá, ba dân tộc, ba ngôn ngữ khác nhau là Đông Dương và mỗi khi nói đến Đông Dương, thường họ nói về Việt Nam, coi hai dân tộc kia là những dân tộc thiểu số. Đôi khi có xảy ra tranh chấp biên giới, người Pháp thường thiên vị người Việt.

Ý niệm Đông Dương là một thực thể chính trị và địa lý không được người Pháp dùng để giản dị hoá công việc cai trị thuộc địa, lại được Quốc Tế Cộng Sản công nhận. Năm 1930, sau khi Hồ Chí Minh giúp thống nhất được ba phong trào cộng sản riêng rẽ thành Việt Nam Cộng Sản Đảng thì văn phòng Quốc Tế Cộng Sản đã nghiêm khắc phê bình danh xưng đó, cho đó là chủ nghĩa xô-vanh chật hẹp, bắt phải đổi lại thành Đông Dương Cộng Sản Đảng, dù lúc đó chưa có đảng viên cộng sản nào chính gốc người Lào hay Campuchia. Dĩ nhiên, cộng sản Việt Nam cũng dễ dàng chấp nhận danh xưng này. Năm 1934, trong một lá thư ngỏ gửi *“những đồng chí ở Campuchia”*, Đông Dương Cộng Sản Đảng nêu rõ rằng việc thành lập một Đảng Cộng Sản Campuchia riêng biệt là không thể được, vì *“Đông Dương bị thống trị bởi một đế quốc duy nhất, tất cả những lực lượng cách mạng phải đoàn kết lại và...Campuchia không có quyền thành lập một đảng Cộng Sản riêng.”*

Năm sau, 1935, tại đại hội lần thứ nhất đảng Đông Dương Cộng Sản, các lãnh tụ cộng sản Việt Nam nêu mục tiêu thành lập một chính phủ Xô Viết Đông Dương bao gồm người Việt Nam và người “thiểu số” Miên - Lào. Những người “thiểu số” này chỉ có quyền tách ra thành lập quốc gia riêng biệt sau khi đã đánh đuổi được đế quốc Pháp. Trong một cuốn sách của nhà xuất bản ngoại văn năm 1979, Việt Nam lý luận rằng ý niệm về chính phủ Liên Bang Đông Dương đã chấm dứt khi đảng Cộng Sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán năm 1945.

Thật ra trong nghị quyết của đảng Lao Động Việt Nam

vào tháng 11-1951 vẫn có đoạn: “*Đảng Lao Động Việt Nam giành quyền giám sát hoạt động của những đảng anh em ở Lào và Campuchia... Mai sau, nếu tình hình cho phép, ba đảng cách mạng Việt Nam, Campuchia và Lào có thể thống nhất thành một đảng duy nhất, đảng của Liên Bang Việt Miên Lào.*”⁽¹¹⁾

Những kinh nghiệm chua xót trong lịch sử cùng ý niệm Liên Bang Đông Dương kể trên đã khiến hầu hết lãnh tụ Campuchia, dù quốc gia hay cộng sản, luôn bị ám ảnh và dễ dàng có phản ứng quá khích.

Thời Pháp thuộc, khi một số người Việt giúp Pháp cai trị Campuchia, thì sau khi Đông Dương Cộng Sản Đảng tuyên bố tự giải tán để kêu gọi lòng yêu nước của nhân dân ba nước, ở bên kia chiến tuyến, những người cộng sản Việt Nam vẫn luôn giành lấy địa vị đi đầu, đàn anh.

Họ giúp thành lập và viết luận cương cho đảng Nhân Dân Cách Mạng Campuchia. Họ xử dụng lãnh thổ Lào và Campuchia để hành quân một cách tự do. Năm 1950, tướng Giáp có viết: “*Đông Dương là một đơn vị chiến thuật duy nhất, một chiến trường duy nhất.*” Đó là một nhu cầu chiến lược dễ hiểu, vì quân đội Pháp đã dùng căn cứ ở cả ba lãnh thổ để mở các cuộc hành quân và vì hình thế đặc biệt của Việt Nam, bị bó hẹp ở miền Trung, về phương diện quân sự sẽ dễ dàng bị chia cắt và cô lập nếu không xử dụng đất đai của Lào và Campuchia.

Do đó mà cuộc chiến nào ở Việt Nam cũng lôi cuốn theo những biến động chính trị và quân sự ở Lào và Campuchia, và một chính quyền Việt Nam nào cũng mong muốn có một lân bang thân hữu, hay tốt hơn là chịu ảnh hưởng của mình.

Sau năm 1954, để chống lại áp lực của Nam Việt Nam và Thái Lan, Sihanouk dựa vào Trung Hoa và nghiêng về

⁽¹¹⁾ Theo *Việt Nam Máu Lửa của Nghiêm Kế Tổ*.

Bắc Việt. Ông từ chối gia nhập khối Liên Phòng Đông Nam Á, ngã theo đường lối trung lập không liên kết của khối Á Phi và nhắm mắt làm ngơ cho Việt Cộng xử dụng vùng đất sát biên giới Việt Nam làm mật khu và đường tiếp vận. Với đường lối đối ngoại đó, Sihanouk đã hoá giải sự ủng hộ của Trung Hoa và cộng sản Việt Nam với cộng sản Campuchia. Ông hy vọng nếu Bắc Việt thắng trận sẽ nhớ ơn và để yên cho ông. Không còn cách nào khác, tổng thống Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam lúc đó quay sang ủng hộ lãnh tụ đối lập Sam Sary, giúp tướng Dap Choun nổi loạn⁽¹²⁾ và có lần âm mưu ám sát Sihanouk bằng bom.⁽¹³⁾ Những âm mưu kể trên đều thất bại càng khiến

⁽¹²⁾ Theo Ai Giết Tổng Thống Diệm của Lương Khải Minh, bút danh của bác sĩ Trần Kim Tuyền, giám đốc sở Nghiên Cứu Chính Trị trước 1963: “Đầu năm 1959, vì thấy Sihanouk ngã theo Bắc Việt, ông Ngô Đình Nhu chỉ thị cho đại sứ Ngô Trọng Hiếu móc nối với tướng Dap Choun để đảo chánh Sihanouk. Theo kế hoạch, khi tướng Dap Choun đảo chánh, lực lượng của ông Sơn Ngọc Thành ở Nam Việt Nam và Thái Lan sẽ ào qua hỗ trợ. Vì phải điều hợp lực lượng ở cả hai nước, cuộc đảo chánh phải dời lại một tuần. Trong một tuần đó, tình báo Pháp bắt được tin. Hai đại sứ Pháp và Liên Xô cùng vào báo ngay cho Sihanouk. Sihanouk cho Lon Nol lập tức ra tay bắt ngờ bắt được tướng Dap Choun. Sihanouk mời tất cả các đại sứ đến để trưng bằng cứ và hỏi đại sứ Hiếu nghĩ sao. Ông Hiếu trả lời là ông được mời đến để nghe trình bày chứ không phải đến để giải thích. Hai chuyên viên truyền tin Việt Nam được gửi qua để giúp tướng Dap Choun bị xử tử. Trước khi chết, hai chuyên viên này đều bình tĩnh hô “Việt Nam muôn năm.”

⁽¹³⁾ Sau vụ đó, đại sứ Ngô Trọng Hiếu được triệu hồi, ông Phạm Trọng Nhân xử lý thường vụ. Hai năm sau, chính phủ Ngô Đình Diệm lại tìm cách ám sát Sihanouk. Năm 1961, khi một kỹ sư Mỹ quen thân với hoàng gia Campuchia về nước, Việt Nam giả bút tự của viên kỹ sư gửi hai thùng quà biếu hoàng gia do điệp viên Nguyễn Nhơn giả dạng nhân viên của viên kỹ sư mang đến. Trong thùng quà, có một cặp ngà voi, bên trong chứa chất nổ. Rủi thay, đúng lúc sắp mở quà, Sihanouk phải ra tiếp một phái đoàn sinh viên Trung Hoa. Viên giám đốc nghi lễ mở thay bị nổ tung xác. Âm mưu thất bại, nhưng ông Nhu và bác sĩ Tuyền cũng được an ủi là đã gán tội cho Mỹ, những người mà cả hai không wa. Báo chí lẫn chính quyền Campuchia đều không biết đó Việt Nam là chủ mưu, mà đã gán tội và chỉ trích kịch liệt CIA cũng như chính phủ Mỹ.

Sihanouk thiên về khối cộng sản.⁽¹⁴⁾ Tuy nhiên hành động làm lơ cho bộ đội Việt Nam thao túng ở vùng biên giới đã gây bất mãn trong quân đội Campuchia, đưa đến cuộc đảo chính của Lon Nol năm 1970.

Sau cuộc đảo chánh đó, thời gian từ 1970 tới 1975 là thời gian hợp tác giữa hai lực lượng cộng sản Việt Nam và Campuchia chống lại chính quyền Lon Nol. Nhưng sự hợp tác này chỉ dựa trên căn bản lợi dụng lẫn nhau. Tuy cộng sản Campuchia bắt đầu đấu tranh vũ trang từ 1967, những năm đó là những năm Sihanouk đang cầm quyền và cộng sản Việt Nam thấy có thể lợi dụng Sihanouk nên đã kìm hãm hoạt động của Khmer Đỏ. Từ 1970, sau khi Sihanouk bị lật đổ, hai năm đầu lực lượng Khmer Đỏ còn yếu, bộ đội Việt Nam đảm nhiệm mọi cuộc hành quân và gây tổn hại nặng nề cho quân Cộng Hoà Khmer trong hai cuộc hành quân Chân Lạp I và II, sau đó họ giao lại các lãnh thổ chiếm được cho Khmer Đỏ, và Khmer Đỏ chỉ thực sự chủ động chiến trường trong hai năm cuối của cuộc chiến.

Tuy nhiên, ngay giai đoạn đó mỗi nghi kỵ ngàn xưa vẫn âm ỉ. Hơn ai hết, các lãnh tụ Khmer Đỏ biết rõ về ý định Liên Bang Đông Dương của cộng sản Việt Nam. Hơn ai hết, các lãnh tụ cộng sản biết rằng tình hữu nghị anh em giữa các nước cộng sản chỉ là chiêu bài cho sự thống trị của một đảng cộng sản nước lớn đối với đảng cộng sản nước nhỏ, và đảng cộng sản nào cũng đặt quyền lợi của mình lên trên hết. Chẳng hạn năm 1945, chính các lãnh tụ cộng sản Pháp trong chính phủ liên hiệp đã bỏ phiếu tán đồng chính sách tái lập chế độ thuộc địa và chấp thuận ngân khoản cho

⁽¹⁴⁾ Mục đích của Nam Việt Nam khi ám sát Sihanouk là đem Sơn Ngọc Thành về nước. Tổng thống Diệm đã giúp lực lượng Khmer Serei của Sơn Ngọc Thành bằng quỹ đen của tổng thống, vì viện trợ kinh tế hay quân sự của Mỹ đều bị kiểm soát từng đồng. Ngược lại, khi đưa tiền hàng tháng cho Sơn Ngọc Thành, Việt Nam hoàn toàn để Sơn Ngọc Thành toàn quyền xử dụng và không hề thắc mắc.

quân viễn chinh Pháp trở lại Đông Dương. Saloth Sar, đảng viên cộng sản Pháp, là một người cộng sản chính thống, về nước năm 1953, đã không gia nhập đảng Nhân Dân Cách Mạng Campuchia mà phải gia nhập Đông Dương Cộng Sản Đảng. Người chấp nhận đơn gia nhập của Saloth Sar là Phạm Văn Ba, sau 1975 làm đại sứ Việt Nam tại Phnom Penh. Chi bộ cộng sản của Saloth Sar lúc đó hoạt động ở biên giới phía đông Campuchia, gồm cả người Miên lẫn người Việt, dưới sự lãnh đạo của một cán bộ Việt Nam. Theo Kieu Thirith, em dâu Saloth Sar kể lại thì cán bộ Việt Nam đã bắt các sinh viên từ Paris về làm những công tác vệ sinh và cần vụ và thời gian này chắc chắn đã để lại cho Saloth Sar nhiều kỷ niệm khó quên.

Một năm sau, hiệp định Genève 1954 ra đời, Saloth Sar, lúc này đổi tên là Pol Pot, cay đắng nhìn sự tan rã của phong trào cộng sản Campuchia và sự đấu tranh của họ bị Việt Nam và các nước cộng sản đàn anh Liên Xô và Trung Hoa quên lãng. Đồng thời, khi ký thoả ước ngừng bắn với Delteil, Tạ Quang Bửu của Việt Nam đã mặc nhiên thay mặt cả ba lực lượng cộng sản Việt-Miên-Lào. Bị bỏ rơi năm 1954, bị kim hãm trong những năm dưới thời Sihanouk, cộng sản Campuchia lại thấy bị bội phản lần nữa khi cộng sản Việt Nam ký hiệp định ngừng chiến 1973, theo đó không quân Hoa Kỳ sẽ chấm dứt hoạt động ở Việt Nam, nhưng vẫn được tự do oanh tạc lãnh thổ Campuchia. Vì thế, với nhóm lãnh đạo mới của cộng sản Campuchia, Việt Nam dù quốc gia hay cộng sản đều là kẻ thù, và những cán bộ lãnh đạo cũ của thời Đông Dương Cộng Sản Đảng đều là kẻ khả nghi có thân xác Campuchia mà tâm hồn Việt Nam. Trong nhóm đó, Sieu Heng đã bội phản, về đầu thú Sihanouk, Tou Samouth có lẽ bị thanh toán sau khi đi Việt Nam về năm 1963, Keo Meas bị Pol Pot bắt vào Tuol Sleng tháng 9-1976 và bị xử tử. Người chủ tịch đảng đầu tiên Son Ngọc Minh tập kết đi Hà Nội năm 1954. Theo Hà Nội, Son

Ngọc Minh bị Trung Hoa và nhóm Pol Pot đánh thuộc độc chết khi sang thăm Bắc Kinh năm 1972.⁽¹⁵⁾

Thời gian Sihanouk cầm quyền, là một người khôn khéo, ông ta đã lợi dụng tình hình nội chiến ở Việt Nam để củng cố quyền hành hơn là tìm cách gây hấn. Việt kiều ở Campuchia hồi đó được yên ổn làm ăn. Khi Sihanouk bị lật đổ, mỗi hiểm khích cũ lại được các lãnh tụ hai phe khơi ra khai thác và lợi dụng. Tuy ở hai chiến tuyến đối nghịch, Lon Nol và Pol Pot đã có một đặc điểm chung là sự thù hận Việt Nam và giấc mơ tái lập thời đại Angkor vàng son cũ. Cả hai đều có đánh giá gần như không tưởng về khả năng của bản thân. Trong khi Pol Pot tính một người Campuchia giết được ba mươi người Việt, thì Lon Nol hy vọng với một quân đội ba mươi lăm ngàn quân trang bị yếu kém và thiếu huấn luyện có thể đánh đuổi bộ đội Việt cộng ra khỏi biên giới. Tinh thần bài Việt Nam của Lon Nol đã bộc lộ công khai nhiều năm trước khi đảo chánh. Ông ta luôn gọi Nam Việt Nam là Khmer Hạ và thiết lập “Viện Khmer Mon” mà tờ đặc san đầu tiên in bản đồ Campuchia trong đó lãnh thổ gồm đồng bằng sông Cửu Long và một phần đất Thái Lan.

Từ 1970, ngay sau khi đảo chánh, Lon Nol đã ra lệnh thiết lập các trại tập trung để giam giữ kiều dân Việt Nam. Campuchia lúc đó công nhận có giam giữ khoảng ba chục ngàn Việt kiều trong trại và bảy ngàn Việt kiều trong tù. Ngày 10-4-1970, Lon Nol cho lính bắn chết một số người Việt ở Prasaut và Chui Changwan. Hàng trăm xác người bị thả trôi trên sông Bassac. Vì áp lực quốc tế sau đó, Lon Nol phải chấm dứt hành động tàn sát và để cho tàu hải quân Việt Nam Cộng Hoà lên đón Việt kiều về. Số người còn lại,

⁽¹⁵⁾ Trong cuốn *Dossier Kampuchéa* của nxb *Le Courrier Du Vietnam* năm 1979, Hà Nội nói là Trung Hoa và Son Sen đánh thuộc độc giết chết Sơn Ngọc Minh ở Bắc Kinh. Nhưng tin này (của chính quyền Việt Nam đưa ra) có lẽ nhằm mục đích tuyên truyền và không chính xác.

hoặc nhờ giấu được tung tích, hoặc sống tại vùng Khmer Đỏ kiểm soát sau này cũng bị Khmer Đỏ thanh toán. Trong thời gian đó vì còn phải nương tựa vào bộ đội Việt Nam, nên Khmer Đỏ chỉ có thể tiêu diệt người Việt và chặt đứt những quan hệ với Việt Nam một cách âm thầm.

Trước hết Pol Pot từ chối thành lập một bộ chỉ huy quân sự hỗn hợp trên đất Miên. Sau đó, các cán bộ Khmer hồi kết từ Hà Nội về bị thủ tiêu. Đến năm 1973, khi thấy đã đủ mạnh, Khmer Đỏ áp dụng những biện pháp cứng rắn hơn. Họ thành lập các ấp chiến đấu dọc theo biên giới, gom dân vào đó để kiểm soát. Vòng ngoài những hợp tác họ đặt chông và mìn. Tiền tệ bị tiêu huỷ. Bộ đội cộng sản Việt Nam bắt đầu bị trở ngại trong việc thu mua lúa gạo và di chuyển quân đội. Những cuộc chạm súng lẻ tẻ bắt đầu xảy ra. Nhưng thời gian đó, Việt Nam đang bận tâm về kế hoạch xâm chiếm miền Nam nên không phô bày những rạn nứt. Sau khi Bắc Việt chiếm được miền Nam và Pol Pot đã thắng Lon Nol, những vấn đề cũ lại lộ ra và ngày càng trầm trọng, đưa đến một cuộc chiến tương tàn giữa hai nước cộng sản mà mối liên hệ mới mấy năm trước đã được Việt Nam mô tả là “*tình hữu nghị trong sáng thuỷ chung, làm mẫu mực cho những quan hệ quốc tế.*”⁽¹⁶⁾

⁽¹⁶⁾ *Tranh chấp Việt-Miên hiện đại* theo “*When The War Was Over*” của Elizabeth Becker, nxb. Schuster, Inc, New York và “*Brother Enemy*” của Nayan Chanda, nxb. Mac Milan Publishing Company New York.

● CHƯƠNG 03

Sự thành lập Đảng CS Campuchia.

Điều kiện địa dư, lịch sử thời điểm 1930 và 1940 đã gắn sự hình thành đảng Cộng Sản Việt Nam với đảng Cộng Sản Campuchia. Sau cuộc cách mạng vô sản ở Nga năm 1917, chủ nghĩa cộng sản rất hấp dẫn với các dân tộc bị trị đang mong thoát ách thực dân. Vì thế, phong trào cộng sản lúc nào cũng tự tuyên đi đôi với chủ nghĩa quốc gia, các đảng viên đầu tiên hay giới lãnh đạo cộng sản đều xuất thân từ giai cấp trí thức, tư sản hoặc được tuyển mộ từ các học sinh trung học. Động cơ để họ gia nhập phần lớn là do lòng yêu nước chống ngoại xâm hơn là ý thức hệ.

Phong trào cộng sản Việt Nam bắt đầu khi Hồ Chí Minh, thông ngôn cho phái bộ Borodin, lập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội ở Quảng Châu năm 1924. Phái bộ này do Quốc Tế Cộng Sản gửi qua làm cố vấn cho Quốc Dân Đảng Trung Hoa thời kỳ Tôn Dật Tiên hoà giải với Liên Xô. Đứng đầu phái bộ là Borodin⁽¹⁷⁾, một người Ấn Độ tên Rao phụ tá, tướng Galin cố vấn về quân sự,⁽¹⁸⁾ còn Hồ Chí Minh là thông dịch viên. Thời gian này, Hồ Chí Minh đã gửi một số thanh niên qua Liên Xô để

(17) *Mikhail Borodin, đại diện Kominsterm cố vấn cho Quốc Dân Đảng Trung Hoa từ 1923 đến 1927, về nước làm cho tờ báo Anh ngữ Moscow News. Đến 1939 bị đày đi Tây Bá Lợi Á và chết ở đó.*

(18) *Vassily Bluecher, bí danh Galin, năm 1929 về lại Liên Xô, thăng chức thống chế tư lệnh mặt trận Viễn Đông nhưng đến 1938 bị Stalin thanh trừng và chết trong tù.*

được huấn luyện, trong đó có Lê Hồng Phong, Trần Phú.⁽¹⁹⁾ Lúc này, Hồ Chí Minh kết hôn với Tăng Tuyết Minh và hai người ở cùng nhà với Borodin. Sau khi rời Hồng Kông năm 1927, Hồ Chí Minh có viết thư tỏ tình nhớ vợ nhưng khi trở lại Hồng Kông năm 1931 lại không liên lạc gì nữa.⁽²⁰⁾

Nhờ Hồ Chí Minh khôn khéo, Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội mấy năm đầu vẫn giữ mặt ngoài

⁽¹⁹⁾ Được gửi sang Liên Xô học trường Stalin từ 1927 đến 1930 gồm có : Trần Văn Giàu, Nguyễn Thế Rục, Ngô Đức Trì (tên Nga là Lemeh), Bùi Công Trừng, Trần Phú, Bùi Lâm, Nguyễn Khánh Toàn, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Trần Ngọc Danh, Trần Đình Long, Dương Bạch Mai (tên Nga là Bourov), Bùi Ái, Nguyễn Văn Trân (Pirgony). Những người này rất xem thường Hồ Chí Minh. Trong Hồi Ký, Hoàng Tùng viết: “Tôi được biết Trần Văn Giàu học ở Liên Xô về. Tôi biết có người tên là Phi Vân cũng học ở Liên Xô về, vì hư hỏng bị đi tù ở Sơn La. Khoảng năm 1935, ở tù cùng Phi Vân, tôi hỏi Phi Vân nhận xét về Nguyễn Ái Quốc, Phi Vân nói: “Tay này không có gì đâu, ở nhà cứ tưởng là nhân vật quan trọng lắm chứ ông ta dân tộc chủ nghĩa, trình độ lý luận kém. Đó là cách nhận định về Bác của mấy người đi Liên Xô về, Trần Văn Giàu thuộc loại nói trên”. Riêng Trần Ngọc Danh, em Trần Phú, được cử làm đại diện VN ở Paris, sau trốn qua Tiệp, viết thư cho Quốc Tế Cộng Sản tố cáo Hồ Chí Minh hữu khuynh.

⁽²⁰⁾ Những phụ nữ quan hệ vợ chồng với Hồ Chí Minh gồm:

► Bà Tăng Tuyết Minh (1926–1927), có lẽ do Lâm Đức Thụ giới thiệu, đám cưới có mặt Đặng Đình Siêu vợ Chu Ân Lai, nhưng chỉ sống với nhau được hơn nửa năm thì Hồ Chí Minh bỏ đi mất. Về sau, ký giả Kim Hạnh tổng biên tập báo Tuổi Trẻ vì khơi ra chuyện này mà mất chức.

► Nguyễn Thị Minh Khai (1930-1931) được đăng nói là vợ Lê Hồng Phong, nhưng bà Quinn Judge khi đọc tài liệu trong văn khố đảng cộng sản Liên Xô thấy các chứng cứ: 12/1/31: HCM báo cáo là “vợ” mình đang chuẩn bị đón tết Tân Mùi. Vợ là Lý Huệ Swong (NT Minh Khai) — 31/3/35: thư của Hà Huy Tập nói phái đoàn đi dự QTCS có Quốc (HCM) và vợ (phái đoàn chỉ có bà Khai là phụ nữ) — 14/12/34: Khai lý lịch khi ở Mạc Tư Khoa, bà Khai khai chồng là Lin (bí danh HCM lúc đó). Như vậy, bà Khai chỉ có thể có quan hệ với Lê Hồng Phong từ 1936

► Bà Nông Thị Xuân(1955- 1957)., do Trần Đăng Ninh giới thiệu, sau đó bị bộ Chính Trị cho thủ tiêu vì bà muốn được chính thức làm “đệ nhất phu nhân.” Nhiều tin khả tín nói trước khi bị thủ tiêu, bà bị Trần Quốc Hoàn, bộ trưởng Công An hãm hiếp, chuyện này được giữ kín.

thống nhất. Nhưng vì cơ sở hoạt động thì ở Việt Nam còn cấp lãnh đạo lại ở Trung Hoa nên năm 1927, khi tranh chấp Quốc – Cộng Trung Hoa bùng nổ, Borodin bị trục xuất, Hồ Chí Minh phải rời Trung Hoa, giao lại cho Hồ Tùng Mậu⁽²¹⁾ và Lâm Đức Thọ.⁽²²⁾ Từ đây, rạn nứt bộc lộ. Một số cán bộ được khuyến khích bởi quyết nghị của đại hội QTCS năm 1928, theo đó các đảng cộng sản địa phương phải theo đuôi đường lối cứng rắn, giáo điều và thiên tả hơn.

Nói cách khác, các đảng cộng sản không cần liên minh với những đảng phái quốc gia khác mà phải tận dụng và triển khai bất mãn trong quần chúng để tiến hành cách mạng vô sản. Đồng thời trong nội bộ phải tăng cường số đại biểu của giai cấp công nhân, còn những thành phần trí thức, tiểu tư sản đều phải trải qua một quá trình lao động “vô sản hoá”. Lãnh đạo những phần tử cực đoan này là xứ uỷ Bắc Kỳ, gồm Trần Văn Cung⁽²³⁾, Ngô Gia Tự... Nhóm này chủ trương chỉ thúc đẩy thợ thuyền tại các công xưởng

⁽²¹⁾ Tên thật Hồ Bá Cự, bị máy bay Pháp bắn chết năm 1951, cháu nội là Hồ Anh Dũng, từng là giám đốc đài truyền hình và Hồ Đức Việt, cựu trưởng ban tổ chức trung ương đảng. Do phản đối cho con Nông Đức Mạnh và Nguyễn Tấn Dũng vào trung ương đảng, Hồ Đức Việt bị loại khỏi BCT và T.U đảng năm 2011. Blog của nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo ở VN kể lại chuyện Mạnh nổi giận khi Nông Đức Tuấn không được vào T.U đảng. Nhưng vì có thể vì là cháu nội, dù ngoại hôn, của ông Hồ, Nông Đức Tuấn cũng được giúp đỡ để vào T.U đảng bốn năm sau.

⁽²²⁾ Là một trong 9 người thuộc tổ Tâm Tâm Xã, cốt lõi của đảng CSVN. Lâm Đức Thọ bị đổ lỗi bán đứng cụ Phan bội Châu cho Pháp ở Hồng Kông năm 1925, nhưng năm 1928, Nhưộng Tổng viết sách chỉ đích danh Lý Thụy chỉ thị cho Thọ. Cụ Hoàng Văn Chí theo tài liệu của Sở Cuồng Lê Dư, nói cụ Lê Dư nghe được Lý Thụy bảo với Thọ: “Cụ đã gân dất xa trời mà chẳng nên việc gì, chỉ bằng bán cụ đi lấy tiền chỉ tiêu cho đảng.” Vương Thúc Óanh, con rể cụ Phan, một cán bộ cộng sản tiên phong ở Hồng Kông lúc đó cũng xác nhận việc này.

⁽²³⁾ Tuy là một trong số người khai sáng phong trào cộng sản VN, Trần Văn Cung hầu như bị gạt ra ngoài, chức vụ cao nhất chỉ là đại biểu quốc hội. Chết năm 1977. Trần Văn Cung là anh của Trần Văn Quang, trung tướng chỉ huy mặt trận Huế 1968.

bằng yếu tố thực tiễn như tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc chứ không bởi ý niệm ái quốc mơ hồ, và điều này chỉ thực hiện được bằng cách thành lập một đảng cộng sản chính thống. Nhưng đại hội lần thứ nhất của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội do Hồ Tùng Mậu tổ chức ở Quảng Châu năm 1929, đa số đại biểu bác bỏ đề nghị đó. Trần Văn Cung tức giận trở về Hà Nội, tách ra thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương. Các đại biểu của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội mới đầu làm ngơ, tiếp tục họp và bế mạc. Nhưng mấy tháng sau, họ thấy lâm lẫm vì đảng Cộng Sản Đông Dương đã thu hút một số lớn đảng viên trung kiên của hội. Vì thế họ quyết định cải danh thành một đảng khác lấy tên An Nam Cộng Sản Đảng. Tình hình càng rối loạn thêm khi những đảng viên cũ của đảng Tân Việt, một đảng tả phái gồm Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt, cũng lập ra Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn. Ba đảng cộng sản này, một mặt tranh giành đảng viên của nhau, mặt khác chỉ trích bôi nhọ lẫn nhau.

Trước diễn biến kể trên, tháng 10-1929, văn phòng Quốc Tế Cộng Sản ở Moscow đã gửi thư chỉ trích những cấp lãnh đạo cũ của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. Văn phòng đứng hẳn về phe Trần Văn Cung, công nhận sự cần thiết phải thành lập một đảng cách mạng vô sản tiên phong hay đảng cộng sản. Văn phòng đề nghị một hội nghị hoà giải điều hành bởi một nhân viên của Quốc Tế Cộng Sản. Đồng thời văn phòng cử Trần Phú, một đảng viên cộng sản được Hồ Chí Minh gửi đi học trường “Đại Học Cộng Sản của những người lao động Đông Phương” (còn gọi là trường chính trị Stalin) ở Moscow về Thái Lan gặp Hồ Chí Minh, truyền đạt chỉ thị gồm hai thông tư của Quốc Tế Cộng Sản là “*ng nghị quyết về vấn đề thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương*” và “*thư hướng dẫn hình thức hoạt động của đảng Cộng Sản Đông Dương.*” Hồ Chí Minh đi Hồng Kông và một hội nghị cử

hành cuối tháng 1-1930 tại một sân đá bóng ở Hồng Kông.

Tới dự hội nghị, chỉ có đại diện của đảng Cộng Sản Đông Dương và An Nam Cộng Sản Đảng. Theo chỉ thị từ Moscow, hai đảng đồng ý sát nhập thành đảng Cộng Sản Việt Nam. Một ủy ban trung ương lâm thời thành lập gồm chín ủy viên được lựa chọn để điều hành mọi hoạt động cho tới khi triệu tập đại hội đảng, Trần Phú được cử làm tổng bí thư. Hồ Chí Minh trở về làm việc cho Đông Phương Bộ của Quốc Tế Cộng Sản ở Thái Lan tháng 4-1930. Tuy nhiên, sau khi được báo cáo, văn phòng Quốc Tế Cộng Sản không bằng lòng với danh xưng đó, ra chỉ thị bắt phải đổi tên Việt Nam Cộng Sản Đảng thành Đông Dương Cộng Sản Đảng.

Theo danh xưng, Đông Dương Cộng Sản Đảng bao gồm cả Việt, Miên, Lào, nhưng thời gian đó, chưa có đảng viên chính gốc nào người Lào hay Campuchia tham gia. Trần Phú làm tổng bí thư chưa được bao lâu thì bị bắt do biến cố Xô Viết Nghệ Tĩnh và chết trong tù năm 1931. Quốc Tế Cộng Sản gửi một số cán bộ mới đào tạo từ trường chính trị Stalin về thay, trong đó có Lê Hồng Phong, Trần Văn Giàu, Nguyễn Thị Minh Khai. Lê Hồng Phong được cử đứng đầu “ban chỉ huy ở ngoài.” Tới đại hội đảng lần đầu tiên của Đông Dương Cộng Sản Đảng năm 1935 ở Ma Cao, thì Hà Huy Tập (bí danh Nhỏ) ⁽²⁴⁾ được cử làm

(²⁴) Hà Huy Tập, tổng bí thư đảng CS 1936 -1938, theo Hoàng Tùng, đã nhiều lần báo cáo không tốt về Hồ Chí Minh cho Moscow. Trên tạp chí Bôn Sê Vich 8-12-1934, Hà Huy Tập viết : “Nguyễn Ái Quốc không hiểu được những chỉ thị của QTCS; không hợp nhất được ba tổ chức cộng sản từ trên xuống dưới...Tài liệu Sách lược vắn tắt của Đảng và Điều lệ của Đảng hợp nhất không theo chỉ thị của QTCS. Nguyễn Ái Quốc còn chủ trương một sách lược cải lương và hợp tác: “trung lập tư sản và phú nông”, “liên minh với địa chủ nhỏ và vừa”, v.v... Vì những sai lầm đó, nên từ tháng Giêng đến tháng Mười 1930, đảng CS Đông Dương đã đi theo một chiến lược có nhiều điểm trái với chỉ thị của QTCS, tuy trong thực tế đã lãnh đạo quần chúng kiên quyết đấu tranh cách mạng.”— nguồn Wikipedia.

tổng bí thư. Chính trong đại hội đảng này, ý niệm về Liên Bang Đông Dương được đưa ra. Nhưng phải chờ đến năm năm sau, 1940, một số lãnh tụ kháng chiến của Campuchia từng theo Sơn Ngọc Thành, bị bắt và bị đày đi Côn Đảo, mới có dịp quen biết và học tập những đảng viên cộng sản Việt Nam cũng bị tù ở đó, để trở nên những người cộng sản Campuchia đầu tiên. Trong số này có nhà sư Achar Man, lấy bí danh Sơn Ngọc Minh,⁽²⁵⁾ được Việt Nam đưa ra đứng đầu phong trào cộng sản Campuchia.

Sau thế chiến thứ hai, thực dân Pháp trở lại Đông Dương. Để kêu gọi lòng yêu nước trong công cuộc kháng chiến chống Pháp, che giấu bản chất cộng sản, và lấy lòng quân Trung Hoa (thuộc Quốc Dân Đảng) lúc đó đang vào giải giới quân Nhật ở Bắc Việt, Đông Dương Cộng Sản Đảng tự tuyên bố giải tán ngày 11-11-1945 để thành lập mặt trận Việt Minh. Thật ra đảng vẫn lén lút hoạt động, dưới cái tên Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác do Trường Chinh đứng đầu. Tới năm 1951, sau khi đã nắm vững và kiểm soát được phong trào kháng chiến, đảng cộng sản chính thức tái ra mặt hoạt động dưới nhãn hiệu đảng Lao Động Việt Nam, do Hồ Chí Minh làm chủ tịch và Trường Chinh tổng bí thư. Hai phong trào cộng sản Campuchia - Lào được tách ra, nhưng trên thực tế, vẫn do đảng Lao Động Việt Nam kiểm soát. Thái độ của Việt Nam đối với hai đảng cộng sản anh em này luôn luôn là đàn anh và trích thượng. “Đề cương công tác Lào - Miên” năm 1949 viết: “*Nhìn bao quát ta thấy rằng Lào - Miên đang ở một mức tiến hoá thấp hơn Việt Nam... Bởi vậy cách mạng Lào -*

⁽²⁵⁾ Theo Sihanouk (*War and Hope*), Sơn Ngọc Minh là anh em với Sơn Ngọc Thành và Sơn Thái Nguyên, cựu nghị sĩ VNCH. Wikipedia không nói điều này. Nhưng trong một bài báo của cựu trung úy Kim Thành, thông dịch viên phái đoàn liên lạc quân sự ở Nam Vang, ông Thành đã làm việc với thiếu tá Sơn Sanjivith, con của Sơn Ngọc Thành và thiếu tá Sơn Sanjivith cũng nhận là cháu của Sơn Ngọc Minh.

Miền không thể là cách mạng xã hội hay cách mạng dân chủ mà chỉ là cách mạng dân tộc giải phóng nhưng vì tình hình kinh tế, chính trị và xã hội của Việt Nam đã cao hơn nên khẩu hiệu cách mạng Việt Nam là độc lập và dân chủ đi đôi. Còn khẩu hiệu cách mạng Lào - Miên thì chỉ độc lập là độc lập.”⁽²⁶⁾ Vì thế, Việt Nam chỉ giúp Sơn Ngọc Minh và Souphanouvong thành lập các đảng Nhân Dân Cách Mạng Khmer và Nhân Dân Cách Mạng Lào. Luận cương của những đảng này do cán bộ Việt Nam viết và gửi qua để được phiên dịch và chấp thuận.

Ngày 21-9-1951, đảng Nhân Dân Cách Mạng Khmer được thành lập. Người triệu tập đại hội thành lập đảng là hai cán bộ Việt Nam, Nguyễn Thanh Sơn ⁽²⁷⁾ và Lê Đức Thọ. Trong đại hội, Sơn Ngọc Minh được cử giữ chức quyền chủ tịch đảng. Luận cương của đảng này có đoạn viết “*đảng không phải là đảng tiên phong của giai cấp công nhân, nhưng là đảng tiên phong của những phần tử yêu nước và tiến bộ.*” Như thế đảng vẫn chưa hoàn toàn là một đảng cộng sản và đảng viên không nhất thiết phải là một người cộng sản. Vì lý do đó, sau khi ở Pháp về năm 1955, một đảng viên cộng sản Pháp, Pol Pot đã không gia nhập đảng Nhân Dân Cách Mạng mà tìm cách gia nhập Đông Dương Cộng Sản Đảng.

Năm 1954, hiệp định Genève ra đời, đánh dấu một bước lùi cho phong trào cộng sản Campuchia. Khác với Việt Nam được chủ quyền nửa quốc gia, Pathet Lào được hai tỉnh, cộng sản Campuchia bị bỏ quên, bắt buộc phải giải

⁽²⁶⁾ Theo *Giọt Nước Trong Biển Cả* của Hoàng Văn Hoan

⁽²⁷⁾ Theo *Nghiêm Kế Tổ* trong *Việt Nam Máu Lửa*, người đứng ra thành lập đảng Lao Động Campuchia là Nguyễn Thanh Sơn, tên thật Phạm Văn Sây, sinh ngày 5-11-1910 tại Cần Thơ, còn có tên Nguyễn Văn Tây. Năm 1945, Tây làm thanh tra chính trị miền Tây (miền Đông là Dương Bạch Mai), rồi bí thư liên tỉnh Hậu Giang. 1950 – 1954, tư lệnh tỉnh nguyện quân VN ở Campuchia, năm 1976 là thứ trưởng bộ tài chính.

giới. Một nửa lực lượng theo lãnh tụ Sơn Ngọc Minh trà trộn vào bộ đội Việt Nam lên tàu Ba Lan đi Bắc Việt. Một nửa khác, khoảng một ngàn đảng viên và cảm tình viên lui vào bóng tối, đặt dưới quyền Siêu Heng (đặc trách nông thôn) và Tou Samouth (đặc trách thành thị). Mấy năm sau Siêu Heng về đầu thú với Sihanouk, chỉ điếm cho chính quyền bắt và tiêu diệt những cơ sở nông thôn. Phong trào cộng sản Campuchia suy yếu dần. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, một nhóm lãnh đạo mới bắt đầu xuất hiện. Những người này phần đông du học từ Pháp về, học thức hơn nhưng cũng cuồng tín hơn. Đó là Pol Pot, Ieng Sary, Khieu Samphan, Hou Youn, Son Sen, Thioun Prasit...

Pol Pot, tên thật là Saloth Sar, sinh năm 1925, xuất thân từ gia đình địa chủ ở Kompong Thom, có một người chị làm cung nữ triều vua Monivong, và một người anh làm công chức trong ban nghi lễ hoàng cung. Sau khi tốt nghiệp tiểu học tại Phnom Penh, vì thi vào trung học công lập bị rớt, Saloth Sar trở về học trung học tại một trường tư thục ở Kompong Cham. Năm 1944, hết trung học, Sar về ở với người anh ở Phnom Penh. Năm 1949, có lẽ nhờ chạy chọt, Saloth Sar được học bổng qua Pháp học vô tuyến điện. Cùng thời gian đó, một học sinh khác tên Ieng Sary trở nên một học sinh tranh đấu. Cũng như Sơn Ngọc Thành, Ieng Sary sinh trưởng ở Việt Nam, là người Khmer Hạ, có tên Việt Nam là Kim Trang. Học được mấy năm trung học ở Việt Nam, anh ta làm khai sinh giả để bớt tuổi rồi xin vào học trường danh tiếng Sisowath. Những năm đó sau thế chiến, đảng Dân Chủ của hoàng thân Youthevong đang nắm đa số trong quốc hội. Đảng này qui tụ các đảng viên cũ của Sơn Ngọc Thành và các cựu học sinh Sisowath. Không may ông hoàng có tài này lại chết rất trẻ vào năm 1947 và đảng bị tan rã. Nhưng những kêu gọi đòi độc lập của đảng đã khơi động lòng yêu nước của giới học sinh và một trong số lãnh tụ học sinh là Ieng Sary kêu gọi bãi trường, bãi

công để đòi độc lập. Cuộc tranh đấu này không đi đến đâu và năm 1951, Ieng Sary sang Pháp du học.

Trước khi Saloth Sar và Ieng Sary sang Pháp, ở Paris đã có sẵn một nhóm trí thức thân Cộng được gọi là “nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác Lê” đứng đầu bởi Thiounn Mumm, người Campuchia đầu tiên tốt nghiệp trường Bách Khoa Paris, sau này thời Pol Pot về làm giám đốc các trường cao đẳng. Em ông ta là Thiounn Thioum, bác sĩ, sau là bộ trưởng y tế, Thiounn Prasith, kỹ sư, sau phụ tá cho Ieng Sary ở bộ ngoại giao. Dòng họ Thiounn là một gia đình quý tộc nổi tiếng ở Phnom Penh, và gia đình này có một mối bất hoà sâu xa với gia đình Sihanouk. Theo Sihanouk, nguyên do mối bất hoà là ông đã từ chối không kết hôn với một người em của Thiounn.⁽²⁸⁾

Nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê ngoài anh em Thiounn, Ieng Sary, Saloth Sar còn có Khieu Samphan, Hou Youn, Son Sen... Hou Youn năm 1955 đã trình luận án tiến sĩ “*Nông dân Campuchia và những triển vọng hiện đại hoá*”, vạch rõ rằng nông dân Campuchia không bị bóc lột bởi địa chủ như ở những nước Á Đông khác, mà bị bóc lột bởi những chủ nợ. Họ bị đánh thuế, bị thương gia chèn ép giá cả, và vì thiếu vốn, phải vay nợ với phân lời cắt cổ để mua nông cụ phân bón, do đó tiền kiếm được không còn bao nhiêu. Theo Hou Youn, giải pháp duy nhất để phát triển nông nghiệp là một hệ thống tín dụng hữu hiệu do chính phủ quản trị. Hou Youn sau này trở nên một lãnh tụ Khmer Đỏ, nhưng có lẽ vì phản đối chính sách quá khích của Pol Pot nên bị thanh trừng năm 1975.

Trong khi đó, luận án tiến sĩ “*kinh tế Campuchia và sự phát triển kỹ nghệ*” của Khieu Samphan hoàn tất năm 1959 cũng công nhận việc giảm bớt áp lực nợ nần cho nông dân là yếu tố căn bản cho sự phát triển kinh tế. Từ đó, nông

⁽²⁸⁾ Theo Sihanouk trong *War and Hope*.

nghiệp sẽ được cơ giới hoá và tiến hành song song với sự phát triển kỹ nghệ. Khieu Samphan cũng đề cao vai trò thiết yếu của nhà nước trong việc điều hành và kiểm soát guồng máy kinh tế.

Nhờ sinh hoạt của nhóm mà Ieng Sary gặp Khieu Thirith, người nữ sinh đầu tiên tốt nghiệp trường trung học Sisowath đang học về văn chương Anh ở đại học Sorbonne, và hai người đã kết hôn ở Paris. Chính trong đám cưới đó, Saloth Sar gặp được Khieu Ponnary, chị của Thirith. Năm 1950, Pol Pot và Ieng Sary gia nhập đảng cộng sản Pháp, trong khi vẫn sinh hoạt đều đặn với nhóm sinh viên thiên tả Campuchia. Khả năng chính trị của Saloth Sar nổi bật trong nhóm. Anh ta viết cho tờ “Sinh Viên Campuchia.” Nội dung những bài viết đã kích Sihanouk nhiều hơn là đã kích chế độ thuộc địa. Sihanouk bị tố cáo là đã tiếp tay với Pháp để đàn áp phong trào giải phóng. Vì lập trường chính trị chống đối, học bổng của Saloth Sar bị cắt, chuyện học hành bị gián đoạn, anh ta kết hôn với Khieu Ponnary rồi về nước năm 1953, gia nhập Đông Dương Cộng Sản Đảng.

Một năm sau, hiệp định Genève ra đời.

Hiệp định Genève 1954 là một thắng lợi lớn cho ông hoàng Sihanouk. Ông ta mặc nhiên trở nên một anh hùng giải phóng dân tộc. Mục tiêu độc lập đã đạt, phong trào giải phóng Issarak tan rã, những người không cộng sản trở về ủng hộ chính quyền Sihanouk xây dựng đất nước. Còn những người cộng sản, một nửa theo Sơn Ngọc Minh đi Hà Nội, một nửa ở lại nằm vùng và khi Siêu Heng hồi chánh năm 1959, thì chỉ còn một số nhỏ cán bộ dưới sự chỉ huy của Tou Samouth hoạt động một cách yếu ớt ở Phnom Penh. Sau Saloth Sar, các trí thức tả phái ở Paris cũng lục tục về nước. Họ lập một trường tư thục lấy tên là Kamput Both (đưa con Campuchia) để hoạt động nằm vùng. Khieu Thirith, vợ Ieng Sary, có bằng cử nhân văn chương Anh dạy trường Sisowath. Hou Youn, Khieu Samphan cùng Hu

Nim, một tiến sĩ luật khoa, dạy trường Luật. Son Sen dạy trường Sisowath và Viện Phật Học, sau đó được cử làm giám đốc học chính tại Viện Sư Phạm Quốc Gia.

Trong khi Saloth Sar hoạt động bí mật, cùng cô tổ chức, tuyển mộ đảng viên thì Keo Meas, bí thư thành uỷ Phnom Penh năm 1959 công khai ra mắt thành lập đảng Pracheachon (Nhân Dân) để ứng cử quốc hội. Thiounn Mumm cũng về nước lập đảng Dân Chủ. Cả hai đều bị thất cử, sau đó bị chính quyền Sihanouk đàn áp. Thiounn Mumm phải trở về Pháp còn Keo Meas trốn sang Việt Nam. Những năm đó, cùng với các tờ báo đối lập tả phái Nhân Dân, Huynh Đệ (Mitlapheap), Đoàn Kết (Ekapheap), Khieu Samphan cho ra tờ báo tiếng Pháp Người Quan Sát (L'observateur) để tuyên truyền trong giới sinh viên, trí thức. Tờ báo sống được đến ngày 13-7-1960 thì Sihanouk bắt đầu đàn áp, đóng cửa tất cả ba tờ báo, bắt giữ những người chủ trương. Họ được thả ra hai tháng sau, và đến cuối tháng 9, đại hội đảng lần đầu tiên của đảng cộng sản Campuchia được triệu tập.

Đảng cộng sản Campuchia họp đại hội đảng lần đầu tiên tại một toa xe lửa trông ở nhà ga Phnom Penh từ ngày 28-9-1960 đến ngày 30-9-1960 với sự tham dự của 21 đại biểu. Đảng lấy tên là đảng Lao Động Campuchia. Đường lối của đảng cũng tương tự đường lối của đảng Lao Động Việt Nam. Đại hội đảng đề cử Tou Samouth giữ chức tổng bí thư và bầu ra một ban thường vụ gồm năm người. Ngoài Tou Samouth, có Nuon Chea, một đảng viên cũ của đảng cộng sản Thái đứng hàng thứ hai, Pol Pot đứng hàng thứ ba, Keo Meas thứ tư và Ieng Sary thứ năm. Ba năm sau, sau khi đi Hà Nội về, Tou Samouth mất tích một cách bí mật, có lẽ bị Pol Pot thanh toán. Pol Pot được đưa lên làm tổng bí thư. Ieng Sary lên hàng thứ ba, Keo Meas bị loại. Hai ủy viên thường vụ mới được bầu để thay thế là Son Sen và Von Verth.



Hai
thủ trưởng
của
Hồ Chí Minh
ở Trung Hoa:
← Mikhail
Borodine &
tướng Vasily
Bluecher
(Galín). →
Cả hai đều bị
Stalin thanh
trừng sau đó.



Những phụ nữ từng quan hệ vợ chồng với Hồ Chí Minh :
Tăng Tuyết Minh (1926-1927) Nguyễn T. Minh Khai (1930-1931) Nông Thị Xuân (1955-1957)



Nguyễn Tất
Trung (góc
phải), con
của Hồ Chí
Minh với
Nông Thị
Xuân và gia
đình bố nuôi
(Vũ Kỳ, áo
trắng thứ ba
bên trái).
Hình:
Bùi Tín.

Thời gian này, Khieu Samphan, Hou Youn, Hu Nim vẫn tiếp tục hoạt động công khai. Có lúc, cả ba được mời làm bộ trưởng trong chính phủ Sihanouk. Năm 1963, khi Sihanouk bắt đầu đàn áp cộng sản, thì Pol Pot, Son Sen cùng trung ương đảng trốn về vùng rừng núi đông bắc sát biên giới Việt Nam. Tháng 4-1967, nông dân quận Samlaut tỉnh Battambang vì bị thu mua lúa gạo với giá quá rẻ và bị đánh thuế nặng nề nên nổi loạn. Quân đội của Lon Nol đàn áp. Sihanouk đổ lỗi cho Khieu Samphan, Hou Youn, Hu Nim nên cả ba đã phải theo Pol Pot về vùng rừng núi Ratanakini. Nghĩ rằng thời cơ đã chín mùi, đảng cộng sản Campuchia bắt đầu phát động cuộc đấu tranh vũ trang chống chính quyền. Cuộc đấu tranh này mới đầu còn bị Việt Nam kìm hãm vì Bắc Việt vẫn cần lợi dụng Sihanouk, nhưng sau cuộc đảo chính của tướng Lon Nol, Việt Nam giúp đỡ tích cực hơn và quân Khmer Đỏ cũng bắt đầu được sự ủng hộ trực tiếp của khối Cộng, nhất là Trung Hoa. Nhờ các sự giúp đỡ đó, cùng sự quyết tâm và tuyên truyền, họ đã chiến thắng quân đội Lon Nol ngày 17-4-1975.

● CHƯƠNG 04

Chính quyền của nước Campuchia Dân Chủ

Ngày 17-4-1975, quân Khmer Đỏ tiến vào Phnom Penh, chính thức nắm chủ quyền.

Trên danh nghĩa, chính phủ Campuchia lúc đó vẫn là chính phủ Hoàng Gia Thống Nhất Quốc Gia Campuchia, một liên minh giữa hai phe Sihanouk và Khmer Đỏ thành lập năm 1970 tại Bắc Kinh để đối phó lại chính phủ Cộng Hoà của tướng Lon Nol. Chính phủ đó do Sihanouk quốc trưởng, Pen Nouth thủ tướng, Khieu Samphan phó thủ tướng kiêm bộ trưởng Quốc Phòng, Hu Nim bộ trưởng Thông Tin, Hou Youn bộ trưởng Nội Vụ.

Trong chính phủ đó, Sihanouk và Penn Nouth chỉ có hư vị. Từ 1970 đến 1975, Sihanouk phải ở lì tại Bắc Kinh, bị Ieng Sary lúc đó là trưởng phái bộ liên lạc giám sát. Ông ta chỉ được về thăm mật khu Khmer Đỏ một lần vào tháng 3-1973 khi nhờ Phạm Văn Đồng can thiệp với Trung Hoa để áp lực Ieng Sary. Sau ngày 17-4-1975, Sihanouk vẫn chưa được về nước mà phải đợi đến ngày 19-8-1975 Khieu Samphan và Ieng Thirith mới qua Bình Nhưỡng đón về. Còn Hou Youn khi vào Phnom Penh đã bị mất tích bí mật, có lẽ bị thủ tiêu vì chống chính sách quá khích.

Vào Phnom Penh, đảng cộng sản Campuchia núp dưới tên “Tổ Chức” (Angkar) bắt đầu củng cố quyền hành, thanh toán các thành phần đối lập, và thi hành ngay chủ nghĩa

Cộng Sản không tưởng của họ bằng cách di tản tất cả cư dân thành phố về nông thôn.

Ban thường vụ trung ương đảng lúc đó gồm Pol Pot, Nuon Chea, Ta Mok, So Phim, Ieng Sary, Von Verth, Son Sen và Takeu. Sau Pol Pot, nhân vật số hai Nuon Chea là cán bộ cộng sản kỳ cựu, đã gia nhập đảng cộng sản Thái Lan trước khi gia nhập đảng cộng sản Đông Dương. Ở đại hội đảng năm 1960, Nuon Chea ở vị trí số hai. Sau khi tổng bí thư Tou Samouth mất tích, Nuon Chea vẫn đứng hàng thứ hai, để Pol Pot lên thay. Có lẽ vì không tham vọng và trung thành nên Nuon Chea dù là cháu của Sieu Heng vẫn được Pol Pot tin cậy. Trong đảng, Nuon Chea đặc trách vụ tổ chức (tương đương với Lê Đức Thọ của Việt Nam lúc đó). Trước 1975, Nuon Chea là tư lệnh phó Khmer Đỏ kiêm chính uỷ toàn quân. Hai uỷ viên khác là Ta Mok và So Phim là hai bí thư khu uỷ uy tín nhất. Von Verth trước 1975 là bí thư thành uỷ Phnom Penh, Ta Mok là chỉ huy trưởng quân sự khu Tây Bắc. Tháng 7-1975, Pol Pot triệu tập đại hội bí thư khu uỷ để thống nhất quân đội và định lại ranh giới. Quốc gia Campuchia được chia ra bảy khu. Đó là các khu Tây Nam (bí thư Ta Mok), Tây Bắc (Nhim Ros thay Takeu), Bắc (Khoy Thoun), Đông (So Phim) Trung ương (Ke Pauk), Đông Bắc (Men San), Tây (Chu Chet).

Trước đó, trong chiến tranh, các bí thư khu uỷ hành động độc lập và được coi như những lãnh chúa, kiêm nhiệm cả về hành chính lẫn quân sự, toàn quyền sinh sát. Sau đại hội, tất cả các bí thư khu uỷ biểu quyết chấp thuận đường lối cộng sản quá khích của Pol Pot và đồng ý giao lại hai phần ba quân số cơ hữu của mỗi quân khu cho Trung ương, để thành lập một quân đội thống nhất, chính qui. Một phần ba còn lại trở thành lực lượng cơ hữu quân khu. Khmer Đỏ vẫn núp dưới cái tên Tổ Chức và Pol Pot vẫn còn là một nhân vật bí mật. Sihanouk và Pen Nouth tuy được mang danh quốc trưởng và thủ tướng nhưng chỉ là hư

danh, không có quyền hành và gần như bị giam lỏng.

Ngày 5-1-1976, Khmer Đỏ đưa ra hiến pháp chính thức của Campuchia. Hiến pháp không nói về các quyền tự do căn bản mà chỉ nhắc đến chính sách cưỡng bách lao động với câu “*tuyệt đối không có nạn thất nghiệp.*”

Hai tuần sau, quốc hội Campuchia được chỉ định, đa số đại biểu là bí thư các quận khu và chi khu, Nuon Chea được cử làm chủ tịch. Theo hiến pháp, quốc gia Campuchia có một Hội Đồng Chủ Tịch Nhà Nước do quốc hội bầu. Sihanouk, quốc trưởng được chỉ định, thấy không còn con đường nào khác, đành phải nộp đơn từ chức. Quốc hội đề cử Khieu Samphan giữ chức chủ tịch Hội Đồng Nhà Nước, So Phim đệ nhất phó chủ tịch, Nhim Ros đệ nhị phó chủ tịch. Sihanouk từ đó bị quản thúc. Ngày 12-4-1976, chính phủ Khmer Đỏ chính thức ra mắt. Thủ tướng là Pol Pot, Ieng Sary bộ trưởng Ngoại Giao, Son Sen bộ trưởng Quốc Phòng, Von Verth phó thủ tướng đặc trách Kinh Tế, Khoy Thoun bộ trưởng Kỹ Nghệ, Thioun Thioeun bộ trưởng Y Tế, Hu Nim bộ trưởng Thông Tin, Tauch Phoem bộ trưởng Công Chánh. Vợ Son Sen là Yun Yet bộ trưởng Văn Hoá Giáo Dục, vợ Ieng Sary là Thirith bộ trưởng Xã Hội.

Trái với mong đợi của nhiều người, nhất là người dân Campuchia, ngày 17-4-1975 không đánh dấu kỷ nguyên hoà bình no ấm mà bắt đầu một giai đoạn đen tối nhất của lịch sử Campuchia. Là người cộng sản cuồng tín, tập đoàn lãnh đạo Khmer Đỏ kết hợp thực nghiệm xã hội chủ nghĩa đẫm máu của Stalin và Mao Trạch Đông với kinh nghiệm lao động nô lệ đời vua Jayavarman VII đến mức độ cực đoan, gần như điên cuồng. Cũng công xã, cũng tập thể, cũng kinh tế chỉ huy, đường lối không tưởng tiến thẳng lên cộng sản chủ nghĩa đã đưa đến một thảm họa chưa từng thấy cho toàn dân tộc Campuchia.

Dĩ nhiên công tác đầu tiên và chính yếu của một đảng cộng sản khi mới nắm chính quyền là “nắm vững chuyên

chính vô sản”, “tiêu diệt những phần tử phản cách mạng”. Nhưng hơn cả Stalin, Mao Trạch Đông và Hitler, đường lối của Khmer Đỏ đã gây ra thảm kịch tự diệt chủng hơn một phần tư dân số. Cũng như cộng sản Việt nam hay nói chửi (“đỉnh cao trí tuệ”, “ba dòng thác cách mạng”...), cộng sản Campuchia gọi những thành phần đối nghịch cần tiêu diệt là “ba ngọn núi quyền lực phản động”. Ba ngọn núi kể trên lần lượt là đế quốc, phong kiến và tư sản mại bản. Nhưng sự suy diễn và xếp loại các thành phần này rất mơ hồ và lỏng lẻo. Đế quốc ngoài những viên chức hay sĩ quan, hạ sĩ quan chế độ cũ, còn là bất cứ người nào liên quan đến ngoại quốc như người gốc Việt, gốc Ấn, gốc Hoa, gốc Chăm. Cũng thế, phong kiến không chỉ là người liên quan đến hoàng tộc mà còn là những người tương đối có địa vị trong xã hội cũ như chuyên viên, trí thức, tăng ni... Còn tư sản mại bản là thương gia, tiểu thương, nhất là những người cho vay nặng lãi.

Những người đầu tiên Khmer Đỏ phải giải quyết ngay là các sĩ quan viên chức chế độ cũ. Họ bị kêu đi trình diện ngay trong ngày 17-4-1975. Trong danh sách “bảy tên phản bội” mà đài phát thanh Khmer Đỏ tuyên án tử hình trước khi vào Phnom Penh gồm Lon Nol, Sirik Matak, Long Boret, tướng Fernandez, cựu thủ tướng In Tam, cựu quốc trưởng Cheng Heng, và Sơn Ngọc Thành, chỉ có hoàng thân Sirik Matak và thủ tướng Long Boret còn ở lại. Cả hai đều đã từ chối lời mời của đại sứ Dean cùng lên máy bay di tản. Hoàng thân Sirik Matak bị bắt khi tị nạn trong toà đại sứ Pháp, còn Long Boret thì chán nản, mệt mỏi, gọi điện thoại cho Khmer Đỏ chỉ đường cho đến nhà bắt. Dĩ nhiên cả hai bị giết ngay. Các sĩ quan cao cấp của quân Cộng Hoà cũ sau khi khai lý lịch bị bắn chết ngay ở sân vận động thành phố, còn các viên chức dân sự bị xử tử ở hội quán thể thao Phnom Penh. Trong số người bị giết trong ngày đầu tiên có tướng Lon Non, em ruột Lon Nol, các tướng Chim

Chuong, Hem Keth Dong, phát ngôn viên quân sự Am Rong, các bộ trưởng trong chính phủ cũ, chủ tịch quốc hội Ung Bun Hor, cao tăng Phật Giáo Samdech Saugh. Riêng tại Battambang, ngày 23-4-1975, Khmer Đỏ đem sáu xe vận tải chở các sĩ quan nói là đi đón Sihanouk nhưng lại đưa đến một địa điểm hoang vắng phục kích tàn sát hết, chỉ có bốn người chạy thoát trốn sang Thái Lan. Đồng thời khoảng ba trăm hạ sĩ quan cũng bị giết tại một địa điểm khác. Sau các sĩ quan, hạ sĩ quan, một số binh lính cùng những người thuộc hai “ngọn núi phản động” còn lại cũng dần dần bị bắt và thủ tiêu, trong lúc đang còn trên đường di chuyển, hoặc sau khi đã đến nơi định cư.

Ngay từ ngày đầu tiên, song song với công tác tiêu diệt các phân tử phản cách mạng, cộng sản Campuchia bắt đầu thực hiện cuộc cách mạng thứ hai, cuộc cách mạng tiến thẳng lên cộng sản chủ nghĩa và xây dựng một quốc gia Campuchia “hùng cường thịnh vượng” trong vòng mười năm bằng cách áp dụng chính sách kinh tế tập trung, thiết lập một xã hội cộng sản nguyên thủy và cưỡng bách lao động toàn thể dân chúng. Họ phá hoàn toàn hệ thống kinh tế cũ, bãi bỏ tiền tệ, bãi bỏ tư hữu, tiêu diệt giai cấp tư sản và các thành phần buôn bán. Toàn thể dân chúng ở Phnom Penh cũng như các thành phố lớn như Battambang, Kompong Cham, Siem Reap, Kompong Thom... phải di tản về các vùng quê hẻo lánh xa xôi để tham gia lao động sản xuất. Chưa kịp hưởng một giây phút chào đón hoà bình, họ bắt buộc phải di tản ngay, vì theo Khmer Đỏ, “máy bay Mỹ sắp oanh tạc thành phố”. Đối với Khmer Đỏ, dân thành thị được coi như thành phần khả nghi, phản động, ăn bám, trong chiến tranh đã không đóng góp gì cho “cách mạng”. Tất cả mọi người kể cả thương binh, người già yếu bệnh tật phải rời thành phố ngay lập tức. Con đường di chuyển được quyết định một cách độc đoán. Có người phải đi bộ hàng tuần, có người phải đi bộ hàng tháng mới đến nơi định cư.

Nhiều người bị chết trên đường đi vì đói khát, bệnh tật, hoặc bị xử tử vì đủ mọi lý do. Suốt hơn bốn năm Khmer Đỏ nắm chính quyền một bầu không khí khủng bố và chết chóc bao phủ toàn quốc Campuchia.

Ngay sau khi đến nơi định cư, những người dân thành thị di tản bị xếp vào thành phần “người mới” để phân biệt với “người cũ” là người địa phương từng ở dưới sự cai trị của Khmer Đỏ trước đó. “Người mới” phải ở cách biệt với “người cũ”. Nhiều khi, vì nhu cầu công tác, họ phải đổi chỗ định cư luôn, và phải thi hành các công tác nặng nhọc nhất, dưới điều kiện khắc nghiệt nhất, ở những nơi khí hậu và đất đai khó khăn như những vùng rừng núi, sinh lầy. Đời sống riêng tư bị cấm đoán và phương tiện y tế hầu như không có. Khẩu phần của người mới lúc nào cũng thiếu thốn (thường thì người cũ được hai bát cơm một bữa, người mới một bát rưỡi). Khi địa phương thiếu lương thực thì người mới lãnh hậu quả trước tiên. Gia đình người mới bị phân tán khắp nơi, tùy theo tuổi và nhu cầu, nhất là các thiếu niên dưới mười tám tuổi phải ở riêng với cha mẹ để khỏi bị “ô nhiễm ý thức hệ” cũ. Kể cả ông hoàng Sihanouk cũng có một số con cái bị phân tán, không biết lao động ở đâu và sau này chết nơi nào. Người mới thường xuyên bị theo dõi, bị khai lý lịch, bị kiểm, có thể bị kết tội và xử tử bất cứ lúc nào. Nếu không bị bắt vì lý lịch, thì có thể bị bắt và bị giết vì lười lao động, vì tỏ thái độ bất mãn hay có quan hệ tình cảm bị cấm đoán. Người bị kết tội không cần phải ra toà, và để tiết kiệm đạn họ sẽ bị xử tử bằng búa, rìu, hay bị trùm túi nhựa cho đến khi chết vì nghẹt thở.

Những người sống sót cùng “người cũ” đều được đội ngũ hoá, được xếp thành tổ, xã, phường, quận... Về lao động sản xuất, người dân Campuchia được tổ chức thành những “lực lượng”, “hợp tác”, công đoàn”, “nông trường.”

Sau khi nhân dân đã được đội ngũ hoá như thế cả nước Campuchia trở nên một trại tập trung khổng lồ.



Bà Monique (vợ Sihanouk), Kieu Samphan, Sihanouk, Hu Nim, ở một khu trong thời chiến tranh với Lon Nol (nguồn Wikipedia)



Mao Trạch Đông, Pol Pot (giữa) và Ieng Sary. – Hình : news.china.com

Dân chúng phải làm việc mỗi ngày từ sáu giờ sáng đến tám chín giờ đêm. Sau đó còn phải họp tổ để kiểm điểm. Hầu như trong năm không có ngày lễ. Những ngày nghỉ được luật quy định là những ngày 10, 20, 30 trong tháng, nhưng điều này hiếm khi được thực hiện.

Mục tiêu đội ngũ hoá cả nước được Khieu Samphan hoạch định trong luận án tiến sĩ kinh tế tại Sorbonne năm 1959. Ông ta viết: “*Sự tổ chức có phương pháp tiềm năng của quần chúng nông dân sẽ làm tăng hiệu năng sản xuất lên hàng trăm lần*”, và biện pháp tiêu diệt tư hữu, cưỡng bách lao động, ăn ở tập thể này ít ra đã được một người tán phục. Đó là Mao Trạch Đông, tác giả “*Bước nhảy vọt vĩ đại*” ở Trung Hoa. Mao Trạch Đông khen Pol Pot: “*Chỉ trong một hành động mà các đồng chí đã thực hiện được những gì chúng tôi không làm được.*”

Nhưng không ai biết rõ hậu quả tai hại của đường lối này hơn Chu Ân Lai. Năm 1975, trên giường bệnh, ông ta đã khuyên Khieu Samphan và Ieng Thirith “*Hãy tiến từ từ từng giai đoạn, chậm mà chắc.*” Lúc đó, Khieu Samphan và Ieng Thirith nhìn nhau mỉm cười, không trả lời.

Tương tự Stalin trong những năm 1930 hay Mao Trạch Đông trong những năm 1960, chính sách quá khích của Khmer Đỏ đưa đến những hậu quả kinh tế tại hại. Hầu hết chuyên viên, trí thức đều bị giết hại hoặc bị tập trung, những nông trường do những cán bộ không có kinh nghiệm nông nghiệp chỉ huy, những công trình thuỷ lợi được xây dựng một cách ngu dốt, những nguyên tắc về quản trị và kế toán cơ bản không có khiến cho dù cả nước tập trung lao động đến kiệt quệ mà kết quả là mức sản xuất đã quá tồi tệ. Và rồi cũng như ở Liên Xô, Trung Hoa, Việt Nam... để đổ lỗi cho những thất bại, một cuộc thanh trừng nội bộ triền miên bắt đầu. Sau khi các thành phần thuộc “ba ngọn núi phản động” đã bị tiêu diệt, nạn nhân chính của cuộc thanh trừng là những người bị nghi ngờ là tay sai ngoại bang cài

vào để phá hoại chế độ. Các nạn nhân đầu tiên thường bị gán là tay sai CIA phá hoại kinh tế, nhưng các nạn nhân về sau thì bị cho là tay sai Việt Nam nằm vùng phá hoại cả kinh tế, chính trị lẫn quân sự của chế độ. Điển hình cho những đợt thanh trừng này, có thể thấy khi xét đến những thành phần tù nhân bị bắt vào Tuol Sleng.

Toàn quốc Campuchia có nhiều trung tâm thẩm vấn nhưng Tuol Sleng, có nghĩa “đồi độc dược” bí danh S21, là trung tâm thẩm vấn nổi tiếng và điển hình, vì nó ở ngay Phnom Penh, đã giam giữ và thủ tiêu những nhân vật quan trọng, và vì đã để lại hồ sơ những can phạm rất đầy đủ.

So với các địa ngục trần gian như Đầm Đùn, Lý Bá Sơ, Phan Đăng Lưu, Lubyanka... thì Tuol Sleng đạt đến tột cùng của sự tàn ác. Thành lập năm 1976, đến cuối năm 1978, trung tâm này đã giam giữ khoảng 20,000 tù nhân. Tra tấn ở nơi đây trở nên một quy luật. Tài liệu ở Tuol Sleng ghi rõ *“công tác của ngành công an đặc biệt là một công tác đấu tranh giai cấp. Dù bí mật của địch sâu kín đến mức nào, chúng ta cũng sẽ lôi ra cho được.”*

Nó cũng là một nghệ thuật: *“Chúng ta sẽ phải làm tất cả những gì cần thiết để kẻ thù lúc nào cũng mơ hồ về vấn đề được sống hay chết, và còn hy vọng là có thể sống sót”,* hay một khoa học: *“Chúng ta không tra tấn quá nặng tay. Nếu chúng vẫn còn đau ngay cả khi không bị đánh, chúng ta sẽ thu thập rất ít. Nếu chúng bị tra tấn đến nỗi không mở miệng nói, điều đó sẽ gây phiền phức cho đảng.”*

Với đường lối tra tấn dã man này, người bị bắt khó tránh khỏi ký tên nhận bừa tội lỗi để được chết sớm.

Chỉ huy trại Tuol Sleng là Duch, tên thật là Kang Kek Iew, trước kia là giáo viên, tham gia phong trào cộng sản ở khu Tây Nam dưới quyền Ta Mok. Năm 1972 Duch phụ trách an ninh ở Phnom Penh dưới quyền Von Verth. Sau 1975, là chỉ huy trưởng Công An toàn quốc, chỉ dưới quyền Pol Pot và Son Sen.



← Duch
trưởng trại
Tuol Sleng.
Cộng số 8,
phát minh từ
những nhà tù
CS VN →
(Nguồn:
[www.tuolslen
g.com](http://www.tuolslen
g.com))



**Khoy Thoun, cựu bộ trưởng kỹ nghệ (trái) – Cô Nguyễn Thị Ba (phải)
bị bắt vào Tuol Sleng vì là người Việt. (Nguồn www.tuolsleng.com)**

Theo thời gian, trại này bành trướng dần. Năm 1976, trung tâm chỉ có hai ngàn tù nhân, năm 1977 tăng lên sáu ngàn, năm 1978 lên mười hai ngàn. Những thành phần bị bắt và thủ tiêu cũng thay đổi. Mới đầu là người ít nhiều có dính dáng đến chế độ cũ như giáo sư, bác sĩ, sinh viên, binh sĩ. Sau đó là các phần tử khả nghi phá hoại kinh tế như công nhân, cán bộ chỉ huy và “kiều bào hải ngoại yêu nước” trở về phục vụ. Trong đợt này còn có Khoy Thuon, bộ trưởng Kỹ Nghệ và Nhim Ros, bí thư khu uỷ khu Tây Bắc vì không đạt chỉ tiêu sản xuất. Sau cùng là những

người bị tố có “thân xác Khmer và đầu óc Việt nam”, kể cả những cán bộ cao cấp như Keo Meas, Hu Nim, Von Verth.

Việc thanh trừng Keo Meas mở đầu giai đoạn công khai cắt đứt quan hệ với Việt Nam. Keo Meas là một đảng viên cộng sản kỳ cựu từ thời Đông Dương Cộng Sản Đảng, từng là bí thư thành uỷ Phnom Penh trước Pol Pot. Năm 1958, vì xuất hiện công khai đề tranh cử quốc hội nên Keo Meas bị lộ tông tích và bị mật vụ Sihanouk theo dõi, phải trốn sang Việt Nam. Tới 1960 Keo Meas từ Việt Nam lên lút trở về tham dự đại hội đảng lần thứ nhất, được bầu lên làm một trong năm ủy viên thường vụ. Sau khi Tou Samouth chết, trong đại hội đảng lần thứ hai năm 1963, Keo Meas bị mất chức, nhưng còn uy tín với một số đồng chí cũ nên được giao phó trọng trách viết lịch sử đảng.

Thời gian đó, cộng sản Campuchia đã có hai phe, phe cựu đảng viên như Keo Meas vẫn coi 30-9-1951 là ngày đầu thành lập đảng. Phe thứ hai do Pol Pot đứng đầu, không ưa có dấu tích Việt Nam nên muốn lấy 21-9-1960 là ngày kỷ niệm. Phe Pol Pot mạnh hơn, nhưng trong chiến tranh đang cần Việt Nam giúp đỡ nên Keo Meas đưa ra giải pháp dung hoà là lấy 30-9, ngày thành lập đảng Nhân Dân Cách Mạng làm ngày kỷ niệm, nhưng lấy năm 1960, năm thành lập đảng Lao Động Campuchia là năm đầu tiên của phong trào cộng sản. Cuộc tranh chấp giữa hai phe trở nên công khai vào tháng 9-1976, khi Keo Meas viết trên tờ Cờ Đỏ, cơ quan ngôn luận của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản, công nhận đảng cộng sản Campuchia thành lập năm 1951, đã được sự giúp đỡ của các đảng cộng sản anh em, nhất là Việt Nam. Trong khi đó, báo Cờ Cách Mạng, tờ báo chính thức của trung ương đảng Cộng Sản Campuchia, viết đảng thành lập năm 1960, theo đường lối riêng biệt Khmer và hoàn toàn do tự lập.

Trước sự chia rẽ đó, Pol Pot tuyên bố tạm từ chức thủ tướng vì lý do sức khỏe, lui vào bóng tối lãnh đạo cuộc

thanh trừng. Mấy ngày sau, Keo Meas bị bắt, và sau khi bị tra tấn, đành thú nhận ý kiến dung hoà về ngày 21-9-1960 là âm mưu phá hoại sự chính thống và hợp pháp của đảng Cộng Sản Campuchia. Sau vụ thanh toán Keo Meas, tập đoàn Pol Pot, Nuon Chea, Son Sen và Duch càng tin chắc Việt Nam mưu toan phá hoại đảng và chế độ nhằm thôn tính Campuchia, thành lập Liên Bang Đông Dương. Nhất là sau đó, tháng 12-1976, Việt Nam ký thông cáo thân hữu với Lào, nêu mục tiêu thiết lập “quan hệ đặc biệt” giữa ba nước. Nhưng tình hình biên giới giữa hai nước lúc đó vẫn tạm yên, vì Trung Hoa, sau cái chết của Mao Trạch Đông ngày 9-9-1976, đang đấu tranh nội bộ gay gắt. Mấy tháng sau, khi tình hình Trung Hoa đã sáng tỏ, các nhà lãnh đạo mới ở Bắc Kinh tái xác nhận ủng hộ đường lối của đảng Cộng Sản Campuchia, Pol Pot mới ra lệnh phát động cuộc chiến biên giới trên một qui mô rộng lớn. Nhưng cuộc chiến không giúp Pol Pot có được sự đoàn kết trong nội bộ đảng và nhân dân mà gây thêm nghi ngờ và chia rẽ. Nhất là sau vụ thanh toán So Phim và quân đội quân khu Đông, chế độ Khmer Đỏ đi nhanh hơn trên con đường tự huỷ hoại, và hơn một năm sau bị sụp đổ.

THAM KHẢO :

- *Campuchia, A Country History, Bộ Lục quân Hoa Kỳ 1989.*
- *When The War Was Over, Elizabeth Becker, Nxb. Simon, Shuster, New York.*
- *Campuchia Year Zero của Francois Ponchaud, Nxb. Holt, Rinehart and Winston, New York.*
- *The Vietnam-Campuchea Conflict, Foreign Languages Publishing, House, Hà Nội.*

● CHƯƠNG 05

Nội tình Việt Nam, Campuchia và Trung Hoa sau năm 1975.

Sau chiến thắng của Khmer Đỏ và Việt Nam năm 1975, quan hệ Việt Nam và Campuchia bước vào một giai đoạn mới. Năm được chính quyền, kẻ thù cũ đã bị đánh bại, cái mặt ngoài đoàn kết giữa hai đảng cộng sản không cần che giấu nữa. Những bất hoà tranh chấp cũ lộ ra. Chiếm được chính quyền cùng một thời gian, cùng muốn thực hiện chủ nghĩa cộng sản, lãnh tụ của cả hai đảng cộng sản đã đưa ra các chính sách kinh tế tệ hại, các đường lối ngoại giao ngu tối, khiến rắc rối giữa hai nước phải giải quyết bằng súng đạn ngay những ngày đầu tiên. Một phần có lẽ dùng “bạo lực” để giải quyết mọi vấn đề là phương cách hữu hiệu duy nhất mà cả hai phe cùng biết.

Thêm nữa, tình hình càng trầm trọng và diễn ra ở quy mô rộng lớn, vì ngoài tranh chấp biên giới và khác biệt ngoại giao giữa hai nước, sự sụp đổ chính phủ miền Nam Việt Nam và sự rút lui của quân đội Mỹ, đã tạo khoảng trống làm thay đổi cán cân lực lượng, khiến Trung Hoa càng quan tâm đến tình hình trong vùng. Dù những năm đó, Trung Hoa đang tranh chấp quyền lực nội bộ đẫm máu, nhưng mối quan ngại về an ninh lãnh thổ cùng bản chất bành trướng và tinh thần “Đại Hán” không lúc nào bị suy giảm. Bị áp lực nặng nề của Liên Xô ở biên giới phía bắc, Trung Hoa không bao giờ muốn có một nước Việt Nam

thân Liên Xô ở biên giới phía nam, nhất là Việt Nam còn có mưu toan thống trị toàn cõi Đông Dương để trở nên một thế lực quân sự hùng mạnh. Ở hoàn cảnh như thế, và từng biết chủ trương bành trướng của Trung Hoa từ hàng ngàn năm qua, cộng sản Việt Nam dù bề ngoài luôn ca ngợi tình anh em thân thiết, chắc chắn không thể thiếu cảnh giác về mối đe dọa của nước láng giềng phương Bắc và không thể mặc cho Campuchia gây rối ở biên giới tây nam.

Riêng Campuchia, định kiến và kinh nghiệm lịch sử về Việt Nam in sâu trong trí khiến các lãnh tụ Khmer Đỏ rất nhạy cảm về vấn đề an ninh và sự toàn vẹn lãnh thổ. Sự nghi ngờ cộng với sự kiêu ngạo mù quáng của giới lãnh đạo cộng sản cả hai nước đã khiến các xích mích lẻ tẻ ở biên giới trở nên ngày càng nghiêm trọng đưa đến sự xâm lăng của Việt Nam vào lãnh thổ Campuchia và sự xua quân tàn phá biên giới phía bắc Việt Nam của Trung Hoa.

Với cộng sản Campuchia, bao nhiêu oán hờn nhẫn nhịn chất chứa được phần nào giải tỏa sau khi chiếm được chính quyền. Vừa vào Phnom Penh, Pol Pot đã ra chỉ thị tám điểm trong đó có điểm trục xuất Việt kiều và tăng cường quân đội ở biên giới. Chỉ nội ba tháng, gần hai trăm ngàn Việt kiều ở Campuchia bị cưỡng bách hồi hương, tràn về các tỉnh Tây Ninh, An Giang. Đầu tháng 5, hải quân nhỏ bé của Campuchia được huy động đi chiếm các đảo ngoài khơi vịnh Thái Lan. Ngày 4-5-1975, họ bắn phá đảo Phú Quốc và một tuần sau, chiếm đảo Thổ Châu, tàn sát khoảng năm trăm cư dân trên đảo. Sáng 12-5-1975, họ tiến chiếm đảo Hòn Trọc (Wai) ⁽²⁹⁾ là hòn đảo trong vùng tranh chấp giữa hai nước từ thời Pháp thuộc. Sau 1954, các chính phủ Ngô

⁽²⁹⁾*Theo Huy Đức trong Bên Thắng Cuộc, chỉ huy đánh Phú Quốc, Thổ Châu, đảo Wai là Khe Muth, con Ta Mok. Một tuần sau, quân Việt Nam tái chiếm đảo Wai dưới sự chỉ huy của Phạm Văn Trà là trung đoàn trưởng trung đoàn U Minh, sau lên bộ trưởng Quốc Phòng.*

Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu đã công bố chủ quyền trên đảo và cho hải quân Việt Nam Cộng Hoà bảo vệ. Vì yếu thế nên dù Sihanouk cực lực phản đối cũng không kết quả. Trong cơn say chiến thắng, chiều ngày 12-5-1975, bộ đội Khmer Đỏ bắt giữ chiếc tàu dân sự Mayaguez của Mỹ chạy gần đảo đó. Nhưng trước khi bị bắt, chiếc tàu đã đánh điện cầu cứu và chính phủ Mỹ biết tin về vụ bắt giữ chiếc tàu trước chính phủ Campuchia.

Đang cay đắng về thất bại ở Việt Nam, Mỹ phản ứng mạnh mẽ. Tổng thống Ford ra tối hậu thư đòi Campuchia trả tự do cho chiếc tàu trong hai mươi bốn giờ. Vì phương tiện truyền tin thô sơ nên khi bộ trưởng Thông Tin Hu Nim⁽³⁰⁾ thay mặt chính phủ Campuchia ra lệnh bộ đội quân khu Tây Nam trả tự do cho chiếc tàu trên đài phát thanh Phnom Penh thì đã quá muộn. Thủy quân lục chiến Mỹ đã đổ bộ đảo Hòn Trọc và không quân Mỹ bắn phá hải cảng Kompong Som. Ieng Sary sau đó đổ thừa vụ bắt giữ này cho đơn vị quân sự địa phương. Nhưng do chuyện này, xưởng lọc dầu duy nhất của Campuchia bị tiêu huỷ và hải quân vốn đã nhỏ bé của Campuchia bị tổn hại nặng nề.

Hai tuần lễ sau, khi đã tạm thời ổn định chính quyền, Việt Nam phản công chiếm lại đảo Thổ Châu, và ngày 2-6-1975, Nguyễn Văn Linh từ Sài Gòn lên Phnom Penh phản kháng. Mười ngày sau, phái đoàn Campuchia gồm Pol Pot, Ieng Sary, Nuon Chea đi Hà Nội thảo luận về vấn đề biên giới. Họ muốn cuộc thảo luận căn cứ trên bản tuyên bố của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà năm 1967 về vấn đề biên giới. Những năm đó Sihanouk nghiêng về Bắc Việt, và dù cảm thấy biên giới do Pháp quy định khiến Campuchia bị thiệt thòi, Sihanouk cũng chấp nhận để Việt Nam khôi phục lại lãnh thổ. Lúc đó Bắc Việt đang cần sự ủng hộ của

⁽³⁰⁾ *Bí danh Phoas, bị bắt vào Tuol Sleng và chết trong đó năm 1977.*

Sihanouk nên cũng tỏ ra mềm dẻo. Nhưng sau chiến thắng họ thấy không cần nhượng bộ nữa. Đồng thời cùng ngày Pol Pot tới Hà Nội, Việt Nam tái chiếm đảo Hòn Trọc. Cuộc thương thuyết về biên giới không đi đến đâu, phái đoàn Campuchia rời Hà Nội đi Bắc Kinh.

Lúc đó Chu Ân Lai đang bệnh và phe quá khích của Giang Thanh đang thắng thế. Cùng chia xẻ mối quan tâm về đường lối thân Nga, về tham vọng đất đai của Việt Nam, và gần gũi hơn về đường lối tiến thẳng lên cộng sản chủ nghĩa nên phái đoàn Campuchia được tiếp đón nồng nhiệt. Mao Trạch Đông hết lời ca ngợi Pol Pot. Sau đó, Trung Hoa hứa viện trợ cho Campuchia một tỉ mỹ kim trong vòng năm năm, đồng thời cũng bí mật cứu xét viện trợ quân sự cho Campuchia.

Ngày 2-8-1975, một phái đoàn cao cấp của Đảng Lao Động Việt Nam do Lê Duẩn, Phạm Hùng, Xuân Thủy qua thăm Phnom Penh đáp lễ. Cuộc viếng thăm ngắn ngủi và lạnh nhạt. Để lấy lòng Trung Hoa, Việt Nam tỏ ra mềm dẻo, công nhận chủ quyền Campuchia trên đảo Hòn Trọc và hứa sẽ trao trả. Đảo này được giao về Campuchia tháng 10-1975. Theo Sihanouk, Việt Nam lại tái chiếm đảo này năm 1978. Bang giao giữa hai nước dịu đi đôi chút, nhưng bất hoà căn bản vẫn ngấm ngấm. Tháng 9-1975, khi Sihanouk và Kieu Samphan đến Hà Nội dự lễ quốc khánh Việt Nam, Phạm Văn Đồng mời phái đoàn dự tiệc “thân mật” với các phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và Lào, Kieu Samphan từ chối tức khắc, sau đó giải thích với Sihanouk rằng đó là cái bẫy của Việt Nam để tiến tới thành lập Liên Bang Đông Dương. Dịp quốc khánh đó của Việt Nam cũng là dịp Trung Hoa thăm dò lập trường Việt Nam khi họ cử tướng Trần Tích Liên, ủy viên Bộ Chính Trị và tư lệnh quân khu Bắc Kinh làm trưởng phái đoàn tham dự.

Việc bổ nhiệm tướng Liên mang một ý nghĩa chính trị đặc biệt, vì ông ta là viên tướng tư lệnh chỉ huy quân đội

Trung Hoa trong những trận đụng độ với Liên Xô ở biên giới năm 1969. Trên đường đến Hà Nội, tướng Liên ghé thăm nhà máy gang thép Thái Nguyên đang được Trung Hoa giúp tái xây dựng, đọc diễn văn kêu gọi đấu tranh chống “bá quyền”(Liên Xô). Đến Hà Nội ngày 31-8-75, tướng Liên được Phạm Văn Đồng “ôm hôn thăm thiết”, nhưng bài diễn văn chống bá quyền bị đục bỏ trên báo, đài Việt Nam. Đài Moscow lúc đó cực lực công kích hành động của tướng Liên, gọi đó là gây hấn và kém văn minh.

Việt Nam, sau bao năm nhờ có viện trợ của cả Liên Xô lẫn Trung Hoa để theo đuổi chiến tranh, đang rất cần viện trợ tái thiết nên cố gắng dung hoà với cả hai nước. Nhưng khi chiến tranh chấm dứt, mục tiêu chiến lược của hai nước này đã thay đổi. Liên Xô chỉ bằng lòng trợ giúp nếu Việt Nam chịu nằm trong quỹ đạo Liên Xô, kể cả về kinh tế lẫn quân sự, để giúp Liên Xô khống chế Trung Hoa và có một đầu cầu quân sự tại vùng nam Thái Bình Dương. Còn Trung Hoa lúc đó ngày càng thân thiện với Hoa kỳ và coi Liên Xô là kẻ thù số một, không thấy có nhu cầu giúp đỡ một nước Việt Nam độc lập và không chịu về phe mình chống Liên Xô. Vì thế tháng 8-1975, khi Lê Thanh Nghị, chủ tịch ủy ban kế hoạch nhà nước, người đã từng sang Trung Hoa xin viện trợ nhiều lần đến nỗi bị đặt cho biệt danh “tên ăn mỳ” lại sang xin viện trợ.⁽³¹⁾ Lần này Trung Hoa từ chối thẳng tay. Không nản chí, cuối tháng 9-1975, Lê Duẩn và Lê Thanh Nghị lại sang một lần nữa. Cuộc tiếp đón mới đầu diễn ra thân thiện cho tới khi Đặng Tiểu Bình, lúc đó vừa được phục chức phó thủ tướng sau khi bị thanh trừng lần thứ nhất, trong buổi tiệc tiếp tân đã đề cập đến “chủ nghĩa bá quyền” và ám chỉ Việt Nam nên liên kết với

⁽³¹⁾ Trong *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội*, Nguyễn Văn Trấn viết về Lê Thanh Nghị: “Chính phủ ta có một người phó thủ tướng bị gậy mà các nước xã hội chủ nghĩa đều nhắm mắt.”

Trung Hoa để chống lại Liên Xô. Tuy nhiên, trong đáp từ, Lê Duẩn không đã động gì đến bá quyền mà còn cảm ơn tất cả “những nước xã hội chủ nghĩa anh em” dĩ nhiên trong đó có Liên Xô, “trong cuộc đấu tranh chống đế quốc.”

Sự từ chối của Lê Duẩn đưa đến kết quả Trung Hoa từ chối viện trợ. Lê Duẩn cũng từ chối ra thông cáo chung và huỷ bỏ tiệc liên hoan đáp lễ. Ngày 25-9-1975, Lê Duẩn đáp xe lửa đi Thiên Tân về nước. Một tháng sau, Lê Duẩn sang Liên Xô. Trái với chuyến đi Trung Hoa, tại đây Lê Duẩn ký với Liên Xô một thông cáo chung nhất trí với Liên Xô trong đường lối đối ngoại. Với Trung Hoa, Việt Nam đã công khai đứng trong hàng ngũ đối lập.

Việt Nam lúc đó đã ý thức được vị thế của mình với Trung Hoa và sự liên kết giữa Trung Hoa – Campuchia, nên lợi dụng thời gian tranh chấp quyền lực ở Trung Hoa đi tới giai đoạn cực độ để củng cố hoàn cảnh của mình. Trước hết, họ loại Hoàng Văn Hoan, nhân vật thân Bắc Kinh khỏi bộ Chính Trị. Sau đó, họ bắt thàn triệu tập hội nghị sơ bộ ở Đà Lạt bàn về việc thống nhất hai miền Nam Bắc. Trưởng phái đoàn miền bắc là Trường Chinh, nhân vật số hai của đảng, còn trưởng đoàn miền nam là Phạm Hùng, nhân vật

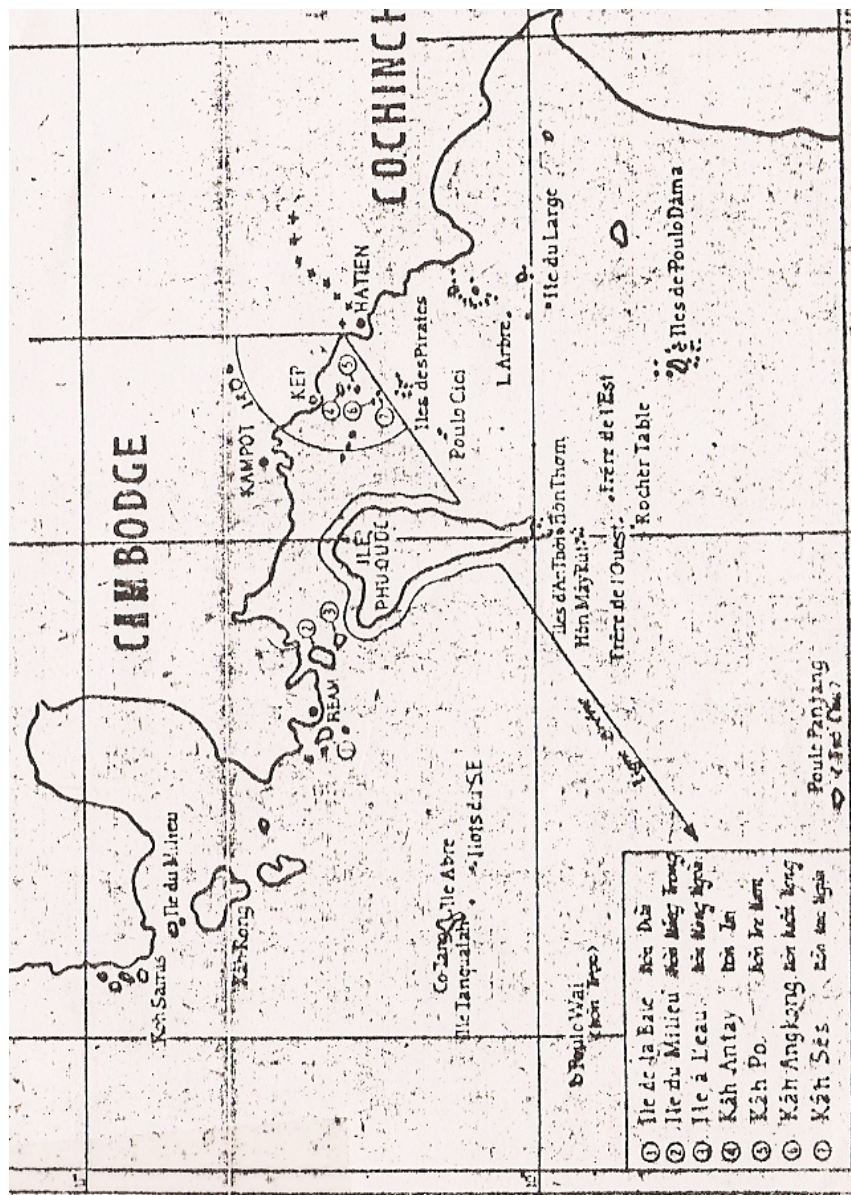


*Kaysone
Phomvihane,
tên Việt
Nguyễn Cai
Song,
còn có tên là
Nguyễn
Trí Mưu
(nguồn
Wikipedia)*

thứ tư, dĩ nhiên hội nghị đưa đến kết quả nhất trí. Trung Hoa chỉ có thể phản ứng yếu ớt, bằng cách công bố chủ quyền trên quần đảo Trường Sa. Việt Nam vẫn không nao núng. Tháng 2-1976, để chuẩn bị bầu quốc hội, họ bắt tất cả nhân dân trong nước phải khai quốc tịch. Những người không nhận quốc tịch Việt Nam bị mất hộ khẩu và không được mua khẩu phần lương thực. Dĩ nhiên, đại đa số Hoa kiều phải nhập tịch Việt Nam. Trung Hoa phản kháng dữ dội, nhưng Việt Nam không nhượng bộ. Đây là đụng chạm đầu tiên giữa hai nước về vấn đề Hoa kiều ở Việt Nam.

Sau khi thất chặt được sự kiểm soát nhân dân trong nước, Việt Nam tìm cách củng cố an ninh sườn biên giới Tây Bắc. Ngày 2-12-1976, Lê Duẩn sang Vạn Tượng, cùng Kayson Phomvihane⁽³²⁾, tổng bí thư đảng cộng sản Lào ký một thông cáo chung. Thông cáo chung này hứa hẹn “*tăng cường tình đoàn kết gắn bó giữa ba dân tộc Lào, Campuchia và Việt Nam.*” Đối với Campuchia, đây là bước đầu tiên của Việt Nam trong kế hoạch thành lập Liên Bang Đông Dương. Cộng sản Lào, trong chiến tranh chống Pháp, đã dựa vào Việt Nam mà phát triển, và trong chiến tranh Đông Dương thứ hai, đã nhờ Việt Nam mà chiếm được chính quyền. Sau 1975, Việt Nam còn để lại Lào hơn bốn mươi ngàn bộ đội. Thông cáo chung Việt Nam – Lào gián tiếp hợp thức hoá sự hiện diện của quân đội Việt Nam trên lãnh thổ Lào. Có được đồng minh như Lào làm trái độn, Việt Nam bảo đảm được sự an toàn ở biên giới phía Tây, cô lập sự tiếp vận đường bộ giữa Trung Hoa và Campuchia, và tạo thêm mối đe dọa cho Campuchia từ biên giới phía Bắc.

(³²) *Tổng bí thư đảng cộng sản Lào, sau 1975 làm thủ tướng Lào. Tên thật không rõ, con của Nguyễn Trí Loan, một công chức người Việt tại Lào. Khi Kayson Phomvihane chết, được Việt Nam bỏ ra 8 triệu mỹ kim xây đền kỷ niệm, nhưng theo Hàn Lệ Nhân, sau này Trung Hoa lại bỏ tiền làm một bức tượng thật lớn đặt trước đền để có điểm nhiều hơn.*



Lãnh hải Brevié vẽ năm 1939. Đảo Wai phía cực trái. Quần đảo Thổ Châu (Poulo Panjang) dưới cùng. Biên giới tuân tiêu của VNCH trước 1975 nằm trên lần ranh Brevié bao gồm luôn đảo Wai.

chiến thắng 30-4-1975, Việt Nam khinh miệt các quốc gia ASEAN, coi các nước này như tay sai hay chư hầu của đế quốc. Hiệp hội ASEAN này gồm Mã Lai, Thái Lan, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân, Nam Dương và sau này thêm Brunei, thành lập năm 1967, đã ít nhiều giúp đỡ Nam Việt Nam trong chiến tranh. Sau khi Nam Việt Nam bị đánh bại, các nước trên không còn coi Hoa Kỳ như đồng minh tin cậy, và thấy chỉ nên trông cậy vào sức mình, kể cả về quốc phòng cũng như kinh tế. Kết quả là họ đã đạt được những thành quả kinh tế tốt đẹp đến nỗi được gọi là “phép lạ.”

Nhìn rõ nền kinh tế ẻo uột của mình so với các nước lân bang, đồng thời hy vọng có thể nhận viện trợ từ phe tự do, tháng 7-1976, Việt Nam cử Phan Hiền đi thăm Mã Lai, Thái Lan, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân, Miến Điện. Phan Hiền tỏ ra rất mềm dẻo. Khi bị hỏi về những lời công kích các nước này trước kia của Việt Nam, trên báo chí cũng như đài phát thanh, Phan Hiền gượng gạo đổ lỗi là ý kiến của nhà báo chứ không phải lập trường chính phủ.

Những tháng cuối 1976 được coi như đỉnh cao cho tham vọng của giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Những tham vọng đó thể hiện trong đại hội đảng Cộng Sản lần thứ tư vào tháng 12-1976, trong đó, họ đặt ra các kế hoạch vĩ đại dựa trên mơ mộng về phép lạ của chủ nghĩa Mác, về tài ba quản lý kinh tế của những “đỉnh cao trí tuệ” và ước tính chủ quan về số tiền viện trợ hy vọng sẽ nhận từ Liên Xô, Trung Hoa, cùng các nước Tây Âu, Nhật Bản và Hoa Kỳ.

Đối với hai nước cộng sản Trung Hoa và Liên Xô, Việt Nam nghĩ họ đã hy sinh quá nhiều tài nguyên cũng như sinh mạng để làm tên lính tiên phong cho sự an ninh và bành trướng của khối Cộng, nên họ có quyền đòi các nước cộng sản đàn anh ủng hộ. Biết rõ sự tranh chấp giữa hai nước cộng sản đàn anh, Việt Nam vẫn hy vọng tiếp tục chính sách đu dây như trong những năm chiến tranh để nhận viện trợ từ cả hai nước. Dù mấy tháng trước, Trung

Hoa tỏ ra lạnh nhạt, nhưng sau biến cố ngày 6-10-1976 tại Bắc Kinh, phe quá khích “lũ bốn người” đã bị tiêu diệt. Với sự hồi phục của phe ôn hoà và Đặng Tiểu Bình, Việt Nam hy vọng Trung Hoa sẽ theo đuổi đường lối hoà hoãn hơn, nhất là sau khi thấy Việt Nam tỏ ra phần nào độc lập đối với Liên Xô. Tuy cuối năm 1975, Lê Duẩn đã công khai tuyên bố ủng hộ đường lối đối ngoại đối với phe tự do của Liên Xô, nhưng Việt Nam vẫn không muốn đứng hẳn trong quỹ đạo của họ. Việt Nam đã để Pháp được giữ toà lãnh sự ở Sài Gòn, nhưng Liên Xô bị từ chối. Các hãng thông tấn AP, Reuter, UPI đều có văn phòng tại Miền Nam nhưng hãng TASS thì không. Năm 1976, các hành động độc lập lại lộ liễu hơn. Dịp tham dự đại hội đảng lần thứ 25 của Liên Xô tháng 3-1976, Lê Duẩn công khai đề cao sự độc lập và nhấn mạnh mỗi đảng Cộng Sản có thể theo đuổi một đường lối riêng, phù hợp với điều kiện của mỗi nước. Liên Xô càng giận khi Việt Nam không gia nhập Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế Comecon của khối Cộng mà xin gia nhập Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế của khối Tư Bản tháng 9-1976.

Hai tháng sau, sóng gió giữa hai nước Việt – Xô được thể hiện qua nghi thức ngoại giao. Ngày 6-11-1976, khi đại sứ Liên Xô mở tiếp tân tại khách sạn Thắng Lợi mừng quốc khánh, Phạm Văn Đồng đến dự nhưng dành cả buổi tối để nói chuyện với đại sứ Pháp mà không đếm xỉa tới đại sứ Chaplin của Liên Xô. Bang giao Việt – Xô càng suy đồi hơn trong đại hội đảng lần thứ tư của đảng Cộng Sản Việt Nam cuối tháng 12-1976. Cùng với các phái đoàn cộng sản Đông Âu, lý thuyết gia Suslov, đại diện Liên Xô một lần nữa, vừa kín đáo vừa công khai, khuyến dụ Việt Nam gia nhập Comecon. Một lần nữa, Việt Nam từ chối, Suslov giận dữ trở về nước trước dự định.

Tỏ ra độc lập với Liên Xô, ngoài mục đích lấy lòng các lãnh tụ mới của Trung Hoa, Việt Nam còn hy vọng xin được tiền viện trợ từ các nước Tây Âu và Hoa Kỳ. Lúc đó,

Hoa Kỳ đã bầu một tổng thống tương đối chủ hoà là Carter. Còn ở châu Âu, ngoài các nước Bắc Âu như Thụy Điển công khai ủng hộ Bắc Việt trong chiến tranh, một số nước khác đều ít nhiều bất đồng với Hoa Kỳ. Trong hoàn cảnh quốc tế đó, với đầu óc chủ quan tự cho mình là quan trọng, giới lãnh đạo Việt Nam nghĩ họ có thể nhận viện trợ dồi dào từ khắp nơi. Sự mù quáng đó, chỉ vón vện hai năm, đã biến Việt Nam thành một nước lẻ loi và có lợi tức đầu người thấp nhất thế giới.

Mơ mộng của các lãnh tụ cộng sản Việt Nam già nua vừa đạt tới đỉnh cao đã tiêu tan ngay trong đầu năm 1977. Năm đó miền Bắc mất mùa, trong khi chính sách kinh tế tập trung và đường lối quản lý u tối của cán bộ khiến cho mức sản xuất công nghiệp tại miền Nam suy giảm hẳn so với trước kia. Bị ép buộc đóng thuế hoặc vào hợp tác, nông dân miền Nam không chịu tăng gia sản xuất, đưa đến cảnh thiếu hụt lương thực. Tháng 3-1977, Việt Nam phải kêu gọi Liên Hiệp Quốc và các nước cộng sản viện trợ khẩn cấp. Kết quả, không nước nào kể cả Liên Xô, chịu giúp. Các cố gắng hoà giải với hai nước lân bang cũng thất bại. Tháng 2-1977, thứ trưởng ngoại giao Hoàng Văn Lợi tới Phnom Penh đề nghị một hội nghị thượng đỉnh Đông Dương. Đề nghị này chỉ gây thêm nghi ngờ và dĩ nhiên bị từ chối.

Đầu năm 1977 là những tháng mà cả Việt Nam và Campuchia nín thở chờ đợi diễn biến nội tình chính trị Trung Hoa sau cái chết của Mao Trạch Đông. Khi phe quá khích “bè lũ bốn tên” bị thanh toán, phe ôn hoà trở lại chính quyền, Việt Nam lạc quan hơn và Campuchia lo âu hơn vì Ieng Sary từng thân cận với Diêu Văn Nguyên, chủ tịch ủy ban ngoại giao trung ương đảng Cộng Sản Trung Hoa, trong phe “lũ bốn người.” Ngày 30-9-1976, Ieng Sary còn gửi một điện văn chúc mừng Hoa Quốc Phong và đảng cộng sản Trung Hoa đã đập tan được “*bè lũ phản cách mạng, chống chủ nghĩa xã hội của Lưu Thiệu Kỳ và Đặng*

Tiểu Bình.” Vì sự ủng hộ của Trung Hoa quá cần thiết, chưa đầy một tháng sau, bộ Ngoại Giao Campuchia đã phải muối mặt gửi một điện văn khác cho Hoa Quốc Phong, lần này thì ca tụng Hoa Quốc Phong đã đập tan được “*lũ bốn người phản động và chống đảng.*”

Sau bốn tháng chấn chỉnh nội bộ, đường lối ngoại giao của Trung Hoa bắt đầu sáng tỏ. Kết quả là, cũng như các chính phủ trước, họ vẫn coi Liên Xô là kẻ thù số một, và trái với sự lo âu của Campuchia và hy vọng của Việt Nam, Trung Hoa tiếp tục ủng hộ đường lối đối ngoại chống Việt Nam của Campuchia. Tháng 2-1977, Bắc Kinh chính thức từ chối thư xin viện trợ của Việt Nam và tháng 3, Ieng Sary sang Bắc Kinh nói lại mối quan hệ cũ. Trong buổi tiệc tiếp tân do Lý Tiên Niệm khoản đãi phái đoàn Campuchia, sự hiện diện của tướng Vương Thượng Vinh, tổng tham mưu phó quân đội Trung Hoa cho thấy có sự hợp tác quân sự giữa hai nước. Tháng sau, như để cảnh cáo Việt Nam, trong buổi tiếp tân tại toà đại sứ Campuchia kỷ niệm hai năm ngày chiến thắng, ngoại trưởng Hoàng Hoa ⁽³³⁾ công khai tuyên bố Campuchia Dân Chủ đang bị kẻ thù phá hoại, và Trung Hoa sẽ tiếp tục đường lối của Mao chủ tịch là sát cánh với các dân tộc nhỏ yếu, chống lại những hành động can thiệp và gây hấn của lân bang. Đã bảo đảm được sự hậu thuẫn của Trung Hoa, hai tuần sau, đúng ngày Việt Nam đang kỷ niệm hai năm chiến thắng, quân đội Campuchia mở cuộc tấn công quy mô vào các làng xã và thị trấn dọc biên giới Việt Nam thuộc tỉnh An Giang.

Không bao giờ ngờ Campuchia sẽ mở cuộc tấn công

⁽³³⁾ *Ngoại trưởng Trung Hoa từ 1976 đến 1982. Xuất thân thông ngôn cho tác giả Edgar Snow rời Mao Trạch Đông. Góp phần quan trọng trong bang giao Mỹ Hoa (chuyến Nixon sang Tàu, Đặng sang Mỹ). Khi thương thuyết với Anh về Hồng Kông, lỡ lời là Hồng Kông không cần có hồng quân nên bị Đặng Tiểu Bình nói là “nói tầm bậy”*

như thế, thời kỳ đó, Việt Nam đang thi hành giai đoạn đầu của nghị quyết đại hội đảng lần thứ tư bằng cách gửi người đi xin viện trợ. Phan Hiền sang Paris gặp Holbrook, Võ Nguyên Giáp đi Đông Âu, Phạm Văn Đồng sang châu Âu.

Phạm Văn Đồng bị thất vọng ngay trong những ngày đầu tiên. Ở châu Âu, trừ Pháp và ba nước nhỏ Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, các nước lớn như Tây Đức, Anh không chịu tiếp. Chuyến đi Pháp dự trù dài ba tuần bị rút ngắn còn ba ngày. Trên đường đi, Phạm Văn Đồng phải ghé Moscow năm ngày. Thái độ muốn độc lập của Việt Nam mấy tháng trước khiến cuộc tiếp xúc giữa Phạm Văn Đồng và Kosygin thủ tướng Liên Xô rất lạnh nhạt. Nhưng chỉ hai tuần sau, bầu không khí đó đã thay đổi hẳn. Trong hai tuần đó, nhiều biến cố đã xảy ra. Chuyến đi Âu Châu của Phạm Văn Đồng hoàn toàn thất bại. Pháp viện trợ một số tiền nhỏ, còn các nước Bắc Âu chỉ hứa hẹn lơ là. Tại Paris, cuộc hội đàm giữa Phan Hiền với Holbrook tan vỡ, và quốc hội Mỹ biểu quyết cấm chính phủ viện trợ cho Việt Nam. Đồng thời, Trung Hoa tỏ thái độ bất thân thiện và Campuchia mở một cuộc tấn công lớn đầu tiên ở biên giới. Bị lẻ loi, Việt Nam không còn đường nào khác là phải dựa hẳn vào Liên Xô. Đầu tháng 5, bộ Chính Trị ra chỉ thị cho Phạm Văn Đồng ở lại Moscow để chờ Lê Đức Thọ từ Hà Nội bí mật bay sang. Cả hai bắt đầu thảo luận với những nhà lãnh đạo đảng và chính phủ Liên Xô về điều kiện viện trợ.

Một mặt phải kết thân với Liên Xô, mặt khác vẫn chưa thể hy sinh mối quan hệ với Trung Hoa nên đầu tháng 6-1977, tướng Giáp sau khi đi Đông Âu và Liên Xô về, đem theo một phái đoàn hùng hậu sang “viếng thăm thiện chí” Bắc Kinh. Chuyến đi là một thất bại nhục nhã. Nhân vật tương đương của Trung Hoa là bộ trưởng Quốc Phòng Diệp Kiếm Anh không ra phi trường đón tiếp, và chỉ cho cán bộ cấp thấp dự các cuộc hội đàm. Tướng Giáp gỡ thế diện bằng cách tuyên bố đã bắt được cố vấn Trung Hoa trong

trận đánh với Campuchia ở biên giới tháng trước.

Tuy thế Việt Nam vẫn cố gắng, vì hy vọng viễn ảnh một liên minh Việt – Xô có thể làm Trung Hoa đổi ý nên ngày 8-6-1977, trên đường từ Moscow về nước. Phạm Văn Đồng lại ghé Bắc Kinh. Lần này, nhờ có hỏi trước, nên Phạm Văn Đồng được phó thủ tướng Trung Hoa Lý Tiên Niệm tiếp đón. Nhưng Phạm Văn Đồng chưa kịp nói về viện trợ thì Lý Tiên Niệm đã nêu một danh sách dài những than phiền và phản kháng. Hai điều phản kháng quan trọng nhất là chính sách đối với người Hoa ở Việt Nam và sự lật lọng của Hà Nội về chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Trước kia, năm 1958, để được Trung Hoa giúp đỡ trong cuộc nội chiến, Việt Nam đã ra công hàm gián tiếp công nhận chủ quyền Trung Hoa trên hai quần đảo, nhưng sau ngày 30-4-1975, Việt Nam đem quân chiếm đóng quần đảo Trường Sa. Phạm Văn Đồng đã trả lời trước kia vì bận chiến tranh với Hoa Kỳ, và cần viện trợ của Trung Hoa, nên Việt Nam không để ý đến những hải đảo. Kết quả cuộc hội đàm là bang giao hai nước càng tồi tệ hơn.

Ngược lại, sau cuộc hội đàm ở Moscow, bang giao Việt – Xô bước vào khúc quanh mới. Mấy tháng trước bầu không khí còn lạnh nhạt. Giờ đây, Lê Duẩn hết lời ca tụng và tỏ lòng biết ơn Liên Xô, nhắc nhở câu “*uống nước phải nhớ nguồn*”, và để kỷ niệm 60 năm cách mạng tháng Mười Liên Xô, Việt Nam phát động “*tháng Việt Xô hữu nghị*.” Tình hữu nghị này tất nhiên phải trả giá. Trước hết, Việt Nam phải gia nhập ngân hàng quốc tế hợp tác kinh tế (IBEC) và ngân hàng đầu tư quốc tế của Liên Xô. Việt Nam cũng phải gửi vũ khí thặng dư sang giúp Ethiopia và phiến quân El Salvador. Từ tháng 7-1977, nhiều phái đoàn quân sự Liên Xô bay sang Việt Nam thăm viếng và nghiên cứu các phi trường và hải cảng phía Nam như Đà Nẵng, Cam Ranh, Nha Trang, Tân Sơn Nhất, Cần Thơ, bắt đầu giai đoạn hợp tác quân sự mới. Đồng thời, sau khi tham

khảo với Liên Xô, ngày 18-7-1977, phái đoàn đảng và chính phủ Việt Nam do Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng cầm đầu, sang Vạn Tượng cùng chủ tịch đảng Cộng Sản Lào Souphanouvong ⁽³⁴⁾ và thủ tướng Kayson Phomvihhan ký hiệp ước thân hữu và hợp tác, trong đó có đoạn “*hợp tác chặt chẽ để tăng cường khả năng phòng thủ và bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của hai nước.*” Hiệp ước chỉ là hình thức chính thức và công khai hoá sự hiện diện của các sư đoàn 325, 304, 968... đang trú đóng tại Lào.

Với Campuchia, khi cùng Lào ký hiệp ước thân hữu, Việt Nam đã tiến thêm một bước trong kế hoạch dài hạn Liên Bang Đông Dương, và Campuchia càng thấy cần liên minh với Trung Hoa. Quân đội các quân khu biên giới được lệnh báo động, chuẩn bị một cuộc tấn công tự vệ mới. Do thúc đẩy của Trung Hoa và tăng cường mặt trận ngoại giao, tuyên truyền, ngày 27-9-1977, Pol Pot lên đài phát thanh đọc bài diễn văn dài năm giờ, chính thức xác nhận vai trò lãnh đạo của mình và công nhận Tổ Chức (Angkar) chính là đảng cộng sản Campuchia. Pol Pot không nhắc đến vai trò Việt Nam trong việc thành lập đảng cũng như sự giúp đỡ của Việt Nam trong chiến tranh. Ngược lại, Pol Pot nhắc về tình trạng mất đất xảy ra trong các thời kỳ trước, khi Campuchia còn bị các giai cấp bóc lột thống trị, và hứa sẽ “*không cho phép bất cứ ai muốn vẽ lại bản đồ của xứ sở chúng ta.*” Ba ngày trước đó, để đoàn kết nội bộ đảng và nhân dân, cũng như để chứng tỏ với Trung Hoa về quyết tâm chống Việt Nam, quân đội quân khu Đông được lệnh tấn công lãnh thổ Việt Nam thuộc tỉnh Tây Ninh, và một ngày sau khi ra mắt, Pol Pot lên đường đi Bắc Kinh và

⁽³⁴⁾ *Tức ông hoàng Đỏ là anh em cùng cha khác mẹ với hoàng thân Phouma (trung lập), Boun Oum (thân tây phương). Với sự giúp đỡ của Việt Nam, Souphanouvong phát động phong trào cộng sản Lào. Ông từng học ở Hà Nội và làm việc ở Nha Trang. Vợ Việt Nam có tên Nguyễn Thị Kỳ Nam.*

Bình Nhưỡng, lần đầu tiên công du với tư cách chủ tịch đảng và thủ tướng. Trong chuyến đi Trung Hoa lần này, Pol Pot được tiếp đón trọng thể. Cờ và biểu ngữ giăng đầy Thiên An Môn, hàng trăm ngàn học sinh xếp hàng dọc đại lộ Trường An. Hoa Quốc Phong cùng hơn một nửa ủy viên Bộ Chính Trị, có cả Đặng Tiểu Bình vừa được phục chức lần thứ hai, ra tận phi trường tiếp đón. Các diễn văn chính thức đều ám chỉ sự đoàn kết chống tham vọng đất đai của Việt Nam. Tuần lễ sau, trong lễ ăn mừng quốc khánh Trung Hoa, Pol Pot đứng cạnh Hoa Quốc Phong trên khán đài Thiên An Môn để xem pháo bông. Trong hàng ngũ quan khách, có Hoàng Văn Hoan, tuy đã mất chức trong Bộ Chính Trị, nhưng vẫn là phó chủ tịch quốc hội Việt Nam.

Việt Nam lúc đó vẫn cho rằng thái độ thù nghịch của Trung Hoa là do các lãnh tụ trung thành với đường lối của Mao như Uông Đông Hưng, Trần Tích Liên, Vũ Đệ ..., và với sự phục chức của Đặng Tiểu Bình, vào tháng 7-1977, phe thực dụng sẽ thắng thế trở lại và sẽ mềm dẻo hơn đối với Việt Nam. Vì thế sau trận Campuchia tấn công quy mô thứ hai vào biên giới Tây Ninh, Việt Nam vẫn hạn chế. Một mặt, không cho bộ đội vượt biên giới phản công, cất chức viên tư lệnh quá khích Trần Văn Trà, mặt khác, vẫn gửi điện văn chúc mừng lễ ra mắt đảng Cộng Sản Campuchia và bí mật gửi Phan Hiền sang Bắc Kinh nhờ Trung Hoa dàn xếp cho được gặp phái đoàn Campuchia. Cuộc tiếp xúc không đi đến đâu, hai bên tố cáo nhau đã khiêu khích ở biên giới và có những hành vi dã man, tàn bạo.

Khi Phan Hiền về nước, như để cảnh cáo Trung Hoa, tháng 10-1977, Việt Nam công khai loan báo cuộc viếng thăm của phái đoàn quân sự Liên Xô do tướng Yepishev cầm đầu. Thời điểm đó, Trung Hoa ồ ạt chở chiến cụ từ máy truyền tin đến đại bác 130 ly tới hải cảng Komphong Som để tăng cường cho quân đội Campuchia. Trung Hoa cũng cắt giảm những chuyến bay từ Hà Nội đi Quảng Châu

từ hai chuyến xuống còn một chuyến mỗi tuần.

Trong những tháng cuối năm, các trận đánh ở biên giới Việt Nam càng trở nên khốc liệt. Trước khi mở chiến dịch phản công vượt biên giới đại quy mô, ngày 21-4-1977, Lê Duẩn qua Trung Quốc cầu hoà một lần chót. Lê Duẩn đã phân trần với Hoa Quốc Phong là mặc dù có những vấn đề khác biệt, Việt Nam không bao giờ công khai chỉ trích Trung Hoa. và cũng không bao giờ đứng hẳn về phía Liên Xô để bài xích Trung Hoa. Có lúc Lê Duẩn đã phải xuống giọng: “*Chúng tôi như những đứa em nhỏ, luôn luôn sát cánh bên các người anh.*” Tuy nhiên, cố gắng của Lê Duẩn đã thất bại. Khác biệt giữa hai bên trở nên công khai thù địch trong buổi tiếp tân do Hoa Quốc Phong khoản đãi, trong đó Hoa Quốc Phong tuyên bố sẽ liên minh với tất cả những quốc gia chống bá quyền. Đáp từ, Lê Duẩn cũng tuyên bố cương quyết không cho bất cứ một lực lượng đế quốc hay phản động nào vi phạm đến độc lập quốc gia, đồng thời, Lê Duẩn công khai ca ngợi Liên Xô. Trước thái độ đó, cả hai phe trung thành với Mao lẫn phe thực dụng trong Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Trung Hoa đều nhất trí ủng hộ Khmer Đỏ. Sự rạn nứt Việt - Hoa vô phương hàn gắn. Việt Nam phải đứng hẳn vào quỹ đạo Liên Xô, tìm kế hoạch trục xuất người Việt gốc Hoa, và phản công chống lại Campuchia một cách quyết liệt hơn.

THAM KHẢO :

- **Brother Enemy, Nayan Chanda.**
Nxb. MacMilan Publishing Company New York
- **War & Hope, Norodom Sihanouk**
- **Dossier Kampuchea I, II, III,**
Le Courier du Vietnam, Hà Nội

● CHƯƠNG 06

Việt Nam và Trung Hoa cố gắng thiết lập bang giao với Hoa Kỳ.

Sau mấy chục năm chiến tranh và thù hận, nước “đầu sỏ tư bản” Hoa Kỳ dần dần trở nên mục tiêu thiết yếu để thiết lập quan hệ ngoại giao cho cả hai nước Trung Hoa và Việt Nam. Theo thời gian và hoàn cảnh lịch sử, ưu tiên để bình thường hoá ngoại giao với Hoa Kỳ của cả hai nước càng trở nên cấp bách, nhất là trong năm 1978.

Với Trung Hoa, Hoa Kỳ đã là kẻ thù số một trong cuộc chiến Triều Tiên. Năm 1958, sau sự rạn nứt Nga - Hoa, Liên Xô trở nên kẻ thù chính, Hoa Kỳ xuống hàng thứ hai. Quan hệ với Hoa Kỳ cởi mở hơn sau chuyến viếng thăm Trung Hoa của tổng thống Nixon, nhưng giữa hai nước vẫn còn một khó khăn căn bản là Đài Loan. Tới năm tổng thống Carter đắc cử, lập trường Hoa Kỳ về vấn đề Đài Loan ngày càng mềm dẻo, cùng lúc với khuynh hướng thực tiễn của Đặng Tiểu Bình “*hắc miêu bạch miêu thuyết*” (dù mèo trắng hay mèo đen, cứ bắt chuột là tốt).

Mới đầu, triển vọng bang giao của Hoa Kỳ với Việt Nam tương đối tốt hơn là với Trung Hoa, vì giữa hai nước, không có khó khăn nào gay go như vấn đề Đài Loan. Lúc đó, vấn đề người mất tích trong chiến tranh chưa phải đề tài thời sự lớn, và ngay sau khi nhận chức, tổng thống Carter đã muốn thiết lập bang giao bình thường với Việt Nam. Do óc chủ quan, thiên cận và kiêu căng, các lãnh tụ Việt Nam

đã để mất cơ hội, làm tiêu tan thiện chí của tổng thống Carter, khiến khoảng thời gian dài hơn mười năm sau, Việt Nam đã là một nước bị cô lập về ngoại giao nhất thế giới và có một nền kinh tế tụt hậu nhất trong vùng Đông Nam Á.

Đầu năm 1976, nhân dân Mỹ mệt mỏi, thất vọng vì chiến tranh Việt Nam và vụ Watergate nên đã bầu Carter, một tổng thống ngoan đạo, trong sạch, nhiều thiện chí. Carter nghĩ những ám ảnh về chiến tranh trong lòng người dân Mỹ có thể được giải tỏa phần nào bằng cách thiết lập bang giao với Việt Nam và quên đi dĩ vãng. Hai tháng sau khi nhận chức, ông đã cử ngay một phái bộ đến Hà Nội để thảo luận sơ bộ về vấn đề bình thường hoá bang giao.

Thiện chí của tổng thống Carter khiến các lãnh tụ Việt Nam hiểu lầm và kiêu ngạo. Họ đánh giá quá cao khả năng và vị thế của mình với niềm tự hào đã tạo nên “*một chiến thắng thần thánh*.” Họ tin là khả năng siêu nhân của họ, cộng với sự ưu việt của chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng, việc “*xây dựng đất nước to đẹp gấp mười*” trong một thời gian ngắn không là điều khó. Tự mãn với “*ba dòng thác cách mạng*”, chủ nghĩa tư bản đang giãy chết, việc thiết lập quan hệ ngoại giao với tên đầu sỏ tư bản không cần thiết. Sự sốt sắng của tổng thống Carter được hiểu như một cầu cạnh.

Phái bộ mà tổng thống Carter gửi qua Việt Nam năm 1977 gồm toàn nhân vật bò cạp, phản chiến, trừ dân biểu Montgomery, nhưng chính Montgomery đã khuyến cáo chính phủ nên cải thiện bang giao với Việt Nam. Đứng đầu phái bộ là Leonard Woodcock, chủ tịch nghiệp đoàn công nhân các hãng xe hơi. Trưởng phái đoàn thương thuyết Việt Nam là thứ trưởng ngoại giao Phan Hiền. Ngay buổi họp đầu tiên, Phan Hiền đưa ra vấn đề Mỹ phải viện trợ tái thiết như một điều kiện tiên quyết. Ông ta nêu một lá thư mật của tổng thống Nixon gửi cho Phạm Văn Đồng năm 1973, trong đó Nixon hứa sẽ viện trợ Bắc Việt hơn ba tỉ đô la nếu

Bắc Việt chịu ngừng bắn. Woodcock trả lời hiệp định Paris đã vô hiệu vì Việt Nam vi phạm nhiều điều khoản và Bắc Việt đã chiến thắng. Phan Hiền trả lời nếu hiệp định đó vô hiệu thì điều 8 trong hiệp định về người mất tích trong chiến tranh cũng vô hiệu luôn và Việt Nam không còn trách nhiệm về vấn đề này nữa. Phái bộ Mỹ nói dư luận Mỹ sẽ không thể chấp nhận lập luận này, vì là một hình thức tống tiền trên tù binh và xác chết. Phan Hiền vẫn khẳng khái nếu không có viện trợ, không có quan hệ ngoại giao. Thất vọng, Woodcock nói với Phan Hiền như lời tiên tri rằng phái đoàn của ông là phái đoàn dễ thông cảm nhất, và nếu Việt Nam để lỡ cơ hội này, triển vọng thiết lập bang giao sẽ bị đẩy lùi lại hàng chục năm. Cuộc họp tan vỡ, nhưng hai bên đồng ý sẽ gặp lại vào đầu tháng 5-1977 tại Paris.

Trưởng đoàn Mỹ trong buổi họp thứ hai là Richard C. Holbrook,⁽³⁵⁾ phụ tá ngoại trưởng đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương. Holbrook là viên chức ngoại giao trẻ, sáng giá đang được ngoại trưởng Vance nâng đỡ. Cả hai đều muốn giúp Carter trở nên tổng thống của kỷ nguyên ổn định hoà bình, và cả hai đều cho là việc thiết lập ngoại giao với Việt Nam sẽ góp phần bảo đảm cho sự an ninh và hoà bình toàn vùng Đông Nam Á. Trước khi đến Paris, Holbrook rất lạc quan, ông được tổng thống Carter cho phép thông báo với Phan Hiền là Hoa Kỳ sẽ bỏ phiếu thuận cho Việt Nam được vào Liên Hiệp Quốc, và nếu thiết lập được quan hệ ngoại giao, Hoa Kỳ sẽ bãi bỏ lệnh cấm vận.

Holbrook đã lầm. Vừa bắt đầu cuộc họp, Phan Hiền đòi ngay tiền viện trợ tái thiết, buổi họp bế tắc và chấm dứt liền lúc đó. Phan Hiền ra khỏi phòng họp công bố lá thư mật của tổng thống Nixon với báo chí và nói Hoa Kỳ phải thực hiện lời hứa nếu muốn bang giao với Việt Nam. Chiều hôm

⁽³⁵⁾ *Nhà ngoại giao đảng Dân Chủ, đảm nhận nhiều công tác quan trọng trong chính phủ Carter và Clinton.*

đó Holbrook gọi điện thoại cho Phan Hiền, nói là ông ta đã phạm một sai lầm rất lớn. Quả nhiên, tin về cuộc họp báo của Phan Hiền vừa tới Washington, hạ viện Hoa Kỳ lập tức can thiệp. Chiến tranh đã chấm dứt, phong trào phản chiến tan rã. Giờ đây gió đã xoay chiều, không còn một quốc hội chủ hoà chống đối một tổng thống điều hâu như trước. Hạ viện biểu quyết ngay đạo luật cấm chính phủ viện trợ cho Việt Nam dưới bất cứ hình thức nào. Việt Nam vốn quen với đường lối “dân chủ tập trung” coi quốc hội như một cơ quan trình diễn, mặt khác vẫn tin vào áp lực của “những người Mỹ tiến bộ”, nên lập trường không thay đổi. Trong buổi họp thứ hai tại Paris, ngày 2-6-1977, Phan Hiền chỉ đưa ra một nhượng bộ nhỏ là sẽ để cho chính phủ Mỹ hứa một cách kín đáo, không cần cho dân Mỹ biết. Dĩ nhiên điều đó không thể xảy ra. Cả hai phái đoàn về nước.

Cùng thời gian, Phạm Văn Đồng sau chuyến công du Tây Âu thất bại, không nhận được viện trợ đáng kể nào, đang ngồi chờ ở Moscow. Tiền bồi thường chiến tranh từ Mỹ không có, viện trợ từ Tây Âu không có, Campuchia vừa tấn công vào An Giang, còn Trung Hoa vừa từ chối viện trợ vừa đứng sau lưng Campuchia. Không còn đường nào khác, trung ương đảng cộng sản Việt Nam phải cử Lê Đức Thọ sang Moscow cùng Phạm Văn Đồng thảo luận về những điều kiện mà Liên Xô đòi hỏi để được viện trợ.

Sáu tháng sau, Holbrook lại gặp Phan Hiền tại Paris ngày 19-12-1977. Holbrook không lạc quan như trước nữa. Trước khi đi, Holbrook được sở điều tra Liên bang FBI thông báo là có gián điệp cho Việt Nam trong bộ Ngoại Giao nên tại cuộc họp, Holbrook rất dè dặt. Lần này, Việt Nam tỏ ra mềm dẻo hơn. Họ không đòi bồi thường chiến tranh mà muốn có viện trợ kinh tế. Số tiền này có thể được hứa hẹn kín đáo, để sau khi có quan hệ ngoại giao, Mỹ sẽ đơn phương tuyên bố viện trợ. Dĩ nhiên Holbrook không thể chấp nhận điều kiện này. Cuộc họp lần thứ tư dự định

vào tháng 12-1978 giữa hai phái đoàn bị bãi bỏ, vì FBI, sau một thời gian theo dõi đã bắt quả tang David Trương và Ronald Humphrey về tội gián điệp. Hai gián điệp tài tử này hy vọng lập công với Việt Nam để cứu người thân.

David Trương ⁽³⁶⁾ là con luật sư Trương Đình Dzu ⁽³⁷⁾, trước năm 1975 được xếp vào “thành phần thứ ba” và bị tổng thống Thiệu bắt đi Côn Đảo. Sau 1975, Trương Đình Dzu được thả ra một thời gian ngắn rồi bị bắt lại, lần này phải ở với những cai tù nhiều lần khắc nghiệt hơn. David Trương, nhờ nhà giàu có, đi du học trước năm 1975 và đã về hòa với đám phản chiến. Còn Humphrey là một viên chức cơ quan Thông Tin Hoa Kỳ, muốn cứu vị hôn thê của mình còn kẹt ở Việt Nam nên đã sao chụp một số tài liệu mật đưa cho David Trương để chuyển về Hà Nội. Thật ra những tài liệu đó tuy đóng dấu “Mật” nhưng không quan trọng lắm, chỉ gồm báo cáo của các nhà ngoại giao Nam Tư và Ấn Độ tại Hà Nội, phúc trình của ủy ban Woodcock và chi tiết các chuyến bay Air France đến và đi khỏi Sài Gòn trong tháng. Cũng vì những tài liệu đó không quan trọng, có thể công bố trước toà nên FBI đã đưa cả hai ra toà. Cả hai đều vào tù, đại sứ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc là Đinh

⁽³⁶⁾ *Du học Mỹ từ 1965. Năm 1976, muốn lập công cứu cha là Trương Đình Dzu, nhận tài liệu của Humphrey đưa cho Phan Thanh Nam, trùm gián điệp Việt Nam tại Paris, Rủi thay, người đưa lại là bà Đặng Mỹ Dung đang làm cho FBI. Bà Dung còn có tên Yung Krall, con của cựu đại sứ Mật Trận GPMN tại Moscow là Đặng Quang Minh. David bị 15 năm tù, sau đó định cư ở Hòa Lan. Trong bản án, cũng ghi đại sứ Đinh Bá Thi được coi như persona non grata và bị trục xuất. Đinh Bá Thi tên thật là Ung Văn Chương, được Lê Duẩn nâng đỡ do bầy kẻ để Duẩn lấy người vợ thứ ba. Sau 1975, là đại diện Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc bị triệu hồi năm 1978 do một vụ án gián điệp và sau đó chết trong một tai nạn máy bay. Có tin bị Việt Nam giết vì móc nối với Trung Hoa.*

⁽³⁷⁾ *Luật sư tại Sài Gòn, từng ứng cử tổng thống, sau bị chính quyền Nguyễn Văn Thiệu bỏ tù. Năm 1975, cụ Trần Văn Hương thả ra nhưng lại bị chính quyền cộng sản bỏ tù tới năm 1987 về tội làm việc cho CIA.*

Bá Thi bị trục xuất. Trong hoàn cảnh đó, cuộc họp lần thứ tư giữa Holbrook và Phan Hiền bị bãi bỏ. David Trương sau khi ở tù đi định cư ở Hoà Lan, còn Đinh Bá Thi bị chết một cách ám muội ở Việt Nam.

Vụ án David Trương xảy ra vào thời điểm không may cho các dự tính của Việt Nam. Đầu năm 1978, trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam họp tại Sài Gòn, thấy việc đương đầu với Trung Hoa là điều không thể tránh và đã quyết định dùng biện pháp mạnh với Campuchia. Nhưng muốn đương đầu với Trung Hoa, Việt Nam phải liên minh về quân sự với Liên Xô. Và trước khi công khai ký hiệp ước hỗ trợ phòng thủ với Liên Xô, Việt Nam cần trấn an các nước Đông Nam Á và thiết lập ngoại giao được với Hoa Kỳ.

Một năm qua đi sau đại hội đảng lần thứ tư, Việt Nam không còn ảo tưởng về số tiền ba tỉ bồi thường chiến tranh nữa, mà đã nhận ra có được quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ sẽ có lợi về nhiều mặt. Thứ nhất là về kinh tế, Hoa Kỳ sẽ bãi bỏ lệnh cấm vận, mở đường cho các công ty Mỹ, Nhật, Tây Âu vào buôn bán, đầu tư, hay khai thác dầu hoả. Thứ hai là về ngoại giao, sự hiện diện của Hoa Kỳ sẽ làm an lòng các nước ASEAN, làm Trung Hoa ngần ngại trước khi gây hấn, và khiến Việt Nam đỡ lệ thuộc nhiều vào Liên Xô. Vụ án gián điệp đã làm cho các cuộc tiếp xúc với Hoa Kỳ bị đình hoãn vô hạn định. Năm 1978, nhu cầu cần có liên lạc ngoại giao với Hoa Kỳ càng trở nên cấp thiết. Không còn làm cao được nữa, tháng 7-1978, thứ trưởng ngoại giao Phan Hiền trong chuyến công du Nhật Bản và các nước Á Châu, công khai tuyên bố bãi bỏ điều kiện đòi tiền viện trợ, và muốn có một cuộc tiếp xúc với Hoa Kỳ vào tháng sau. Tuy nhiên Holbrook, bị mất mặt qua ba lần họp công khai ở Paris, không muốn họp công khai nữa mà muốn dời cuộc họp vào tháng 9 tại New York để có thể họp kín vào lúc phái đoàn Việt Nam và rất nhiều phái đoàn ngoại giao các nước khác đến tham dự đại hội đồng Liên Hiệp Quốc.

Là người cổ võ việc lập bang giao với Việt Nam, Holbrook không biết rằng ý kiến trì hoãn đối thoại như thế đã đẩy Việt Nam vào vị thế bất lợi trong cuộc chạy đua ngoại giao với Trung Hoa. Vì lúc đó, cố vấn an ninh của tổng thống Carter là Brzezinski đã bắt đầu để ý đến tình hình Đông Nam Á. Ngày 22-9-1978, Holbrook bay lên New York chính thức họp kín với phái đoàn Việt Nam. Trưởng đoàn Việt Nam lần này là thứ trưởng Nguyễn Cơ Thạch.⁽³⁸⁾ Buổi họp chấm dứt nhanh chóng và Holbrook ngạc nhiên thấy phía Việt Nam lại trở về vấn đề viện trợ. Năm ngày sau, trong buổi họp thứ hai, suốt hơn một giờ, Nguyễn Cơ Thạch vẫn mong Hoa Kỳ cam kết một số tiền, chỉ đến khi Holbrook nản chí sửa soạn ra về thì Nguyễn Cơ Thạch mới đổi giọng, bằng lòng thiết lập ngoại giao không điều kiện, nhưng đòi hai bên phải ký ngay một thông tư sơ bộ, còn văn kiện chính thức sẽ được ký hai tuần sau, khi ngoại trưởng Nguyễn Duy Trinh đến New York tham dự đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Dù Holbrook không chịu ký một văn kiện nào, nhưng bầu không khí đã lạc quan trở lại, và cuộc bình thường hoá bang giao coi như đã được giải quyết. Hai bên không ngờ là đã có những trở ngại khác.

Tuần sau, ngày 3-10-1978, cũng tại New York, một buổi họp khác được triệu tập, lần này giữa hai phái đoàn của ngoại trưởng Vance và ngoại trưởng Trung Hoa là Hoàng Hoa. Cuộc hội đàm bế tắc vì Hoa Kỳ vẫn muốn có liên lạc ngoại giao không chính thức và buôn bán vũ khí

⁽³⁸⁾Tên thật Phạm Văn Thương, ngoại trưởng Việt Nam thời gian bị cô lập nên chủ trương đa phương hóa và đa diện hóa ngoại giao để “phá thế bao vây.” Ông cũng không tin sự sụp đổ của chế độ Liên Xô là do nguyên nhân bên ngoài. Vì không chịu khép nép quá đáng với Trung Hoa nên sau đó bị phe bảo thủ loại khỏi Bộ Chính Trị và mất chức ngoại trưởng. Con là Phạm Bình Minh hiện là ngoại trưởng, nhưng có lẽ do “thành phần xuất thân” không tốt với Trung Hoa nên không được vào Bộ Chính Trị.

với Đài Loan. Đồng thời tin tức về phong trào thuyền nhân bị tống xuất khỏi Việt Nam, việc quân Việt Nam tập trung dọc biên giới Campuchia đã khiến tổng thống Carter phân vân. Cuối cùng, trong cuộc họp tại toà Bạch Ốc, sau khi nghe Leonard Woodcock, trưởng phái đoàn đầu tiên sang thăm thiện chí Việt Nam đề nghị thiết lập quan hệ ngoại giao, lúc đó là trưởng phái bộ liên lạc Hoa Kỳ ở Bắc Kinh, Lần này, Woodcock lại cho là bang giao với Việt Nam sẽ nhận chìm triển vọng bang giao với Trung Hoa. Vì thế, tổng thống Carter quyết định hoãn ngày thiết lập bang giao với Việt Nam để dễ dàng thương thuyết với Trung Hoa. Ngày 30-10-1978, phụ tá ngoại trưởng Oakley lên New York gặp Trần Quang Cơ, cho biết là việc bình thường hoá phải hoãn lại vì ba vấn đề: thuyền nhân tị nạn, tình trạng thù nghịch với Campuchia, và mối quan hệ Việt – Xô.

Dù cho cả hai bên đều có thiện chí, nhưng thời biểu khác nhau, Việt Nam không thể chờ được nữa. Cuộc tổng tấn công Campuchia phải bắt đầu cuối tháng 12, lúc chấm dứt mùa mưa và lúa đã chín. Vì thế, mấy ngày sau, Nguyễn Cơ Thạch rời New York sang Moscow để ngày 3-11-1978 dự lễ ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác 25 năm liên minh kinh tế và quân sự với Liên Xô.⁽³⁹⁾

Trong khi đó, tuy tổng thống Carter cũng coi việc thiết lập ngoại giao với Trung Hoa là quan trọng, nhưng ông chỉ chú ý nhiều đến vấn đề này vào hơn một năm sau, khi hành động khuynh đảo của Liên Xô trên thế giới ngày càng phát triển và ảnh hưởng của cố vấn an ninh Brzezinski ngày

⁽³⁹⁾ Điều 6 hiệp ước nói khi một trong hai bên bị tấn công hay bị đe dọa tấn công thì hai bên lập tức trao đổi nhằm loại trừ mối đe dọa đó. Liên Xô được dùng cảng Cam Ranh làm bộ chỉ huy cho “đội 17” thuộc hạm đội Thái Bình Dương. Đội này gồm sư đoàn tàu ngầm 38, lữ đoàn tàu nổi 119, các lực lượng trực thuộc... Ngoài ra còn có máy bay trinh sát, pháo, chống tàu ngầm Tu 95, Tu 142, Tu 16, máy bay chiến đấu Mig 23, nhưng lực lượng này đã bất động khi Trường Sa bị xâm chiếm.

càng mạnh. Ngoại trưởng Vance chỉ đến thăm Trung Hoa vào tháng 8-1977, sau khi ông đã gần như hoàn tất hiệp ước tài giảm binh bị SALT II với Liên Xô. Chính sách của ngoại trưởng Vance là ngoại giao quân bình với cả Trung Hoa và Liên Xô. Với Trung Hoa, lập trường của Carter và Vance tương đối mềm dẻo hơn những người tiền nhiệm. Trước kia, tổng thống Nixon và ngoại trưởng Kissinger muốn có toà đại sứ ở cả Trung Hoa lẫn Đài Loan, công nhận cả hai nước. Lúc này ngoại trưởng Vance đề nghị sẽ công nhận Bắc Kinh như chính phủ Trung Hoa duy nhất và sẽ cho hiệp ước liên minh phòng thủ với Đài Loan chìm vào quên lãng. Lúc đó, trong đảng Cộng Sản Trung Hoa, phe Hoa Quốc Phong còn mạnh, sự thận trọng của Vance, không muốn làm mất lòng Liên Xô trong giai đoạn hoàn tất thoả ước SALT, khiến Đặng Tiểu Bình bức tức, thấy cần tỏ ra cứng rắn. Sau khi Vance về nước, Đặng Tiểu Bình công khai tuyên bố chuyến đi của Vance là một bước thụt lùi cho triển vọng bang giao hai nước.

Không thương thuyết được với ngoại trưởng Vance, Trung Hoa lại tìm được một đồng minh là cố vấn an ninh Brzezinski. Là người gốc Ba Lan, Brzezinski có lập trường điều hâu hơn đối với Liên Xô. Những năm đó, Liên Xô đã lấn lướt ở nhiều nơi như giúp đảo chánh ở Ethiopia, gửi quân Cuba sang Angola, giúp phiến quân ở Trung Mỹ. Brzezinski không chia xẻ sự thận trọng của Vance. Ông lập luận rằng Liên Xô đã không cần thận trọng trong những hành vi xâm lấn thì Hoa Kỳ cũng không bị giới hạn và ràng buộc trong chính sách đối ngoại. Vì thế, Hoa Kỳ cần liên kết chiến lược với Trung Hoa để cầm chân Liên Xô. Biết được sự rạn nứt giữa văn phòng cố vấn an ninh và bộ Ngoại Giao, sau chuyến đi thất bại của ngoại trưởng Vance, Trung Hoa mời Brzezinski sang Bắc Kinh vào tháng 11-1977. Bị sự phản đối của Vance, Brzezinski chỉ được tổng thống Carter cho đi Bắc Kinh vào tháng 3-1978. Trong thời gian

chờ đợi, Brzezinski nhiều lần trao đổi quan điểm với Hàn Dũ, trưởng phòng đại diện Trung Hoa tại Washington, và khi đi Bắc Kinh, Brzezinski đã thuyết phục Carter ký một thông tư, trong đó nói rõ Hoa Kỳ và Trung Hoa có những quan tâm chiến lược giống nhau, cùng chống tham vọng bá quyền trên toàn thế giới hay cục bộ địa phương của bất cứ cường quốc nào và Hoa Kỳ cũng tỏ ra quan tâm về ý định Liên Xô nhằm dùng Việt Nam để bao vây Trung Hoa.

Ngày 19-5-1978, khi tình hình bang giao Hoa – Việt đang căng thẳng và Việt Nam đang sửa soạn mở cuộc tấn công mới vào Campuchia thì Brzezinski cùng nhiều viên chức cao cấp lên đường sang Trung Hoa. Trong đoàn có Holbrook đại diện bộ Ngoại Giao, Abramowitz phụ tá bộ trưởng Quốc Phòng, Benjamin Huberman cố vấn tổng thống về các vấn đề khoa học kỹ thuật. Tuy nhiên, Brzezinski có ý loại Holbrook khỏi các cuộc họp quan trọng với Trung Hoa. Brzezinski chủ trương khi Hoa Kỳ tỏ ra chống Liên Xô mạnh hơn thì Trung Hoa sẽ mềm dẻo hơn về vấn đề Đài Loan. Trong các buổi họp với Đặng Tiểu Bình và ngoại trưởng Hoàng Hoa, Brzezinski hoàn toàn đồng ý quan điểm của Trung Hoa về mối đe dọa của Liên Xô và Việt Nam. Hai bên thoả thuận sẽ hợp tác chặt chẽ hơn trong vấn đề viện trợ Afghanistan, giúp đỡ các nước Đông Nam Á để ngăn chặn khuynh hướng bành trướng Liên Xô. Trong khi Brzezinski gặp Đặng Tiểu Bình thì Abramowitz trình bày cho các viên chức cao cấp quân sự Trung Hoa những tin tức tình báo và không ảnh tối mật về vũ khí chiến lược và lực lượng quân sự của Liên Xô bố trí dọc biên giới Trung Hoa, còn Benjamin Huberman gợi ý về vấn đề hợp tác Hoa – Mỹ trong vấn đề kỹ thuật và tình báo. Hai nước đã gần nhau hơn trong lập trường chống Liên Xô nhưng ảnh hưởng phe Hoa Quốc Phong còn mạnh nên vấn đề Đài Loan vẫn chưa được giải quyết. Trong buổi họp tại New York đầu tháng 10-1978, ngoại trưởng Hoàng Hoa cực lực

công kích Hoa Kỳ vì Hoa Kỳ vẫn muốn có liên lạc không chính thức và tiếp tục buôn bán vũ khí với Đài Loan.

Tháng 11-1978 sau khi hiệp ước Việt – Xô đã ký kết, Bộ Chính Trị trung ương đảng Cộng Sản Trung Hoa mở phiên họp khoáng đại ở Bắc Kinh. Sau buổi họp, phe Đặng Tiểu Bình hoàn toàn thắng thế. Đặng Dĩnh Châu và Triệu Tử Dương được bầu vào Bộ Chính Trị. Hoa Quốc Phong, Uông Đông Hưng, Hoàng Hoa bị mất chức. Đặng Tiểu Bình trở nên người uy quyền nhất Trung Hoa. Bộ Chính Trị mới hoàn toàn ủng hộ đường lối “bốn hiện đại” và lập trường mềm dẻo về vấn đề Đài Loan của Đặng Tiểu Bình. Hai ngày sau khi Việt Nam loan báo sự thành lập Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Campuchia, Woodcock gặp quyền ngoại trưởng Trung Hoa Hàn Niệm Long. Bầu không khí thay đổi hẳn. Nếu trước kia Hoa Kỳ đã không biết thời biểu cấp bách của Việt Nam muốn bang giao với Hoa Kỳ trước khi công khai liên minh quân sự với Liên Xô và xâm lăng Campuchia thì lần này Hoa Kỳ cũng không thấy nhu cầu của Trung Hoa cần có quan hệ ngoại giao gấp với Hoa Kỳ để dẫn mặt Liên Xô trước khi xâm lăng trừng phạt Việt Nam. Vì thế Woodcock rất ngạc nhiên khi thấy Đặng Tiểu Bình trong cuộc tiếp xúc ngày 13-12-1978, bất ngờ chấp nhận ngay dự thảo về bình thường hoá ngoại giao của Hoa Kỳ, đồng thời muốn sang thăm Hoa Kỳ sớm.

Tổng thống Carter rất phấn khởi về tin này. Hai bên đã định ngày chính thức công bố thông cáo chung về thiết lập quan hệ ngoại giao sẽ là ngày 1-1-1979. Nhưng Carter sợ tin này bị tiết lộ và quốc hội có thể gây khó khăn nên đề nghị công khai tuyên bố sớm hơn, vào ngày 15-12-1978.

Điều này làm cho dự tính tấn công Việt Nam của Trung Hoa thêm thuận lợi nên Đặng Tiểu Bình bằng lòng ngay. Người bị bất ngờ về tin này là ngoại trưởng Vance, vì ông không muốn gặp khó khăn khi ông sẽ gặp ngoại trưởng Liên Xô Gromyko vào cuối tháng.

Việc thiết lập quan hệ ngoại giao của Trung Hoa với Hoa Kỳ là biến cố quan trọng trong tình hình chính trị thế giới lúc đó, và là một khúc quanh mới trong lịch sử Trung Hoa. Kể từ ngày đó, đời sống của nhân dân Trung Hoa tương đối dễ chịu nhiều hơn trước, và nền kinh tế của Trung Hoa đã tiến nhảy vọt. Cùng thời gian, những lãnh tụ cộng sản già nua của Việt Nam vẫn u mê trong hào quang chiến thắng, vẫn nhìn về Liên Xô như một thiên đường, vẫn tiếp tục “nắm vững chuyên chính vô sản”, đẩy mạnh kinh tế tập trung và tiếp tục bắt nhân dân Việt Nam phải chịu đựng gian khổ, hy sinh máu xương thêm nữa để phục vụ cho đường lối và quyền lợi của họ.

THAM KHẢO :

- *Brother Enemy, Nayan Chanda,*
Nxb. MacMilan Publishing Company New York.
- *When the war was over, Elizabeth Becker,*
Nxb. Schuster, Inc, New York.

● CHƯƠNG 07

Chiến trường biên giới Tây Nam 1977.

Đêm 30-4-1977, đúng hai năm sau ngày bộ đội cộng sản chiến thắng tại miền Nam Việt Nam, các đơn vị thuộc hai sư đoàn 210, 250 thuộc quân khu Tây Nam Campuchia mở cuộc tấn công quy mô cấp trung đoàn vào lãnh thổ quân khu 9 Việt Nam thuộc tỉnh An Giang, bắt đầu cuộc chiến tranh hậu chiến, chiến tranh Đông Dương Thứ Ba, hay cuộc chiến huynh đệ tương tàn giữa hai quốc gia cộng sản lân bang.⁽⁴⁰⁾

Xét về tương quan lực lượng, ưu thế quân sự nghiêng hẳn về phía Việt Nam. Dân số, quân số đông đảo hơn bội phần. Vũ khí, chiến cụ dồi dào, tối tân hơn. Binh sĩ thiện chiến, nhiều kinh nghiệm hơn. Ngay đồng minh Trung Hoa của Campuchia cũng không tin Campuchia có thể thắng một trận chiến quy ước với Việt Nam. Đứng hậu thuẫn cho Campuchia trong chiến tranh chống Việt Nam, Trung Hoa chỉ muốn có một cuộc chiến tiêu hao và giới hạn, nhằm làm kiệt quệ tài nguyên và nhân lực của Việt Nam, gây áp lực để Việt Nam từ bỏ đường lối thân Liên Xô và giảm bớt mối đe dọa từ biên giới phía Nam. Tuy nhiên, những nhà lãnh đạo cộng sản Campuchia, do nhiều nguyên nhân chủ quan

⁽⁴⁰⁾ Cuộc chiến này được Bzrezinski và Trung Hoa coi là “chiến tranh ủy nhiệm”, (proxy war) theo đó Việt Nam nhận nhiệm vụ của Liên Xô, Campuchia nhận nhiệm vụ của Trung Hoa.

và khách quan nhất là do lòng cuồng tín đến bệnh hoạn, đã ước tính sai khả năng của mình và của địch, đã tự chia rẽ và tự huỷ, để cuộc chiến tranh mới đầu lẻ tẻ, giới hạn sau đó lan rộng, đưa đến sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ.

Sau 1975, miền Nam bị sụp đổ, Việt Nam trở nên quốc gia có dân số đứng hàng thứ mười ba trên thế giới, và một quân số đông hàng thứ tư, nhiều hơn quân số của tất cả sáu nước ASEAN cộng lại. Nhưng dù với quân lực hùng hậu như thế, sau chiến thắng, các nhà cầm quyền Việt Nam vẫn không thấy an toàn mà lại thấy bị đe dọa bởi hai nước lân bang vốn là đồng minh ở phía Bắc và phía Tây. Vì thế dù mang tiếng có hoà bình và ở hoàn cảnh kinh tế tồi tệ, chính quyền Việt Nam vẫn phải duy trì và phát triển một đạo quân khổng lồ từ hơn bảy trăm ngàn đến hơn một triệu.

Về tổ chức, quân đội Việt Nam, được gọi là Quân Đội Nhân Dân, sau 1975 gồm ba binh chủng lục quân, hải quân, không quân. Lãnh thổ được chia làm các quân khu I, II, III, IV, V, VII, IX, quân khu Thủ Đô, đặc khu Quảng Ninh và đặc khu thành phố Hồ Chí Minh. Lục quân gồm chính quy, chủ lực quân khu và dân quân địa phương. Lực lượng chính quy, trực thuộc bộ Tổng Tham Mưu, sau 1975 được tổ chức thành bốn quân đoàn cơ động, sử dụng như lực lượng tổng trừ bị. Bốn quân đoàn 1, 2, 3, 4 còn có tên là binh đoàn Quyết Thắng, Hương Giang, Tây Nguyên và Cửu Long. Sau 1979, một số sư đoàn cơ hữu và tân lập được biên chế thành binh đoàn mới để đối phó với đe dọa của Trung Hoa. Mỗi quân đoàn có từ ba mươi ngàn đến bốn mươi ngàn quân, gồm ba hay bốn sư đoàn bộ binh, cùng các đơn vị yểm trợ như pháo binh, thiết giáp, truyền tin, quân y... Ngoài số vũ khí do quân đội Việt Nam Cộng Hoà bỏ lại, Việt Nam có khoảng hơn 1000 xe tăng T34, T54, T55, T59, T62, 500 xe PTP76, khoảng 600 súng đại bác, 3000 súng phòng không và các đơn vị tên lửa SAM. Chủ lực miền là các đơn vị cơ hữu của mỗi quân khu. Ngoài các sư đoàn

chủ lực quân khu, mỗi tỉnh có một hay hai trung đoàn chủ lực tỉnh như trung đoàn Vàm Cỏ, Sông Bé, Gia Định, Bắc Thái... Lực lượng dân quân là các tỉnh đội, huyện đội, xã đội, có nhiệm vụ phòng thủ và trinh sát. Ngoài ra, bộ binh Việt Nam có các đơn vị đặc biệt như lực lượng đặc công, lữ đoàn 305 dù, các lữ đoàn lính thủy đánh bộ, quân đoàn 559 công binh, sư đoàn 673 cao xạ, các đoàn vận tải v.v...

Hải quân Việt Nam thành lập từ những năm 1960, mới đầu là 25 pháo thuyền Trung Hoa và 30 tàu tuần duyên do Liên Xô viện trợ. Sau 1975, cùng với thuyền bè do hải quân Việt Nam Cộng Hoà để lại, hải quân đã có hơn một ngàn tàu chiến lớn nhỏ. Duyên hải chia làm năm vùng mà các bộ tư lệnh đóng ở Hải Phòng, Vinh, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Rạch Giá. Có hai hạm đội là hạm đội Hàm Tử phụ trách vùng biển phía bắc và hạm đội Bạch Đằng phụ trách vùng biển phía nam Biển Đông và vịnh Thái Lan. Tư lệnh hải quân lúc đó là Hoàng Hữu Thái, chính uỷ là Hoàng Trà.

Không quân Việt Nam có quân số khoảng hai chục ngàn. Ngoài các phi cơ A37, F5, một số vận tải cơ và trực thăng của không quân Việt Nam Cộng Hoà để lại, là phi cơ Mig 21, Mig 23 và phi cơ trực thăng võ trang do Liên Xô viện trợ. Tất cả có hơn một ngàn phi cơ, chia thành các không đoàn chiến đấu, vận tải, trực thăng và huấn luyện. Ngoài ra, có một không đoàn oanh tạc cơ. Bộ tư lệnh không quân đóng tại phi trường Bạch Mai. Năm 1979, Đào Đình Luyện⁽⁴¹⁾ là tư lệnh không quân, Hoàng Văn Khanh là tư lệnh phòng không, Nguyễn Xuân Mậu, tư lệnh radar.

Cũng như quân đội của những nước cộng sản khác, quân đội Việt Nam nằm trong sự kiểm soát chặt chẽ của đảng. Những chức vụ chỉ huy trong quân đội đều là đảng viên. Ở những cấp từ trung đoàn trưởng trở xuống, đôi khi

⁽⁴¹⁾ Sau đó được thăng tổng tham mưu trưởng, bộ trưởng quốc phòng, ủy viên Bộ Chính Trị, nhưng sau một nhiệm kỳ bị phe bảo thủ loại bỏ.

vì nhu cầu chiến trường, không đủ cán bộ có khả năng chỉ huy nên một số sĩ quan ít thành tích chính trị vẫn được giao chức vụ chỉ huy, nhưng bị chính uỷ lấn lướt. Ngoài chính uỷ ra, mỗi đơn vị còn có chủ nhiệm phòng hay ban chính trị. Tuy quân số Việt Nam đứng hàng thứ tư, sau Trung Hoa, Liên Xô và Hoa Kỳ (sau 1980, với quân số hơn hai triệu, đã vượt Hoa Kỳ, nhảy lên hàng thứ ba), và có một số lượng chiến cụ dồi dào, quân đội Việt Nam cũng có nhiều khuyết điểm. Trước hết là tình trạng tâm lý. Sau hơn hai chục năm chiến tranh, tinh thần quân đội lẫn nhân dân đều mỏi mệt. Ngoài những tân binh miền Nam bị bắt đi nghĩa vụ một cách miễn cưỡng, tân binh miền Bắc cũng không còn dễ dàng mù quáng để bị tuyên truyền như trước nữa. Sau đó, tất cả phương tiện chiến tranh đều lệ thuộc Liên Xô, từ phi cơ tên lửa tới tân đến từng viên đạn súng cá nhân AK47, còn vũ khí do quân đội Việt Nam Cộng Hoà bỏ lại dần dần bị phế thải vì thiếu bảo trì và không có cơ phận thay thế. Đội ngũ sĩ quan, phần lớn ít học, hồng nhiều hơn chuyên, nên chỉ mạnh về chiến tranh du kích và cổ điển, không thể hiện đại hoá. Bù đắp lại, là có một đội quân đông đảo, hoả lực dồi dào, sự chỉ huy thống nhất, các cấp chỉ huy nhiều kinh nghiệm. Binh lính tuy không còn tin và chiến đấu cho xã hội chủ nghĩa, nhưng vẫn có truyền thống dũng cảm, khôn ngoan, tự trọng. Trong cuộc chiến Đông Dương thứ ba, giới lãnh đạo cộng sản lại một lần nữa lấy cớ đất nước bị tàn phá ở biên giới Tây Nam và bị xâm lăng ở biên giới phía Bắc để lợi dụng lòng yêu nước của binh lính.

Tuy nhiên, sau khi chính quyền Pol Pot bị sụp đổ, quân Trung Hoa đã rút về nước, tinh thần bộ đội sa sút nghiêm trọng, mầm mống bất mãn nổi lên, đưa đến sự mất chức của Văn Tiến Dũng và Chu Huy Mân. Quân đội đó có thể bảo vệ đất nước chống Trung Hoa, có thể tiến chiếm Campuchia trong một thời gian ngắn nhưng vẫn chưa được coi như một đội quân hiện đại để trở nên mối đe dọa trầm

trọng cho nền an ninh trong vùng, tương xứng với bề ngoài về quân số và khối lượng vũ khí khổng lồ. Với sự chia rẽ của khối cộng sản lúc đó, đội quân đó đã hoàn toàn chỉ trông cậy vào Liên Xô và dĩ nhiên, chỉ được giúp đỡ khi thi hành đường lối phù hợp với quyền lợi của Liên Xô.

Một yếu tố quan trọng là khác hai cuộc chiến trước, lần này đối thủ là hai đội quân cộng sản nên tất cả đều có ưu thế chiến thuật chung là binh sĩ ít nhiều đã bị nhồi sọ. Người lính trong đơn vị hay gia đình ở hậu phương đều bị kiểm soát chặt chẽ và liên đới chịu trách nhiệm nên dù bất mãn cũng không có chọn lựa khác. Tại Campuchia, Trung Hoa hay Việt Nam, cấp chỉ huy chỉ lo đạt mục đích bất chấp tổn thất sinh mạng hoặc áp lực dư luận.

Trong trận chiến này, khi Trung Hoa đánh vào biên giới phía Bắc, lực lượng tham chiến chính của Việt Nam là những đơn vị chủ lực của các quân khu I, II, III và một số sư đoàn tăng phái từ quân khu IV. Ba quân đoàn chính quy bị kẹt tại Campuchia, quân đoàn I đóng quanh Hà Nội dùng làm trừ bị. Đồng thời, tại mặt trận biên giới Tây Nam sát Campuchia là các quân khu V, VII, IX. Mặt trận quân khu V không quan trọng lắm vì là miền rừng núi, ít trục lộ giao thông. Khác với trận chiến Đông Dương thứ hai, chiếm được vùng rừng núi Tây Nguyên là chia cắt miền Nam Việt Nam. Lần này, mục tiêu chính của Campuchia là Sài Gòn và châu thổ Cửu Long. Do đó, mặt trận biên giới quân khu VII quan trọng nhất. Chọc thủng tuyến phòng thủ địch ở biên giới này, quân đội mỗi bên có thể tiến tới Sài Gòn hay Phnom Penh dễ dàng. Phía Việt Nam, trú đóng tại biên giới quân khu VII, ngoài các sư đoàn chủ lực quân khu như sư đoàn 5, 303, 302..., các trung đoàn chủ lực tỉnh như Vàm Cỏ, Sông Bé, Gia Định..., bộ tổng tham mưu Việt Nam sử dụng thêm quân đoàn 4 hay binh đoàn Cửu Long gồm các sư đoàn 7, 9, 341. Binh đoàn này đóng ở vị trí chủ yếu dọc quốc lộ 1, sau đó là mũi nhọn tấn công chính nên được tăng

cường sư đoàn 2 của quân khu V. Mặt trận quân khu IX cũng quan trọng vì là lãnh thổ Thủy Chân Lạp cũ. Phòng thủ biên giới là các trung đoàn chủ lực tỉnh Hậu Giang, Đồng Tháp và các sư đoàn 4, 8, 330... chủ lực quân khu.

Cuối năm 1978, để tấn công Campuchia, quân khu IX được tăng cường quân đoàn 2 hay binh đoàn Hương Giang gồm các sư đoàn chính quy 325, 304 rút từ Lào về để tấn công hướng cực nam Campuchia (sư đoàn 306 của binh đoàn được giữ lại làm “nghĩa vụ quốc tế” ở Lào). Thời gian đầu, tư lệnh quân khu VII là Trần Văn Trà, tư lệnh quân khu IX là Lê Đức Anh. Tư lệnh các binh đoàn Cửu Long và Hương Giang là Hoàng Cầm và Nguyễn Hữu An. Khi Việt Nam tấn công vào Campuchia, ở mũi tấn công phía bắc, binh đoàn chính quy Tây Nguyên hay quân đoàn 3 cũng tham chiến dưới sự chỉ huy của tướng Kim Tuấn, cựu tư lệnh sư đoàn 320 năm 1975. Năm 1977, giám sát tổng quát mặt trận là Lê Trọng Tấn, tổng tham mưu phó quân đội, kiêm tư lệnh Bộ Chỉ Huy Tiền Phương, đóng bản doanh ở Tân Sơn Nhất. Trong số tướng lãnh Việt Nam, Lê Trọng Tấn là người tham dự nhiều chiến trường nhất. Xuất thân hạ sĩ quan không quân Pháp, Lê Trọng Tấn là một tư lệnh sư đoàn đầu tiên (sư đoàn 312) cùng với Văn Tiến Dũng (sư đoàn 320), Vương Thừa Vũ (sư đoàn 308) Hoàng Minh Thảo (sư đoàn 304), Lê Quảng Ba (sư đoàn 316), trong cuộc chiến Đông Dương thứ nhất. Những năm đầu cuộc chiến Đông Dương thứ hai, Tấn là cục trưởng Cục tham mưu Cục R dưới bí danh Ba Long. Năm 1972, Tấn chỉ huy quân đoàn 76E ở mặt trận Quảng Trị, và năm 1975 chỉ huy cánh quân duyên hải tiến xuống miền Nam. Sau 1975, Tấn được cất lên tổng tham mưu phó, và 1980 được thăng tổng tham mưu trưởng thay Văn Tiến Dũng. Lê Trọng Tấn chết một cách bất ngờ cuối năm 1986 trước khi nhận chức bộ trưởng quốc phòng. Cùng với Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Hoàng Cầm, Lê Trọng Tấn rất quen với địa thế Campuchia.

Đối đầu với một lực lượng hùng hậu như thế, quân đội Campuchia hay Khmer Đỏ trong năm 1975 chỉ có 68 ngàn quân. Mấy năm sau, trong chiến tranh với Việt Nam, quân số này tăng lên hơn 150 ngàn, tổ chức thành 23 sư đoàn. Hải quân hầu như không có, một số tàu chiến nhỏ của quân đội cộng hoà để lại đã bị không quân Mỹ tiêu hủy trong vụ giải cứu chiếc tàu Mayaguez. Không quân thì ngoài các máy bay cũ không thể sử dụng vì thiếu bảo trì, thiếu cơ phận sửa chữa, Campuchia được Trung Hoa viện trợ cho vài máy bay Mig 15 và Mig 17, nhưng vẫn chưa được dùng đến. Bộ binh tuy tổ chức thành sư đoàn, đa số binh sĩ còn nhỏ tuổi, số còn lại tuy có kinh nghiệm chiến đấu với quân của tướng Lon Nol, nhưng chỉ là chiến tranh du kích, chưa hề qua các trận đánh cấp trung đoàn, hay những trận đánh phối hợp với pháo binh, thiết giáp. Bù đắp lại, họ cuồng tin hơn, quen thuộc địa thế, di chuyển nhanh ở các vùng rừng núi, sinh lầy, nên sau khi các đại đơn vị bị đánh tan trong cuộc chiến quy ước và chính diện với Việt Nam, những lực lượng nhỏ còn lại vẫn tiếp tục đánh du kích, gây tổn thất không ít cho đội quân chiếm đóng.

Sau tháng 4-1975, Khmer Đỏ chia lãnh thổ thành bảy quân khu Bắc, Đông Bắc, Đông, Tây Nam, Tây, Tây Bắc, Trung Ương cùng hai đặc khu Phnom Penh và 505. Bí thư quân khu kiêm nhiệm cả hành chánh lẫn quân sự. Trung ương lấy hai phần ba quân số của mỗi quân khu để thành lập quân đội chính quy, đặt dưới quyền chỉ huy của Son Sen, bộ trưởng quốc phòng. Một phần ba quân số còn lại là chủ lực quân khu, do các bí thư khu uỷ trực tiếp chỉ huy.

Trong trận chiến, nằm sát với quân khu VII của Việt Nam là quân khu Đông, và đối đầu với quân khu IX là quân khu Tây Nam. Cũng như Việt Nam, Campuchia coi mặt trận quân khu Đông là mặt trận chủ yếu. Theo lời giới lãnh đạo Khmer Đỏ, chọc thủng được phòng tuyến Việt Nam (vùng Mỏ Vẹt, Tây Ninh), quân Campuchia chỉ cần đi bộ

hai ngày là tới Sài Gòn. Bí thư khu uỷ khu Đông là So Phim, lãnh tụ Khmer Đỏ kỳ cựu, nhiều kinh nghiệm chiến trường từ cuộc chiến Đông Dương thứ nhất. Vì đã hoạt động ở các vùng sát biên giới Việt Nam như Lũoi Câu, Mỏ Vệt, xưa kia là mật khu Việt Cộng, So Phim thường xuyên tiếp xúc với cán bộ Việt Nam và được đặt cho tên Việt là Mười Su. Tuy thế, vào năm 1974 và 1975, là một cán bộ Khmer Đỏ cao cấp, So Phim vẫn trung thành với lệnh của trung ương, tiêu diệt hết cán bộ cộng sản cũ hồi kết từ Bắc Việt. Sau ngày chiến thắng, So Phim được cất nhắc làm ủy viên thường vụ trung ương đảng, đệ nhất phó chủ tịch nhà nước, bí thư kiêm tư lệnh quân khu Đông.

Vì tính chiến lược quan trọng của quân khu, ngoài hai sư đoàn 3 và 4 cơ hữu, So Phim còn được tăng phái hai sư đoàn 280, 290 của trung ương. Hai trục lộ chính của quân khu là quốc lộ 7 và quốc lộ 1. Quốc lộ 7 là quốc lộ chiến lược quan trọng hình cánh cung, đi vòng từ thị xã Kratié qua Snoul, Mimot, Krek, Chup tới Kompong Cham, song song với biên giới phía bắc Tây Ninh. Năm 1977, khi chiến cuộc bùng nổ, So Phim được cử làm tư lệnh mặt trận đường số 7. Quốc lộ 1 là con đường từ Nam Vang qua bến phà Neak Luong đi ngang tỉnh lỵ Svayrieng, qua Prasaut, vượt biên giới đi thẳng về Sài Gòn. Mặt trận nơi này do Sơn Sen đích thân chỉ huy gồm các sư đoàn tăng phái từ trung ương hay từ những quân khu khác. Người có uy tín ngang với So Phim trong hàng ngũ bí thư quân khu là Tà Mok.⁽⁴²⁾ bí thư kiêm tư lệnh quân khu Tây Nam, giáp giới quân khu IX của Việt Nam. Nổi tiếng liêu lĩnh, nhưng Tà Mok không có tham vọng chính trị, mù quáng trung thành, nên được Pol Pot tin cậy, cất nhắc làm ủy viên thường vụ, sau đó làm tư lệnh quân đội. Các sư đoàn đóng ở quân khu Tây Nam là 210, 230, 250. Giữa năm 1978, khi cuộc chiến đã trở nên

⁽⁴²⁾ Mok là tên, Tà có nghĩa là ông già.

quyết liệt, Campuchia ký hiệp ước thân hữu với Thái Lan, rút bớt quân đội từ biên giới phía tây sang phía đông, nâng tổng số quân tại miền này lên 19 sư đoàn.

Ngoài mối hận thù lâu đời cùng giấc mơ tái chiếm lãnh thổ Thủy Chân Lạp cũ, giới lãnh đạo Campuchia phát động cuộc chiến tranh vì tin chắc Việt Nam đang âm mưu phá hoại chế độ và kiếm cơ xâm lăng, sát nhập lãnh thổ. Họ coi chiến tranh là điều không thể tránh, và cách tự vệ hay nhất là tấn công. Thêm nữa, vì nội tình, gây chiến với Việt Nam, sẽ có lý do đổ lỗi về các thất bại kinh tế và giữ được đoàn kết nội bộ. Dù cán cân lực lượng chênh lệch, họ tin vào sự trợ giúp và áp lực của Trung Hoa. Theo tài liệu Việt Nam, vũ khí mà Trung Hoa viện trợ cho Campuchia đều in số 800, tượng trưng con số 800 triệu dân Trung Hoa đứng đằng sau.⁽⁴³⁾ Vì thế, Campuchia không tin Việt Nam dám xua quân xâm lăng, chiếm đóng lãnh thổ của họ. Mặt khác, bị ảnh hưởng Mao Trạch Đông, họ tin là yếu tố con người quan trọng hơn vũ khí, và khả năng chiến đấu của lính Campuchia trội hơn lính Việt Nam bội phần. Trong cuộc chiến Đông Dương thứ hai, dù trực tiếp tham chiến chỉ hơn hai năm, Pol Pot luôn tin quân Khmer Đỏ đã đánh bại Mỹ và giúp Việt Nam chiến thắng. Vào dịp tiếp xúc với ký giả Elizabeth Becker, Pol Pot đã tưởng tượng ra một cảnh tương lai khi quân Việt Nam bị đánh bại, phải cầu cứu các nước trong khối Varsovie. Niềm tin vào khả năng siêu nhân của lính Khmer Đỏ còn thể hiện qua một bài bình luận trên đài phát thanh Phnom Penh ngày 10-5-1978: “Cho đến nay, chúng ta đã đạt được tỷ số một người lính Campuchia chết sau khi giết được ba mươi người Việt. Như vậy chúng ta chỉ cần hy sinh hai triệu người Khmer để tiêu diệt trên năm

⁽⁴³⁾ Đây có lẽ là điều bị bóp méo, vì theo Edgar Snow, Mao Trạch Đông thường nói “Trung Hoa sau 1949 được điều hành bởi 800 cán bộ CS sống sót trong số 50,000 đảng viên đầu tiên.” Số 800 có thể diễn tả ý này.

chục triệu người Việt, và chúng ta vẫn còn sáu triệu.”

Ngoài tính chủ quan điên cuồng đó, tình hình kinh tế, chính trị nội bộ như biến cố Keo Meas, âm mưu phản loạn của tướng Chakrang, tư lệnh đặc khu Phnom Penh, cùng các hành động của Việt Nam như ký hiệp ước liên minh, đem quân trú đóng tại Lào, nghị quyết đại hội đảng Cộng Sản Việt Nam có đoạn “*thực hiện mối quan hệ đặc biệt*” với Lào và Campuchia khiến các lãnh tụ Khmer Đỏ thấy cần phát động chiến tranh. Nhưng họ vẫn khôn ngoan chờ đến khi tình hình nội bộ Trung Hoa sáng tỏ. Khi giới lãnh đạo mới của Trung Hoa cam kết ủng hộ Campuchia, họ mới tấn công quy mô vào lãnh thổ Việt Nam, và để hạ uy tín Việt Nam, cuộc tập kích quy mô đó chọn đúng ngày Việt Nam kỷ niệm hai năm chiến thắng.

Đêm 30-4-1977, khi các cán bộ Việt Nam đang liên hoan thì ba trung đoàn Campuchia thuộc sư đoàn 210 và 250 của quân khu Tây Nam mở cuộc hành quân tấn công nhiều quận lỵ, làng mạc sát biên giới thuộc tỉnh An Giang.

Bị đánh bất ngờ, bộ đội Việt Nam bỏ chạy không chống cự, mặc cho quân Khmer Đỏ tràn đến đốt phá làng mạc, tàn sát thường dân vô tội. Khoảng năm trăm dân lành bị tàn sát, kể cả đàn bà, trẻ con. Có người bị chặt đầu, có người bị thiêu sống, có người bị mổ bụng. Riêng quận Tịnh Biên có hơn một trăm thường dân bị giết. Việt Nam lúc đó vẫn hy vọng còn có thể lấy lòng Trung Hoa nên chỉ phản ứng giới hạn bằng cách dùng phi cơ oanh tạc trả đũa vài vị trí quân sự trong nội địa Campuchia, và hơn một tháng sau mới kín đáo trao kháng thư cho đại sứ So Khaeng tại Hà Nội,⁽⁴⁴⁾ quy trách nhiệm cho chính phủ Campuchia, với lập luận “*một cuộc tấn công hàng loạt có phối hợp như vậy không thể xảy*

⁽⁴⁴⁾ *Khi hai nước đoạn giao, đại sứ So Khaeng bị gọi về Nam Vang và bị thanh trừng ngay vì khi ra về, đã bị một viên chức ngoại giao Việt Nam “ôm hôn thăm thiết” để từ giả.*

ra do quyết định của cán bộ địa phương.”

Phản ứng thụ động của Việt Nam khiến Pol Pot tin vào phán đoán của mình và sức mạnh của Khmer Đỏ. Sau đó, ngày 18-7-1977, Việt Nam cùng Lào ký hiệp ước hỗ trợ phòng thủ, Pol Pot càng cho rằng nhận định về âm mưu bành trướng của Việt Nam là đúng. Vì thế, để biểu dương sức mạnh và quyết tâm với giới lãnh đạo Trung Hoa, đêm 24-9-1977, ba ngày trước khi chính thức ra mắt đảng Cộng Sản Campuchia và lên đường công du Bắc Kinh, Bình Nhưỡng, Pol Pot ra lệnh cho các đơn vị thuộc hai sư đoàn 3, 4 của quân khu Đông ồ ạt tấn công nhiều vị trí biên giới Việt Nam ở tỉnh Tây Ninh như Bến Cầu, Tân Biên, Xa Mát, Châu Thành. Đó là các vùng đất mà Campuchia cho là thuộc về họ và bị Việt Nam lấn chiếm. Khu kinh tế mới Long Cường cũng bị tấn công. Theo Campuchia, các khu kinh tế mới vùng biên giới nằm trong chính sách “tầm ăn dâu” từ mấy thế kỷ trước của Việt Nam.⁽⁴⁵⁾

Cũng như trận đánh ở biên giới An Giang, quân Việt Nam bị bất ngờ và bỏ chạy, khiến gần một ngàn thường dân vô tội chết oan. Riêng tại xã Tân Lập, quận Tân Biên, hơn năm trăm dân làng bị giết, trẻ con bị ném xuống giếng, trâu bò gà vịt bị tàn sát, nhà cửa bị đốt cháy.

Chịu trách nhiệm phòng vệ Tây Ninh lúc đó là Trần Văn Trà, tư lệnh quân khu VII. Bị tấn công và thiệt hại, Trà tức giận, ra lệnh soạn thảo kế hoạch phản công hai mặt, một mặt tấn công chính diện, đẩy lui quân Campuchia, mặt khác, một đơn vị lớn sẽ vượt biên giới chân hậu và tiêu diệt toàn quân đó. Đồng thời, để tố cáo tội ác của Khmer Đỏ đã tấn công, tàn sát thường dân vô tội, Trần Văn Trà mời một nhà báo Hungary đến thăm trận địa. Nhưng lúc đó chính phủ Hà Nội vẫn hy vọng lấy lòng được Trung Hoa nên

⁽⁴⁵⁾“tầm ăn dâu”, hay “tầm thực” là chính sách do Nguyễn Cư Trinh năm 1756 bày cho chúa Nguyễn để lấn chiếm dần lãnh thổ Chân Lạp.

chưa dám phản ứng mạnh và công khai. Nhà báo Hungary bị tịch thu bài vở và phim ảnh. Kế hoạch phản công của Trần Văn Trà bị huỷ bỏ. Theo tài liệu quân sự Việt Nam thì *“phương án đó không được bộ tổng tham mưu chấp thuận. Vì lúc này chúng ta vẫn phải tự kiềm chế để tìm một giải pháp vừa giải quyết được xung đột, vừa tránh đổ máu.”* Thay vào kế hoạch của Trần Văn Trà, bộ tổng tham mưu Việt Nam điều động sư đoàn 341⁽⁴⁶⁾ lên tăng cường cho quân đoàn IV, cùng các sư đoàn 7 và 9 của quân đoàn tái chiếm các xã đã mất, đẩy lui quân Campuchia về bên kia biên giới. Trần Văn Trà bị gọi về Hà Nội, được giao chức thứ trưởng quốc phòng, đặc trách trang bị và kỹ nghệ rồi một năm sau bị giải ngũ. Lý do Trần Văn Trà mất chức có thể do sơ hở lãnh đạo, để cho quân Campuchia bất ngờ tấn công, trong khi ý định và kế hoạch tấn công Tây Ninh đã được một số sĩ quan Campuchia đào ngũ tiết lộ trước.⁽⁴⁷⁾

Sự mất chức đó cũng có thể do khuynh hướng hành động độc lập với trung ương của Trần Văn Trà trong thời gian mà mầm mống bất mãn của những cán bộ gốc miền Nam đối với giới lãnh đạo miền Bắc bắt đầu bộc lộ. Hơn nữa, Trần Văn Trà không được cảm tình của Văn Tiến Dũng, tổng tham mưu trưởng. Sau 1975, Trần Văn Trà bất mãn khi thấy Văn Tiến Dũng viết sách, tự ca tụng và nhận hết công trạng về phần mình, do đó Trà cũng viết một cuốn *“Kết Thúc Cuộc Chiến 30 Năm”* để phản bác lại.

⁽⁴⁶⁾ Sư đoàn này vừa được bổ xung và hồi phục sau khi bị tổn thất nặng ở Long Khánh tháng 4-1975 trong trận đánh với sư đoàn 18 VNCH.

⁽⁴⁷⁾ Hồi Ký của Huỳnh Anh Dũng, cựu đại sứ Việt Nam ở Campuchia viết: *“Khi Pol Pot đánh Tân Lập, giết hại một ngàn đồng bào ta. Dù tin này đã được biết trước, nhưng quân khu VII không tin, nói chỉ là chuyện vặt. Tư lệnh quân khu VII là tướng Trần Văn Trà vẫn bình thân ở thành phố Hồ Chí Minh.”* Cuốn *Kết Thúc Cuộc Chiến 30 Năm* của Trần Văn Trà chỉ mới phát hành được hai tuần thì bị Bộ Chính Trị chỉ trích và phê bình.

Sau khi Trần Văn Trà mất chức, Lê Đức Anh, tư lệnh quân khu IX, được đổi về làm tư lệnh quân khu VII, và Trần Nghiêm, đang giữ chức tư lệnh phó quân khu IX được đôn lên làm tư lệnh, Hồ Bá Phúc tư lệnh phó. Giai đoạn này, mặt trận biên giới Tây Nam được đặt dưới sự giám sát tổng quát của Lê Trọng Tấn. Chịu trách nhiệm phòng thủ phía bắc Tây Ninh là các sư đoàn 5, 302, 303 thuộc bộ tư lệnh quân khu VII, còn phía tây và tây nam Tây Ninh, dọc theo quốc lộ 1 và tỉnh lộ 13 là trách nhiệm của các sư đoàn 7, 9 và 341 chính quy của quân đoàn 4.

Trận đánh quy mô vào tỉnh Tây Ninh cuối tháng 9-1977 đã tạo cơ hội cho hai nhân vật tương đối còn chìm trong bóng tối có cơ hội tiến thân. Ở Việt Nam, Lê Đức Anh, bí danh Sáu Nam, từng là cái bóng của Trần Văn Trà trong nhiều năm, được đổi về làm tư lệnh quân khu VII. Nhờ sự quan trọng của quân khu này và sự nâng đỡ của Lê Đức Thọ, sau đó Lê Đức Anh được đề cử thay Lê Trọng Tấn làm tư lệnh chiến dịch xâm lăng Campuchia, rồi thăng dần lên tham mưu trưởng quân đội, bộ trưởng quốc phòng, và cuối cùng là chủ tịch Nhà Nước. Bên kia biên giới, chỉ huy trận đánh này là Heng Samrin, tư lệnh sư đoàn 4. Sau trận đánh, Heng Samrin được cất làm phó bí thư khu uỷ quân khu Đông, quyền chủ tịch mặt trận đường số 7 trong lúc So Phim đi Trung Hoa chữa bệnh. Mấy tháng sau, khi Pol Pot mở cuộc thanh trừng ở quân khu Đông, Heng Samrin trốn sang Việt Nam, rồi được Việt Nam đưa về, đặt lên chức chủ tịch Nhà Nước.

Sau trận đánh tháng 9, Campuchia tiếp tục tấn công quấy rối, thăm dò cho đến ngày 17-11-1977, thì 13 tiểu đoàn thuộc các sư đoàn 3, 4, 290 mở tấn công lớn đánh chiếm nhiều làng xã phía tây Tây Ninh dọc theo tỉnh lộ 13 như các xã Phước Tường, Năm Căn, Hoà Hội, Phước Tân, Tân Lập, Phú Tân. Tỉnh lộ 13 là con lộ nhỏ chạy song song với biên giới phía tây Tây Ninh, khác với quốc lộ 13, là con

lộ lớn chạy từ Sài Gòn qua phía bắc Tây Ninh tới Snoul, Kratié rồi sang Lào. Sau chuyến đi cầu hoà lần chót với Trung Hoa thất bại của Lê Duẩn, Việt Nam được Liên Xô hỗ trợ, quyết định phản ứng quyết liệt. Quân đội được Bộ Chính Trị cho phép tiến sâu vào nội địa Campuchia để trả đũa. Ngày 2-12-1977, Lê Trọng Tấn đích thân lệnh cho quân đoàn 4 tấn công tràn qua biên giới.

Quân đoàn 4 hay binh đoàn Cửu Long, gồm các sư đoàn 7, 9, 341 do Hoàng Cầm làm tư lệnh, Trần Văn Trân, Võ Văn Dân, Bùi Cát Vũ làm tư lệnh phó. Hoàng Cầm bí danh Năm Thạch, từng phục vụ ở Cục tham mưu Cục R, chỉ huy sư đoàn 9 nên rất thuộc địa thế Campuchia. Được sự yểm trợ của không quân, trực thăng võ trang, pháo binh, thiết giáp..., lực lượng tấn công của Hoàng Cầm lên tới hơn sáu chục ngàn. Đó là không kể các đơn vị thanh niên xung phong được giao nhiệm vụ yểm trợ như đắp đường, tiếp tế. Mục đích cuộc tấn công của quân đoàn 4 là tái chiếm các vị trí ở tỉnh Tây Ninh, sau đó tràn qua biên giới, phá huỷ các căn cứ quân sự, tiếp vận, đồng thời tìm cách tiêu diệt hay gây tổn thất cho các đơn vị Campuchia tại quân khu Đông. Cuộc tấn công cũng nhằm biểu dương sức mạnh với chính quyền Pol Pot, và đưa tuyến phòng thủ của Việt Nam vào sâu lãnh thổ Campuchia từ mười đến bốn mươi cây số.

Trong trận đánh này, Việt Nam tấn công ba hướng:

– Hướng thứ nhất do sư đoàn 9 cùng trung đoàn 209 của sư đoàn 7 phản công tái chiếm các làng xã thuộc quận Châu Thành và Tân Biên dọc tỉnh lộ 13, sau đó vượt biên giới chiếm đóng các vị trí quân sự, và tiêu diệt các đơn vị của sư đoàn 4 Campuchia.

– Hướng thứ hai do sư đoàn 341 cùng trung đoàn 55 pháo binh tiến dọc trục đường 24 tấn công trung đoàn 21 thuộc sư đoàn 290 Campuchia.

– Hướng thứ ba do trung đoàn 14 của sư đoàn 7, cùng một đại đội xe tăng T.59, một đại đội thiết vận xa M.113

tấn công theo quốc lộ 1 vượt biên giới trên ba mươi cây số tấn công trung đoàn 182 thuộc sư đoàn 3 Campuchia.

Ngày 4-12-1977, quân Việt Nam bắt đầu tấn công.

Nhờ quân số đông đảo, hỏa lực hùng hậu, chỉ ba ngày sau, quân Việt Nam đã lấn sâu vào lãnh thổ Campuchia, chiếm đóng quận ly Prasaut sát tỉnh Svayneng. Tuy nhiên, mục tiêu gây thiệt hại nặng cho sư đoàn 3 vẫn chưa thực hiện được. Ngày 14-12, các đơn vị quân Việt Nam giả bộ rút khỏi Prasaut. Trung đoàn 273 rút theo hướng nam về Mộc Hoá, trung đoàn 266, trung đoàn 55 pháo binh và tiểu đoàn 1 thiết giáp theo quốc lộ 1 rút về Tây Ninh. Khi sư đoàn 3 Campuchia trở lại Prasaut, đêm đến, quân Việt Nam quay ngược lại bao vây tấn công, gây thiệt hại nặng cho địch. Trước tình thế đó, bộ tổng tham mưu Campuchia điều động hai sư đoàn 703 và 301 từ Trung Ương lên tăng cường mặt trận Prasaut. Sau mấy trận đùng độ, hai bên đều thiệt hại nặng. Khoảng một ngàn binh sĩ thương vong.

Song song với việc phản công quân sự, chính phủ Campuchia bắt đầu tấn công trên mặt trận ngoại giao. Ngày 31-12-1977, Campuchia tố cáo Việt Nam xâm lăng và tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao. Cùng lúc đó, ngoại trưởng Nguyễn Duy Trinh của Việt Nam đang đi thăm các nước Đông Nam Á. Do cần sự giúp đỡ của các nước và sợ bị bắt quả tang đang xâm lược, ngày 6-1-1978, quân Việt Nam vội rút về. Trong cuộc rút lui vội vã đó, một số đơn vị của sư đoàn 7 và 9 cùng trung đoàn biệt lập Gia Định 2 bị tổn thất nặng do quân Campuchia truy kích.

Sau khi quân Việt Nam rút về nước, chính phủ Pol Pot gọi ngày 6-1-1978 là ngày “chiến thắng vĩ đại”, vĩ đại hơn cả ngày 17-4-1975. Họ cho tăng khẩu phần cán bộ và binh sĩ để ăn mừng. Nhân dân được nghe tuyên truyền là quân đội Campuchia đã bắn cháy nhiều xe tăng Việt Nam, nấu chảy sắt thép các xe tăng đó làm chén, bát. Tuy nhiên, trong nội bộ, trước phản ứng yếu ớt của quân đội quân khu

Đông, Pol Pot nghi ngờ là có nội tuyến trong hàng ngũ lãnh đạo quân khu, nên chỉ thị cho Son Sen, Ta Mok, Ke Pauk và Duch điều tra để thanh lọc hàng ngũ. Cuộc thanh trừng đã gây chia rẽ và làm suy yếu lực lượng phòng thủ quân khu, giúp cơ hội và điều kiện cho Việt Nam thực hiện kế hoạch “Mặt Trận Giải Phóng”, rồi sau đó tiến quân xâm lăng. Trận đánh cuối năm 1977 đánh dấu khúc quanh quan trọng trong trận chiến biên giới. Cuộc xích mích đã trở nên công khai, và Việt Nam bắt đầu tính toán kế hoạch quy mô hơn, nhằm thanh toán một lần và tận gốc chính quyền Pol Pot.

THAM KHẢO :

- Vietnam, a country history.
Department of Defense
- Campuchia, a country history.
Department of Defense
- People Army of Vietnam của *Douglas Pike*
- Mặt Thật của *Thành Tín*.
- Brother Enemy, *Nayan Chanda*,
Nxb MacMilan Publishing Company New York
- Sư đoàn Sông Lam, *Đoàn Phước Long*
Nxb. Quân Đội Nhân Dân.
- Dossier Kampuchea I, II, III
Le Courier du Vietnam, Hà Nội.

● CHƯƠNG 08

Tình hình chính trị ngoại giao Việt - Hoa - Miên năm 1978.

Hai tháng đầu năm 1978, Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam họp tại Sài Gòn, bàn cách đối phó với tình thế mới. Cuộc họp đưa ra các quyết định quan trọng: đối phó quyết liệt hơn với Campuchia, đương đầu với Trung Hoa, giải quyết vấn đề người Việt gốc Hoa để trừ mối hoạ “thù ngoài giặc trong”, liên minh chặt chẽ với Liên Xô để được hậu thuẫn đối phó với Trung Hoa và được viện trợ về quân sự, kinh tế, tăng cường đấu tranh ngoại giao và tuyên truyền, nhất là đối với Hoa Kỳ và các quốc gia trong khối ASEAN.

Trước hết, việc Campuchia đoạn giao với Việt Nam là một bất ngờ và suy thoái ngoại giao của Việt Nam. Campuchia còn được nhiều nước trên thế giới thương hại vì đang ở tình trạng bị nước lớn bắt nạt. Việt Nam giờ đây bị tố cáo mưu toan xâm lấn nước nhỏ láng giềng mà nước nhỏ này vốn là đồng minh của Việt Nam. Ngoài ra, cuộc hành quân thág trước vào sâu lãnh thổ Campuchia cho thấy sức mạnh quân đội Khmer Đỏ không đáng kể, nhưng đã làm thái độ Pol Pot thêm cứng rắn. Vô phương hoà giải được với Campuchia và cũng không thể để cuộc chiến biên giới kéo dài gây tổn hại về tài nguyên, nhân lực, kinh tế, ngoại giao, Việt Nam quyết định phải triệt hạ chế độ Pol Pot. Ý định này được Liên Xô đồng tình. Cuối tháng 1-1978, khi

tướng Grigoriyevich Pavlovsky, tư lệnh các lực lượng trên bộ của Liên Xô thăm viếng Lào, Võ Nguyên Giáp bay sang tham khảo ý kiến và được khuyên nên tấn công chớp nhoáng Campuchia như Liên Xô đã làm tại Tiệp Khắc để hạ bệ thủ tướng cấp tiến Dubcek ⁽⁴⁸⁾ năm 1968. Việt Nam áp dụng biện pháp này, với binh phong “Mặt Trận Giải Phóng” như từng làm tại miền Nam Việt Nam.

Việc thành lập “Mặt Trận”, sau này được gọi là “Mặt Trận Đoàn Kết Dân Tộc Cứu Quốc Campuchia” được Bộ Chính Trị giao cho Lê Đức Thọ. Mới đầu, mặt trận này gồm các cán bộ Khmer tập kết về Hà Nội năm 1954 chưa trở về Campuchia và đang phục vụ trong quân đội hay các cơ quan của Việt Nam như Pen Sovan, ⁽⁴⁹⁾ Chansi, Khang Sarin... cùng các cán bộ mới đào thoát sang như Hun Sen, Bou Thang. ⁽⁵⁰⁾ Binh sĩ và cán bộ cấp thấp được tuyển mộ từ những người trốn sang Việt Nam tị nạn hay người Việt gốc Khmer. Những người này được hứa sẽ giao cho các chức vụ hành chánh sau khi chiếm được Campuchia. Những trại huấn luyện tân binh được thiết lập tại Vị Thanh, Xuân Lộc.

Ngày 22-4-1978, lữ đoàn đầu tiên của Mặt Trận bí mật ra mắt. Cuối năm, cùng một số binh lính của Heng Samrin vừa trốn sang, lực lượng Mặt Trận có khoảng ba hay bốn tiểu đoàn, được phóng đại lên là lữ đoàn. Các lữ đoàn này

⁽⁴⁸⁾ Alexander Dubcek, bí thư thứ nhất và thủ tướng Tiệp Khắc năm 1968, phát động cuộc cải cách “Mùa Xuân Prague” bị quân Liên Xô tiến vào dẹp tan. Dubcek bị bắt đem về Moscow một thời gian ngắn rồi được thả về, cho qua làm đại sứ ở Thổ Nhĩ Kỳ với hy vọng ông sẽ bỏ nhiệm sở đào thoát. Ông không đào thoát nên bị trục xuất khỏi đảng.

⁽⁴⁹⁾ Pen Sovan trốn sang Bắc Việt năm 1973, phụ trách đài phát thanh tiếng Khmer tại Hà Nội, được đem về làm tổng bí thư năm 1979. Có hành động không thuần phục, bị Lê Đức Thọ cho bắt về Hà Nội tháng 12-1981 và bị tù mười năm.

⁽⁵⁰⁾ Hun Sen sau làm thủ tướng từ 1985 đến nay. Bou Thang bộ trưởng quốc phòng.

gom lại thành “đoàn 778” do Heng Samrin làm tư lệnh.⁽⁵¹⁾ Tháng 6-1978, một đài phát thanh tiếng Miên được thành lập tại Sài Gòn đẩy mạnh tuyên truyền, tố cáo tội ác chính phủ Pol Pot và kêu gọi dân Campuchia nổi loạn.

Cũng như Trung Hoa khi đem quân đánh Việt Nam đã tố cáo Việt Nam là tay sai Xô Viết, Việt Nam không coi Campuchia là kẻ thù chính mà đổ lỗi cho Trung Hoa xúi giục. Bằng chứng nêu ra là Campuchia đoạn giao với Việt Nam sau chuyến thăm Phnom Penh của Trần Hồng Quý, phó thủ tướng Trung Hoa, và một tháng sau, phó chủ tịch quốc hội Trung Hoa Đặng Dĩnh Châu công khai tố cáo Việt Nam âm mưu phá hoại Campuchia. Ra mặt đối nghịch với Trung Hoa, Việt Nam phải nghĩ đến mối họa từ hơn hai triệu người Hoa đang sống ở Việt Nam. Tuy chiếm một tỷ lệ dân số nhỏ, nhưng người gốc Hoa là một thế lực kinh tế mạnh mẽ ở Việt Nam. Trước 1975, vì cần Trung Hoa giúp đỡ, chính quyền Hà Nội rất coi trọng người Hoa miền ở Bắc. Họ được hưởng tất cả quyền lợi của người Việt và không phải đi lính. Trong khi đó, ở miền Nam, người Hoa sống nhiều về buôn bán và làm ăn phát đạt. Chính phủ Ngô Đình Diệm thời đó có ra một đạo luật bắt người Hoa phải nhập Việt tịch, nếu không sẽ mất môn bài buôn bán. Vì thế đa số đã nhập Việt tịch. Lúc đó Trung Hoa phản đối dữ dội, và bình phong của cộng sản Bắc Việt là Mặt Trận Giải Phóng cũng hòa theo, hứa hẹn sau khi chiến thắng sẽ cho người gốc Hoa tự do chọn lựa quốc tịch.

Cộng Sản Việt Nam cảnh giác người gốc Hoa từ khi có cuộc Cách Mạng Văn Hoá ở Trung Hoa năm 1966. Phe quá khích và hồng vệ binh đã xếp Việt Nam vào thành phần “xét lại”. Một số vũ khí Liên Xô viện trợ Việt Nam đi qua

⁽⁵¹⁾ Theo Nayan Chanda, Heng Samrin đứng đầu đoàn 778, nhưng thực ra, đại tá Nguyễn Đức Hùng bí danh Tư Chu, chỉ huy trưởng đoàn đặc công F100 trước 1975 làm tư lệnh, chính ủy của đoàn 778 là Ba Cung.

Trung Hoa bị chặn lại. Một số học sinh, sinh viên gốc Hoa ở Bắc Việt cũng tổ chức một nhóm nhỏ hồng vệ binh dự định gây náo loạn. Người Hoa càng trở nên khả nghi sau khi tổng thống Nixon thăm Bắc Kinh năm 1972. Ngày 30-4-1975, Hoa kiều Chợ Lớn đã chào đón bộ đội Bắc Việt bằng cờ cộng sản Trung Hoa với hình Mao Trạch Đông.

Hành động thách đố đầu tiên của chính quyền Hà Nội đối với Trung Hoa là việc bắt Hoa kiều phải nhập Việt tịch nếu không sẽ mất hộ khẩu và khẩu phần mua lương thực năm 1976. Lúc đó ở Trung Hoa, đảng Cộng Sản đang bận thanh trừng nội bộ và tranh chấp quyền hành nên không phản ứng mạnh. Năm sau, khi tình hình hai nước trở nên gay go, Việt Nam âm thầm trục xuất người gốc Hoa sống ở những địa phương sát biên giới.

Khi nội bộ Trung Hoa tạm thời ổn định, để đối phó với Việt Nam, chính sách đối với Hoa kiều hải ngoại lần đầu tiên được công bố qua một bài viết của Liêu Thừa Chí, chủ tịch ủy ban Hoa Kiều Hải Ngoại Vụ, đăng trên tờ Nhân Dân Nhật Báo ngày 4-1-1978. Liêu Thừa Chí tuyên bố Trung Hoa sẽ bảo vệ tất cả Hoa kiều hải ngoại mang quốc tịch Trung Hoa, sẽ giúp đỡ họ nếu muốn trở về quê hương định cư và xây dựng tổ quốc. Với những người đã đổi quốc tịch, Trung Hoa vẫn xem là họ hàng và bằng hữu. Trung Hoa cũng thúc đẩy họ nên thành lập một mặt trận thống nhất chống bá quyền. Đối với Việt Nam, đó là một lời kêu gọi nổi loạn, cần phản ứng mạnh. Ngày 24-3-1978, Việt Nam phát động chiến dịch đánh tư sản mại bản trên toàn miền Nam, gồm hai đợt, mệnh danh là X1 và X2. ⁽⁵²⁾

(52) Loạt bài “Những nhân chứng của cuộc xé rào lịch sử” trên Tiền Phong từ 19/6/06 đến 25/6/06, trùm công an Mai Chí Thọ viết: “Đợt X1 còn tạm được, nhưng đến đợt X2, xét lại gần 2000 đối tượng thì chỉ đúng có 3 đối tượng, còn ngoài ra, tiêu diệt hết nhà giàu đồng thời xóa đi hết những ưu thế, cơ sở vật chất có sẵn của Hòn Ngọc Viễn Đông.

Theo thông cáo chính thức, chiến dịch nhằm “*triệt hạ những thành phần tư sản, đẩy mạnh công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, không phân biệt quốc tịch, tôn giáo, và được phát động đồng đều trên các tỉnh và thị xã miền Nam*”, nhưng mục tiêu chính là người gốc Hoa tại Chợ Lớn. Mờ sáng 24-3-1978, quân đội bất ngờ bố trí ở các vị trí trọng yếu, rồi công an và các học sinh đoàn viên xông vào các căn nhà đã chú ý từ trước, quản thúc người trong nhà, lục soát từng hòn đá, từng viên gạch để tìm kiếm, tịch thu vàng bạc, tiền tệ, của cải... Chủ nhà sau đó bị quy thành phần và đẩy đi kinh tế mới. Chỉ trong một tuần, hàng chục ngàn gia đình, đa số là người Hoa bị trắng tay. Trước hành động này của Việt Nam, Trung Hoa không thể không phản ứng. Là một nước lớn, từng coi các lân bang như chur hầu, từng giúp đỡ dồi dào cho Việt Nam, giờ đây, Việt Nam ngang nhiên phản bội, công khai thách đố chính sách bảo vệ Hoa kiều hải ngoại mà Trung Hoa công bố hai tháng trước.

Trước hết, Trung Hoa ngưng 75 dự án viện trợ cho Việt Nam, rút hết chuyên viên về nước. Đó là biện pháp trừng phạt mà Liên Xô đã dùng với Trung Hoa năm 1960. Ngày 24-5-1978, Trung Hoa bắt đầu gọi Hoa kiều ở Việt Nam là “nạn kiều”, tố cáo Việt Nam vô cớ đàn áp, xử tội các nạn kiều. Nhiều Hoa kiều bị lột sạch của cải trước khi về đến Trung Hoa. Do Trung Hoa khuyến khích nhằm lũng loạn kinh tế Việt Nam, và sự ngấm ngấm đồng tình của Việt Nam nhằm tổng xuất mỗi họa đạo quân thứ năm, trong tháng 6, hơn 100 ngàn Hoa kiều phần đông là thợ mỏ, ngư phủ, thợ lành nghề ở Bắc Việt theo đường bộ vượt biên giới về nước. Đồng thời, để gây sự chú ý của dư luận thế giới về tình trạng nạn kiều, ngày 26-5-1978, Trung Hoa tuyên bố gửi hai tàu vận tải sang Việt Nam đón nạn kiều về nước. Kế

Những tài sản của các đối tượng X1, X2 đem về đổ đôn chất đống đầy các kho... sau một thời gian ngắn, những tài sản này từ từ biến mất.”

hoạch thất bại. Việt Nam tố Trung Hoa áp dụng chính sách “ngoại giao tàu chiến”, và tuyên bố “biển Đông không phải cái ao sau của Trung Quốc để tàu Trung Quốc muốn đến là đến, muốn đi là đi.” Sau sáu tuần bỏ neo chờ ngoài khơi, hai tàu đó phải trở về không. Việt Nam được dịp cảnh cáo các nước Đông Nam Á là vì vấn đề Hoa kiều, Trung Hoa sẽ có thể xen vào nội bộ nước họ.

Thái độ thù địch đã rõ ràng, Việt Nam công khai đưa ra toà các gián điệp Trung Hoa bị bắt như Lý Nghiệp Phu, Trần Hoạt, Trần Trường Giang. Những người này khai hoạt động theo chỉ thị của đại sứ Trần Chí Phương.⁽⁵³⁾ Đồng thời, Việt Nam cho phổ biến các tác phẩm của Vương Minh,⁽⁵⁴⁾ đối thủ cũ của Mao Trạch Đông thời kỳ thành lập đảng Cộng Sản Trung Hoa. Các cán bộ từng quan hệ với Trung Hoa như ủy viên trung ương Hoàng Văn Hoan, như cựu bộ trưởng Quốc Phòng, tư lệnh quân khu 1 Chu Văn Tấn, phó chủ tịch quốc hội Lê Quảng Ba, thứ trưởng Ngoại Thương Lý Ban... lần lượt mất chức. Ngoài ra, vì tình hình kinh tế quá tồi, Việt Nam đã nghĩ ra kế hoạch “vượt biên bán chính thức”⁽⁵⁵⁾ để xuất cảng người và thu lợi. Từ đó, phong trào thuyền nhân ra đời. Phong trào này giúp Việt Nam vét một số tiền và trục xuất được những phần tử khó tin cậy, nhưng đã phô bày thực chất Việt Nam và dập tắt hết số thiện cảm còn lại mà nhân dân thế giới dành cho họ.

⁽⁵³⁾*Dossier Kampuchéa, cuốn II của nxb. Le Courrier du Vietnam, 1978 tại Hà Nội ghi lời khai của “giáo sư Lý”, gián điệp Trung Hoa, nói ông ta đã cùng đồng phạm Vương Mạn Hà đích thân gặp đại sứ Trần Chí Phương (être reçu par l’ambassadeur Tchen Tche Fang en personne). Có lẽ ông này chỉ làm một thời gian ngắn vì theo một tài liệu khác, đại sứ Trung Hoa lúc đó là Dương Công Tố, sau là Lý Thế Thuần.*

⁽⁵⁴⁾*Vương Minh (Wang Ming) được Liên Xô cho về lãnh đạo đảng Cộng Sản Trung Hoa năm 1931, sau đó về làm cho văn phòng Quốc Tế Cộng Sản tới 1937 mới trở về Trung Hoa. Có lẽ bị Mao tranh giành quyền lực, bỏ sang Liên Xô sống từ 1956.*

⁽⁵⁵⁾*Kế hoạch tổ chức lấy tiền vượt biên này có tên là “phương án 2.*

Trong khi Việt Nam xếp đặt kế hoạch đối phó với Trung Hoa và triệt hạ chế độ Pol Pot thì các lãnh tụ Khmer Đỏ đẩy mạnh chiến tranh biên giới và thanh trừng hàng ngũ lãnh đạo quân khu Đông. Sau chuyến thăm Campuchia của phó thủ tướng Trần Hồng Quý, Bộ Chính Trị Cộng đảng Trung Hoa gửi một phái đoàn gồm các nhân vật ôn hoà hơn, thuộc phe Đặng Tiểu Bình, do Đặng Dĩnh Châu, vợ cố thủ tướng Chu Ân Lai và Hàn Niệm Long, thứ trưởng ngoại giao cầm đầu. Chính sách cai trị tàn bạo, cùng sự thất bại của Khmer Đỏ trước quân đội Việt Nam tháng trước khiến Trung Hoa muốn Campuchia theo đuổi đường lối mềm dẻo hơn. Trung Hoa khuyến khích Pol Pot dùng lại Sihanouk để tranh thủ dân tâm và gợi ý Campuchia nên thương thuyết với Việt Nam trên căn bản “năm nguyên tắc sống chung hoà bình” mà Trung Hoa từng đề ra.

Campuchia bác bỏ các đề nghị đó. Đặng Dĩnh Châu không được gặp mặt Sihanouk. Trong diễn văn đón phái đoàn Trung Hoa, Nuon Chia gián tiếp trả lời là “*nhân dân Campuchia kiên quyết đấu tranh chống lại những hành vi phá hoại từ bên trong, hay những hành động khiêu khích và xâm lược từ bên ngoài.*” Trước thái độ cứng rắn đó, Trung Hoa phải quay về đường lối cũ, chờ vũ khí tới Campuchia, vì không thể bỏ mất đồng minh chiến lược này. Khi phái đoàn Đặng Dĩnh Châu còn ở Campuchia, cuộc thanh trừng nội bộ ở quân khu Đông đã bắt đầu. Ba sư đoàn từ quân khu trung ương, dưới sự chỉ huy của Son Sen, Ta Mok và Ke Pauk kéo vào quân khu Đông. Lần lượt các cán bộ tiểu đoàn trưởng, trung đoàn trưởng, bí thư chi uỷ của quân khu bị bắt vào Tuol Sleng. Tới cuối tháng 4, số cán bộ quân khu bị bắt vào đó lên tới gần 500 người, trong số có Heng Thal, tư lệnh sư đoàn 290, anh ruột Heng Samrin.

Cuộc thanh trừng này được kín đáo nhắc trong bài bình luận trên đài phát thanh Phnom Penh ngày 10-5-1978 về vấn đề chỉ cần hy sinh hai triệu dân Campuchia là có thể

tiêu diệt hơn năm chục triệu người Việt. Đoạn cuối bài diễn văn đó kết luận *“Chúng ta phải thanh lọc quân đội, đảng, cũng như quần chúng nhân dân để chúng ta có thể tiếp tục chiến đấu bảo vệ đất đai và nòi giống Campuchia.”*

Sau khi đã thanh toán các cán bộ cấp dưới, Pol Pot và Duch nhắm vào So Phim. Ngoài việc bị nghi ngờ có quan hệ với Việt Nam, So Phim đã có thể bị thanh toán vì uy tín của So Phim không những ở trong nước, trong đảng mà còn đối với Trung Hoa. Một lãnh tụ Khmer Đỏ khác cũng được Trung Hoa coi trọng là bộ trưởng Thông Tin Hu Nim đã bị thanh toán tháng 7-1977. Mấy tháng trước, khi đi Trung Hoa chữa bệnh, So Phim đã được Trung Hoa đề cao, cho quay một cuốn phim về cuộc đời ông ta. Là người đa nghi, Pol Pot phải coi So Phim là địch thủ đáng ngại cần diệt.

Trung tuần tháng 5, Ke Pauk, tư lệnh quân khu Trung Ương liên tiếp mời So Phim tới bộ chỉ huy của ông ta để họp, nhưng So Phim chỉ gửi người đại diện. Gửi người nào đi là mất người đó. Ngày 24-5-1978, một lữ đoàn thiết kỵ từ quân khu Trung Ương kéo đến bao vây bộ tư lệnh quân khu Đông ở Suong, bắt giam tất cả sĩ quan hiện diện. So Phim chạy thoát nhưng nuôi hy vọng Pol Pot chỉ hiểu lầm, nên đã quay về Phnom Penh, cho người liên lạc xin hẹn gặp Pol Pot để giải thích. Ngày 2-6-1978, So Phim đến điểm hẹn gần bờ sông, nhưng Pol Pot không tới mà chỉ thấy hai phà chở đầy binh lính. Biết số phận mình, So Phim rút súng tự sát, vợ con ông ta cũng bị giết. Chín ngày sau, 11-6-1978, đến lượt Nhim Ros, tư lệnh quân khu tây bắc, thông gia của So Phim bị bắt đi mất tích cùng con trai và con dâu.

Sau khi quân khu Trung Ương chiếm giữ bộ tư lệnh quân khu Đông, các sĩ quan còn lại của hai sư đoàn 4 và 5 được gọi đến họp theo lệnh Ta Po, một đàn em thân tín của Pol Pot vừa được bổ nhiệm làm bí thư khu uỷ quân khu Đông thay So Phim. Tất cả người đến đều bị bắt. Số còn lại như Chia Sim, Mat Ly theo Heng Samrin trốn vào rừng.

Quân đội quân khu Tây Nam sau đó tràn đến, cùng quân đội quân khu Trung Ương tàn sát không chỉ binh sĩ mà cả dân cư sống trong những tập thể. Họ bị chở bằng xe vận tải tới các cánh đồng máu và bị đập chết. Số người bị tàn sát đợt này tới hơn một trăm ngàn. Người còn sống theo Heng Samrin vào rừng, tiếp tục đánh du kích chống lại chính phủ, sau đó vì đói khát, bệnh tật phải trốn sang Việt Nam.

Với sự đào thoát của hơn một ngàn binh sĩ Khmer Đỏ và một cán bộ chỉ huy cấp sư đoàn như Heng Samrin, Việt Nam đã có được yếu tố thuận lợi cần thiết để phổ biến và công khai hoá Mặt Trận Giải Phóng Campuchia. Lê Đức Thọ bay vào Nam, triệu tập các cán bộ cũ như Pen Sovan, Chia Soth và đám cán bộ mới đào thoát như Heng Samrin, Chia Sim hội họp ở trường sĩ quan cảnh sát cũ ở Thủ Đức. Tất cả đồng ý phát động cuộc tổng tấn công vào cuối tháng 12, khi mùa gặt tới và mùa khô bắt đầu.

Nằm trong kế hoạch tổng tấn công Campuchia, và để hoá giải mối đe dọa từ Trung Hoa, Việt Nam tiến thêm một bước nữa vào quỹ đạo Liên Xô. Ngày 28-6-1978, Việt Nam gia nhập khối kinh tế Comecon của phe Cộng Sản. Trước đó mấy tuần, Võ Nguyên Giáp bí mật sang Liên Xô, mang theo bản thảo hiệp ước “hợp tác và hữu nghị.” Bản hiệp ước này nhằm buộc chặt Việt Nam vào đối sách ngoại giao và an ninh của Liên Xô nên Liên Xô chỉ bằng lòng viện trợ dồi dào, chứ không giúp Việt Nam có thể tự sản xuất vũ khí. Cố gắng cuối cùng để duy trì phần nào độc lập, trên đường sang Liên Xô, Võ Nguyên Giáp bí mật ghé lại phi trường New Dehli để gặp hai bộ trưởng quốc phòng và ngoại giao Ấn Độ. Trong cuộc tiếp xúc, Giáp yêu cầu Ấn Độ giúp Việt Nam thiết lập một nhà máy chế tạo vũ khí nhẹ. Chính phủ Ấn Độ lúc đó không còn là chính phủ thiên tả của bà Gandhi nữa mà là một liên minh hữu phái của thủ tướng Desai nên yêu cầu của tướng Giáp bị từ khước tức khắc. Võ Nguyên Giáp sang tới Liên Xô, giao bản dự thảo

hiệp ước để Liên Xô giữ lại nghiên cứu, sửa đổi và hai tuần sau, thứ trưởng ngoại giao Liên Xô Nikolai Firubin mang trở lại Việt Nam, chờ ký kết vào lúc thuận tiện. Nhưng từ đó, Liên Xô đã bắt đầu chuyên chở vũ khí, phi đạn, radar, Mig 21 tới Đà Nẵng. Lời lẽ công kích Trung Hoa của Liên Xô cũng gay gắt hơn. Những chuyên viên quân sự Liên Xô cũng đến nghiên cứu, quan sát các hải cảng và phi trường Cam Ranh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Tân Sơn Nhất.

Ngày 2-7-1978, Campuchia ký thoả ước bất tương xâm với Thái Lan để có thể dồn hết quân từ các quân khu phía tây sang biên giới phía đông. Cuối năm 1978, quân số Campuchia trú đóng tại biên giới sát Việt Nam lên tới 19 sư đoàn, khi tổng quân số Campuchia là 23 sư đoàn. Cuối tháng 7 năm đó, Son Sen lên đường đi Bắc Kinh.

Gặp Son Sen, Đặng Tiểu Bình thẳng thừng phê bình đường lối cai trị dã man của Campuchia, và một lần nữa, khuyến cáo Campuchia nên đoàn kết chống kẻ thù chung là Việt Nam, đem Sihanouk trở lại chính trường, và cải thiện uy tín đối với quốc tế. Trung Hoa cũng khuyên Campuchia nên sửa soạn một cuộc chiến tiêu hao, hơn là theo đuổi chiến tranh quy ước và chính diện với Việt Nam. Do khuyến cáo này, tình trạng phân biệt người mới người cũ ở các hợp tác được nói lỏng, Sihanouk bớt bị cô lập, một số trí thức đã bị gửi đi lao động sản xuất được gọi về Phnom Penh, ba nhà báo Tây Phương được mời đến Campuchia để quan sát “thành quả cách mạng”, và Ieng Sary lên đường đi New York mở cuộc tấn công ngoại giao.

Thời gian đó, Việt Nam dự định sẽ ký hiệp ước liên minh với Liên Xô vào tháng 11 trước khi tổng tấn công Campuchia vào tháng 12. Nhưng trước khi ký hiệp ước với Liên Xô, Việt Nam muốn trấn an các nước Đông Nam Á và cố gắng thiết lập bang giao với Hoa kỳ. Tháng 9-1978, Phạm Văn Đồng đi thăm Thái Lan, Malaysia và Singapore. Chuyến đi được sắp xếp vội vã để chặn đầu chuyến đi của

Đặng Tiểu Bình dự trữ vào tháng 11. Tại Malaysia, Phạm Văn Đồng đã làm ngạc nhiên nhiều người khi đến đặt vòng hoa tại đài chiến sĩ trận vong, tưởng niệm các binh sĩ đã chết trong cuộc chiến tiêu diệt Mã cộng. Ông cũng xin lỗi về lỗi lầm đã ủng hộ loạn quân trước kia. Tại Thái Lan, Phạm Văn Đồng công khai hứa không giúp đảng Cộng Sản Thái, và ngỏ ý muốn ký thoả ước thân hữu với các nước ASEAN. Đề nghị này bị từ khước. Hai tháng sau, chuyện bình thường hoá bang giao với Hoa Kỳ cũng bị bãi bỏ.

Dù biết hiệp ước liên minh Việt – Xô sẽ gây chấn động và bất lợi cả về kinh tế, chính trị, ngoại giao, nhưng ngày phát động tấn công Campuchia sắp tới nên Việt Nam không thể chờ nữa. Ngày 1-11-1978, phái đoàn do Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng dẫn đầu đáp chuyến bay đặc biệt của Liên Xô sang Moscow. Tại đây, Brezhnev cùng phân nửa ủy viên Bộ Chính Trị Liên Xô ra tận sân bay tiếp đón. Hai ngày sau, hiệp ước được ký kết. Điều 6 hiệp ước viết *“Nếu bên nào bị tấn công hay bị đe dọa tấn công, hai bên ký tên sẽ lập tức thảo luận và tìm cách loại bỏ mối đe dọa và sẽ dùng những biện pháp thích hợp và hữu hiệu để bảo đảm hoà bình cũng như an ninh hai nước.”* Biện pháp thích hợp đó bao gồm ngoài việc viện trợ quân sự ở ạt cho Việt Nam, là việc hải quân và không quân Liên Xô có thể xử dụng các căn cứ quân sự ở Việt Nam. Trong buổi tiếp tân mừng thoả hiệp, Lê Duẩn tuyên bố Việt Nam lấy làm vinh dự được nhận lãnh *“nhiệm vụ quốc gia thiêng liêng và nghĩa vụ quốc tế cao cả.”* Trước khi lên máy bay về nước ngày 9-11-1978, Lê Duẩn đã khom lưng cúi đầu chào các lãnh tụ Liên Xô hai lần để bày tỏ lòng *“biết ơn sâu sắc.”*

Hiệp ước hữu nghị Việt Xô kể trên là món quà bất ngờ cho Đặng Tiểu Bình khi đi thăm các nước ASEAN. Sau khi Việt Nam đứng hẳn về phía Liên Xô, các nước này thấy cần gần gũi hơn với Trung Hoa. Tuy lời tuyên bố của Phạm Văn Đồng không giúp cộng sản Thái đặt Đặng Tiểu Bình

vào thế khó xử, vì Trung Hoa đã và đang tài trợ Cộng Sản Thái. Ông ta đối phó bằng cách tấn công, nói rằng sẽ không nói dối như Phạm Văn Đồng, và công nhận Trung Hoa trên nguyên tắc có nghĩa vụ giúp đỡ tinh thần các đảng cộng sản khác. Tuy nhiên, khi gặp riêng thủ tướng Thái Kriangsak, ông ta hứa sẽ chấm dứt viện trợ cho Cộng Sản Thái. Trong chuyến đi này, Đặng Tiểu Bình cũng không giấu ý định dùng biện pháp quân sự đối phó với Việt Nam.

Sau khi Đặng Tiểu Bình từ Thái Lan trở về, Bộ Chính Trị trung ương đảng Cộng Sản Trung Hoa họp hơn một tháng ở Bắc Kinh. Sau các buổi họp, người thuộc phe Đặng Tiểu Bình như Đặng Dĩnh Châu được cử vào bộ Chính Trị, Triệu Tử Dương được bầu làm tổng bí thư. Người thuộc phe Hoa Quốc Phong như Uông Đông Hưng, Trần Hồng Quý, Vũ Đệ bị loại. Đặng Tiểu Bình thực sự nắm quyền ở Trung Hoa. Bộ Chính Trị chấp thuận mọi đề nghị của Đặng Tiểu Bình về việc áp dụng chính sách kinh tế cởi mở và lập trường mềm dẻo hơn trong vấn đề Đài Loan ngõ hầu dễ dàng thiết lập bang giao với Hoa Kỳ. Bộ Chính Trị cũng chấp thuận luôn đường lối “bốn hiện đại” và sau cùng, là việc mở cuộc hành quân xâm lấn giới hạn vào lãnh thổ Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình, Trung Hoa bước vào một khúc quanh mới.

THAM KHẢO :

- *When the war was over, Elizabeth Becker, Nxb. Schuster, Inc, New York*
- *Brother Enemy, Nayan Chanda, Nxb. MacMilan Publishing Company New York*
- *The Vietnam-Campuchea Conflict, Foreign Languages Publishing House, Hà Nội.*
- *Chinese aggression against Vietnam, Vietnam Courier, Hanoi.*

● CHƯƠNG 09

Biên giới Tây Nam 1978 - 1979, – Chiến dịch tiến chiếm.

Sau khi Việt Nam tấn công vào nội địa Campuchia cuối năm 1977, Campuchia cắt đứt quan hệ ngoại giao giữa hai nước, công khai hoá sự tranh chấp và tăng cường quân đội ở biên giới.

Bị tố cáo xâm lược, quân Việt Nam phải rút về nước ngày 6-1-1978. Những sư đoàn 703, 301... của Campuchia từ các quân khu Tây Nam và Trung Ương mới đến tăng cường bắt đầu cuộc thanh trừng nội bộ quân khu Đông. Vì thế, tình hình chiến sự ở biên giới Tây Ninh tương đối lắng dịu. Nhưng ở biên giới cực nam, từ đầu tháng 1, các đơn vị sư đoàn 2 và 210 của quân khu Tây Nam Campuchia đã tấn công và chiếm đóng các xã Phú Cường, Khánh An, Khánh Hoà, Khánh Bình và các quận lỵ Hồng Ngự, Hà Tiên thuộc lãnh thổ quân khu IX Việt Nam.

Phòng thủ biên giới quân khu IX là các đơn vị cơ hữu của quân khu, gồm sư đoàn 4, 8, 330, cùng các trung đoàn chủ lực tỉnh Hậu Giang, Đồng Tháp.

Tư lệnh quân khu IX lúc này là Trần Nghiêm, cựu tư lệnh phó lên thay Lê Đức Anh được đưa về quận khu VII thay Trần Văn Trà. Lúc đó mặt trận quân khu VII đang yên tĩnh nên sư đoàn chính quy 341 do Vũ Cao chỉ huy đang ở Tây Ninh được điều động tăng phái cho quân khu. Với lực lượng này, và nhờ sự yểm trợ của không quân, pháo binh,

thiết giáp, trục thẳng võ trang..., sau hai tháng hành quân, quân khu IX đã tái chiếm những lãnh thổ đã mất. Sư đoàn 341 trở lại nằm trong đội hình quân đoàn 4, trấn đóng phía tây và tây nam Tây Ninh.

Thời gian đó, cuộc thanh trừng ở quân khu Đông Campuchia trở nên gay gắt. Ngày 24-5-1978, quân đội của Ke Pauk thuộc quân khu Trung Ương kéo đến bao vây tổng hành dinh quân khu Đông tại Suong, bắt giam hết những sĩ quan chỉ huy. Một số đơn vị sư đoàn 4 trốn thoát vào rừng và nhiều cuộc chạm súng đã xảy ra giữa những toán quân này với quân Trung Ương.

Trong số lực lượng đồn trú tại quân khu Đông, sau cuộc thanh trừng, sư đoàn 4 coi như biến mất, các sư đoàn 3, 5, 280 suy yếu hẳn. Lợi dụng tình thế, giữa năm 1978, quân đội Việt Nam được lệnh hành quân tiến sâu vào lãnh thổ Campuchia để *“mở rộng địa bàn, mở rộng hành lang liên kết với các lực lượng nổi dậy ở nhiều nơi, giúp đỡ lực lượng nổi dậy tạo thế và lực...”* và quân đoàn 4 được lệnh *“tiêu diệt sư đoàn 290, kiềm chế sư đoàn 3, phát triển đánh sư đoàn 703 ở Kompong Trach, mở rộng hành lang giúp lực lượng bạn nổi dậy.”*

Ngày 15-6-1978, chiến dịch bắt đầu.

Ba sư đoàn 7, 9, 341 cùng các đơn vị yểm trợ tràn qua biên giới, tiến vào nội địa Campuchia từ 10 đến 40 cây số, trong đó có quận lỵ Prasaut. Lúc đó mùa mưa, Campuchia đem nhiều sư đoàn từ các quân khu khác đến phản công.

Từ Prasaut, quân Việt Nam lùi về Chipru, và tới tháng 8, vì quân số hao hụt nghiêm trọng, phải điều động sư đoàn 2 từ quân khu V đến tăng cường. Mùa mưa bị lụt lội, hai bên giữ nguyên tình trạng dằng dai đến tháng 11.

Mấy tháng đó, quân Việt Nam giải thoát cho một số binh lính và dân chúng quân khu Đông đang trốn tránh, tăng cường cho mặt trận giải phóng bù nhìn mà Việt Nam mới thành lập.

Cuối mùa mưa 1978, tại mặt trận Tây Ninh, do quân khu VII phụ trách, sư đoàn 303 cơ hữu quân khu đang đồn trú ở Phước Long được đưa lên phối hợp với sư đoàn 5 và sư đoàn 302 sửa soạn chiếm đóng thị xã Snoul, nơi Việt Nam dự định dùng làm địa điểm cho lễ ra mắt “Mặt Trận Đoàn Kết Dân Tộc Cứu Quốc Campuchia.”

Snoul là thị xã nằm trên ngã tư quốc lộ 13 và quốc lộ 7, trước kia đã là mật khu an toàn của bộ đội Việt Nam. Phòng thủ Snoul là sư đoàn 260 Campuchia.

Chiến dịch này bắt đầu ngày 13-11-1978. Những ngày đầu, trung đoàn 316 cùng trung đoàn 55 thuộc sư đoàn 303 Việt Nam bị tổn thất nặng, nhưng nhờ quân số và hỏa lực mạnh hơn, sau đó quân Việt Nam cũng chiếm được Snoul cùng một đoạn quốc lộ 7 trên hướng đi tới Mimot.

Chiếm được Snoul, Việt Nam đưa sư đoàn 476 công binh đến khai quang một khoảng đất rộng trong vùng rừng núi gần đó, thiết lập khán đài cho lễ ra mắt Mặt Trận Campuchia do Việt Nam đỡ đầu.

Sáng 2-12-1978, đoàn xe vận tải chở hơn một ngàn dân tị nạn Campuchia tới địa điểm hành lễ để hoan hô và giăng biểu ngữ. Nơi đây, ba tiểu đoàn Campuchia thuộc lữ đoàn 778, đơn vị quân sự gồm toàn người Campuchia do Việt Nam thành lập, xếp hàng dàn chào. Xung quanh đó, bộ đội Việt Nam có xe tăng và súng phòng không được bố trí bảo vệ.

Buổi lễ đặt dưới quyền giám sát của Lê Đức Thọ.

Mười bốn ủy viên của Mặt Trận Đoàn Kết Dân Tộc Cứu Quốc Campuchia được giới thiệu, và Heng Samrin được cử làm chủ tịch Mặt Trận, kiêm nhiệm tư lệnh lữ đoàn 778.

Từ cuối tháng 11, khi mùa mưa chưa dứt, sau khi ký hiệp ước thân hữu với Thái Lan, Campuchia dồn 19 trong số 23 sư đoàn cơ hữu ra biên giới phía đông, liên tiếp phản công và tái chiếm các vị trí đã mất dọc biên giới Tây Ninh,

đồng thời pháo kích và tấn công nhiều vị trí suốt từ Đức Cơ (Pleiku) tới Hà Tiên (An Giang). Quân Việt Nam, bề mặt chỉ phản ứng thụ động, nhưng bên trong, âm thầm chuẩn bị tổng tấn công quyết định. Lương thực, đạn dược được ngày đêm chở đến biên giới.

Quân đoàn 3 Tây Nguyên được tăng cường ở Pleiku, Ban Mê Thuột.

Quân đoàn 2 Hương Giang từ Lào và quân khu IV được đưa xuống An Giang và Kiên Giang.

Vì thiếu cơ phận thay thế, các phi cơ cũ A37 và F5 của không quân VNCH bỏ lại không được dùng đến. Thay vào đó là phi cơ Mig 21, trực thăng võ trang MI 24 do Liên Xô mới viện trợ được đưa từ Hà Nội và Đà Nẵng vào.

Bộ đội được học tập để chuẩn bị cuộc chiến xâm lăng và chiếm đóng, gồm các bài học “*Phương pháp giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam*”, “*Chín điều quy định đối với lực lượng võ trang chiến đấu tại biên giới Tây Nam*”, “*Công tác địch vận*” và “*Sáu điều kỷ luật về công tác dân vận quốc tế.*”

Bộ máy tuyên truyền Việt Nam nỗ lực hoạt động, lần này không chống đế quốc Mỹ mà chống “*bọn bá quyền phản động Trung Quốc và bè lũ Pol Pot, Ieng Sary.*” Về sau, bị cô lập về ngoại giao, họ thêm “*đế quốc Mỹ*”, “*bọn quân phiệt Thái Lan*” và “*những thế lực phản động quốc tế*” là những nước lên án hành vi xâm lược của Việt Nam vào danh sách kẻ thù để cán binh học tập.

Cuối tháng 12-1978, quân đội Việt Nam đã sẵn sàng.

Tuy quyết định tấn công quy mô trên toàn tuyến biên giới vào cuối năm, nhưng ngày giờ xuất phát từ Pleiku, Ban Mê Thuột, Tây Ninh, Hà Tiên không xảy ra đồng thời, và ngoài bộ chỉ huy đầu não của Việt Nam hay bộ tổng tham mưu quân đội, không ai biết chắc về mục tiêu ban đầu của cuộc tấn công. Có lẽ mới đầu Việt Nam chỉ muốn chiếm phần đất phía đông sông Cửu Long, cố giải thoát Sihanouk,

đặt vào chức Chủ Tịch Mặt Trận để lãnh đạo cuộc chiến lật đổ Pol Pot. Vì thế, ngày 2-1-1979, một toán đặc công vượt sông Cửu Long đến Phnom Penh định bắt cóc Sihanouk. Toán đặc công này bị phát giác và bị tiêu diệt. Ngoài ra, sau khi đã chiếm hết lãnh thổ Campuchia phía đông sông Cửu Long ngày 4-1-1979, đà tấn công của quân Việt Nam lui đi nhiều tiếng đồng hồ, có lẽ để chờ đợi lệnh từ Hà Nội.

Năm 1981, Chia Soth ủy viên thường vụ Mặt Trận Giải Phóng Campuchia tiết lộ với tác giả Stephen Haden là *“Chúng tôi chỉ định chiếm phân nửa lãnh thổ bên này sông Cửa Long, còn nửa bên kia để lại cho Pol Pot.”*

Một ủy viên khác, Heng Samin cũng tiết lộ: *“Khi chúng tôi tấn công và truy kích, thấy dễ dàng quá, chúng tôi cứ tiến mãi.”*

Tuy ở tình thế kinh tế, chính trị và ngoại giao khó khăn, Việt Nam tin vào khả năng quân sự và tuyên truyền của mình nên quyết định cuộc hành quân phải thần tốc để đặt dư luận thế giới vào một sự kiện đã rồi. Vì thế, họ huy động một quân số tới gần hai trăm ngàn quân, sử dụng hết ba trong bốn quân đoàn chính quy, và một lực lượng yểm trợ hùng hậu gồm đủ hải quân, không quân, thiết giáp, tên lửa... Lê Đức Thọ giám sát tổng quát cuộc hành quân. Lê Trọng Tấn được triệu hồi về Hà Nội, có lẽ để giúp tổ chức phòng thủ biên giới phía Bắc. Lê Đức Anh được cử làm tư lệnh chiến dịch còn gọi là tư lệnh đội quân “tình nguyện”.

Cuộc tấn công chính thức bắt đầu đúng 12 giờ khuya đêm Giáng Sinh 1978 khi Chu Huy Mân, tổng cục trưởng tổng cục Chính Trị bắn phát súng xuất quân tại Ban Mê Thuột, nhưng trên thực tế đã mở màn từ ngày hôm trước, khi sư đoàn 2 cùng trung đoàn chủ lực tỉnh Tây Ninh mở cuộc tấn công cố gắng đánh bật các trung đoàn 23 thuộc sư đoàn 304 và trung đoàn 13 thuộc sư đoàn 221 Campuchia khỏi các vị trí dọc tỉnh lộ 13 sát biên giới. Theo kế hoạch, quân Việt Nam tràn qua Campuchia bằng nhiều hướng:

– Trên vùng biên giới cao nguyên phía bắc, các đơn vị quân khu V gồm hai sư đoàn 307, 309, lữ đoàn đặc công 198 và quân đoàn 3 gồm binh đoàn Tây Nguyên do tướng Kim Tuấn chỉ huy đánh dọc theo quốc lộ 19 và 14 tiến chiếm Stung Treng và lãnh thổ đông bắc Campuchia. Kim Tuấn từng là tư lệnh sư đoàn 320B năm 1975. Quân đoàn 3 gồm các sư đoàn 10, 320, 31... có thể được các đơn vị Việt Nam trú đóng bên Lào giúp đỡ. Ngày 3-1-1979, quân Việt Nam chiếm được Stung Treng.

– Mũi tấn công thứ hai xuất phát từ bắc Tây Ninh, gồm các sư đoàn cơ hữu quân khu VII như sư đoàn 303, 302, 5, được tăng cường một số đơn vị của quân đoàn 3 như lữ đoàn 12 thiết giáp, những trung đoàn chủ lực các tỉnh Tây Ninh, Long An, Sông Bé, các trung đoàn 262 pháo binh, trung đoàn 26 thiết giáp, tiến dọc theo quốc lộ 13 và quốc lộ 7 đánh Kratié và Kompong Cham.

– Hướng tấn công thứ ba là hướng tấn công chủ yếu do các sư đoàn 2, 7, 9, 341 của quân đoàn 4 tức binh đoàn Cửu Long, cùng lữ đoàn 22 thiết giáp, lữ đoàn 24 pháo binh, lữ đoàn 25 công binh, xuất phát từ hướng tây và tây nam Tây Ninh, sau khi chiếm các vị trí trên tỉnh lộ 13, tiến dọc theo trục quốc lộ 1 về hướng tây, đánh bến phà chiến lược Neak Luong. Hướng tấn công này được coi như chủ yếu vì là con đường gần nhất đi tới Phnom Penh, và những sư đoàn trấn đóng quân khu này được coi như những sư đoàn thiện chiến nhất của quân đội Campuchia.

– Hướng tấn công thứ tư, ở phía nam từ An Giang, Hà Tiên được giao cho lực lượng quân khu IX và quân đoàn 2 tức binh đoàn Hương Giang mới được tăng phái từ quân khu IV. Binh đoàn này do Nguyễn Hữu An tư lệnh, Lê Linh chính uỷ, gồm sư đoàn chính quy 304, 306, 325, nhưng sư đoàn 306 được giữ lại làm “nghĩa vụ quốc tế” bên Lào nên tăng cường thêm sư đoàn 8 của quân khu IX. Cũng như mặt trận Tây Ninh, tại An Giang, Việt Nam chia quân

tấn công hai hướng. Hướng thứ nhất do các sư đoàn 4, 330 cơ hữu quân khu IX cùng các trung đoàn chủ lực tỉnh An Giang, Đồng Tháp...theo quốc lộ 2 tiến về hướng bắc tới Phnom Penh. Hướng thứ hai gồm các sư đoàn 32, 8 theo duyên hải về hướng tây chiếm hải cảng Kompong Som, sư đoàn 304 làm trù bị, dự trù tăng cường trong trường hợp quân đoàn 4 tấn công Phnom Penh gặp khó khăn. Lữ đoàn hải quân đánh bộ 126 tấn công quân cảng Ream.

Sau ba ngày, tại hướng chủ yếu Tây Ninh, quân đoàn 4 với sự yểm trợ hùng hậu của không quân, trực thăng võ trang, pháo binh, hải quân, thiết giáp..., Việt Nam đánh bật được quân Campuchia khỏi các vị trí Năm Căn, Hoà Hội dọc theo tỉnh lộ 13, và các đơn vị của các sư đoàn 703, 340, 221 Campuchia phải rút về thành lập một tuyến phòng thủ mới tại Svayrieng.

Nhưng sau khi bị đánh thua ở Tây Ninh, quân Campuchia đã mất tinh thần. Hơn nữa, khi phải chấp nhận trận đánh quy ước với một địch thủ mà hỏa lực, quân số và kinh nghiệm chiến trường trội hơn quá nhiều, quân Campuchia tan rã nhanh chóng, tuyến phòng thủ Svayrieng vỡ ngày 2-1-1979 và quân Campuchia phải rút về Preyvang và Neak Luong.

Quân Việt Nam ráo riết truy kích bằng ba cánh.

Sư đoàn 7, sư đoàn 2 làm nỗ lực chính di chuyển theo quốc lộ 1, sư đoàn 9 tiến song song bảo vệ sườn phía nam, và sư đoàn 341 bảo vệ sườn phía bắc. Ngày 6-1-1979, các đơn vị đầu tiên của sư đoàn 7 chiếm được bờ đông bên phà Neak Luong. Quân Campuchia trong khi rút lui vội vã đã không kịp thiết lập công sự phòng thủ. Đêm hôm đó, cách bên phà khoảng hai cây số về phía nam, trung đoàn 113 cùng trung đoàn 14 của sư đoàn 7 được tàu đổ bộ đưa sang bên kia sông, tiến chiếm luôn bờ phía tây bên phà. Kiểm soát được cả hai bên bờ, sáng sớm hôm sau, ngày 7-1-1979, toàn bộ đội hình quân đoàn 4 rầm rộ vượt sông.

Do tan rã nhanh chóng của lực lượng phòng thủ biên giới và ước tính chủ quan của Pol Pot, con đường từ Neak Luong về Phnom Penh dài hơn năm chục cây số đã thênh thênh mở rộng, không còn lực lượng chống đỡ nào đáng kể. Quân Việt Nam với xe tăng mở đường, ào ạt tiến về Phnom Penh bằng xe vận tải. Tới 11 giờ sáng 7-1-1979, đơn vị đầu tiên Việt Nam vào Phnom Penh, lúc đó đã là một thành phố bỏ ngõ. Những người duy nhất còn ở lại là đại sứ Lào Khampha Vilachit⁽⁵⁶⁾ với vài ba nhân viên sứ quán.

Trong khi đó, tại hướng tấn công tây bắc Tây Ninh quân Việt Nam phát xuất từ những vị trí đã chiếm từ tháng 11-1978 ở Snoul và Mimot bắt đầu tấn công ngày 30-12-1978. Sư đoàn 5 và sư đoàn 303 tiến dọc theo quốc lộ 13 về hướng bắc tấn công Kratié do sư đoàn 260 Campuchia và 2 trung đoàn địa phương của đặc khu 505 phòng thủ. Trong cuộc tiến quân, hai tiểu đoàn 1, 2 của trung đoàn 316 thuộc sư đoàn 303 bị tập kích bất ngờ nên bị tiêu diệt. Trung đoàn này, cũng như trung đoàn 33, sau một tháng hành quân, quân số hao mất một nửa. Tuy thế, nhờ lối đánh thí quân, bất chấp tổn thất, ba ngày sau quân Việt Nam cũng chiếm được Kratié. Lúc đó, sư đoàn 302 tiến về phía tây đã chiếm được Kompong Cham. Hai sư đoàn 302, 303 cùng quay lại đánh thị xã Chhlong do sư đoàn 603 Campuchia chống giữ. Ngày 4-1-1979, họ chiếm được Chhlong. Toàn bộ lãnh thổ Campuchia ở phía đông sông Cừ Long coi như đã bị mất.

Tại mặt trận phía nam, quân Việt Nam chỉ bắt đầu vượt biên giới ngày 3-1-1979, và từ An Giang, tấn công theo hai hướng. Sư đoàn 325 và sư đoàn 8 tiến về phía tây, theo quốc lộ 2. Ngày 9-1-1979 sau khi đánh tan sư đoàn 230 Campuchia, họ chiếm Kampot. Hôm sau, với sự trợ lực của hải quân, cánh quân này chiếm quân cảng Ream và hải

⁽⁵⁶⁾ Đại sứ Lào tại Campuchia là Khampha Vilachit, xuất thân là một nhà sư, được cử làm đại sứ vì biết nói tiếng Khmer.

cảng Kompong Som. Tuy nhiên, vì không chuẩn bị kịp về tiếp liệu, quân Campuchia đã phản công chiếm lại Kompong Som ngày 14-1 để quân Việt Nam phải tái chiếm vào hôm sau. Hướng thứ hai, do quân khu IX phụ trách, tiến về phía bắc đánh chiếm hai thị xã Tani và Takeo. Các sư đoàn Campuchia trấn giữ quân khu Tây Nam như sư đoàn 2, 210, 230, 250 bị tan rã và rút lui vào rừng.

Tại hướng tấn công phía bắc, các sư đoàn của quân đoàn 3, Tây Nguyên cũng tiến xuống Phnom Penh, sau đó sư đoàn 320 theo quốc lộ 4 bình định các tỉnh phía nam. Các sư đoàn còn lại theo quốc lộ 5, 6 tiến về hướng tây và hướng bắc. Họ gặp chông cựa đáng kể của quân Campuchia tại Battambang và Siem Reap. Tới cuối tháng 3, coi như quân Việt Nam chiếm được hết các thành phố và tỉnh lỵ quan trọng của Campuchia.

Phnom Penh thất thủ ngày 7-1-1979 đánh dấu sự sụp đổ của chính quyền Pol Pot. Quân Việt Nam không ngừng lại ở Phnom Penh mà nhanh chóng tiến về phía tây. Trên đường tiến quân, họ bỏ qua các ổ kháng cự nhỏ của Khmer Đỏ. Chỉ hai tuần sau, quân Việt Nam đã tiến sát tới biên giới Thái Lan và chiếm đóng hết những thị xã lớn.

Dù lực lượng hai bên chênh lệch, sự sụp đổ nhanh chóng của quân đội Campuchia đã làm ngạc nhiên nhiều người, kể cả cấp lãnh đạo chính trị và quân sự Việt Nam. Vì thế họ đã không chuẩn bị kịp việc tiếp vận cho một địa bàn quân sự quá lớn. Nhiều xe tăng bị bỏ lại và bắn cháy trên đường tiến quân về hướng tây chỉ vì hết xăng giữa đường. Chiến thắng bất ngờ cả với 66 đại biểu Campuchia được Việt Nam triệu tập đang họp ở Mimot ngày 5-1-1979 để bàn việc thành lập một đảng cộng sản Campuchia mới. Đảng này lấy lại danh xưng Đảng Nhân Dân Cách Mạng có từ thời 1951. Pen Sovan, cán bộ Campuchia tập kết về Hà Nội năm 1954, đang là thiếu tá trong quân đội Việt Nam, được cử giữ chức chủ tịch đảng. Ủy viên thường vụ đảng

gồm Hun Sen, Bou Thang, Heng Samrin, Chan Kiri, Chia Soth. Ngày 8-1-1979, đài phát thanh Phnom Penh loan báo Phnom Penh đã được giải phóng bởi “*những lực lượng cách mạng và nhân dân Campuchia.*”

Một Hội Đồng Cách Mạng thành lập do Heng Samrin làm chủ tịch. Mười ngày sau, Hội Đồng này ký hiệp ước với Việt Nam, hợp thức hoá sự hiện diện của quân đội Việt Nam trên đất Campuchia. Tuy đạt chiến thắng quân sự nhanh chóng, Việt Nam thất bại về ngoại giao. Suốt hơn mười năm sau, dù đã rút quân khỏi Campuchia, Việt Nam vẫn là quốc gia lẻ loi nhất thế giới về ngoại giao. Chính quyền Heng Samrin không tàn ác như Pol Pot, nhưng là chính quyền bù nhìn, không được thế giới công nhận. Hai ngày trước khi Phnom Penh thất thủ, sau khi mất phần đất phía đông sông Cửu Long, Pol Pot theo lời khuyên của Trung Hoa, mời Sihanouk đang bị giam lỏng đến, nhờ ông đại diện Campuchia tại đại hội đồng Liên Hiệp Quốc tố cáo và lên án hành động xâm lăng của Việt Nam.

Ngày hôm sau, 6-1-1979, Sihanouk đáp chuyến bay Boeing 707 của cục hàng không dân dụng Trung Hoa cùng các nhân viên hai toà đại sứ Trung Hoa và Nam Tư di tản sang Bangkok. Vì thiếu chỗ, hai viên đại sứ phải nhường chỗ cho nhân viên rời tự mình đi Battambang bằng đường bộ. Sáng 7-1-1979, tin về quân đội Việt Nam đang vượt bến phà Neak Luong gây rối loạn thành phố Phnom Penh. Toàn thể dân cư Phnom Penh, gồm viên chức, cán bộ, binh lính chỉ kịp rời thành phố bằng xe hơi hay xe lửa chạy về hướng tây khoảng một giờ đồng hồ trước khi quân Việt Nam kéo đến. Ieng Sary cũng ở trong đám người này. Còn Pol Pot, Nuon Chia, Khieu Samphan, Son Sen trốn vào mật khu. Bốn ngày sau, Ieng Sary mới tới biên giới Thái Lan. Tại đây, Ieng Sary lên một máy bay của không quân Thái bay tới Bangkok, và từ đó, sang Bắc Kinh.

Trong cuộc tiếp xúc với Ieng Sary ở Bắc Kinh ngày 13-

1-1979, Đảng Tiểu Bình không giấu được giận dữ. Ông ta trách cứ Khmer Đỏ đã đẩy chiến dịch thanh lọc hàng ngũ đi quá trớn. Ông cũng nhắc lại thí dụ cộng sản Trung Hoa đã hợp tác với Quốc Dân Đảng trong chiến tranh kháng Nhật, và khuyến cáo Khmer Đỏ phải trọng dụng Sihanouk, tạm thời che giấu bản chất cộng sản, bắt đầu đề cao lòng ái quốc và chủ nghĩa quốc gia.

Sau khi Campuchia bị mất, Thái Lan thành địa bàn chiến lược quan trọng để Trung Hoa có thể giúp đỡ cho Khmer Đỏ tiếp tục chiến đấu. Ngay sau khi hợp xong với Ieng Sary, Đảng Tiểu Bình bí mật cử Cảnh Biều (Gang Biao), ủy viên Bộ Chính Trị, cùng thứ trưởng ngoại giao Hàn Niệm Long sang Bangkok hội đàm với thủ tướng Thái Kriangsak⁽⁵⁷⁾ tại căn cứ không quân Utapao.

Sau khi Việt Nam liên minh với Liên Xô và xâm lăng Campuchia, Thái Lan không giữ thái độ trung lập nữa. Kriangsak thuận cho Trung Hoa dùng lãnh thổ Thái Lan tiếp tế cho Khmer Đỏ.

Trong khi đó, tại New York, sau gần mười năm vắng bóng trên chính trường, Sihanouk tái xuất hiện, đại diện Campuchia đọc diễn văn trước đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Trong bài diễn văn cảm động, ông lên án cả hành động xâm lăng của Việt Nam lẫn chế độ bạo tàn Pol Pot. Ông yêu cầu đại hội đồng ra nghị quyết buộc Việt Nam phải rút quân khỏi Campuchia.

Dù được đại đa số đại biểu tán thành, nghị quyết này bị Liên Xô phủ quyết. Sau khi dự đại hội đồng, Sihanouk bí mật rời khách sạn, đến gặp đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc, Andrew Young, yêu cầu được tỵ nạn chính trị.

Yêu cầu của Sihanouk gây ít nhiều khó khăn cho Hoa Kỳ, vì Hoa Kỳ mới thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung

⁽⁵⁷⁾ *Kriangsak, tư lệnh quân đội Thái, đảo chánh lên làm thủ tướng năm 1977, nhưng tự ý rời bỏ chức vụ năm 1980.*

Hoa được hai tuần và Đặng Tiểu Bình sắp sang thăm thân hữu Hoa Kỳ. Do đó, Hoa Kỳ tỏ vẻ ngần ngại. Trong khi đó, Pháp bằng lòng để Sihanouk định cư nhưng cấm không được hoạt động chính trị.

Người giúp giải quyết vấn đề tế nhị đó là Đặng Tiểu Bình. Ông ta thuyết phục Sihanouk rằng Trung Hoa luôn là bạn tốt, sẽ cảm thấy mất mặt nếu Sihanouk không chịu qua sống ở Trung Hoa. Ông bảo đảm với Sihanouk quyền tự do đi lại, và hứa áp lực với Khmer Đỏ để hỏi thăm tin tức về những người con mất tích của ông.

Cuối cùng Sihanouk đồng ý sang tỵ nạn ở Trung Hoa.

Trở lại chiến trường Campuchia, vì quân Việt Nam tiến chiếm toàn lãnh thổ Campuchia quá nhanh chóng, nên quân Campuchia chỉ bị tan rã chứ chưa bị tiêu diệt. Nhiều đơn vị đã tái tập trung thành những đơn vị nhỏ, tiếp tục đánh du kích và quấy phá. Sau khi quân đoàn 4 chiếm được Phnom Penh, các đơn vị quân đoàn 3, quân khu V, quân khu VII vượt sông Cũ Long tiến chiếm và bình định phía bắc Biển Hồ và sông Tonlé Sap. Quân Khmer Đỏ cố gắng kháng cự gần tỉnh Battambang nhưng chỉ có thể cản đà tiến của quân Việt Nam vài ngày. Họ phân tán thành nhiều đơn vị nhỏ tiếp tục đánh du kích. Tướng Kim Tuấn, tư lệnh quân đoàn 3 bị các nhóm du kích này bắn cháy trong thiết vận xa, Nguyễn Quốc Thước được cử lên thay.

Quân đoàn 2 và các sư đoàn quân khu IX sau khi chiếm được vùng duyên hải cũng tiến theo quốc lộ 4 về hướng bắc. Khoảng hơn một tháng sau, khi Trung Hoa tiến đánh biên giới Việt – Hoa, quân đoàn 2 rút về bảo vệ Hà Nội. Việt Nam bắt đầu tổng động viên, một số trung đoàn độc lập được tăng cường, đôn lên thành cấp sư đoàn, như các trung đoàn Gia Định 1 và 2, Quyết Thắng 1 và 2, trở thành các sư đoàn 317, 318, để gửi sang tăng cường mặt trận Campuchia. Trách nhiệm chính trong công tác hành quân vẫn là các đơn vị quân đoàn 4. Phần vì đa số cán bộ cùng

binh sĩ các đơn vị này đã quen thuộc địa thế Campuchia từ thời chiến tranh Đông Dương 2, phần khác vì những vị trí và mật khu quan trọng của Khmer Đỏ đều nằm trong vùng trách nhiệm của quân đoàn 4 và các đơn vị quân khu VII.



Trận đánh quan trọng đầu tiên trong chiến dịch bình định diễn ra tại Kompong Speu, trên quốc lộ 4 nối hải cảng Kompong Som với Phnom Penh, cách Phnom Penh khoảng 50 cây số.

Thị xã này, sau khi quân Campuchia di tản vội vã, đã do trung đoàn 10 thuộc sư đoàn 339 Việt Nam chiếm đóng. Ít ngày sau, lực lượng còn lại của các sư đoàn 703, 340, 221 từ tuyến phòng thủ Svayrieng chạy về đã tập trung lại và dự định tái chiếm thị xã. Được tin, bộ tư lệnh quân đoàn 4 điều động sư đoàn 341 đến tăng cường. Trận đánh bắt đầu ngày 21-1 đến ngày 7-2 mới kết thúc. Bị tổn thất nặng, quân Việt Nam vẫn giữ được Kompong Speu, các lực lượng của 3 sư đoàn Campuchia tan rã, chỉ còn là các nhóm nhỏ tiếp tục đánh du kích, hoặc rút về biên giới Thái Lan.

Giữ vững Kompong Speu, bảo đảm được giao thông trên quốc lộ 4, quân Việt Nam tiến đánh căn cứ Amleng, nơi mà bộ chỉ huy quân sự của Pol Pot từ Phnom Penh rút về trú đóng.

Căn cứ này nằm trong vùng rừng núi hiểm trở, cách Phnom Penh khoảng 100 cây số đường chim bay về phía tây nam. Lực lượng tấn công gồm các sư đoàn 2, 7, 9, 341 của quân đoàn 4, tăng cường thêm sư đoàn 5 của quân khu VII. Vì lực lượng tấn công quá hùng hậu, quân Khmer Đỏ rút lui, mặc cho căn cứ Amleng bị tràn ngập, nhưng đã tìm đủ cách gây khó khăn và tổn thất cho quân Việt Nam khi họ rút khỏi căn cứ bằng đủ mọi phương tiện, hoặc phục kích, bắn tỉa, gài mìn, đốt rừng ...

Chiếm xong Amleng, quân Việt Nam mở chiến dịch đánh chiếm thị xã Leach. Leach là một thị xã nhỏ gần quốc lộ 5 là con đường từ Phnom Penh đi Battambang, cách biên giới Thái Lan khoảng 80 cây số.

Trước ngày 7-1-1979, Leach được Khmer Đỏ dùng làm căn cứ tiếp liệu. Sau khi Phnom Penh thất thủ, quân Việt Nam chưa đủ thì giờ chiếm đóng hết các vị trí, Khmer Đỏ

dự định biến Leach thành căn cứ phản công. Phần lớn lực lượng còn lại tập trung tại đây gồm nhiều sư đoàn (264, 210, 104, 502, 260, 460), nhưng trên thực tế, mỗi sư đoàn chỉ có chưa tới một ngàn binh sĩ. Lực lượng phòng thủ cũng chỉ có vài khẩu pháo 105 ly và vài xe thiết giáp.

Để tấn công Leach, quân Việt Nam sử dụng một lực lượng lớn và tấn công bốn hướng: Hướng thứ nhất, do sư đoàn 341 thay thế sư đoàn 330 đã bị hao hụt quân số quá nhiều khi giải toả quốc lộ 5, đánh chiếm thị xã Pursat để từ đó đánh vào mặt bắc của Leach. Hướng thứ hai do sư đoàn 9 từ căn cứ Amleng mới chiếm được đánh vào phía đông. Hướng thứ ba do quân khu IX được tàu đổ bộ chở đến tỉnh Kokong, rồi từ đó, tấn công mặt nam. Hướng thứ tư, do một sư đoàn của quân đoàn 3, từ biên giới Thái Lan theo tỉnh lộ 56 đánh ngược về mặt tây của Leach. Vì là trận quyết định nên đã kéo dài trên một tháng. Các sư đoàn tham chiến đều tổn thất nặng.

Cuối cùng, do hoà lực thua kém, quân số hao hụt không được bổ sung nên căn cứ Leach của Khmer Đỏ bị sư đoàn 9 chiếm ngày 29-4-1979.

Trận đánh căn cứ Leach là trận đánh quy mô lớn cuối cùng trên đất Campuchia. Sau khi Leach bị mất, các đơn vị còn lại của Khmer Đỏ rút về các mặt khu ở Pailin và Taxang sát biên giới Thái Lan. Một số khác phân tán thành đơn vị nhỏ tiếp tục đánh du kích. Các đơn vị quân sự Việt Nam bắt đầu phân nhiệm bình định. Nhiều sư đoàn thiện chiến đã bị hao hụt nặng được rút về nước. Những sư đoàn tân lập được gửi qua tăng cường hay thay thế. Tuy nhiên, vì lòng thù hận và mối nghi kỵ lâu đời giữa hai dân tộc, vì thái độ hống hách của các cán bộ lãnh đạo Việt Nam ở Campuchia, với sự giúp đỡ của Trung Hoa và sự đồng tình làm ngơ của Thái Lan, đội quân tan nát của một chính thể tàn bạo như Khmer Đỏ chỉ gồm khoảng ba chục ngàn quân vẫn còn khả năng quấy phá. Việt Nam dù ở tình trạng kinh

tế tồi tệ, vẫn phải duy trì đạo quân chiếm đóng khoảng hai trăm ngàn, và mười năm sau, khi quân Việt Nam bị áp lực quốc tế và áp lực quốc nội buộc phải rút quân, Khmer Đỏ vẫn còn là một lực lượng đáng kể ở Campuchia.

Đánh đuổi được chính phủ Pol Pot trong thời gian ngắn có thể coi như một chiến thắng quân sự của Việt Nam. Nhưng sau chiến thắng, quân đội chiếm đóng bị sa lầy, các nhóm nhỏ Khmer Đỏ tiếp tục phục kích, đặt mìn, bắn sẻ, pháo kích, đặt chông... gây tổn hại nặng nề cho bộ đội Việt Nam cả về nhân mạng lẫn tinh thần chiến đấu. Riêng tại mặt trận biên giới Tây Nam, đã có hơn năm chục ngàn thanh niên Việt hy sinh. Hàng chục ngàn thanh niên khác bị tàn phế. Sự hy sinh ấy được đánh đổi bằng sự sa sút về kinh tế, sự cô lập về ngoại giao và kết quả là mười năm sau, cũng phải rút quân khỏi Campuchia.

THAM KHẢO :

- Binh đoàn Hương Giang,
Nxb. Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội.
- Sư đoàn Sông Lam, Đoàn Phước Long,
Nxb. Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội.
- Sư đoàn 7,
Nxb. Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội.
- Brother Enemy, *Nayan Chanda,*
Nxb. Mac Millan Publishing Company, New York.
- Mặt Thật, *Thành Tín.*

PHẦN THỨ HAI

**MẶT TRẬN
BIÊN GIỚI PHÍA BẮC**

*CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III * 147*

● CHƯƠNG 10

Sơ lược quan hệ lịch sử Việt Nam – Trung Hoa.

Theo truyền thuyết, lịch sử Trung Hoa bắt đầu từ khoảng bốn ngàn năm trước Tây lịch. Sau thời Bàn Cổ là vua Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, rồi mới đến nhà Hạ, nhà Thương. Giả thuyết về thời thượng cổ này rất hoang đường, chẳng hạn vua Thần Nông làm vua một trăm bốn mươi năm, các vua Hoàng Đế, vua Nghiêu làm vua đúng một trăm năm. Các tài liệu khảo cổ đào được ở Bắc Kinh cho thấy triều đại quan trọng đầu tiên được xác nhận là nhà Thương, kéo dài từ năm 1766 đến 1027 trước Tây lịch. Chu Văn Vương sau đó diệt vua Trụ lập ra nhà Chu. Thời đại này, chế độ phong kiến được củng cố. Trung Hoa phân thành hơn bảy mươi nước nhỏ. Nhà Chu xưng vương, các nước lớn được phong tước bá, các nước nhỏ được phong hầu. Triều đại nhà Chu chia làm hai thời kỳ. Tây Chu từ 1122 đến 771 trước Tây lịch, và Đông Chu từ 771 đến 249 trước Tây lịch. Đông Chu lại được chia làm hai giai đoạn, Xuân Thu và Chiến Quốc.

Thời Chiến Quốc, tuy Trung Hoa còn bị phân tán và loạn lạc, nhưng đó là thời kỳ nảy sinh những nhà tư tưởng vĩ đại nhất, cùng thời với Socrate, Platon, Aristotle... ở Hy Lạp. Đó là Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, Tuân Tử, Hàn Phi Tử... các nhà tư tưởng đã góp phần tạo dựng nền văn minh Trung Hoa. Sau thời Chiến Quốc, Tần Thủy

Hoàng lần đầu tiên thống nhất được Trung Hoa. Đó cũng là lúc ở phương nam, An Dương Vương lập ra nước Âu Lạc, nền móng của Việt Nam. Lên làm vua không bao lâu, Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư đem quân đánh chiếm đất đai của dân Bách Việt ở Quảng Đông, Quảng Tây. Muốn được yên, An Dương Vương xin thần phục nhà Tần. Tần Thủy Hoàng làm vua khoảng bốn mươi năm thì chết, Trung Hoa lâm cảnh nội chiến Hán - Sở tranh hùng. Bốn năm sau, Lưu Bang diệt được Hạng Vũ, lập nên nhà Hán. Lúc đó, Triệu Đà đã chiếm được Âu Lạc, đổi tên là Nam Việt, tuy độc lập nhưng ngoài mặt vẫn thần phục nhà Hán. Nhà Triệu làm vua gần một trăm năm. Năm 111 trước Tây lịch, Hán Vũ Đế sai Lộ Bác Đức đem quân sang đánh, quân nhà Triệu bị thua, và Việt Nam bắt đầu chìm trong gần một ngàn năm Bắc thuộc. Trong giai đoạn này, Trung Hoa cũng trải nhiều triều đại. Hết Hán đến Tam Quốc, Tấn, Lương, Trần, Tùy, Đường, Ngũ Quý ... Trừ một số ít như Tích Quang, Nhâm Diên, đa số quan lại và thái thú Trung Hoa đều tàn ác. Thời đại nào người Việt Nam cũng nổi lên chống ngoại xâm. Đầu tiên là hai bà Trưng, rồi bà Triệu, Lý Nam Đế, Triệu Quang Phục, Mai Hắc Đế, Phùng Hưng... nhưng tất cả đều thất bại. Năm 939, Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán, mở đầu kỷ nguyên độc lập và tự chủ cho Việt Nam.

Năm chục năm sau khi Việt Nam độc lập, nhà Tống kế nghiệp nhà Đường đem quân sang đánh nhưng quân Tống bị thập đạo tướng quân Lê Hoàn đánh bại. Ít năm sau, tể tướng Vương An Thạch nhà Tống lại định đánh Việt Nam, nhưng vua nhà Lý đã cử Lý Thường Kiệt đem quân sang “tấn công tự vệ” trước, chiếm châu Khâm, châu Liêm trước khi rút quân về. Triều đại nhà Tống của Trung Hoa kéo dài ba trăm năm thì quân Kim từ quan ngoại kéo vào chiếm bắc Trung Hoa. Nhà Tống rút về phía nam lập ra nhà Nam Tống được năm chục năm thì quân Mông Cổ vượt Vạn Lý Trường Thành kéo vào chiếm đóng toàn cõi Trung Hoa.

Lúc đó Thành Cát Tư Hãn đã chinh phục Cao Ly cùng các tiểu quốc vùng Trung Á và hai lần đánh phá các nước châu Âu. Hốt Tất Liệt sai con là Thoát Hoan đem quân đánh Việt Nam, cả hai lần quân Nguyên đều bị đại bại.

Mông Cổ cai trị Trung Hoa quá hà khắc, năm 1368, Chu Nguyên Chương, một vị sư hồi tục, khởi nghĩa đuổi được quân Mông Cổ lập ra nhà Minh. Minh triều có một thời kỳ cực thịnh, có những đội thương thuyền đi tới tận duyên hải Phi Châu. Năm 1406, nhà Minh lấy có Hồ Quý Ly thoán đoạt ngôi vua, đem quân sang đánh Việt Nam. Hồ Quý Ly bị giết, nhưng dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi nổi lên h đuổi được quân Minh, lập ra nhà Lê. Năm 1644, nhà Minh suy tàn, Lý Tự Thành nổi loạn, chiếm Bắc Kinh. Vua Sùng Trinh thất cố tự tử. Tướng phòng thủ biên giới phía bắc là Ngô Tam Quế mở cửa Sơn Hải Quan cho quân Mãn Châu vào dẹp Lý Tự Thành và cai trị Trung Hoa.

Trước dân số Trung Hoa đông đảo, quân Mãn Châu, khác với quân Mông Cổ, không dùng bạo lực để cai trị mà dùng người Hoa, giữ nguyên hệ thống hành chính, duy trì nếp sống, tôn trọng Nho học. Họ mang quân chinh phục thêm Ngoại Mông, Thanh Hải, Tây Tạng. Lãnh thổ Trung Hoa hợp với đất Mãn Châu trở nên to rộng nhất trong lịch sử Trung Hoa ⁽⁵⁸⁾ Nhà Thanh cũng đem quân xâm lăng Việt Nam. Nhưng quân Thanh vừa vào đến Thăng Long đã bị vua Quang Trung đánh tan.

Nhà Thanh với các vị vua sáng suốt như Khang Hi, Càn Long, đã đem lại sự ổn định và thịnh vượng cho Trung Hoa một thời gian dài. Sự ổn định và thịnh vượng đó càng gia tăng định kiến “Đại Hán”, “con trời”, “trung tâm thế giới” của họ. Vì thế khi những thế lực châu Âu tràn vào áp chế, Trung Hoa đã quá vụng về và chậm chạp để thích ứng với

⁽⁵⁸⁾ Sau này, Ngoại Mông với sự giúp đỡ của Liên Xô được độc lập và trở thành Cộng Hoà Nhân Dân Mông Cổ.

những đôi thay. Cố gắng canh tân của vua Quang Tự chỉ kéo dài đúng một trăm ngày. Sau đó Quang Tự bị Từ Hi quản thúc, Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi phải trốn qua Nhật. Nhà Thanh chấm dứt năm 1912 khi Phổ Nghi thoái vị, nhường ngôi cho Viên Thế Khải. Cũng như Việt Nam, một thời gian dài sau đó, Trung Hoa chìm trong cảnh chống ngoại xâm rồi nội chiến và cuối cùng, cộng sản nắm quyền.

Qua hơn ba ngàn năm lịch sử từ thượng cổ đến hiện đại, từ phong kiến đến cộng sản, Trung Hoa có hai đặc điểm là lòng tự cao của một quốc gia lớn có nền văn minh lâu đời, và mối lo sợ bị các dân tộc lân bang dù nhỏ yếu hơn xâm lăng. Hai đặc điểm đó, thoạt xem có vẻ mâu thuẫn, nhưng đã khiến cho khuynh hướng bành trướng của Trung Hoa lúc nào cũng tiềm tàng mạnh mẽ.

Lòng tự cao của Trung Hoa là điều dễ hiểu. Trong khi ở châu Âu, từ buổi bình minh của lịch sử, các dân tộc Anh, Pháp, Ý, Đức, Nga... về dân số, văn hoá, kỹ thuật đều như tương đương. Tùy thời điểm, một quốc gia nào đó có thể hùng mạnh vượt lên, nhưng theo thời gian, hết thấy đều coi nhau như đối thủ bình đẳng. Ngược lại, tại Đông Á, suốt hơn hai mươi thế kỷ, Trung Hoa lúc nào cũng trội hơn bội phần về dân số, diện tích đất đai, văn hoá. Các dân tộc mà Trung Hoa biết đến như Việt Nam, Nhật Bản, Cao Ly, Lào, Thái, Mông Cổ... đều nhỏ yếu hơn. Với trình độ khoa học và hiểu biết địa lý hồi đó, họ mặc nhiên coi mình như trung tâm của vũ trụ, đặt tên nước là Trung Quốc, triều đình gọi là thiên triều, vua là thiên tử, nhận mệnh trời không chỉ để cai trị đất nước mà còn để nhận sự thần phục của các lân bang. Tuy hơn một thế kỷ qua, Trung Hoa trải nhiều thăng trầm, có lúc bị liệt cường châu Âu xâm xé thảm hại, và thế giới cũng trải nhiều biến chuyển quan trọng, nhưng Trung Hoa, với dân số đông đảo, đất đai to rộng, lịch sử một nền văn minh rực rỡ, có vẻ giữ nguyên quan niệm về vai trò đàn anh của mình, ít ra là với những nước trong vùng.

Nhưng Trung Hoa cũng luôn lo sợ bị các nước lân bang nhỏ yếu hơn xâm lăng. Từ hơn hai ngàn năm trước, mối sợ hãi “rợ Hồ” phương bắc đã trở nên mối ám ảnh, khiến Tần Thủy Hoàng phải xây Vạn Lý Trường Thành dài hơn ba nghìn cây số để phòng thủ. Trường thành này đã không ngăn cản nổi quân Kim, quân Mông Cổ, rồi quân Mãn Thanh tràn vào cai trị Trung Hoa khoảng năm trăm năm, trước khi Trung Hoa bị các cường quốc châu Âu và Nhật Bản xâm xé thêm một trăm năm. Trung Hoa dường như chỉ cảm thấy yên tâm nếu xâm chiếm để sát nhập hay buộc được các lân bang thần phục. Do tâm trạng đó, Trung Hoa cứ mãi muốn bành trướng lãnh thổ. Từ Trung Nguyên, Trung Hoa đã sát nhập Thanh Hải, Tân Cương, Nội Mông, Liêu Đông, Hắc Long Giang... Diện tích Trung Hoa đã tăng gần gấp ba lần trong mười thế kỷ qua.

Những năm gần đây, đảng Cộng Sản Trung Hoa theo đuổi giấc mơ thế giới đại đồng, vẫn không quên vị thế thiên triều. Từ 1939, khi viết cuốn “*Cách Mạng Trung Hoa Và Đảng Cộng Sản Trung Hoa*”, Mao Trạch Đông vẫn coi Việt Nam như chư hầu và đã viết “*Sau khi đánh bại Trung Hoa, các thế lực đế quốc xâm chiếm những nước chư hầu: Nhật chiếm Cao Ly, Đài loan, Ryukyu, Rescadores và Porl Arthur, Anh chiếm Miến Điện, Boutan, Hồng Kông, Pháp chiếm An Nam...*” Năm 1953, họ đánh chiếm Tây Tạng sát nhập vào Trung Hoa. Năm sau, họ in bản đồ quốc gia, trong đó lãnh thổ Trung Hoa bao gồm hết các quốc gia Đông Nam Á, lấn sang cả Ấn Độ, Liên Xô. Bản đồ năm 1973 của họ giành chủ quyền hầu hết các đảo trên biển Đông, nên ranh giới lãnh hải của họ chạy dọc bờ biển Việt Nam tới gần Indonesia và ngược lên gần đảo Lữ Tống của Phillipines. Năm 1965, trong một buổi họp Bộ Chính Trị, Mao Trạch Đông đã tuyên bố: “*Chúng ta phải lấy lại vùng Đông Nam Á, gồm Nam Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Malaysia và Singapore... Gió đông sẽ thổi bạt gió tây khi*

chúng ta thu hồi được toàn vùng Đông Nam Á.”

Năm 1974, lợi dụng cuộc chiến Việt Nam, họ chiếm quần đảo Hoàng Sa. Mười năm sau, khi Việt Nam lẻ loi vì đàn anh Liên Xô sụp đổ, họ chiếm một phần Trường Sa và hiện nay đang mưu chiếm toàn bộ hải đảo trên biển Đông.

Việt Nam, sau một ngàn năm Bắc thuộc đã chịu nhiều ảnh hưởng Trung Hoa từ chính trị, kinh tế đến văn hoá. Tuy nhiên, dân tộc Việt vẫn bảo tồn được nhiều đặc điểm riêng, trong đó có tinh thần độc lập. Ảnh hưởng Nho giáo về trung quân ái quốc chỉ làm tinh thần độc lập đó thêm mãnh liệt. Với Trung Hoa, Việt Nam là miếng mồi khó nuốt. Với Việt Nam, Trung Hoa là mối đe dọa thường trực, vì là một nước đông dân, rộng lớn, dồi dào tài nguyên và luôn có tham vọng bành trướng. Vì thế, trong lịch sử từ ngàn xưa, Việt Nam luôn sẵn sàng đấu tranh giữ độc lập, nhưng luôn phải nhún mình về hình thức để tránh chiến tranh. Sau mỗi lần đánh bại quân xâm lăng Trung Hoa, Việt Nam đều trả tù binh, cử sứ giả qua cầu hoà và triều cống.

Bắt đầu thi hành chính sách này là Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn người đầu tiên trong thời tự chủ đánh bại quân xâm lược Trung Hoa, sau đó là Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, và được Lê Thái Tổ giải thích *“nếu mình muốn giết tù binh thả con tức giận một lúc mà chịu cái tiếng muôn đời giết kẻ hàng thì sao bằng để cho muôn vạn con người sống mà khỏi được mối lo chinh chiến đời sau.”* Quan niệm này hiện rõ hơn khi Quang Trung nói với Ngô Thời Nhiệm *“nay nhà Thanh đã bị ta đánh một trận, tất lấy làm xấu hổ, chắc không chịu ở yên. Hai nước đánh nhau thì chỉ khổ dân. Vậy nên dùng lời nói khéo, để khiến cho khỏi sự binh đao.”*

Nhưng trong khi kiên trì chống mưu toan thống trị từ Trung Hoa, Việt Nam lại áp chế các nước nhỏ lân bang khác. Thời bình, các vua Việt Nam cũng cư xử như thiên tử, bắt các nước nhỏ quy thuận, triều cống. Thời chiến, các

vua Việt Nam hưng binh chinh phạt, sát nhập đất đai. Các vua Việt Nam cũng coi việc hưng binh chinh phạt như hành động thay trời hành đạo, và việc đô hộ như hành động khai hoá. Thái độ này thể hiện trong bài ghi công vào bia đá của Nguyễn Trung Ngạn ca tụng việc Trần Minh Tông đánh Lào năm 1384: “...*Nước Lào nhỏ bé kia dám ngạnh vương hoá, cuối mùa thu năm Ất Hợi, vua thân đem sáu quân đi tuần cõi tây Thế Tử nước Chiêm Thành, Chân Lạp, Tiêm La và tù trưởng các đạo mán đều mang phương vật tranh nhau đến đón rước...*” Những chi tiết của bài ghi công có thể được phóng đại thêm, nhưng đã thể hiện thái độ của triều đình Việt Nam đối với các dân tộc nhỏ lân bang.

Quan hệ lâu đời như thế giữa Việt Nam và Trung Hoa tồn tại cho đến thế kỷ 19, khi Việt Nam và Trung Hoa đều bị các cường quốc châu Âu dòm ngó. Năm 1882, khi quân Pháp đánh Bắc Hà, vua Dục Tông vẫn thiên cận sai người sang cầu cứu nhà Thanh. Tuy lúc đó Trung Hoa đang bị Anh, Pháp, Đức, Nhật... áp chế thảm hại, nhà Thanh vẫn nuôi ý định xâm chiếm Việt Nam. Tổng Đốc Lương Quảng Trương Thụ Thanh dâng mật sớ về triều nói “*Nước Nam và nước Tàu tiếp giáp với nhau, mà thế lực nước Nam thật là suy hèn, không có thể tự chủ được nữa, vậy ta nên mượn tiếng sang đánh giặc mà đóng giữ các tỉnh thượng du...*” Triều đình nhà Thanh nghe lời sai đem quân sang giúp Việt Nam đánh với Pháp. Hai năm sau, hai bên ký hoà ước trong đó Trung Hoa chấp thuận rút quân, công nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Việt Nam. Hoà ước do Fournier và Lý Hồng Chương ký cũng phân định biên giới hai nước. Biên giới đó phần lớn chạy qua các vùng rừng núi, đánh dấu bởi các bia đá chôn cách nhau có khi đến năm mươi cây số, do đó rất mù mờ và rất dễ gây ra tranh chấp.

Sau khi nhà Thanh sụp đổ, các phong trào đấu tranh giành độc lập của Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng hay có liên hệ với các phong trào cách mạng Trung Hoa. Sau cuộc

cách mạng Tân Hợi ở Trung Hoa, ngoài Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học, các cán bộ đầu tiên của cộng sản Việt Nam cũng lợi dụng chủ trương thân Nga của Tôn Dật Tiên dùng đất Trung Hoa làm địa bàn tổ chức và huấn luyện. Các lớp học chính trị do Hồ Chí Minh tổ chức được các cán bộ cộng sản cao cấp Trung Hoa như Bành Bái, Lưu Thiếu Kỳ đến dạy. Một số cán bộ Việt Nam như Nguyễn Sơn, Lê Thiết Hùng...được theo học trường võ bị Hoàng Phố. Các đại hội thành lập đảng, đại hội đảng đều được triệu tập ở Trung Hoa. Thời kỳ Quốc Dân Đảng Trung Hoa còn mạnh, cộng sản Việt Nam ở Trung Hoa phải giấu mặt, Nguyễn Tất Thành ở Liễu Châu giả dạng người quốc gia, cặm cụi ngồi dịch cuốn Tam Dân chủ nghĩa, đổi tên Hồ Chí Minh theo tên của cán bộ Quốc Dân Đảng Hầu Chí Minh, và hết sức lấy lòng tướng Trương Phát Khuê, tư lệnh Đệ Tứ quân khu. Dưới quyền Trương Phát Khuê, có hai tướng Quốc Dân Đảng thân Cộng là Tiêu Văn và Ngô Trạch, nên các lãnh tụ cộng sản Việt Nam được giúp đỡ và tự do hoạt động.⁽⁵⁹⁾ Năm 1942, Hồ Chí Minh rời Liễu Châu, ra khỏi vùng trách nhiệm của Trương Phát Khuê thì bị bắt. Trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam đã gửi một điện văn rất khéo léo cho Tôn Khoa, viện trưởng Viện Lập Pháp Trung Hoa như sau: “Đại biểu của chúng tôi là Hồ Chí Minh đi Trùng Khánh để dâng cờ tỏ lòng kính trọng Tướng ủy viên trưởng, khi đi qua Tịnh Tây thì bị bắt, kính xin Ngài điện cho địa phương tha ngay.”

Hồ Chí Minh bị giam gần hai năm. Nghiêm Kế Tổ, cán bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng, nhân can thiệp xin tha cho Nguyễn Tường Tam, đã can thiệp xin tha luôn cho Hồ Chí Minh. Thiện ý của Nghiêm Kế Tổ vẫn không ngăn được việc cộng sản Việt Nam sau này tìm cách thanh toán hết

⁽⁵⁹⁾ Năm 1949 Tiêu Văn ở lại lục địa đầu hàng, còn Ngô Trạch sau đó bị xử tử ở Đài Loan.

những cán bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Năm 1945, sau khi Hồ Chí Minh thành lập chính phủ ở Hà Nội, quân Trung Hoa kéo vào giải giới Nhật ở Bắc Việt. Để lấy lòng quân Trung Hoa, Hồ Chí Minh một mặt tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương, thành lập chính phủ liên hiệp, bên trong hồi lộ Lư Hán và Tiêu Văn để chèn ép các đảng quốc gia. Sau đó Trung Hoa chìm trong nội chiến Quốc – Cộng, cộng sản Việt Nam giành được chiêu bài kháng chiến, phải tự lực chiến đấu, vì lúc đó Liên Xô đối xử thờ ơ, coi cộng sản Việt Nam như không.

Quan hệ giữa hai phong trào cộng sản Việt Nam – Trung Hoa gắn bó ngay sau khi cộng sản Trung Hoa chiếm được lục địa Trung Hoa năm 1949. Việt Nam muốn được sự giúp đỡ của Trung Hoa, còn Trung Hoa muốn có vùng trái độn an toàn ở biên giới phía nam, đồng thời cũng muốn giữ vị thế thiên triều và đàn anh cũ, nên giúp đỡ cộng sản Việt Nam mọi mặt.

Chỉ hai tháng sau khi cộng sản Trung Hoa chiến thắng, Hồ Chí Minh đã cùng Trần Đăng Ninh đi Bắc Kinh gặp Mao Trạch Đông. Hồ Chí Minh được Mao hứa sẽ giúp đỡ toàn lực về mọi mặt chính trị, quân sự, ngoại giao.

Người công khai phản đối việc cầu viện Trung Hoa là tướng Nguyễn Sơn, tư lệnh liên khu 4. Nguyễn Sơn, người được gọi là “lưỡng quốc tướng quân”, từng theo học trường Hoàng Phố và theo Mao chạy tới Diên An.

Năm 1945, Nguyễn Sơn bỏ cộng sản Trung Hoa về Việt Nam, được bổ nhiệm tư lệnh liên khu Tư, thay Lê Thiết Hùng.



*Nguyễn Sơn
trong quân phục Trung Hoa*

Có lẽ dựa vào quân hàm tướng Trung Hoa, Nguyễn Sơn là người duy nhất công khai bài bác Hồ Chí Minh, coi thường Võ Nguyên Giáp. Nguyễn Sơn phản đối việc xin viện trợ của cộng sản Trung Hoa có thể vì biết rõ tham vọng bá chủ Trung Hoa. Sau đó, Nguyễn Sơn bị Hồ Chí Minh đem pha gửi trả về Trung Hoa và chỉ được về Việt Nam khi sắp chết.⁽⁶⁰⁾

Từ khi nắm được chính quyền năm 1949, Trung Hoa tích cực giúp đỡ Việt Nam. Khi Hồ Chí Minh còn ở Trung Hoa, Trung Hoa công nhận chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà và can thiệp với Liên Xô để Hồ Chí Minh được mời sang Moscow, tháp tùng phái đoàn Trung Hoa. Gặp được thần tượng Stalin, ngoài việc xin chữ ký, Hồ Chí Minh còn muốn thế giới biết là mình được Stalin đón như một nguyên thủ nên đã xin Stalin cho trở lên ngồi lại máy bay để khi xuống, quay phim cảnh Stalin ra đón, dùng làm tài liệu tuyên truyền, nhưng Stalin cười xoà từ chối. Hơn nữa, với bản tính đa nghi, Stalin sai mật vụ vào khách sạn lấy lại chữ ký đã ký cho Hồ Chí Minh.⁽⁶¹⁾ Lúc đó, Liên Xô hết hy vọng đảng Cộng Sản Pháp sẽ thắng cử ở Pháp để lập

⁽⁶⁰⁾ *Tên thật Vũ Nguyên Bác, cùng Vũ Ngọc Phan, Hoàng Văn Chí đều là con rể cụ Sở Cường Lê Dư. Nguyễn Sơn hiện được xưng tụng, nhưng trong Hồi Ký Hoàng Tùng, cựu bí thư trung ương đảng, trưởng ban tuyên huấn trung ương, có ghi “ trước khi chết, Nguyễn Sơn có tâm sự với tôi rằng sai lầm thì phê bình chứ sao lại đuổi đi. Ông ta trách Bác. Lúc đó tôi hỏi anh Võ Nguyên Giáp, anh ta hay học hặc như thế để anh ta làm phó cho anh được không. Võ Nguyên Giáp nói làm phó thế nào được, anh ta suốt ngày chửi tôi...” Có lẽ vì cụ Lê Dư tiết lộ việc Hồ Chí Minh chủ mưu bán đứng cụ Phan Bội Châu, cuốn hồi ký của Vũ Ngọc Phan sau này dù ca tụng vợ hết lời nhưng không có chữ nào nhắc tới tên bố vợ, một nhà nho nổi tiếng.*

⁽⁶¹⁾ *Trong Hồi Ký Kroushchev, Stalin đã cười và trả lời ý muốn được đóng phim với ông Hồ một cách điệu cợt: “Chúng ta đã bỏ mất thời cơ ấy rồi, đồng chí đã đến một cách âm thầm (incognito) nên không thể công khai được nữa.”*

chính quyền nên cùng các nước Đông Âu công nhận chính phủ Hồ Chí Minh. Nhưng từ đó tới nhiều năm sau, Liên Xô vẫn không dành cho Việt Nam sự giúp đỡ đáng kể nào.

Sự giúp đỡ lớn lao của cộng sản Trung Hoa về mọi mặt từ những năm 1950, 1951... không những đã thay đổi cán cân quân sự cuộc chiến Đông Dương thứ nhất mà còn tạo một ảnh hưởng cực kỳ sâu rộng trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... của tất cả người dân Việt Nam đang sống trong vùng Việt Minh kiểm soát, rồi từ đó lôi kéo đất nước vào một giai đoạn lịch sử sắt máu và đau thương triền miên. Có thể nói năm 1950 đánh dấu khúc quanh quan trọng trong lịch sử Việt Nam, là năm cộng sản Việt Nam vứt bỏ mặt nạ Việt Minh, là năm về quân sự, đi từ giai đoạn bảo tồn lực lượng sang giai đoạn cầm cự, và về chính trị từ phản đế sang phản phong, tức truy tìm kẻ thù ngay trong nhân dân và hàng ngũ của mình. Các chuyển biến đó in hằn ảnh hưởng cộng sản Trung Hoa.

Trước hết, về quân sự, sau khi được Trung Hoa hứa hẹn viện trợ dồi dào, Ngoại Thương Vụ nhỏ bé của Việt Minh trước kia chuyên mua súng đạn lậu được giải tán, thay vào đó là tổng cục Hậu Cần do Trần Đăng Ninh đứng đầu được thành lập để trực tiếp nhận và quản lý hàng viện trợ Trung Hoa. Với sự giúp đỡ đó, quân kháng chiến đã trưởng thành và phát triển, từ đội quân nhỏ bé chuyên đánh du kích thành một đạo quân hiện đại, bước sang giai đoạn cầm cự và vận động chiến. Đánh dấu cho giai đoạn trưởng thành này cũng như sự hợp tác chặt chẽ giữa hai phong trào cộng sản về quân sự là chiến dịch biên giới Cao Bắc Lạng.

Biên giới Việt – Hoa dài khoảng một ngàn bốn trăm cây số, nhưng chỉ vùng từ Cao Bằng tới Lạng Sơn là quan yếu nhất. Chạy dọc theo biên giới đó là quốc lộ 4, đến đầu năm 1950 vẫn do quân Pháp trú đóng. Chiếm được quốc lộ 4 là có thể kiểm soát được Cao Bằng, Lạng Sơn, nối liền chiến khu Việt Bắc với hậu phương lớn Trung Hoa. Sửa soạn cho

chiến dịch, đại đoàn 308 của Vương Thừa Vũ ⁽⁶²⁾ vượt biên giới sang Trung Hoa, để được trang bị, huấn luyện thêm về truyền tin, công binh, pháo binh... biến thành cấp sư đoàn. Một trong ngũ hổ tướng của Trung Hoa là Trần Canh ⁽⁶³⁾ được gửi sang ăn ở cùng nhà với Hồ Chí Minh bàn thảo kế hoạch. Công tác tiếp vận được giao cho Vi Quốc Thanh, một tướng Trung Hoa gốc người Nùng. Sau khi được huấn luyện và trang bị, sư đoàn 308 trở về nước, lần đầu tiên dùng vận động chiến phục kích đánh tan hai binh đoàn lê dương Charton và Lepage ở Đông Khê. Bị cô lập, quân Pháp phải rút khỏi Cao Bằng và Lạng Sơn. Sau sư đoàn 308, các đại đoàn 304 của tư lệnh Văn Tiến Dũng, 312 của tư lệnh Lê Trọng Tấn), 316 của tư lệnh Lê Quảng Ba cũng được giúp trang bị và tổ chức thành sư đoàn chính quy. Trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn dời sang Vân Nam để sĩ quan trung cấp Việt Nam được cố vấn Trung Hoa huấn luyện về công binh, pháo binh, truyền tin ... Họ được học về chiến thuật của Lâm Bưu như “nhất điểm lưỡng diện”, “tứ khoái nhất mạn.” Chiến lược ba giai đoạn — bảo tồn chủ lực, cầm cự, tổng phản công — lấy nông thôn bao vây thành thị của Mao Trạch Đông cũng được đề ra làm kim chỉ nam. Sách của Mao Trạch Đông như *Trì Cứu Chiến*, *Tân Dân Chủ Luận* được cộng sản Việt Nam dịch và học tập ⁽⁶⁴⁾.

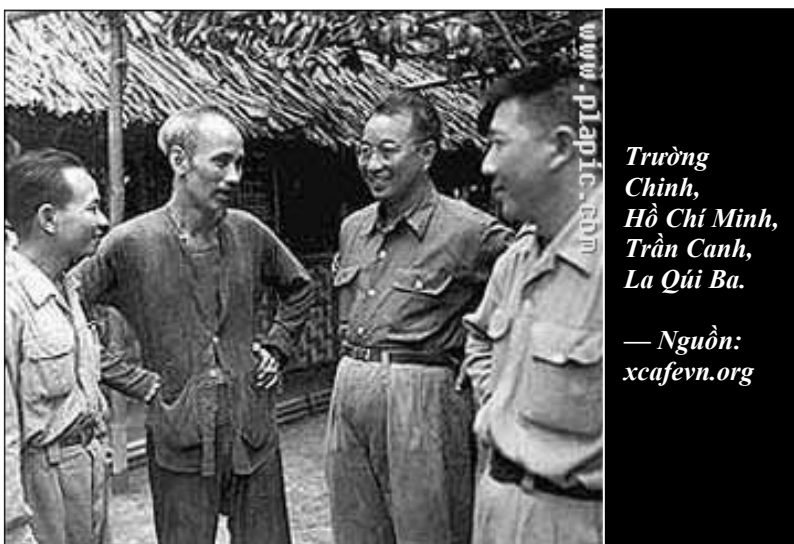
Sự giúp đỡ và ảnh hưởng của Trung Hoa thời kỳ đó không chỉ quan trọng về phương diện quân sự, mà còn thay đổi bản chất đảng Cộng Sản Việt Nam, và quân đội Việt

⁽⁶²⁾ Tên thật Nguyễn Văn Đồi, lớn lên ở Vân Nam, chỉ huy mặt trận Hà Nội 1945, tư lệnh sư đoàn đầu tiên 308, về sau là tổng tham mưu phó.

⁽⁶³⁾ Chen Geng, tham chiến Triều Tiên, chỉ huy quân đoàn 3 Trung Hoa

⁽⁶⁴⁾ Trường Chinh dịch cóp cuốn *Trì Cứu Chiến* của Mao Trạch Đông thành cuốn *Trường Kỳ Kháng Chiến Nhất Định Thắng Lợi* ký tên mình để in. Ngoài ra, cuốn *Đề Cương Văn Hóa Việt Nam chỉ đạo đường lối văn nghệ của cộng sản Việt Nam* cũng cóp tài liệu Trung Hoa.

Minh. Song song với viện trợ quân sự và sự cố vấn của Trần Canh, Vi Quốc Thanh,⁽⁶⁵⁾ đoàn cố vấn chính trị La Quý Ba ⁽⁶⁶⁾ đã nỗ lực chỉ đạo cho cộng sản Việt Nam tổ chức lại đảng, chính quyền và quân đội theo khuôn mẫu cộng sản Trung Hoa. Với hậu thuẫn Trung Hoa, Việt Nam không cần phải núp sau chiêu bài Việt Minh nữa, và bộ mặt thật cộng sản lộ diện. Tuy đại hội đảng tháng 3-1951 mới chỉ lấy tên đảng là đảng Lao Động Việt Nam, nhưng ngay điều lệ đảng đã ghi rõ: “*Đảng Lao Động Việt Nam lấy học thuyết Mác, Ăng ghen, Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông kết hợp với thực tế cách mạng Việt Nam làm nền tảng tư tưởng...*” Ngoài việc học tập tư tưởng Mao Trạch Đông, Việt Nam xác nhận vai trò lãnh đạo và đàn anh của Trung Hoa trong điện văn gửi cho đảng Cộng Sản Trung Hoa



⁽⁶⁵⁾ Gốc người thiểu số, trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Hoa sang Việt Nam năm 1950 -1954. Trần Canh có lẽ chỉ là cố vấn riêng cho Hồ Chí Minh trong mặt trận Cao Bắc Lạng.

⁽⁶⁶⁾ Cố vấn chính trị, người chỉ đạo phong trào Cải Cách Ruộng Đất ở Việt Nam, về sau là đại sứ cộng sản Trung Hoa đầu tiên tại VN.

đăng trên báo Nhân Dân ngày 11-3-1951: “*Đảng Lao Động Việt Nam nguyện noi gương anh dũng của đảng Cộng Sản Trung Quốc, học tập tư tưởng Mao Trạch Đông, tư tưởng lãnh đạo nhân dân Trung Quốc và các dân tộc Á Đông trên con đường độc lập và tự chủ.*”⁽⁶⁷⁾

Dưới sự hướng dẫn của phái đoàn cố vấn La Quý Ba, Việt Nam đã biến đổi một phong trào mang nặng tính quốc gia, dân tộc thành một phong trào cộng sản. Sự chuyển biến đó là một quá trình sắt máu. Đa số người theo Việt Minh hồi đó do lòng yêu nước, gồm đủ thành phần. Trong số này, những người xuất thân từ gia đình địa chủ hay đảng phái quốc gia bị thủ tiêu hay khai trừ ngay. Một số nhỏ, xuất thân công nhân, nông dân ít học, dễ bị uốn nắn khuyến dụ để trở nên cuồng tín. Đa số còn lại, theo cộng sản một cách lãn mạn, lý tưởng, chưa từng thể nghiệm thực tế sắt máu trong đấu tranh giai cấp đều phải tham dự những lớp “Chỉnh Đảng”... Điều này được xác nhận trong nghị quyết

(67) Theo Việt Nam Máu Lửa của Nghiêm Kế Tổ xb cuối thập niên 1950, việc học tập tư tưởng Mao Trạch Đông ghi trong điều lệ đảng năm 1951. Cuối thập niên 1980, Nguyễn Văn Trấn, cựu chính ủy quân khu 9 từng dự đại hội đảng lần II năm 1951, trong Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội cho biết: “Hôm đó là tổ trưởng, tôi có nhiệm vụ phản ánh trực tiếp. Một mình bác Hồ, một mình tôi. Tôi báo cáo tình hình, anh em trong tổ nói bộ hết chuyện rồi sao mà lấy tư tưởng Mao Trạch Đông làm tư tưởng chỉ đạo cho Đảng ta. Nhưng anh em giao là nói trong tổ cho nhau biết chứ không phát biểu ở hội trường... Hồ Chí Minh nhắm hí mắt như Staline khi gặp vấn đề khó nghĩ, tìm chữ. Tôi thưa tiếp: Có đồng chí còn nói hay là ta viết “tư tưởng Mao Trạch Đông và tư tưởng Hồ Chí Minh có phải hay hơn không?” Câu nói của tôi làm cho mắt ông già rạng lên theo lời đáp cấp kỳ “Không, tôi không có tư tưởng ngoài tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lênin, Tôi chỉ có phương pháp để giải quyết thỏa đáng từng vấn đề của ta... Chớ còn tư tưởng là quan niệm về vũ trụ về thế giới và về xã hội con người, thì tôi chỉ là học trò của Mác, Ăng ghen, Lênin chớ làm gì tôi có tư tưởng ngoài triết học Mác.” Tuy thế, hơn 10 năm sau, ông Hồ lại được đệ tử công nhận là có “tư tưởng” để ghi vào điều lệ đảng.

về Chính Đảng như sau: “Hơn chín mươi phần trăm đảng viên thuộc thành phần gốc rễ nông dân và tiểu tư sản, tuy đã vào đảng, được đảng giáo dục một phần nào, và tự bản thân cũng có ít nhiều cố gắng, nhưng chưa gột sạch ý thức tiểu tư sản...” Nghị quyết này cũng đề cao vai trò lãnh đạo của cộng sản Trung Hoa trong việc uốn nắn các đảng viên cộng sản Việt Nam: “... xây dựng đảng cốt chính là một quá trình giáo dục, đấu tranh và cải tạo tư tưởng. Đó là đường lối Mao Trạch Đông trong vấn đề xây dựng đảng.”

Khi dự các lớp Chính Đảng, học viên được thanh lọc, thường xuyên bị theo dõi, phê bình, cuối cùng phải phản tỉnh, tự tố cáo rồi nhận hết tội lỗi dù là tưởng tượng để chứng minh đã lột xác, đầu hàng giai cấp, thành khẩn chấp nhận sự lãnh đạo tuyệt đối của đảng. Với biện pháp vừa đe dọa vừa khuyến dụ, trong cảnh bị áp chế cả thể xác lẫn tinh thần, đa số cán bộ đều bị khuất phục. Điển hình cho hiệu quả của biện pháp này là lớp Chính Đảng trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn ở Vân Nam, nơi đào tạo cán bộ chỉ huy quân đội. Dù cán bộ theo học đã được tuyển lựa, chính uỷ Trần Tử Bình cũng báo cáo về trung ương là có hơn bảy mươi phần trăm học viên đã nhận tội có hành động chống đảng và nhân dân, một số đã tự tử. Dù cuồng tin cỡ nào, điều đó cũng quá đáng nên đảng Cộng Sản Việt Nam phải cử tổng cục trưởng tổng cục chính trị Nguyễn Chí Thanh sang Trung Hoa bắt Trần Tử Bình sửa sai. Viên cố vấn Trung Hoa của trường cũng bị gọi về Bắc Kinh.

Sau các lớp Chính Đảng, ngoài số cán bộ bị thanh toán, tự tử hay trốn về thành, đa số còn lại phải nhắm mắt s ắm vai công cụ ngoan ngoãn, tuân hành mù quáng mọi chỉ thị của đảng, và quân đội Việt Minh, một quân đội được tạo dựng để giải phóng quốc gia, giờ đây biến thể thành đội quân cộng sản nhằm mục tiêu giải phóng toàn thế giới. Trận chiến thắng mở đầu Cao Bắc Lạng năm 1950 không còn là chiến thắng của Việt Minh vì chính Hồ Chí Minh đã

ca ngợi là “*một chiến thắng của xã hội chủ nghĩa.*”

Cùng sự biến thể của quân đội, cộng sản Việt Nam, dưới sự chỉ đạo của phái bộ La Quý Ba, đã biến đổi hẳn nếp sống cổ truyền của người dân trong vùng Việt Minh kiểm soát. Việc thờ phụng tổ tiên bị đả phá, tôn giáo bị bài xích, gia đình đảo lộn, người thân tố cáo nhau. Ai không tích cực học tập, không a dua với chính sách đều bị điều tra, theo dõi, bị xếp thành phần hay bị giam giữ, hành hạ. Người khác chính kiến bị coi là phản động và bị thủ tiêu. Để có sự tuân phục tuyệt đối của cấp dưới, các lãnh tụ được thần thánh hoá. Hồ Chí Minh, “đại nguyên soái Stalin”, Mao Trạch Đông được tôn làm thánh sống, và để tuân hành tư tưởng chỉ đạo Mao Trạch Đông, chính sách cải cách ruộng đất bắt đầu thi hành năm 1953 với sự giúp đỡ của các cố vấn Trung Hoa. Chính sách này được phát động quy mô sau khi Việt Nam nắm chính quyền tại miền Bắc.⁽⁶⁸⁾ Trong đợt phát động này, hàng chục ngàn cán bộ và nông dân đã bị xử tử, đấu tố, hay cầm tù một cách oan uổng. Mầm mống bất mãn của nhân dân lên cao đến nỗi đảng phải đổ lỗi cho một số cán bộ lãnh đạo như Trường Chinh, Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt, Hồ Viết Thắng.⁽⁶⁹⁾

Sau hiệp định Genève 1954, nắm chính quyền ở miền

⁽⁶⁸⁾ *Hồi ký Hoàng Tùng* : “Sau Đại hội 1951, ta không nói gì đến cải cách ruộng đất...vì thế nên mùa hè năm 1952, Mao Trạch Đông và Stalin gọi Bác sang, nhất định bắt phải thực hiện cải cách ruộng đất. Sau thấy không thể từ chối được nữa, Bác mới quyết định phải thực hiện cải cách ruộng đất.”

Hồi ký Đoàn Duy Thành, bí thư thành ủy Hải Phòng, ghi lại vụ xử bắn bà Cát Hạnh Long, một địa chủ có công với Kháng Chiến. Hồ Chí Minh muốn can thiệp vì bà là đàn bà, nhưng La Quý Ba nói “hồ đục hay hồ cái đều ăn thịt người”. Ông Hồ đành chịu. Sau 1986, báo Thương Mại đăng lại chuyện này nhưng nửa chừng bị bắt ngưng lại.

⁽⁶⁹⁾ *Trong số này chỉ Lê Văn Lương thẳng thắn nhận lỗi và tất cả chỉ mất chức một thời gian. Riêng Hồ Viết Thắng về sau vẫn được nâng đỡ vì có con gái là Hồ Thị Nghĩa tăng tỵ và có con với Lê Duẩn.*

Bắc, Cộng Sản Việt Nam đã cố gắng giao hảo tốt đẹp với cả hai nước cộng sản đàn anh. Tuy nhiên trong nhiều năm sau đó, đa số nguồn viện trợ kinh tế cũng như quân sự cho Việt Nam đều từ Trung Hoa. Trung Hoa đã giúp Việt Nam xây cất những nhà máy xay lúa, nhà máy điện, máy dệt, máy sản xuất đường, phân hoá học... Đồng thời, toàn bộ vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng của bộ đội Bắc Việt và Việt Cộng từ 1950 đến 1964 đều do Trung Hoa cung cấp. Theo Hoàng Văn Hoan, tính đến năm 1978, tổng số hàng viện trợ Trung Hoa cho Việt Nam kể cả quân sự lẫn kinh tế lên đến hai mươi tỷ mỹ kim, chiếm 41% ngân sách ngoại viện của Trung Hoa.

Ngoài viện trợ về tiền bạc, vật chất, trong chiến tranh Đông Dương thứ hai, từ 1965 đến 1970, Hồ Chí Minh đã yêu cầu quân Trung Hoa sang giúp Bắc Việt xây dựng cầu đường, sân bay, hệ thống phòng không. Một số khác trực tiếp xử dụng đại bác và tên lửa. Đã có khoảng một ngàn lính Trung Hoa bị bắn chết ở Bắc Việt. Công ơn của Trung Hoa đối với Cộng Sản Việt Nam được Hồ Chí Minh bày tỏ *“Tình thân quốc tế cao cả đó và tình thân ái của nhân dân Trung Quốc đối với nhân dân Việt Nam làm chúng ta rất cảm động và biết ơn.”*

Nhưng tình hữu nghị *“Việt-Trung-Xô đòi đòi bắt diệt”* không kéo dài được. Sự rạn nứt giữa hai nước cộng sản đàn anh bắt đầu từ năm 1956, sau khi Kroushchev nắm quyền, tố cáo tội ác Stalin và chủ trương hoà hoãn với Tây phương. Là đảng đàn em đang nhờ vả viện trợ của cả hai nước, cộng sản Bắc Việt bắt lực nhìn hai đàn anh tranh chấp. Những năm đó, về ý thức hệ, Việt Nam gần hơn với Trung Hoa vì đã thần thánh hoá Stalin, không dễ đập đổ thần tượng và đang tiến hành cuộc chiến xâm chiếm miền Nam nên không thể chấp nhận chủ trương chung sống hoà bình của Kroushchev. Hơn nữa, ảnh hưởng Trung Hoa đã lan rộng mọi mặt từ hình thức tổ chức đến tư tưởng, từ

chính sách đầu tó, trăm hoa đua nở, đến bộ quần áo đại cán, các danh từ đồng chí, bí thư, uỷ viên... Vì thế, bài diễn văn của Kroushchev lên án Staline do phái đoàn đi họp mang về bị giấu kín, chỉ cho các uỷ viên Bộ Chính Trị đọc. Các nhân vật có khuynh hướng thân Liên Xô như Hoàng Minh Chính ⁽⁷⁰⁾ viện trưởng Viện Triết Học Mác- Lênin, Nguyễn Văn Vịnh trung tướng chủ tịch uỷ ban thống nhất tại quốc hội, Đỗ Đức Kiên đại tá cục trưởng cục tác chiến, Nguyễn Minh Nghĩa đại tá cục trưởng cục quân báo... cùng một số cán bộ chính trị và quân sự bị ghép tội, bỏ tù hay mất chức.

Nhưng dù thiên về Trung Hoa, bề ngoài, Việt Nam không thể rời xa Liên Xô, một siêu cường cộng sản đàn anh, một thánh địa. Vì thế Việt Nam luôn cố trung lập trong cuộc tranh chấp Nga – Hoa. Thở đó, nếu báo Nhân Dân đăng bài về Cách Mạng Tháng Mười thì bên cạnh đó, sẽ có một bài khác nói về cuộc Vạn Lý Trường Chinh với cùng số lượng chữ, và trong các dịp tiếp tân, số quan khách Nga – Hoa được mời đều ngang nhau, tới mức số lượng rượu Vodka và Mao đài chiêu đãi cũng ngang nhau.⁽⁷¹⁾ Đi dự đại hội các đảng cộng sản ở Moscow, khi phái đoàn Trung Hoa do Chu Ân Lai cầm đầu giận dữ bỏ về thì Hồ Chí Minh cũng bỏ phòng họp ra ngoài, đi dạo ở Moscow.

Sau 1970, nhiều diễn biến đã xảy ra khiến Việt Nam ngày dần dần thiên về Liên Xô, và Liên Xô cũng chú ý nhiều hơn đến Việt Nam. Lúc đó, Hồ Chí Minh vừa chết, Lê Duẩn lên nắm quyền. Trong số lãnh tụ Việt Nam kỳ cựu, Lê Duẩn là người ít chịu ảnh hưởng Trung Hoa. Trước 1954, địa bàn hoạt động của Lê Duẩn là miền Nam, chưa từng lưu lạc Trung Hoa, hay tiếp xúc với cố vấn Trung

⁽⁷⁰⁾ *Đảng viên CS từ 1939, được đảng cử làm tổng thư ký đảng Dân Chủ rồi viện trưởng Viện Triết Học Mác - Lênin. Năm 1967 bị khai trừ và bị giam tới 1973 trong vụ án xét lại. Ông mất năm 2008.*

⁽⁷¹⁾ *Theo cựu đại tá Bùi Tín trong Hoa Xuyên Tuyết.*

Hoa. Thêm nữa đối thủ của Lê Duẩn như Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp đều chịu ảnh hưởng Trung Hoa nhiều hơn, nên Lê Duẩn mặc nhiên có khuynh hướng thân Nga. Đồng thời, tình hình biên giới Nga – Hoa cũng như chủ thuyết Brezhnev biện minh cho sự xâm lăng các nước chủ hâu cộng sản khiến Trung Hoa bắt đầu coi Liên Xô là kẻ thù số một, và xích lại gần với Hoa Kỳ. Ngoài ra, cuộc chiến chống miền Nam bước vào giai đoạn quyết liệt, Bắc Việt cần có vũ khí tối tân như Mig 21, xe tăng T.54, T.55..., tên lửa SAM chỉ Liên Xô mới có khả năng cung cấp. Mặt khác, diễn biến chính trị tại Trung Hoa cũng khiến Việt Nam bớt tin cậy Trung Hoa, nhất là thời gian mà hồng vệ binh hoành hành. Họ đã không chỉ chống phe ôn hoà mà còn chống cả sự giúp đỡ Việt Nam. Sau 1970, Trung Hoa chỉ còn giúp đỡ Việt Nam một cách thụ động. Xích lại gần hơn với Hoa Kỳ, không lo ngại nhiều về sự đe dọa ở biên giới phía nam, Trung Hoa không muốn có một nước Việt Nam, dù cộng sản, được thống nhất. Chính Mao Trạch Đông đã khuyên Phạm Văn Đồng nên tiếp tục chiến tranh du kích, không nên tổng tấn công chiếm hết miền Nam, dù lúc đó Cộng quân đang thắng thế. Mao nói “*Cái chổi của chúng tôi không quét tới Đài Loan thì cái chổi của các đồng chí cũng không quét tới Sài Gòn.*” Mao Trạch Đông cũng không giấu sự khinh miệt các cấp lãnh đạo Việt Nam. Ông ta gọi Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng là “*bốn tên ăn mày, lúc nào cũng chìa bát đòi cho thêm.*” Dù vậy, để Việt Nam có thể “*chiến đấu đến người Việt cuối cùng*”, Trung Hoa vẫn giúp đỡ Hà Nội tiếp tục chiến tranh.

Sau khi cộng quân chiến thắng chiếm hết miền Nam, Việt Nam thành một thế lực đáng kể trong vùng. Nhưng thế lực đó chỉ mạnh về quân sự, và muốn sống còn, vẫn phải dựa dẫm vào viện trợ ngoại bang. Do đầu óc kiêu căng, chật hẹp, các lãnh tụ Việt Nam đã đánh giá quá cao khả

năng của chính họ, coi nhẹ các tổn thất về sinh mạng và vật chất của nhân dân, tin tưởng mù quáng vào chủ nghĩa Mác và sự giúp đỡ của Liên Xô.

Hơn nữa, để bảo vệ ưu quyền của đảng và đặc quyền đặc lợi của đảng viên, con đường đi tới thế giới đại đồng trở nên luôn ngả nghiêng, khiến Trung Hoa lúc thì giận dữ, lúc khinh miệt, lúc dụ dỗ, lúc đe dọa. Việt Nam đã không bao giờ có được quan hệ tương kính của lân bang hay đồng chí. Điều này đã gây nhiều tổn hại cho dân tộc Việt và mở đầu là trận chiến biên giới 1979.

THAM KHẢO :

- Việt Nam Sử Lược, *Trần Trọng Kim*.
- Việt Nam Máu Lửa, *Nghiêm Kế Tổ*.
- Death In The Rice Field, *Peter Scholl Latour*.
- Giọt Nước Trong Biển Cả, *Hoàng Văn Hoan*.
- Khroutschev Remembrance, *Khroutschev*.
- China, A Country History,
Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ.
- The Chinese Aggression,
Nxb. Ngoại Văn, Hà nội.
- Mặt Thật, Hoa Xuyên Tuyết, *Thành Tín*.
- Red Star Over China, *Edgar Snow*,
Grove Press Inc., New York.
- Từ Thực Dân Đến Cộng Sản, *Hoàng Văn Chí*.

● CHƯƠNG 11

Tình hình chính trị – quân sự Trung Hoa trước cuộc chiến 1979.

Trong phong trào cộng sản Trung Hoa, kể từ khi Trần Độc Tú ⁽⁷²⁾ thành lập đảng Cộng Sản năm 1921, nhân vật nổi bật luôn đứng sau những thắng trận và biến động là Mao Trạch Đông. Gia nhập đảng từ những năm đầu tiên, Mao phát động cuộc nổi dậy mùa thu ở Hồ Nam năm 1928, cùng Chu Đức, Bành Đức Hoài, Lâm Bưu thành lập hồng quân và dẫn đầu cuộc Vạn Lý Trường Chinh đến Diên An, để từ đó, củng cố lực lượng, phân công đánh tan quân đội Tưởng Giới Thạch, chiếm chính quyền trên lục địa Trung Hoa.

Sau chiến thắng, năm 1949 nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa được thành lập, Mao Trạch Đông là chủ tịch đảng, Chu Ân Lai là thủ tướng. Những năm đầu là thời gian củng cố quyền lực cũng là thời gian Trung Hoa đánh chiếm Tây Tạng và tham gia trận chiến Triều Tiên. Năm 1953, Trung Hoa bắt đầu kế hoạch ngũ niên thứ nhất để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Kế hoạch rập theo khuôn mẫu Liên Xô, dành ưu tiên phát triển kỹ nghệ nặng. Một hiệp ước hữu nghị và hợp tác được ký kết theo đó Liên Xô viện trợ cho Trung Hoa về mọi mặt, kỹ thuật, kinh tế, quân sự. Cùng

⁽⁷²⁾Người khai sinh và tổng bí thư đầu tiên của đảng Cộng Sản Trung Hoa (1921-1927). Hai năm sau, bị mất chức và khai trừ khỏi đảng.

năm đó, quốc hội đầu tiên được bầu. Quốc hội đề cử Mao Trạch Đông kiêm nhiệm chủ tịch Nhà Nước, Lưu Thiểu Kỳ chủ tịch quốc hội, Chu Ân Lai thủ tướng. Bộ máy đảng do Đặng Tiểu Bình tổng bí thư điều hành. -

Cuối năm 1956, Mao Trạch Đông phát động phong trào “*bách gia tranh minh, bách hoa tề phóng*”⁽⁷³⁾ để nhân dân có thể phê bình khuyết điểm của cán bộ. Mới đầu, lời phê bình còn dè dặt, sau đó phong trào trở nên rầm rộ. Dân chúng không những chỉ trích cán bộ cấp dưới mà còn phê bình cấp lãnh đạo đảng và chính phủ. Tức giận, Mao gán các lời phê bình đó cho những phần tử tư sản hữu khuynh phản động và phát động chiến dịch đàn áp. Từ diễn biến đó, Mao thấy cần có các cuộc cách mạng liên tục. Tuy kế hoạch ngũ niên thứ nhất đã đạt kết quả tương đối tốt, nhưng Mao tin rằng nếu nhân dân tham nhàn nhiều hơn về ý thức hệ, và tài nguyên nhân lực cũng như vật chất được sử dụng quy mô, có tổ chức thì kế hoạch ngũ niên thứ hai 1958-1963 sẽ thành công rực rỡ hơn. Do đó, Mao phát động phong trào “đại nhảy vọt” năm 1958. Thực hiện phong trào này, nhân dân được gom lại thành mấy chục ngàn công xã sinh hoạt giống như trong quân đội, ăn uống ở những nhà ăn tập thể, nhiều công xã còn có nhà ngủ công cộng. Nhân dân làm việc theo giờ, tổ chức thành các đội nông nghiệp, công nghiệp tự túc về sản xuất, hành chánh, kế toán. Cán bộ và đảng viên tăng cường huấn luyện và nhồi sọ quần chúng về chính trị. Đại nhảy vọt thất bại, mức sản xuất các ngành đều sa sút, lương thực bị thiếu hụt, kỹ nghệ ngưng trệ. Nhân dân mệt mỏi và bất mãn.

Người chỉ trích “đại nhảy vọt” là Bành Đức Hoài, bộ trưởng quốc phòng. Tại đại hội đảng ở Lư Sơn tháng 4-1959, Mao nhận trách nhiệm về những thất bại, từ chức chủ tịch Nhà Nước, nhưng vẫn giữ chức chủ tịch đảng. Lưu

⁽⁷³⁾ *Khuôn mẫu cho phong trào trăm hoa đua nở ở Việt Nam.*

Thiếu Kỳ được bầu lên thay chức chủ tịch Nhà Nước, nhưng Bành Đức Hoài bị mất chức rồi bị giam lỏng cho đến chết, nhường chỗ cho Lâm Bưu. Từ 1960 đến 1965, đảng Cộng Sản Trung Hoa dưới sự lãnh đạo của các phần tử ôn hoà như Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình thực hiện được các biện pháp cải cách. Trong sản xuất, hiệu năng được chú trọng hơn ý thức hệ, và tới năm 1965 thì kinh tế Trung Hoa hồi phục.

Tuy nhiên, Mao Trạch Đông không nằm yên trong bóng tối. Đối với Mao, biện pháp dùng quyền lợi vật chất khuyến khích công nhân và nông dân là thoái hoá, phản cách mạng, phản Mác xít. Mao thấy đảng Cộng Sản Trung Hoa đang đi trên con đường tư bản và cần có một cuộc cách mạng mới. Năm 1965, Mao đi một vòng chu du khắp nước để tìm hậu thuẫn, rồi trong một buổi họp Bộ Chính Trị, Mao tố cáo “*có những phần tử nắm quyền trong đảng đang đi theo con đường tư bản*”, và đề nghị phát động cuộc cách mạng văn hoá. Bộ Chính Trị đề cử một ủy ban năm người do Bành Chân, thị trưởng Bắc Kinh đứng đầu phụ trách việc này. Nhưng suốt năm nhóm này không làm gì cả. Tháng 11-1965, do Mao Trạch Đông khuyến khích, Diêu Văn Nguyên viết một bài gay gắt phê bình vở kịch đang được hoan nghênh “*Hải Thụy bị cách chức.*” Vở kịch do Ngô Hàm,⁽⁷⁴⁾ một phụ tá của Bành Chân, viết năm 1961. Nội dung là chuyện một vị quan chính trực nhà Minh, phản đối chính sách chiếm đoạt đất đai nông dân của bọn địa chủ và tham quan nên bị một bạo chúa cách chức. Vở kịch được phổ biến và hoan nghênh, nhưng cũng dễ khiến liên tưởng tới hoàn cảnh Bành Đức Hoài thời gian đại nhảy vọt. Sau bài phê bình, nhóm Bành Chân phản ứng bằng cách kiểm duyệt không cho phổ biến các bài của Diêu Văn Nguyên.

Mao Trạch Đông nhờ uy tín sẵn có và sự ủng hộ của

(74) Ngô Hàm sau đó bị bắt cùng với vợ. Cả hai đều chết trong tù.

Lâm Bru cùng nhóm Giang Thanh, với Trần Bá Đạt bí thư thành uỷ Thượng Hải, nên thành công trong việc cách chức Bành Chân, bắt giữ Chu Dương, người được coi như lãnh đạo văn nghệ ở Trung Hoa. Nhưng, trong nội bộ đảng, Mao không triệt hạ được Lưu Thiệu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Vì thế, Mao quay tìm sự ủng hộ của học sinh sinh viên. Được sách động, phong trào nổi loạn bắt đầu ở đại học Bắc Kinh và Thanh Hoa, sau đó lan ra khắp nước. Những học sinh này được gọi là hồng vệ binh, đeo băng vải đỏ ở tay, họp thành nhóm, mới đầu biểu tình, đập phá trường sở, bắt giữ, hành hung, hạ nhục các giáo sư và ban giám đốc. Sau đó, do sự đồng tình không can thiệp của công an, quân đội và bị tay chân của Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên, Trương Xuân Kiều⁽⁷⁵⁾ thúc đẩy, họ kéo đi đập phá các cơ sở đảng Cộng Sản, bắt giữ hạ nhục công chức, đảng viên. Đầu năm 1967, đến lượt chủ tịch nhà nước Lưu Thiệu Kỳ và tổng bí thư đảng Đặng Tiểu Bình bị thanh trừng.⁽⁷⁶⁾ Từ đó, Mao Trạch Đông hoàn toàn làm chủ tình thế.

Do tình hình quốc tế, Mao Trạch Đông phải chấm dứt tình trạng hỗn loạn gây ra bởi hồng vệ binh. Năm 1968, Liên Xô đem quân xâm lăng Tiệp Khắc, đồng thời tăng

⁽⁷⁵⁾ Bốn người này được gọi là lũ bốn tên hay tứ nhân bang, dự trù khi Mao chết, sẽ giành chính quyền với Giang Thanh là chủ tịch đảng, Vương Hồng Văn chủ tịch quốc hội, Trương Xuân Kiều thủ tướng và Diêu Văn Nguyên phó thủ tướng. Vương Hồng Văn xuất thân là nhân viên an ninh một công xưởng, Trương Xuân Kiều phóng viên báo chí ở Thượng Hải, Diêu Văn Nguyên phê bình văn nghệ. Nhóm này còn lôi cuốn được Trần Bá Đạt, bí thư thành uỷ Thượng Hải

⁽⁷⁶⁾ Lưu Thiệu Kỳ bị bắt và hành hạ chết. Lý lịch khi chết được ghi là “vô nghề nghiệp.” Chu Ân Lai và vợ là Đặng Dĩnh Châu may mắn không bị đầu tó, nhưng hai người không có con, nhận cô Sun Wei Shi làm con nuôi. Cô này là một nghệ sĩ có tài sắc nên bị Giang Thanh ghen ghét. Nhiều năm trước, Lâm Bru cũng thích nên câu hôn với cô nhưng bị cô từ chối. Vì thế Diệp Quân, vợ Lâm Bru cũng ghét. Cả hai đồng mưu thanh toán cô Sun Wei Shi trong Cách Mạng Văn Hóa. Vợ chồng Chu Ân Lai không làm gì được.

cường lực lượng ở biên giới Nga – Hoa. Mao ra lệnh cho Lâm Bưu đem quân đội tái lập trật tự. Hỗn loạn chấm dứt và các đối thủ của Mao bị loại trừ. Trong đại hội đảng lần thứ tư năm 1969, Lâm Bưu được đề cử chức phó chủ tịch đảng, trở nên nhân vật số hai, coi như sẽ kế nghiệp Mao Trạch Đông. Lúc đó, sau thời kỳ hỗn loạn, Mao Trạch Đông thấy Trung Hoa cần ổn định để phục hồi kinh tế nên đã không nhiệt tình ủng hộ nhóm quá khích Giang Thanh. Thời gian này, uy tín của Chu Ân Lai tăng dần vì ông ta được sự ủng hộ của đa số cán bộ trong đảng và quân đội. Phe quá khích bị tổn thất nặng năm 1971, khi Lâm Bưu, thấy mình bị mất dần ảnh hưởng trong đảng, trong quân đội, cũng như sự ủng hộ của Mao nên âm mưu đảo chánh. Cuộc đảo chánh thất bại, Lâm Bưu định trốn qua Liên Xô, nhưng bị tử nạn khi máy bay bị bắn hạ. Nhờ lý do đó, phe đảng Lâm Bưu bị loại trừ, nhiều người bị giáng cấp hay thanh trừng trong cuộc Cách Mạng Văn Hoá dần dần được phục hồi chức vụ. Với sự giúp đỡ của Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình được phục chức phó thủ tướng tháng 4-1973. Lúc đó, sau cuộc viếng thăm Bắc Kinh của tổng thống Nixon, Trung Hoa đã thân thiện hơn với Hoa kỳ.

Mất Lâm Bưu, mất hậu thuẫn quân đội, phe quá khích lập một lực lượng võ trang riêng, nhưng chỉ có sự ủng hộ của Thượng Hải. Cùng với Đặng Tiểu Bình, Chu Ân Lai đề ra chính sách “bốn hiện đại” — hiện đại hoá nông nghiệp, kỹ nghệ, quốc phòng và khoa học kỹ thuật. Kế hoạch này gián đoạn ngay do cái chết của Chu Ân Lai tháng 1-1976.

Cái chết của Chu Ân Lai mở đầu năm 1976 nhiều sóng gió trong lịch sử cộng đảng Trung Hoa. Mao Trạch Đông không ưa Đặng Tiểu Bình nhưng cũng không ủng hộ nhóm quá khích nên đã đề cử Hoa Quốc Phong, bộ trưởng An Ninh, một nhân vật ít người biết, làm quyền thủ tướng.

Năm 1976, sau khi Chu Ân Lai chết, Đặng Tiểu Bình bị thất thế, trong nội bộ đảng, phe quá khích lại nổi lên. Điều

này gây bất mãn cho dân chúng Bắc Kinh. Tháng 4-1976, nhân tiết thanh minh, hàng trăm ngàn người tụ họp ở Thiên An Môn, lấy cờ tưởng niệm Chu Ân Lai, nhưng để làm và nghe những bài thơ chống phe quá khích. Công an đàn áp mạnh. Mao Trạch Đông, do Giang Thanh xúi giục, đổ lỗi cho Đặng Tiểu Bình và áp lực bộ Chính Trị khai trừ Đặng Tiểu Bình lần thứ hai. Tháng 7-1976, đến lượt thống chế Chu Đức, người có công lớn nhất trong việc thành lập hồng quân cũng chết. Tháng 8, một trận động đất lớn xảy ra ở Đường Sơn, phá huỷ hết các cơ sở kỹ nghệ và gây thương vong cho năm trăm ngàn người. Cuối cùng, tháng 9-1976, đến lượt Mao Trạch Đông qua đời. Mao Trạch Đông chết để lại một khoảng trống, không có người kế vị chính thức. Hoa Quốc Phong tuy nắm quyền thủ tướng nhưng không có uy tín và ảnh hưởng trong nhân dân, trong đảng, trong quân đội. Chính quyền lúc ấy có hai phe. Phe thứ nhất của Giang Thanh nhấn mạnh đến sự quan trọng của sự thuần khiết ý thức hệ, quy tụ những cán bộ, đảng viên được cất nhắc trong cuộc Cách Mạng Văn Hoá. Phe thứ hai là liên minh lỏng lẻo những cấp chỉ huy quân đội, những chuyên viên kinh tế và cán bộ hành chánh. Thống chế Diệp Kiếm Anh đang nắm chức bộ trưởng quốc phòng đứng đầu phe này. Ông ta thuyết phục được Hoa Quốc Phong và Uông Đông Hưng, người chỉ huy biệt đội 8341, đơn vị bảo vệ an ninh cho trung ương đảng, hợp sức loại trừ phe quá khích.

Ngày 6-10-1976, biệt đội 8341 ra tay, bắt giữ “bè lũ bốn tên”, đồng thời binh lính thuộc đặc khu Bắc Kinh của Trần Tích Liên chiếm đóng tất cả cơ sở hoạt động của phe Giang Thanh. Để hoá giải sự chống đối của Thượng Hải, một căn cứ mạnh của “bè lũ bốn tên”, Hoa Quốc Phong trước đó đã triệu hội các cấp lãnh đạo đảng và quân đội Thượng Hải về họp. Mấy ngày sau, trung ương đảng Cộng Sản họp và bầu Hoa Quốc Phong làm chủ tịch đảng kiêm chủ tịch quân uỷ trung ương. Tuy ở ngôi vị cao và quan trọng, nhưng trong

đảng và quân đội, Hoa Quốc Phong không có ảnh hưởng và uy tín như Đặng Tiểu Bình. Để củng cố địa vị, Hoa Quốc Phong bắt đầu một chiến dịch tự đề cao. Báo chí gọi Hoa Quốc Phong là “*lãnh tụ sáng suốt, vị chỉ huy tài ba, người kế nghiệp xứng đáng của Mao chủ tịch.*” Đâu đâu cũng thấy hình Mao Trạch Đông cầm tay Hoa Quốc Phong với câu “*Có đồng chí, tôi yên tâm.*”

Mặt khác, Hoa Quốc Phong liên kết với những người không thuộc “bè lũ bốn tên”, nhưng từng theo Mao Trạch Đông chống Đặng Tiểu Bình như ủy viên an ninh trung ương đảng Ưông Đông Hưng, bí thư thành uỷ Bắc Kinh Vũ Đệ, tư lệnh quân khu Bắc Kinh Trần Tích Liên, phó thủ tướng Trần Hồng Quý... Một lần nữa, Diệp Kiếm Anh giữ vai trò quan trọng. Ông khuyên Đặng Tiểu Bình nhún nhường viết thư chúc mừng Hoa Quốc Phong đã dẹp được bè lũ bốn tên, ủng hộ Hoa trong chức vụ chủ tịch đảng và công nhận đã phạm vài lỗi lầm. Ngày 21-7-1977, trung ương Cộng đảng họp và Đặng Tiểu Bình được phục hồi các chức vụ cũ như ủy viên Bộ Chính Trị, phó chủ tịch quân uỷ trung ương và tham mưu trưởng.

Đặng Tiểu Bình bắt tay ngay vào việc củng cố địa vị. Nhờ vụ trưởng vụ Tổ Chức trung ương đảng Hồ Diệu Bang trợ lực, cán bộ, đảng viên bị thanh trừng được phục hồi đảng tịch và thăng chức. Người thuộc phe quá khích hay thân Mao bị loại dần. Trong đại hội đảng thứ XI cuối năm 1978, bốn người phe Đặng Tiểu Bình gồm Hồ Diệu Bang, Trần Vân, Vương Chân, Đặng Dĩnh Châu được bầu vào bộ Chính Trị. Hồ Diệu Bang ⁽⁷⁷⁾ làm tổng bí thư. Diệp Kiếm Anh thành chủ tịch Nhà Nước. Các đối thủ của Đặng Tiểu

⁽⁷⁷⁾Được Đặng Tiểu Bình nâng đỡ, làm tổng bí thư từ 1981 đến 1987, sau lại bị Đặng Tiểu Bình cùng phe bảo thủ loại trừ. Đám tang của ông đưa đến cuộc biểu tình Thiên An Môn của sinh viên. Từng đến thăm núi Phà Ca ở Lạng Sơn chiếm được của Việt Nam năm 1981.

Bình như Uông Đông Hưng, Vũ Đệ bị mất chức. Hoa Quốc Phong còn là chủ tịch đảng một thời gian nữa, nhưng bị đẩy lùi dần vào bóng tối. Phe Đặng Tiểu Bình nắm hết quyền hành, và trung ương đảng chấp thuận mọi chính sách của ông ta, trong đó có chính sách “bốn hiện đại”, chính sách mềm dẻo trong vấn đề Đài Loan, xích lại gần Hoa Kỳ, và xâm lăng giới hạn trừng phạt Việt Nam.

Một yếu tố quan trọng đưa đến đổi thay trong đường lối đối ngoại Trung Hoa là sự nứt rạn ngày càng trầm trọng của quan hệ Nga – Hoa. Sau chiến thắng của cộng sản Trung Hoa năm 1949, hai nước đã có quan hệ thân thiết, tương như kết hợp lực lượng chặt chẽ để mở rộng ảnh hưởng cộng sản khắp thế giới. Tháng 2-1950, cộng sản Trung Hoa đã ký với Liên Xô một hiệp ước liên minh ba mươi năm, ngoài mục đích cùng nhau phát triển kinh tế, còn để phòng thủ chống lại Hoa Kỳ và Nhật Bản. Cả hai đoàn kết hơn nữa trong cuộc chiến Triều Tiên.

Theo thời gian, mối quan hệ này dần dần lạnh nhạt.

Do mới chiếm đoạt chính quyền nên còn nhiều chủ quan và quá khích, cộng sản Trung Hoa tin rằng thế giới sẽ được giải phóng bằng đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng. Vì thế năm 1956, họ bất mãn khi Kroushchev công khai tuyên bố không còn coi chiến tranh giữa hai khối cộng sản và tư bản là quy luật tất yếu. Hai bên có thể sống chung hoà bình và phe cộng sản vẫn có thể giành thắng lợi bằng đấu tranh chính trị hay tranh cử nghị viện. Năm 1958, khi Trung Hoa mưu chiếm hai đảo Kim Môn, Mã Tổ thuộc Đài Loan, họ hy vọng Liên Xô giúp đỡ, nhưng chỉ nhận được sự thờ ơ. Trung Hoa càng bất mãn hơn khi Liên Xô thiên về Ấn Độ trong cuộc tranh chấp Ấn – Hoa năm 1959. Một năm trước, Trung Hoa phát động đại nhảy vọt, tiến lên xã hội chủ nghĩa không theo khuôn mẫu Liên Xô và Liên Xô đã coi đó như một thách đố địa vị đàn anh của mình trong khối cộng sản. Từ đó, Liên Xô gọi Trung Hoa là giáo điều,

chấm dứt viện trợ, còn Trung Hoa gọi Liên Xô là xét lại.

Năm 1962, hai quốc gia gần như thành thù nghịch khi Liên Xô đứng hẳn về phía Ấn Độ trong cuộc chiến biên giới Ấn – Hoa. Từ đó hai bên dần dần tăng cường quân đội ở biên giới. Trung Hoa bắt đầu coi Liên Xô như mối đe dọa chính kể từ 1968, khi Liên Xô đem quân vào Tiệp Khắc, lật đổ chính phủ cấp tiến Alexander Dubcek. Trung Hoa gọi đó là hành vi xâm lăng thô bạo, trong khi Liên Xô đề cao là “*chủ thuyết Brezhnev*” hay “*chủ thuyết quyền tự quyết giới hạn của những quốc gia xã hội chủ nghĩa*” theo đó trong trường hợp một quốc gia cộng sản bị đe dọa, những quốc gia cộng sản khác có nghĩa vụ đem quân can thiệp. Lý thuyết này biện minh cho hành động xâm lăng và Trung Hoa tự thấy có thể là mục tiêu kế tiếp. Một cuộc đụng độ lớn ở biên giới vào tháng 3-1969 càng khiến Trung Hoa không còn nghi ngờ về tham vọng bành trướng đất đai của Liên Xô. Vì thế dù quá khích như Mao Trạch Đông cũng phải chấp nhận chính sách xấp lại gần Hoa Kỳ.

Bang giao giữa hai nước càng suy đồi hơn sau năm 1975, khi Việt Nam không còn lợi dụng được cả hai quốc gia để nhận viện trợ nên ngả hẳn về phía Liên Xô, khiến Trung Hoa, dù không hoàn toàn tán trợ đường lối cai trị của Campuchia vẫn luôn đứng sau Campuchia trong cuộc chiến biên giới. Tháng 5-1978, khi tranh chấp Việt – Hoa căng thẳng, Liên Xô cho quân vượt biên giới Hắc Long Giang như để cảnh cáo Trung Hoa. Tuy sau đó Liên Xô xin lỗi, nhưng Trung Hoa không thể coi đó là hành động sơ ý.

Đối với Việt Nam, xích mích Nga – Hoa là con dao hai lưỡi. Khả năng hữu hiệu duy nhất của giới lãnh đạo Việt Nam là kêu gọi, lườm gạt và kiểm soát nhân dân để họ thất lưng buộc bụng và hy sinh chiến đấu. Vì thế trong cuộc chiến Đông Dương thứ hai, ngoài nhân lực, hầu hết tài nguyên kinh tế, vũ khí đều lệ thuộc khối cộng sản, và Việt Nam đã đứng trung lập trong cuộc tranh chấp Nga – Hoa để

có thể lợi dụng cả hai. Sau khi đạt chiến thắng, họ không thể một mình tự lập, mà phải dựa vào thế lực bên ngoài. Lúc này, họ không thể theo đuổi chính sách lưng chừng được nữa, và đã lựa chọn đứng về phe Liên Xô, nước cộng sản mạnh hơn, tân tiến hơn. Nhưng như thế, họ đã phô bày thái độ vô ơn và trở mặt với Trung Hoa, gây cảm phẫn trong nhân dân cũng như trong hàng ngũ lãnh đạo, kể cả phe ôn hoà lẫn phe quá khích, khiến cuộc chiến Đông Dương thứ ba xảy ra, gây cảnh tàn phá chết chóc mà gánh chịu vẫn chỉ là nhân dân Việt Nam.

Hồng quân Trung Hoa, hay quân đội nhân dân Trung Hoa được coi như thành lập sau cuộc nổi dậy mùa thu ở Nam Trung thất bại năm 1927, là kết hợp các toán quân lẻ tẻ của Chu Đức, Lâm Bưu, Mao Trạch Đông, Bành Đức Hoài. Sau chiến thắng năm 1949, các lộ quân và quân đoàn hồng quân được thống nhất thành quân đội quốc gia, chia ra chính quy, chủ lực quân khu, dân quân địa phương. Bộ tổng tham mưu cũng chia ra ba tổng cục : Tham Mưu, Chính Trị, Hậu Cần. Cách tổ chức này được Việt Nam lấy làm khuôn mẫu. Chiến thuật và chiến lược dựa theo chủ thuyết của Mao, gọi là “chiến tranh nhân dân”, “lấy nông thôn bao vây thành thị”, trái hẳn lý thuyết Lênin là chiếm chính quyền bằng cách vận dụng công nhân nổi loạn trong thành phố. Những chủ thuyết này được Việt Nam học tập, ghi trong điều lệ đảng Lao Động năm 1951 là “nền tảng tư tưởng.” Trong chiến tranh, Mao Trạch Đông ý thức được là Trung Hoa đất rộng, người đông nên chủ trương không giữ đất, không cần có căn cứ nhất định và cách thế thủ hay nhất là luôn cơ động và tấn công. Chiến thuật này dùng trong chiến tranh Quốc – Cộng để chiếm chính quyền của Tưởng Giới Thạch, và dự trù sẽ dùng nữa trong trường hợp Liên Xô đem quân xâm lăng.

Quân số Trung Hoa gồm chính quy và chủ lực, đông nhất trên thế giới với khoảng bốn triệu, trong đó hải quân

và không quân mỗi binh chủng có khoảng ba trăm ngàn. Hiện nay, lãnh thổ Trung Hoa chia thành bảy quân khu: Thẩm Dương sát biên giới Bắc Hàn gồm các tỉnh Hắc Long Giang, Liêu Ninh...; Bắc Kinh gồm Nội Mông, Bắc Kinh, Hà Bắc, Sơn Tây; Nam Kinh gồm Phúc Kiến, Giang Tây, Thượng Hải, An Huy...; Kiến An gồm Hà Nam, Sơn Đông; Quảng Châu gồm Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Bắc, Hồ Nam; Thành Đô gồm Vân Nam, Tứ Xuyên, Quý Châu, Tây Tạng và Lan Châu gồm Tân Cương, Thanh Hải... Mỗi quân khu có nhiều quân đoàn. Các quân đoàn 13, 14, 41, 42, 43, 54, 55... tham chiến ở Việt Nam thuộc các quân khu Thành Đô, Quảng Châu, Nam Kinh, Kiến An. Một số quân đoàn khác được biết đến là quân đoàn 27⁽⁷⁸⁾, 38, 65... thuộc quân khu Bắc Kinh, quân đoàn 16, 39, 40, 64... thuộc quân khu Thẩm Dương, quân đoàn 21, 28, 47... thuộc quân khu Lan Châu, quân đoàn 67, 20, 26... thuộc quân khu Kiến An, quân đoàn 1, 12, 31... thuộc quân khu Nam Kinh... Ngoài quân chính quy và chủ lực, Trung Hoa còn có bảy triệu dân quân. Tổng chỉ huy quân đội là chủ tịch quân uỷ trung ương, thường là chủ tịch đảng. Chức vụ này được Đặng Tiểu Bình kiêm nhiệm trong nhiều năm qua. Bộ tổng tham mưu trực tiếp chỉ huy lực lượng chính quy và vũ khí nguyên tử. Tư lệnh quân khu chỉ huy chủ lực và dân quân.

Về không quân, cuối thập niên 1970, Trung Hoa có 32 sư đoàn không quân chiến đấu và 12 sư đoàn oanh tạc. Các sư đoàn này được phối hợp thành những quân đoàn không quân (đệ tứ quân đoàn ở Thượng Hải, đệ ngũ quân đoàn ở Hàng Châu...) Mỗi sư đoàn có ba trung đoàn, mỗi trung đoàn có ba phi đội và mỗi phi đội có khoảng 12 phi cơ. Ngoài các đơn vị phòng không như 100 đơn vị tên lửa SAM với khoảng 10,000 súng phòng không, còn có những

⁽⁷⁸⁾ *Quân đoàn 27 nổi tiếng đã tàn sát sinh viên ở Thiên An Môn năm 1989, trong khi quân đoàn 30 từ chối.*

đơn vị radar, kiểm báo. Từ 1956, Trung Hoa đã có thể sản xuất Mig-15, Mig-17, Mig-19. Tuy số lượng nhiều, nhưng phi cơ cũng như vũ khí lúc đó không tối tân bằng vũ khí mà Liên Xô viện trợ cho Việt Nam. Vì thế trong trận chiến biên giới với Việt Nam, Trung Hoa đã tránh không dùng không quân. Từ 1979, họ mới bắt đầu gắn tên lửa không không lên phi cơ, và với sự giúp đỡ của Tây Phương, chế tạo loại máy bay chiến đấu mới F8, hay Tây An A, không theo khuôn mẫu Liên Xô.

Hải quân Trung Hoa đông hàng thứ ba trên thế giới, cũng tổ chức thành chính quy, chủ lực và dân quân. Chính quy chính gồm ba hạm đội Bắc Hải, Đông Hải và Nam Hải. Chủ lực quân khu gồm các tàu tuần duyên, còn dân quân chỉ là những thuyền nhỏ gắn súng máy. Những thuyền võ trang này có nhiệm vụ kiểm soát tàu đánh cá và tình báo. Hải quân Trung Hoa trong chiến tranh 1979 vẫn mang nặng tính phòng thủ. Vòng phòng thủ ngoài cùng duyên hải là khoảng một trăm tàu ngầm chạy bằng dầu cặn. Sau hàng rào phòng thủ này tới những máy bay tuần duyên và pháo hạm gắn tên lửa Styx hay đại bác 130 ly. Chọc thủng được tuyến này sẽ gặp những tàu phóng thủy lôi.

Ngoài hải quân, không quân, Trung Hoa có một số vũ khí nguyên tử, nhưng khoảng năm 1979, đầu đạn phóng đi chưa được xa và chính xác lắm.⁽⁷⁹⁾ Tuy quân số đông, số lượng phi cơ tàu chiến nhiều, nhưng chưa được tối tân nên lực lượng quân sự Trung Hoa năm 1979 chủ yếu là phòng thủ, chỉ có thể phát động các cuộc tấn công giới hạn gần

(79) Từ cuối thập niên 1980, do chính sách mở cửa của Đặng Tiểu Bình, kinh tế Trung Hoa nhanh chóng gia tăng. Nhờ đó, hải quân Trung Hoa cũng phát triển. Trung Hoa đã tiến thêm một bước từ cận duyên đến viễn dương phòng thủ, và giấc mơ của Lưu Hòa Thanh, tư lệnh hải quân Trung Hoa năm 1986 thành sự thật khi Trung Hoa có một hàng không mẫu hạm (dù là tàu mua lại để tân trang), bắt đầu hoạt động cuối năm 2012 mà mục tiêu uy hiếp đầu tiên vẫn là Việt Nam.

biên giới như Ấn Độ, Triều Tiên, Việt Nam...

Do các biến động chính trị, quân đội Trung Hoa suốt thập niên 1970 không có điều kiện hiện đại hoá. Các cấp chỉ huy từ trung đoàn trưởng trở xuống chưa từng tham gia chiến trường thực sự. Binh sĩ cũng kém thao dượt. Phương tiện tiếp vận, truyền tin còn thô sơ. Trong cuộc chiến với Việt Nam, Trung Hoa bị tổn thất nặng, nhưng nhờ đó, họ thấy được khuyết điểm. Với đà phát triển kinh tế hiện nay, quân đội Trung Hoa đã có điều kiện canh tân. Thêm nữa nhờ bang giao Nga – Hoa đã hoà dịu nên mới đây, Trung Hoa đã mua được của Nga nhiều máy bay và tàu chiến tối tân và dự định đóng một hàng không mẫu hạm. Với tiềm năng nhân lực và kinh tế tài chánh như thế, với khuynh hướng bành trướng lâu đời, Trung Hoa sẽ có thể trở nên mối đe dọa cho toàn vùng Đông Á, trực tiếp nhất là cho Việt Nam, nhất là khi Việt Nam còn bị cai trị bởi những lãnh tụ thiên cận và mù quáng.

THAM KHẢO :

- *China, a country history,*
Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ xuất bản.
- *Conspiracy and death of Lin Biao, Yao Mang Le.*
- *Brother Enemy, Nayan Chanda*
- *Quelling the People, Timothy Brook.*

● CHƯƠNG 12

Mục tiêu và sách lược chiến tranh của Trung Hoa.

Đường lối thân Liên Xô và thái độ thách đố uy tín Trung Hoa qua chính sách đối với Hoa kiều của Việt Nam cùng việc tấn công, chiếm đóng Campuchia khiến Trung Hoa thấy bị mất mặt, cần cho Việt Nam “một bài học.” Với Trung Hoa, au khi đã đổ hai mươi tỷ mỹ kim viện trợ cho Việt Nam, sự trở mặt của Việt Nam rõ ràng là hành động phản bội thô bạo. Do đó, tấn công trừng phạt Việt Nam đã được sự đồng tình của các cấp lãnh đạo trung ương Cộng đảng Trung Hoa, kể cả phần tử ôn hoà như Hứa Thế Hữu, tư lệnh quân khu Quảng Châu, trong Cách Mạng Văn Hoá bị hồng vệ binh tố cáo, sách nhiễu vẫn cố lo cho các chuyến tàu viện trợ vũ khí cho Bắc Việt thông suốt.

Trung Hoa ngưng viện trợ kinh tế cho Việt Nam để trừng phạt. Việt Nam liền gia nhập khối Comecon, liên minh quân sự với Liên Xô, rồi tấn công Campuchia.

Tới đây, Trung Hoa nghĩ tới biện pháp quân sự.

Cuối năm 1978, biện pháp quân sự được thảo luận và chấp thuận sau nhiều buổi họp liên tiếp của trung ương Cộng đảng Trung Hoa. Trong các buổi họp này, nhiều biện pháp được đưa ra, như Ưông Đông Hưng đề nghị đem quân trực tiếp tham chiến ở Campuchia, Hứa Thế Hữu tư lệnh quân khu Quảng Châu đề nghị ào ạt xâm lăng Việt Nam, trong khi chính uỷ hải quân đề nghị đưa hạm đội Đông Hải

xuông vịnh Thái Lan yểm trợ Campuchia. Cuối cùng trung ương đảng chấp thuận kế hoạch “phản công tự vệ giới hạn” của Đặng Tiểu Bình với các mục tiêu cụ thể :

— Thứ nhất, làm suy yếu tiềm năng quân sự, nhân sự và kinh tế của Việt Nam, trừng phạt một đàn em phản bội, lấy lại uy tín nước lớn.

— Thứ hai, đoàn kết nội bộ trước nguy cơ bị đe dọa từ cả biên giới phía bắc lẫn phía nam.

— Thứ ba, chứng tỏ cho thế giới, nhất là Hoa Kỳ, biết Liên Xô chỉ là “con gấu giấy”, khi Trung Hoa dám thách đố liên minh quân sự Việt – Xô.

Lợi dụng quân số đông hơn gấp bội, số lượng vũ khí dồi dào, Trung Hoa dự định hành quân chớp nhoáng, chiếm một số thị xã dọc biên giới để một mặt, phân tán lực lượng Việt Nam, buộc Việt Nam phải rút quân từ Campuchia về. Mặt khác, nếu có thể, dùng những đất đai chiếm đóng làm điều kiện trao đổi với Việt Nam. Điều này giải thích lý do quân Trung Hoa chờ tới sát ngày rút quân, không thấy hy vọng thương thuyết, mới đặt chất nổ san bằng các thị xã chiếm đóng. Chiến thắng quân sự chớp nhoáng sẽ đập tan huyền thoại chiến đấu của quân đội Việt Nam, thoả mãn tinh thần tự cao “Đại Hán”, nâng cao uy tín Trung Hoa.

Dùng quân sự đối phó với Việt Nam khi Việt Nam vừa liên minh quân sự với Liên Xô là việc liều lĩnh nhưng có tính toán. Chấp nhận hậu quả có thể xảy ra nếu Liên Xô trả đũa, Trung Hoa muốn cho Liên Xô biết quyết tâm không để bị bao vây, đồng thời cũng cho các nước Đông Nam Á thấy có thể tin cậy Trung Hoa ngăn chặn tham vọng của Việt Nam. Uy tín nước lớn Trung Hoa đối với Hoa kiều hải ngoại cũng như tự ái dân tộc Trung Hoa được vượt ve khi thấy Trung Hoa dám đương đầu với một siêu cường.

Khác với Việt Nam, tấn công Campuchia vì lý do quân sự và an ninh quốc gia, cuộc tấn công của Trung Hoa nhằm mục tiêu chính trị và ngoại giao nhiều hơn. Vì thế trung

ương Cộng đảng Trung Hoa đã chấp nhận kế hoạch tấn công giới hạn của Đặng Tiểu Bình.

Trước hết vì Việt Nam là một địch thủ đáng ngại, Trung Hoa khó chịu đựng nổi một cuộc chiến quy mô và lâu dài mà không gây trở ngại cho chính sách “bốn hiện đại”. Thứ hai, một cuộc tấn công giới hạn, nhanh chóng sẽ không tạo phản ứng bất lợi trong dư luận thế giới, hay một cuộc tấn công trả đũa từ Liên Xô. Liên Xô lúc đó đang ở tình trạng kinh tế khó khăn, không muốn làm mất lòng Hoa Kỳ, và càng không muốn đẩy Hoa Kỳ vào thế liên minh với Trung Hoa, nên cũng lắm chỉ có thể tấn công giới hạn vào biên giới để giúp Việt Nam và để đỡ mất mặt. Trường hợp đó, với quân số đông đảo, Trung Hoa tự tin có đủ sức đối phó trong cuộc chiến cổ điển. Tuy thế, Trung Hoa vẫn cố tránh đương đầu trực tiếp với Liên Xô. Cho nên, dù tiến hành chiến tranh với Việt Nam, Trung Hoa vẫn duy trì các cuộc hội đàm với Liên Xô về rắc rối biên giới như để nhắc Liên Xô rằng cuộc chiến Việt – Hoa là vấn đề riêng biệt, không ảnh hưởng đến việc cải thiện bang giao hai nước. Ngoài ra, để Liên Xô không bị bất ngờ, có thể hành động trả đũa tai hại, Trung Hoa công khai báo trước về cuộc tấn công và đặc biệt nhấn mạnh mục đích chỉ để trừng phạt những vi phạm biên giới của Việt Nam, và quy mô tấn công giới hạn. Đài phát thanh Bắc Kinh loan báo *“Chúng tôi không muốn một tấc đất của Việt Nam. Sau khi đã phản công trả đũa Việt Nam một cách thích đáng, quân đội biên phòng sẽ rút về bảo vệ biên giới quốc gia.”* Trung Hoa cũng gián tiếp cho biết sẽ không tấn công Hà Nội, không tiến quân về châu thổ sông Hồng, và trong cuộc chiến, đã cẩn thận không oanh tạc các cơ sở tiếp vận, truyền tin mà Liên Xô mới viện trợ cho Việt Nam.

Hành động công khai báo trước đó cũng để chuẩn bị dư luận thế giới, nhất là Hoa Kỳ và khối ASEAN. Đặng Tiểu Bình đã nói thẳng về ý định tấn công với thủ tướng Thái

Lan Kriangsak, thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu trong dịp viếng các nước trong vùng cuối năm 1978, trước khi Việt Nam xâm lăng Campuchia. Hai tháng sau, dịp thăm Hoa Kỳ và trong cuộc họp với hội đồng an ninh thu hẹp gồm tổng thống Carter, phó tổng thống Mondale, ngoại trưởng Vance, bộ trưởng Quốc Phòng Brown và cố vấn an ninh Brzezinski, Đặng Tiểu Bình báo cho Hoa Kỳ biết Trung Hoa sẽ tấn công Việt Nam. Ông bảo đảm cuộc tấn công sẽ giới hạn và nhanh chóng. Điều ông mong là có được sự hỗ trợ về tinh thần từ phía Hoa Kỳ.

Bị giằng co giữa thái độ quá khích của Brzezinski và sự thận trọng của Vance, cũng như giữa bản chất hiếu hoà của một tín đồ ngoan đạo với ý muốn là một nhà lãnh đạo cương quyết, tổng thống Carter đã phản ứng lưng chừng trước ý định của Trung Hoa. Tại cuộc họp riêng giữa hai



Liên hoan đón chào quân Liên Xô đến Cam Ranh với biểu ngữ "Tình hữu nghị Việt Nam - Liên Xô đời đời bất diệt". Chỉ mấy năm sau, Liên Xô đã thành Liên Bang Nga.

người, ông khuyên Trung Hoa không nên có hành động xâm lược, nhưng không hề nói hành động đó có thể gây phương hại đến quan hệ ngoại giao vừa thiết lập giữa hai nước. Trong khi đó, Đặng Tiểu Bình được sự ủng hộ của các lãnh tụ quốc hội. Chủ tịch Hạ Viện Tip O'Neil tuyên bố nếu hành động phiêu lưu của Việt Nam không được ngăn chặn từ đầu sẽ có thể đưa tới thế chiến thứ ba, tương tự trường hợp Nhật Bản xâm lăng Mãn Châu năm 1931.

Chuyến thăm Hoa Kỳ của Đặng Tiểu Bình hoàn toàn thành công. Hai tuần sau, ngay trước khi Trung Hoa tấn công, đại sứ Hoa Kỳ Malcolm Toon kín đáo khuyến cáo ngoại trưởng Gromyko là Liên Xô nên tự chế nếu Trung Hoa tấn công Việt Nam để khỏi ảnh hưởng đến việc quốc hội Hoa Kỳ thông qua thoả ước SALT với Liên Xô.

Tuy đã trấn an dư luận thế giới và Liên Xô về cuộc tấn công giới hạn và được Hoa Kỳ làm ngơ đồng tình, Trung Hoa vẫn quan tâm đến sự có mặt của hơn 40 sư đoàn Liên Xô đóng dọc theo biên giới. Theo hiệp ước liên minh với Việt Nam, Liên Xô có lý do và có nhiều biện pháp trả đũa, thí dụ dùng vũ khí nguyên tử tàn phá các cơ sở kỹ nghệ, quân sự trong nội địa Trung Hoa, hoặc ào ạt tấn công xâm lăng Trung Hoa. Đặng Tiểu Bình đã tính toán là cùng lắm Liên Xô sẽ tấn công giới hạn vào vùng biên giới như Tân Cương, Hắc Long Giang. Với quân số đông, đất đai rộng, địa thế hiểm trở, Trung Hoa tin có thể đối phó. Trung Hoa cũng tin Liên Xô sẽ không vì Việt Nam mà sử dụng vũ khí nguyên tử hay bị cuốn vào một cuộc chiến kéo dài và tiêu hao. Ngoài ra, do e ngại khối NATO ở phía tây, Liên Xô sẽ không thể sử dụng binh lực như ý muốn ở phía đông. Mặt khác, Trung Hoa cũng hẳn tiếng sẽ sẵn sàng đem quân vượt biên giới tấn công trả đũa. Với một biên giới dài hơn bảy ngàn cây số, 40 sư đoàn Liên Xô không thể ngăn chặn hết. Trung Hoa loại bỏ hiểm hoạ bị tấn công bằng vũ khí nguyên tử vì điều đó có thể kéo theo sự can thiệp của Hoa

Kỳ và đưa đến thế chiến thứ ba. Và lại, những đầu đạn nguyên tử Trung Hoa tuy chưa chính xác lắm, nhưng cũng sẽ gây tác hại nghiêm trọng cho nhiều đô thị Liên Xô.

Cuối cùng, để kịp đối phó với mọi trường hợp có thể xảy ra, cùng lúc với sự thành lập bộ tư lệnh mặt trận phía nam do Hứa Thế Hữu chỉ huy, Trung Hoa thành lập bộ tư lệnh mặt trận phía bắc do Li Desheng, tư lệnh quân khu Thẩm Dương, làm tư lệnh để thống nhất chỉ huy các quân khu Tân Cương, Lan Châu, Bắc Kinh, Thẩm Dương, Hắc Long Giang, đề phòng Liên Xô tấn công trả đũa ở phía bắc.

Vì cố ý báo trước về hành động xâm lăng của mình, Trung Hoa dùng cả hai phương tiện ngoại giao và truyền thông. Bộ Ngoại Giao Trung Hoa cũng như tờ Nhân Dân Nhật Báo liên tiếp đưa ra những lời phản kháng và cảnh cáo. Lời cảnh cáo đầu tiên đưa ra ngày 7-11-1978, khi bộ Ngoại Giao Trung Hoa tố cáo Việt Nam cho quân vượt biên giới gây thương vong cho mười hai thường dân, và khuyến cáo Việt Nam chấm dứt hành động gây hấn. Lời cảnh cáo thứ hai đưa ra ngày 13-12-1978, cảnh cáo nhà cầm quyền Việt Nam nên biết *“sự tự chế của Trung Hoa chỉ có giới hạn, và nếu Việt Nam tiếp tục xâm phạm lãnh thổ và chủ quyền Trung Hoa, họ sẽ phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả”*. Sau khi Phnom Penh bị mất, bài bình luận của tờ Nhân Dân Nhật Báo viết *“Sự thất thủ Phnom Penh không có nghĩa là chiến tranh chấm dứt mà chỉ là khởi đầu.”* Càng gần ngày tấn công, lời cảnh cáo càng dồn dập vào những ngày 18-1, rồi ngày 10 và 16-2-1979.

Các tín hiệu Trung Hoa gửi đi đã được Liên Xô ghi nhận. Ngày 6-2-1979, thủ tướng Kosygin nhận xét là lời tuyên bố của Đặng Tiểu Bình tại Hoa Kỳ được coi như một sự tuyên chiến với Việt Nam. Dĩ nhiên, khi phản kháng, Trung Hoa không thể công khai nêu lý do bị xúc phạm, cũng không thể lấy lý do Campuchia bị xâm lăng mà đổ lỗi cho Việt Nam hành động khiêu khích ở biên giới.

Về đối nội, khác với thời chiến tranh Triều Tiên hay chiến tranh tại eo biển Đài Loan, lần này chính phủ Trung Hoa cố không làm rầm rộ. Lý do là lúc đó Trung Hoa đang ở giai đoạn chính trị nội bộ tế nhị, thứ hai là chính quyền không muốn nhận lỗi lầm đã hết lòng viện trợ cho Việt Nam để giờ đây bị bội phản, và thứ ba là Trung Hoa cũng lo ngại về những hậu quả có thể xảy ra do cuộc tấn công. Do đó, không thấy có các cuộc biểu tình chống Việt Nam. Báo chí, đài phát thanh cũng đặt tin tức và các bài tuyên truyền về cuộc chiến xuống hàng thứ yếu. Họ gọi cuộc chiến đó là “*chiến tranh tự vệ chống trả Việt Nam — đối Việt tự vệ hoàn kích chiến.*” Nhân dân Trung Hoa được khuyến cáo nên yên tâm lao động, tăng gia sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ trong mục tiêu “bốn hiện đại.” Trung Hoa cũng không nêu rõ mục tiêu, chỉ nói mù mờ là cuộc tấn công giới hạn về thời gian và quy mô để nếu gặp khó khăn, có thể ngừng và rút quân bất cứ lúc nào mà vẫn tuyên bố được là đã đạt mục đích. Họ cũng chuẩn bị cuộc tấn công rất kỹ lưỡng, qua việc các dân tộc thiểu số ở biên giới được khuyến dụ, mua chuộc. Người gốc Hoa được tuyển làm hướng đạo. Họ còn ve vãn ông hoàng Sihanouk, liên lạc với các chính khách lưu vong Khong Le, Vang Pao của Lào, nhằm gây khó khăn thêm cho Hà Nội. Ít ngày trước khi tấn công, họ ngưng cung cấp dầu hoả cho Việt Nam.

Khi chuẩn bị xong về quân sự, chính trị và ngoại giao, thời điểm tấn công được lựa chọn. Quân Trung Hoa phải tấn công gấp rút để hoàn thành trước tháng 4, vì tháng đó, mùa mưa ở vùng biên giới Việt – Hoa bắt đầu, sẽ gây khó cho vấn đề tiếp vận. Đồng thời, cũng tháng đó, băng tuyết trên biên giới Nga – Hoa lại tan hết, tạo điều kiện thuận lợi cho Liên Xô nếu họ quyết định tấn công giúp đỡ Việt Nam. Mới đầu, cuộc tấn công dự trù giữa tháng 1-1979, nhưng sau khi quân ủy trung ương gửi Dương Dũng (Yang Yong, tổng tham mưu phó) và Trương Chân (Zhang Zhen, tổng

cục trưởng Hậu Cần) tới Vân Nam và Quảng Tây kiểm tra, hai người này đã đề nghị dời ngày lại một tháng. Cuối cùng, thời điểm tấn công được quyết định là thứ bảy 17-2-1979. Thứ bảy là ngày các hãng thông tấn và truyền hình Hoa Kỳ, Tây Âu ít làm việc, dân chúng đang nghỉ cuối tuần, cuộc xâm lăng của Trung Hoa sẽ không gây phản ứng mạnh trong dư luận thế giới. Hơn nữa, đó cũng là thời gian không ngờ, vì sau hơn 17 năm bất hoà và tranh chấp, ngoại trưởng Ấn Độ Vajpayee đang thăm thân hữu Trung Hoa. Để có được yếu tố bất ngờ, Trung Hoa đành hy sinh sự cải thiện bang giao với Ấn Độ. Như dự đoán, ngay sau khi nghe tin quân Trung Hoa tấn công, ngoại trưởng Ấn Độ chấm dứt ngay cuộc viếng thăm, bay trở về Ấn Độ. Tuy nhiên, Phạm Văn Đồng vẫn tiếp tục công du Phnom Penh, và một viên chức Hoa Kỳ, bộ trưởng Tài Chánh Blumenthal tiếp tục công tác ở Bắc Kinh. Sự hiện diện của Blumenthal, cũng như hàng không mẫu hạm Constellation của Hoa Kỳ ở ngoài khơi biển Đông khiến Liên Xô mơ hồ về lập trường và thái độ của Hoa Kỳ.

Xếp đặt xong mọi chi tiết, mờ sáng ngày 17-2-1979, hơn tám chục ngàn quân Trung Hoa vượt biên giới Việt – Hoa, bắt đầu một bài học đắt giá cho cả hai bên.

THAM KHẢO :

- *Brother Enemy, Nayan Chanda.*
- *The Sino-Vietnamese Border War: China motives, calculations and strategies, Herbert Yee.*
- *Giọt Nước Trong Biển Cả, Hoàng Văn Hoan.*
- *China's 1979 War With Vietnam : A reassessment, Xiaoming Zhang.*
- *China's War with Vietnam 1979, King C. Chen.*

● CHƯƠNG 13

Trận chiến biên giới Việt – Hoa 1979.

Ngày thứ bảy 17-2-1979, lúc 3 giờ 30 sáng, pháo binh quân đội Trung Hoa bắt đầu pháo kích ào ạt những vị trí quân sự các quận Tiên Lĩnh, Hà Quảng tỉnh Cao Bằng, mở đầu cuộc tấn công quy mô trên chiến tuyến dài hơn một ngàn cây số dọc theo biên giới Việt – Hoa từ Lai Châu đến Móng Cái.

Về địa thế, lãnh thổ Việt Nam dọc theo biên giới có thể chia làm hai vùng. Vùng lãnh thổ tây bắc gồm các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang tới Cao Bằng giáp với Vân Nam, Quảng Tây của Trung Hoa là vùng đất hiểm trở, núi non trùng điệp với rừng Fansipang từ Tây Tạng qua Vân Nam, chiếm ba phần tư lãnh thổ phía tây Bắc Việt, kéo dài đến dãy Trường Sơn. Trục lộ giao thông chính của vùng này là con đường nối Côn Minh thủ phủ Vân Nam qua Mông Tự, vượt biên giới ở Lào Cai, xuôi quốc lộ 2 dọc theo thung lũng sông Hồng về Hà Nội. Vùng lãnh thổ đông bắc chạy từ Cao Bằng tới Lạng Sơn, Móng Cái giáp Quảng Đông tương đối bằng phẳng, ít núi non, đường xá thuận tiện, dân cư đông đảo phồn thịnh. Trục lộ chính là con đường từ Nam Ninh qua ải Nam Quan thuộc Lạng Sơn, theo quốc lộ 1 theo châu thổ sông Hồng về Hà Nội.

Sống dọc theo biên giới là những sắc dân thiểu số. Ở Sơn La có sắc dân Thái đen, ở Lai Châu có sắc dân Thái trắng. Vùng Lào Cai là người Mèo, người Mán, vùng Thái

Nguyên, Cao Bằng là người Tày, Thổ, vùng Móng Cái là người Nùng. Những sắc dân thiểu số này không bao giờ có được sự tin cậy của chính quyền cả hai nước. Trong lịch sử, mỗi khi có dịp là họ lại nổi lên chống lại sự cai trị của cả Trung Hoa lẫn Việt Nam, chẳng hạn năm 1041, Nùng Trí Cao nổi lên chống lại nhà Lý rồi sau đó chạy sang Trung Hoa, chống lại nhà Tống. Trong cuộc chiến Đông Dương thứ nhất, người Pháp đã lôi kéo được các sắc dân này chống lại Việt Minh, trong đó có những tù trưởng Đèo Văn An, Đèo Văn Long (người Thái), Châu Quản Lộ (người Mán), Vòng A Sáng (người Nùng)...Chỉ người Tày và Thổ là hợp tác với Việt Minh, có lẽ vì ở ngay căn cứ địa cộng sản. Nổi bật trong số lãnh tụ người Tày, ngoài Hoàng Văn Thụ đã chết, là Chu Văn Tấn, trước là châu đoàn coi lính đồng cho Pháp, sau theo Việt Minh. Để lấy lòng các sắc dân thiểu số, Chu Văn Tấn được Hồ Chí Minh đề cử làm bộ trưởng Quốc Phòng trong chính phủ Việt Minh đầu tiên năm 1945. Nhưng chỉ mấy tháng sau, ông ta bị Võ Nguyên Giáp thay thế. Sau 1954, Chu Văn Tấn được thăng quân hàm thượng tướng, giữ chức phó chủ tịch quốc hội, rồi tư lệnh kiêm chính ủy quân khu I. Năm 1977, khi bang giao Việt – Hoa căng thẳng thì Chu Văn Tấn cùng Lê Quảng Ba, Lý Ban đều người Tày bị mất chức, bị bắt giam. Chu Văn Tấn chỉ được thả ra khi sắp chết. Chu Văn Tấn mất chức không vì có hành động phản nghịch mà vì uy tín ở vùng biên giới quá lớn, và có liên hệ họ hàng chằng chịt với người Tày bên kia biên giới. Chính quyền Việt Nam sợ Chu Văn Tấn cũng như Lê Quảng Ba có thể bị Trung Hoa khuyến dụ để nổi lên đòi tự trị, còn Lý Ban, tên thật Bùi Công Quan, tuy vào đảng Cộng Sản Đông Dương từ 1930, nhưng cũng vào đảng Cộng Sản Trung Hoa năm 1934.

Trong lịch sử chiến tranh Việt – Hoa, Lạng Sơn luôn là vị trí chiến lược chủ yếu và hướng tấn công chính của Trung Hoa, vì địa thế ở đó là vùng đồng bằng. Chiếm được

Lạng Sơn là chiếm được cửa ngõ châu thổ sông Hồng, và chỉ còn một trăm năm mươi cây số dọc quốc lộ 1 là tới Hà Nội. Từ nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, nhà Thanh đều kéo quân qua Lạng Sơn. Ngay cả Lý Thường Kiệt khi đem quân đánh Tống năm 1075, cũng qua ngã Lạng Sơn, rồi từ đó, cùng phó tướng Tôn Đản đánh phá châu Khâm, châu Liêm và chiếm châu Ung (Nam Ninh hiện nay).

Sau Lạng Sơn, Lào Cai là cửa ngõ thông thương quan trọng thứ hai. Giữa vùng rừng núi bao la hiểm trở dọc biên giới tây bắc, chỉ có một trục lộ từ Côn Minh qua Lào Cai theo thung lũng sông Hồng về Hà Nội. Đó là con đường độc đạo gập ghềnh qua dải Hoàng Liên Sơn, rất dễ bị phục kích, nên khi quân Minh và quân Thanh đánh Việt Nam, Lào Cai chỉ là hướng phụ. Riêng quân Nguyên không qua Lào Cai mà dùng thủy quân từ Nghệ An đánh lên.

Sau khi Pháp đến Việt Nam, nhờ đường xá phát triển, Cao Bằng ngày càng trở nên bàn đạp quan trọng tiến về trung châu. Từ Cao Bằng, có quốc lộ 3 qua Thái Nguyên về Hà Nội và quốc lộ 4 từ Cao Bằng chạy song song với biên giới Việt – Hoa qua Lạng Sơn tới Móng Cái đặc biệt quan trọng về quân sự. Chính tại quốc lộ 4 này, chiến dịch biên giới năm 1950 đánh dấu sự hợp tác thân thiết giữa hai đảng cộng sản Việt – Hoa. Hai mươi chín năm sau, “*tình nghĩa vô sản quốc tế trong sáng*” biến thành thù nghịch. Địa danh Cao Bằng, Lạng Sơn, Đông Khê, Thất Khê trở nên chiến trường. Các đơn vị chính quy từng do Trung Hoa giúp huấn luyện và trang bị trở nên mục tiêu mà Trung Hoa muốn tiêu diệt, và tướng Vi Quốc Thanh, ân nhân của Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp năm 1950, năm 1979 đã 72 tuổi, giữ chức chủ nhiệm tổng cục Chính Trị hồng quân, là người quyết tâm nhất muốn dạy cho Việt Nam “một bài học.”

Ngoài các vị trí Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, từ biên giới Lai Châu có quốc lộ 6 đi về Hà Nội là con đường độc đạo giữa vùng núi hiểm trở cao hơn hai ngàn thước, khó đi

chuyên vũ khí nặng cũng như tiếp liệu nên hướng tấn công của Trung Hoa tại Lai Châu không đáng kể.

Ngoài ra, sườn phía tây Bắc Việt giáp Lào có một cửa ngõ quan trọng là con đường từ Phong Saly theo sông Nậm Na qua thung lũng Điện Biên Phủ, về Hoà Bình không vướng các dãy núi gập ghềnh của tỉnh Lai Châu. Sau năm 1975, Trung Hoa đã giúp Lào xây dựng con đường từ Vân Nam xuống Phong Saly. Năm 1979, bộ trưởng thông tin Lào Sisana Sisane tố cáo Trung Hoa cố tình làm đường lệch sang biên giới Việt Nam, và khi chiến cuộc Việt – Hoa bùng nổ, các sư đoàn 306, 968... của Việt Nam đang đóng tại Lào đã dồn lên phòng thủ biên giới phía bắc Lào.

Sáng 17-2-1979, quân Trung Hoa tấn công tổng cộng 39 mục tiêu dọc biên giới, trong đó 26 mục tiêu bị tấn công từ cấp tiểu đoàn trở lên. Riêng Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai bị tấn công cấp sư đoàn. Tổng cộng quân số Trung Hoa vượt biên giới ngày đầu chiến dịch khoảng tám chục ngàn. Con số này tăng dần tới ngày cuối chiến dịch lên trên một trăm năm chục ngàn. Đó là không kể mấy trăm ngàn binh sĩ giữ nhiệm vụ yểm trợ hay trừ bị phía sau.

Chỉ huy tổng quát mặt trận là Hứa Thế Hữu,⁽⁸⁰⁾ ủy viên trung ương đảng kiêm tư lệnh quân khu Quảng Châu (gồm Quảng Đông và Quảng Tây), người đã che chở cho Đặng Tiểu Bình trong thời gian bị thanh trừng.

Hứa Thế Hữu đặt bộ tư lệnh mặt trận ở Nam Ninh. Phụ tá cho Hứa Thế Hữu là Dương Đắc Chí, từng nổi danh khi phụ tá cho Bành Đức Hoài trong cuộc chiến Triều Tiên. Để sửa soạn tham gia trận tấn công Việt Nam, Dương Đắc Chí đang là tư lệnh quân khu ở Vũ Hán được cử xuống làm tư

⁽⁸⁰⁾ Sau năm 1979, bị báo chí cộng sản Việt Nam tố cáo có nhiều hành vi dã man trong trận chiến xâm lược. Nhưng ngày 19/9/2008, báo Hà Nội Mới, tiếng nói của thành ủy Hà Nội, cùng các tờ Lao Động, Tin Tức lại dịch đăng bài “Thu Phục Tướng Tài”, ca tụng Hứa Thế Hữu là tài ba, cương trực, anh dũng, võ nghệ siêu quần và tưu lượng vô song.

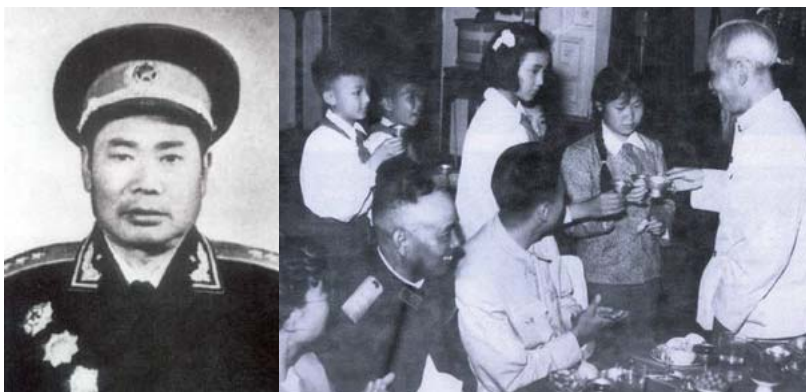
lệnh quân khu Tây Nam gồm Vân Nam, Quý Châu thay thế cho Vương Tất Thành. Những ngày đầu, Hứa Thế Hữu trực tiếp chỉ huy mặt trận phía đông (Quảng Đông và Quảng Tây) tấn công Cao Bằng, Lạng Sơn, còn Dương Đắc Chí chỉ huy mặt trận phía Tây, tiến quân từ Vân Nam tấn công Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang.⁽⁸¹⁾

Tấn công Việt Nam, Trung Hoa huy động nhiều quân đoàn từ nhiều quân khu.

Mặt trận phía đông của Hứa Thế Hữu gồm các quân đoàn 41, 55 (thuộc quân khu Quảng Đông), 42 (Quảng Tây), 43, 54 (Hồ Nam) tấn công Lạng Sơn, Cao Bằng.

Mặt trận phía tây do Dương Đắc Chí chỉ huy gồm quân đoàn 11 (Vân Nam) tấn công Lai Châu, hai quân đoàn 13 (Vân Nam), 14 (Thành Đô) tấn công Lào Cai.

Phía Việt Nam, phòng thủ biên giới là trách nhiệm của các quân khu I, II, III. Tư lệnh quân khu I là Đàm Quang Trung, người Tày, được cử thay Chu Văn Tấn. Đàm Quang



Dương Đắc Chí

Hồ Chí Minh và gia đình Hứa Thế Hữu.

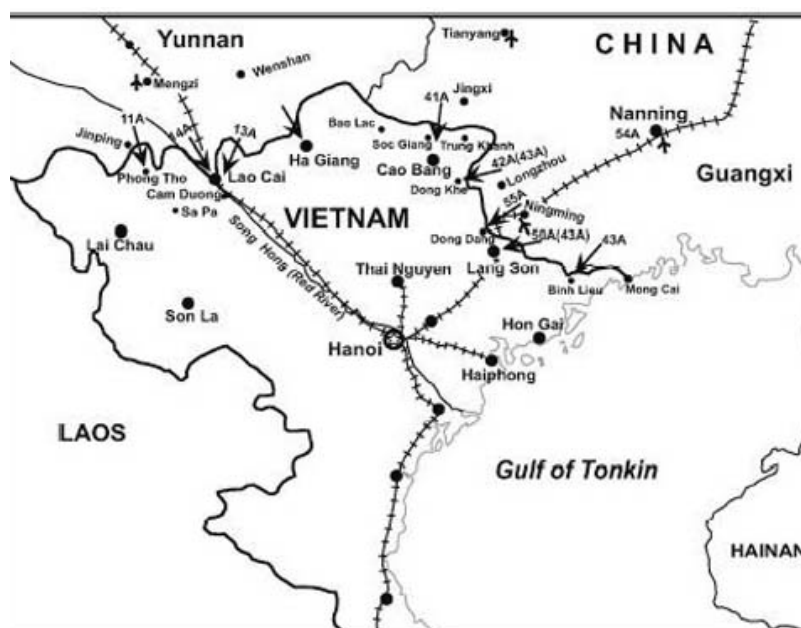
— Nguồn: Wikipedia

⁽⁸¹⁾ *Mấy năm sau, khi Võ Nguyên Giáp sang thăm Trung Hoa do lệnh Lê Đức Thọ, Giáp ngỡ ý muốn được gặp Dương Đắc Chí, nhưng Dương Đắc Chí trả lời thẳng thừng là mộ của đồng đội ông ta chưa xanh cỏ, ông ta không muốn gặp kẻ thù — Hồi ức Trần Quang Cơ.*

Trung không phải người có khả năng, nhưng được cất nhắc nhờ có gốc Tày như Chu Văn Tấn, nhưng không có uy tín như Chu Văn Tấn. Quân khu này gồm cả Cao Bằng lẫn Lạng Sơn nên chịu áp lực nặng nhất.

Trong những ngày đầu, trách nhiệm phòng vệ Lạng Sơn được giao cho Nguyễn Văn Thương, tư lệnh sư đoàn 3. Ở mặt trận phía tây, tư lệnh quân khu II là Vũ Lập, phụ trách phòng thủ Lai Châu, Lào Cai và Hà Giang. Tư lệnh quân khu III là Nguyễn Quyết, trách nhiệm vùng châu thổ sông Hồng và có lẽ cả đặc khu Quảng Ninh với sư đoàn 325 B phụ trách, do Nguyễn Sùng Lãm chỉ huy.

Vì sự quan trọng của Lạng Sơn, sư đoàn 3 còn chỉ huy các đơn vị dân quân cơ hữu cùng trung đoàn 166 pháo binh, trung đoàn 272 phòng không do quân khu I tăng cường. Bộ tổng tham mưu ở Hà Nội trực tiếp theo dõi, giám sát, điều hợp mặt trận.



Mục tiêu của quân Trung Hoa trong trận tấn công đầu năm 1979.

Ngoài trợ giúp về vũ khí và tiếp liệu, trong trận chiến Việt – Hoa, Việt Nam được Liên Xô giúp đỡ về tình báo, nhờ không ảnh vệ tinh và một số tàu lấy tin điện tử của Liên Xô chạy ngoài khơi vịnh Bắc Việt. Một phái bộ cố vấn quân sự hùng hậu cho đủ mọi quân binh chủng được Liên Xô đưa sang năm 1978 dưới sự chỉ huy của tướng Genady Obaturov, người đã tham dự đội quân đàn áp nhân dân Hung Gia Lợi năm 1956.

Đồng thời, nhiều chiến hạm cũng tới biển Đông để thị uy. Cùng thiết giáp hạm Senyavin và tuần dương hạm Vladivostok, cuối tháng 3, Liên Xô đã điều động gần 30 chiến hạm lớn nhỏ. Theo nguồn tin Liên Xô, Liên Xô cũng điều động khoảng 250 ngàn quân đến biên giới Mông Cổ để tạo thêm áp lực.

Có lẽ tin vào hậu thuẫn Liên Xô và tính toán sai quyết tâm cùng quy mô tấn công của Trung Hoa, Việt Nam đã sử dụng ba trong bốn quân đoàn chính quy vào cuộc hành quân tại Campuchia.

Do đó, khi Trung Hoa tấn công, quân chính quy Việt Nam chỉ còn sư đoàn 308, 312, 390... của quân đoàn I đóng quanh Hà Nội. Việt Nam cố không dùng tới các sư đoàn này, thứ nhất để tuyên truyền là không cần tới quân chính quy, thứ hai là sợ Trung Hoa tiêu diệt các đơn vị này, phá tan “huyền thoại vô địch” của quân Việt Nam. Nhiệm vụ phòng thủ biên giới do đó giao cho chủ lực quân khu như sư đoàn 3, 325... ở Lạng Sơn, sư đoàn 346, 311 ở Cao Bằng, sư đoàn 316, 345... ở Lào Cai, sư đoàn 326 ở Lai Châu cùng các trung đoàn chủ lực tỉnh, các huyện đội và lực lượng công an biên phòng.

Hơn một tuần sau, vì tình hình nguy kịch, bộ tổng tham mưu Việt Nam phải gấp rút điều động dân quân từ vùng trung châu, các sư đoàn chủ lực của quân khu IV như 332, 337, 338, 386 cùng quân đoàn 2 từ Campuchia về tăng cường phòng thủ.



Bia đá tưởng niệm những cố vấn Liên Xô ở Cam Ranh.



*Trưởng đoàn
cố vấn
quân sự
Liên Xô
Gennady
◀ Obuturov
(1979–1982)
và F.F.
Krivda ▶
(1982 - 1985)*



G. Obaturov là trưởng đoàn cố vấn từ 1979-1982, được thay bởi tướng Fedot Filippovich Krivda 1982-1985, Alexandr F. Zarudin 1985-1987, Sergei Ivanovich Varichenko 1987-1991. Đồng thời, tổng tham mưu trưởng Lê Trọng Tấn lại có một cố vấn riêng là tướng Dermyanenko rồi Kereen Jansen Kereenovitch. Đoàn cố vấn quân sự Obaturov gồm 11 tướng lãnh, 1 đại tá, 1 đô đốc hải quân. Krivda từng chỉ huy trận xâm lăng Tiệp Khắc và trong hồi ký đã chê bai Kareen và bất mãn với tướng Mai Xuân Tân ở Campuchia.

Thật ra phân biệt giữa chính quy và chủ lực của Việt Nam rất mờ mờ, vì một sư đoàn có thể đổi từ chính quy sang chủ lực hay ngược lại bất cứ lúc nào. Chẳng hạn sư đoàn 303 sau 1975, đổi thành đoàn xây dựng kinh tế Phước Long, năm 1978 trở về là chủ lực quân khu VII tấn công Campuchia. Năm 1979, chuyển ra Bắc đổi thành chính quy, nằm trong đội hình quân đoàn 68 mới thành lập để bảo vệ biên giới Việt – Hoa. Hai năm sau, từ chính quy đổi thành chủ lực quân khu III tới 1987, lại trở về là sư đoàn chính quy của quân đoàn 1 Quyết Thắng.

Trên nguyên tắc, binh sĩ chính quy trẻ hơn, cơ động hơn, dồi dào phương tiện hơn, được huấn luyện và trang bị chiến đấu hợp đồng với không quân, pháo binh, thiết giáp thuần thực hơn, nhưng các sư đoàn chủ lực quân khu biên giới phía bắc đa số từng chiến đấu lâu năm tại miền Nam trong chiến tranh Đông Dương II, cho nên bộ đội thiện chiến hơn, có nhiều kinh nghiệm phòng thủ, và chiến đấu độc lập dưới hỏa lực. Vì thế, họ thích hợp với điều kiện chiến trường. Nhiều tháng trước khi Trung Hoa tấn công, sĩ quan, cán bộ của các sư đoàn chủ lực này được phân tán đi huấn luyện lực lượng địa phương, hướng dẫn cách đào công sự, giao thông hào, lập bãi mìn, bãi chông. Họ cũng nghiên cứu các vị trí hiểm yếu, các địa điểm có thể bị tấn công, các trục chuyển quân để bố trí sẵn toạ độ pháo binh.

Để thống nhất chỉ huy và tăng cường nhân lực các huyện đội, xã đội dân quân được bố trí vào những trung đoàn hay sư đoàn chủ lực. Các phái đoàn trung ương của Chu Huy Mân, tổng cục trưởng Tổng Cục Chính Trị, của Hoàng Minh Thảo, giám đốc Học Viện Quân Sự cấp cao, liên tiếp tới kiểm tra, đôn đốc. Vì thế, khi Trung Hoa bắt đầu tấn công, Việt Nam đã sẵn sàng.

Những ngày đầu, dựa vào quân số đông, Hứa Thê Hữu áp dụng chiến thuật biển người. Chiến thuật dựa trên tư tưởng Mao Trạch Đông, coi yếu tố con người quan trọng

hơn vũ khí, dùng số đông áp đảo, tiêu diệt địch thủ nhanh chóng, do đó còn được gọi nôm na là “*giết gà bằng dao mổ trâu – ngưi đao sát kê.*”

Quân Trung Hoa được người Hoa từng sống ở biên giới dẫn đường. Ở nhiều nơi, quân Trung Hoa nguy trang thành bộ đội Việt Nam để xâm nhập. Tại Lai Châu, phía cực tây biên giới, quân Trung Hoa đánh Gò Tô, Phong Thổ. Phòng thủ Lai Châu là sư đoàn 326 Việt Nam. Tại hướng quan trọng Lào Cai, hai sư đoàn thuộc quân đoàn 13 và 14 tấn công vào thị xã và các xã lân cận như Thanh Bình, Bản Cầu do hai sư đoàn Việt Nam 316, 345 phòng ngự. Tại Hà Giang, họ tấn công Bản Kiệt, La Quỳnh.

Hướng quan trọng thứ hai là Cao Bằng bị nhiều sư đoàn của các quân đoàn 41, 42, 12, 50 tấn công. Tuy nhiên, cuộc tiến quân của Trung Hoa tại đây rất chậm chạp, vì phải qua một vùng rừng núi, thiếu đường xá, binh lính di chuyển trên các đường con đường nhỏ chật hẹp, hiểm trở. Xe tăng, pháo binh phải tháo rời từng cơ phận đến gần chiến trường mới ráp lại sử dụng, tiếp tế lương thực đạn dược khó khăn.

Khi tấn công, dù các sư đoàn 346, 311 của Việt Nam ít kinh nghiệm chiến đấu nhất, quân Trung Hoa, dự trù chiếm Cao Bằng trong 24 giờ, đã gặp sức kháng cự mãnh liệt của các trung đoàn 677 ở Tiên Lãng, trung đoàn 246, 852 ở Trùng Khánh, và trung đoàn 481 ở Quảng Uyên. Vì thế, sau hơn một tuần tấn công, Trung Hoa chưa chiếm được Cao Bằng và viên tướng chỉ huy mặt trận này là Ngô Trung, tư lệnh phó của Hứa Thế Hữu bị cách chức.

Riêng tại mục tiêu chủ yếu Lạng Sơn, quân Trung Hoa tấn công theo thế gọng kìm bằng hai hướng. Hướng thứ nhất, 2 sư đoàn 163, 164 thuộc quân đoàn 55 vượt Hữu Nghị Quan tấn công Đồng Đăng, cửa ngõ phía bắc Lạng Sơn. Hướng thứ hai gồm 2 sư đoàn 127, 128 của quân đoàn 43 từ phía đông đánh vào các tiền đồn ở Bản Xâm, Đồng Nội, Hải Yến, Lộc Bình.

Tại khắp nơi, Trung Hoa gặp sức kháng cự mãnh liệt. Quân Việt Nam, nhờ vị trí hiểm trở, công sự kiên cố, binh sĩ thiện chiến nhiều kinh nghiệm nên qua đợt tấn công đầu, vẫn giữ vững các vị trí. Với sự yểm trợ hùng hậu và hữu hiệu của đủ loại pháo binh, từ đại bác 72, 85, 105, 155, 130 ly đến tên lửa 122 ly, họ đã gây cho quân Trung Hoa tổn thất nặng nề về nhân mạng, nhất là ở các mặt trận Lạng Sơn, Cao Bằng. Chiến thuật biến người mà Hứa Thế Hữu áp dụng hiển nhiên đã lỗi thời trước tác dụng của vũ khí hiện đại. Phía Lai Châu, Lào Cai, quân Trung Hoa bị tổn thất ít hơn vì Dương Đắc Chí không tấn công chính diện mà dựa vào địa thế rừng núi hiểm trở để chuyển quân, và khi tấn công, bộ binh được pháo binh và thiết giáp yểm trợ hữu hiệu hơn.



Bia kỷ niệm chiến thắng của sư đoàn 337 tại cầu Khánh Khê. 20 năm sau, vì “tầm nhìn đại cuộc” và vì Trung Hoa khuyến cáo phải “hướng về tương lai” nên các hàng chữ nhay cảm trên bia bị đục bỏ.

— www.moterangrua.wordpress.com

Vi số tổn thất quá cao, mấy ngày sau, tuy Hứa Thế Hữu còn giữ chức tư lệnh mặt trận, nhưng quyền chỉ huy các cuộc hành quân được giao cho Dương Đắc Chí.

Quân Việt Nam cũng cho vài đơn vị cấp tiểu đoàn vượt biên giới tấn công các vị trí tiếp liệu của Trung Hoa ở Mã Lý Phố (Vân Nam) và Ninh Minh (Quảng Tây) nhưng các cuộc tấn công này chỉ có tác dụng gây rối.

Khi Dương Đắc Chí nắm quyền, chiến thuật biển người bị bãi bỏ, hoả lực pháo binh và thiết giáp được sử dụng nhiều hơn, nhưng quân Trung Hoa vẫn dựa vào ưu thế quân số để tấn công bất kể tổn thất. Sau mấy ngày đêm bị pháo kích, các công sự phòng thủ Việt Nam dù kiên cố cũng bị phá sập, và quân Trung Hoa cuối cùng chiếm được một số mục tiêu. Riêng tại Lạng Sơn, sư đoàn 163 của Trung Hoa chiếm được Đông Đăng ngày 22-2-1979.

Những ngày 24, 25, 26-2-1979, trận chiến tương đối lằng lộn. Quân Trung Hoa sau khi chiếm được một số vị trí đã bị tổn thất nặng và thiếu tiếp liệu nên không thể tiếp tục tấn công. Họ đã chủ quan tin sẽ chiến thắng chớp nhoáng nên không dự trữ đủ đạn dược pháo binh. Tuy nhiên, quân Việt Nam cũng không thể phản công tái chiếm các vị trí đã mất vì không đủ nhân lực. Mặt trận trải quá rộng, lực lượng bị phân tán mỏng. Các sư đoàn chính quy của quân đoàn 1 vẫn đóng quanh Hà Nội, đề phòng trường hợp Trung Hoa đổi ý, tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam.

Trong khi chờ các sư đoàn chủ lực từ miền Trung và miền Nam ra tiếp viện, Hà Nội đã phải điều động các tiểu đoàn dân quân từ các quận huyện ngoại thành Hà Nội như Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Từ Liêm lên bổ sung quân số. Đồng thời, sau bốn năm hoà bình, dân chúng Hà Nội lại được thông báo chuẩn bị sơ tán và đào hầm chống phi cơ oanh tạc.

Sáng 27-2-1979, sau khi được bổ sung và tiếp liệu, quân Trung Hoa mở đợt tấn công mới. Dưới sự đốc thúc của

Dương Đắc Chí, tận dụng tối đa nhân lực và hỏa lực pháo binh, thiết giáp nên trong vòng một ngày, các thị xã ven biên Lai Châu, Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang lần lượt thất thủ. Để duy trì áp lực, ngăn Việt Nam dốc toàn lực tiếp viện Lạng Sơn, quân Trung Hoa sau khi chiếm Lào Cai, tiếp tục chuyển về phía nam dọc theo quốc lộ 2 tiến đánh Cam Đường. Tại hướng tấn công chính Lạng Sơn, Trung Hoa tung vào trận sáu sư đoàn gồm sư đoàn 127, 129 của quân đoàn 43, sư đoàn 160, 161 của quân đoàn 54, sư đoàn 163, 164 của quân đoàn 55, với hàng trăm thiết giáp và đại bác yểm trợ. Phía Việt Nam, các đơn vị phòng thủ chính gồm các sư đoàn 3, 327, 338, 347 và sư đoàn 337 mới tăng cường từ quân khu IV, hợp thành quân đoàn 14 do tướng Hoàng Đan tư lệnh để thống nhất chỉ huy. Sư đoàn 308 của quân đoàn 1 cũng đã được gửi lên tiếp ứng.

Từ 27-2-1979, quân Trung Hoa liên tục hai mặt tấn công, và tuyến phòng thủ quanh Lạng Sơn thu hẹp dần, dù quân Việt Nam chống trả mãnh liệt. Các công sự bị phá sập, quân số hao hụt nhanh chóng không kịp bổ sung.

Trước nguy cơ thất thủ Lạng Sơn, do khuyến cáo của cố vấn Obaturov, bộ tổng tham mưu Việt Nam vội điều động quân đoàn 2 chính quy gồm hai sư đoàn 325, 304 đang hành quân tại phía nam Campuchia di chuyển bằng xe lửa và máy bay vận tải Antonov của Liên Xô khẩn cấp về lập tuyến phòng thủ sau quân đoàn 14 để bảo vệ châu thổ sông Hồng. Nhưng việc tiếp ứng Lạng Sơn không kịp nữa. Suốt mấy ngày đêm bị pháo, cuối cùng thị xã bị quân Trung Hoa xâm nhập và quân đội hai nước cộng sản chiến đấu ác liệt trên đường phố.

Đêm 4-3-1979, Trung Hoa hoàn toàn làm chủ thị xã Lạng Sơn. Hôm sau, Trung Hoa tuyên bố đã đạt mục đích dạy cho các lãnh tụ Việt Nam một bài học, đơn phương ngưng bắn và hứa sẽ rút quân. Tuy nhiên, vì còn bận rộn dùng công binh phá sập hết công sự, đồn bót, cầu đường,

nhà cửa, trường học, chợ búa, nhà máy, bệnh viện... ở những thị xã bị chiếm đóng, kể cả hang Pắc Bó, “suối Lênin”, “núi Các Mác”, nên cuộc lui quân của Trung Hoa kéo dài đến ngày 16-3-1979 mới hoàn tất.

Với bao đau thương đổ nát và hàng chục ngàn binh sĩ thương vong, cả hai bên đều tuyên bố chiến thắng.

THAM KHẢO :

- Việt Nam Sử Lược, *Trần Trọng Kim*.
- Việt Nam Máu Lửa , *Nghiêm Kế Tổ*
- Giọt Nước Trong Biển Cả, *Hoàng Văn Hoan*
- The Quicksand War, *Lucien Bodard*
- Binh Đoàn Hương Giang, *Nxb Quân Đội Nhân Dân*
- China's 1979 war with Vietnam: A reassessment, *Xiaoming Zhang*
- Death in the Rice Field , *Peter Scholl Latour*.
- Brother Enemy, *Nayan Chanda*
- China Military Strategy, The Last Maoist War, *Edward O'Doud*.
- Chinese Aggression, *Vietnam Courier xuất bản 1979*
- Vietnam, a Country History và China, a Country History *Library of Congress, Washington D. C. 1989*.
- Sư đoàn Sao Vàng Đoàn Phước Long, *Nxb. Quân Đội Nhân Dân*.
- Nhật báo Nhân Dân và *Quân Đội Nhân Dân* từ 17-2-1979 đến 6-3-1979.
- Điều động quân sự của Liên Xô: *Sergei Balmasov* (www.english.pravda.su/word/asian/vn)
- Trên Những Bờ Sông Mê Kông, *hồi ký của tướng Krivda*.

204 * HOÀNG DUNG

PHẦN THỨ BA

**CUỘC CHIẾN ĐỢT II
TRẬN CHIẾN
TIÊU HAO**

*CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III * 205*

206 * HOÀNG DUNG

● CHƯƠNG 14

Chiến trường Việt - Miên đợt II. 1979 - 1989, cuộc chiến bình định.

Sau khi cuộc chiến cộng sản tương tàn bùng nổ năm 1979, tình hình chiến sự Campuchia và biên giới Việt – Hoa còn sôi động khoảng mười năm. Thời gian mười năm đó, tranh chấp giữa ba nước có thể chia làm hai giai đoạn, tùy thái độ của Việt Nam đối với Trung Hoa.

Giai đoạn thứ nhất từ 1979 đến 1986 là giai đoạn thách thức, khi Việt Nam ý vào chỗ dựa Liên Xô ngang nhiên khiêu khích Trung Hoa và thách đố dư luận thế giới. Năm 1986, khi chỗ dựa Liên Xô nghiêng ngả, cộng đảng Việt Nam phải đi tìm một hậu thuẫn khác thì trên thế giới, chỉ còn nước cộng sản đàn anh duy nhất là Trung Hoa. Từ đó, cộng sản Việt Nam đổi hẳn thái độ đối với Trung Hoa, muôi mặt cầu hoà. Thái độ khép nép của Việt Nam bắt đầu từ năm 1986, nhưng, Trung Hoa chưa chịu tha thứ ngay mà lợi dụng sự cô thế của Việt Nam tiếp tục làm tiêu hao sinh lực quốc gia và chiếm thêm một số hải đảo ở Trường Sa.

Đầu năm 1979, Việt Nam coi như đã đánh bại Khmer Đỏ, chiếm hầu hết lãnh thổ Campuchia. Để tính kế lâu dài, Việt Nam lựa chọn người lập một cộng đảng mới, một chính quyền mới cho Campuchia. Tuy không nhắc lại danh hiệu “Liên Bang Đông Dương”, nhưng hiển nhiên Việt Nam muốn lập một chính quyền Campuchia từng phục mình về cả chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao... tương

tự các nước Đông Âu từng từng phục Liên Xô.

Thời gian này, phong trào cộng sản đang phát triển và lan rộng khắp thế giới: Việt Nam, Afghanistan, Ethiopie, Angola, El Salvadore, Nicaragua, Guatemala... Những diễn biến trên khiến giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam tin vào sự ưu việt của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tin vào khí thế “*ba dòng thác cách mạng*” và càng tin vào sức mạnh Liên Xô. Đỉnh cao của niềm tin mù quáng này biểu hiện qua đại hội đảng năm 1982. Các lãnh tụ già nua như Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ... tiếp tục nắm quyền. Hiến pháp được sửa đổi gần giống hiến pháp Liên Xô, câu “*học tập tư tưởng Mao Trạch Đông*” trong lời mở đầu hiến pháp có từ 1951 bị loại bỏ. Thay vào đó là câu “*Trung Quốc là kẻ thù trực tiếp và lâu đời.*” Họ cũng coi thường dư luận thế giới, tuyên bố việc chiếm đóng Campuchia là một điều “*không thể đảo ngược*”.

Người được giao trách nhiệm việc chiếm đóng Campuchia là Lê Đức Thọ. Trước hết, như gần ba mươi năm trước, Lê Đức Thọ tổ chức đảng cộng sản Campuchia, dưới tên Đảng Nhân Dân Cách Mạng Campuchia (viết tắt là KPRP) thay cho đảng của Pol Pot ngay sau khi quân Việt Nam vào Nam Vang. Chức tổng bí thư được giao cho Pen Sovan, cán bộ Campuchia tập kết sang Việt Nam năm 1954 đang giữ chức trưởng ban tiếng Khmer của đài phát thanh Việt Nam. Các ủy viên gồm Heng Samrin, Hun Sen, Bou Thang, Chia Sim... Nhiều nhóm cố vấn được thành lập, ngoài nhóm lãnh đạo chính trị B.68 lập từ trước do Nguyễn Xuân Hoàng cầm đầu,⁽⁸²⁾ là các nhóm A.40 cố vấn hành chánh trung ương, nhóm A.50 cố vấn hành chánh cấp tỉnh.

⁽⁸²⁾ *Việt Nam đã lập “nhóm 77” nghiên cứu về Campuchia thời Pol Pot do Trần Xuân Bách đứng đầu. B68 được lập khi Việt Nam mưu toan chiếm đóng Campuchia, do Nguyễn Xuân Hoàng đứng đầu, về sau là Hoàng Thế Thiện, trụ sở 606 đường Trần Hưng Đạo, Sài Gòn.*

Thời gian này, mọi công việc hành chánh lớn nhỏ đều do cán bộ Việt Nam đảm nhiệm khiến cán bộ Việt Nam thêm kiêu ngạo. Đứng đầu là Lê Đức Thọ, phụ tá là Trần Xuân Bách,⁽⁸³⁾ Lê Đức Anh, Vũ Oanh, Trần Trọng Tân.... Lê Đức Thọ hành xử như một thái thú, triệu tập tổng bí thư, thủ tướng, bộ trưởng ...đến tư dinh phê bình, trách móc như nhân viên thuộc cấp.⁽⁸⁴⁾

Một vụ lấn quyền quan trọng đã xảy ra ở Siem Reap, khi bộ đội CSVN bắt được cán bộ Khmer Đỏ. Lúc hỏi cung, người này khai ra số đồng bọn gồm nhiều viên chức quan trọng trong đảng và chính quyền tỉnh, kể cả viên bí thư tỉnh ủy. Không cần điều tra kỹ lưỡng, cán bộ quân báo Cục C2 Việt Nam bắt giữ hết số người này. Viên tỉnh ủy tức quá tự tử. Sau vụ này, CSVN phải cử Chu Huy Mân sang xin lỗi, tướng Hồ Quang Hóa,⁽⁸⁵⁾ tham mưu trưởng đội quân chiếm đóng mất chức dù chịu trách nhiệm chính là Lê Đức Thọ và Lê Đức Anh. Do không từng phục Việt Nam, ngày 12-4-1981, Pen Sovan mất chức tổng bí thư và bị đưa về Việt Nam quản thúc, Heng Samrin được đưa lên thay.

Song song với việc tổ chức chính quyền, quân đội Việt Nam dưới quyền Lê Đức Anh, tư lệnh đội quân “tình nguyện” hay tư lệnh “mặt trận 719”, với sự cố vấn của tướng Liên Xô Victor Zakharovitch Kopytin, bắt đầu mở các cuộc hành quân chiếm đóng và bình định, đồng thời giúp tổ chức và phát triển quân đội Campuchia.

Sau khi Trung Hoa đánh phá các tỉnh biên giới đầu năm 1979, Việt Nam tổng động viên, tăng quân số lên hơn một

⁽⁸³⁾ *Trần Xuân Bách khi về nước được thăng ủy viên bộ Chính Trị, nhưng chủ trương đổi mới toàn diện nên bị loại.*

⁽⁸⁴⁾ *Theo Hồi Ký của cựu đại sứ Huỳnh Anh Dũng, ngày 10/3/1979 lính VN tự động đến lục soát nhà Chia Sim, bộ trưởng Nội Vụ Campuchia Một phần có lẽ vì Chia Sim là người gốc Hoa (Triều Châu).*

⁽⁸⁵⁾ *Hồ Quang Hóa bị tụt lon, về chỉ huy một trung tâm huấn luyện. Nhiều năm sau, ông ta phân trần: Ai mà dám trái lệnh Lê Đức Thọ!*

triệu quân. Các quân đoàn chính qui tinh nhuệ II, III, IV...từ Campuchia lần lượt rút về phòng thủ biên giới phía bắc. Công việc hành quân và bình định giao cho các sư đoàn tân lập từ quân khu V, VII, IX ở miền Nam.

Quân đội Campuchia dần dần đảm trách về bình định và phòng thủ diện địa. Chính quyền Campuchia, do Việt Nam cố vấn, chia lãnh thổ ra bốn quân khu I, II, III, IV. Trong khi đó, quân Việt Nam gọi những vùng hành quân tương ứng của họ là bốn mặt trận ⁽⁸⁶⁾ như sau :

— mặt trận 479 ⁽⁸⁷⁾ gồm phần lớn những sư đoàn từ quân khu IV, phụ trách vùng tây bắc Campuchia, sát biên giới Thái, tư lệnh đầu tiên là Bùi Thanh Vân, Lê Thanh chính ủy, gồm những sư đoàn 309,317, 5, 9 và 302.

— mặt trận 579 thuộc quân khu V gồm các sư đoàn 315, 307, tăng cường thêm sư đoàn 2, phụ trách vùng đông bắc Campuchia sát biên giới Việt Nam. Tư lệnh là Nguyễn Chơn, chỉ huy những đơn vị thuộc quân khu V

— mặt trận 779 gồm các đơn vị quân khu VII, phụ trách phía đông Campuchia, sát tỉnh Tây Ninh do Nguyễn Minh Châu chỉ huy.

— mặt trận 979 do quân khu IX gồm sư đoàn 4, 8, 330 phụ trách phía nam Campuchia. Nguyễn Độ là tư lệnh, Phạm Văn Trà, tư lệnh phó về sau là bộ trưởng quốc phòng.

Có lúc quân số Việt Nam ở Campuchia lên tới 19 sư đoàn. Để ngăn chặn quân kháng chiến từ biên giới xâm nhập, do khuyến cáo của tướng Krivda, Lê Đức Anh lập một hành lang phòng thủ gồm những hầm chông, bãi mìn gọi là khóa K5. Quân đội Campuchia cũng được Việt Nam giúp tổ chức, huấn luyện và trang bị từ cấp trung đoàn rồi

⁽⁸⁶⁾ Cả 4 mặt trận đều đặt dưới quyền chỉ huy của “mặt trận 719” do Lê Đức Anh tư lệnh, Lê Hai tư lệnh phó, Lê Khả Phiêu chính ủy.

⁽⁸⁷⁾ Một viên tướng của mặt trận này là Phạm Hồng Anh, tư lệnh sư đoàn 2 bị tử trận ở Preah Vihear.

sư đoàn (như những sư đoàn 179, 196, 266...) dưới sự chỉ đạo của bộ trưởng quốc phòng Bou Thang để giúp đỡ trong công tác bình định.

Sau bài học đắt giá tấn công biên giới Việt Nam năm 1979, Trung Quốc không chịu ngồi yên. Tuy không hẳn sẽ có một “liên bang Đông Dương”, nhưng một liên kết chiến lược ba nước Việt – Miên – Lào là xúc phạm lớn cho uy tín Đại Hán. Đồng thời, sự hiện diện của hải quân và không quân Liên Xô ở Cam Ranh đe dọa nặng nề an ninh lãnh thổ của họ. Hơn nữa, cuối năm 1979, Liên Xô ào ạt xua quân chiếm đóng Afghanistan, tạo thêm đe dọa từ hướng tây. Trung Hoa quyết định đối phó với Việt Nam bằng cuộc “chiến tranh đa diện” qua nhiều biện pháp chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự..., trong đó việc xử dụng đám tàn quân Pol Pot là một nỗ lực chính.

Về chính trị, một mặt, Trung Hoa lên án chính sách xâm lấn của Liên Xô mà Việt Nam là công cụ. Họ ve vãn các nước ASEAN, lôi kéo vào một liên minh chống Liên Xô. Mặt khác, họ dùng các chính khách bị thất thế như Hoàng Văn Hoan, Trương Như Tảng, Khong Le (của Ai Lao) tạo chia rẽ nội bộ.

Về kinh tế, một mặt họ cộng tác với các quốc gia khác phong tỏa kinh tế Việt Nam, một mặt duy trì áp lực quân sự để tiêu hao tài nguyên nhân lực, vật lực của Việt Nam và Liên Xô. Tại biên giới Bắc Việt, Trung Hoa duy trì thường xuyên một quân số trên 200 ngàn quân, luôn đe dọa là sẽ có một bài học thứ hai, thỉnh thoảng pháo kích qua biên giới và năm 1984, mở một trận chiến tiêu hao ở vùng biên giới Hà – Tuyên. Tuy nhiên trong những năm đầu, nỗ lực chính của Trung Quốc làm cho Việt Nam kiệt quệ là giúp đám tàn quân Khmer Đỏ kéo dài cuộc chiến phá hoại và tiêu hao. Ngay sau khi quân Pol Pot chạy về vùng rừng núi sát biên giới Thái, Trung Quốc và Thái Lan đã ký mật nghị cho phép Trung Quốc chở vũ khí, tiếp liệu quân sự cho quân

Pol Pot qua ngã Thái Lan. Để dư luận quên tội ác của họ, Pol Pot lui vào hậu trường, cho Khieu Samphan đứng tên chủ tịch, đổi tên đảng cộng sản Campuchia thành đảng Dân Chủ Campuchia. Đồng thời, Thái Lan cùng các nước ASEAN cũng ủng hộ hai lực lượng khác chống Việt Nam. Lực lượng thứ nhất là Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia của Nhân Dân Campuchia (viết tắt tiếng Anh là KPNLF) đứng đầu bởi cựu thủ tướng Son Sann và tướng Dien Del. Lực lượng thứ hai là những người trung thành với Sihanouk, gọi là Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất chủ trương một nước Campuchia Độc Lập, Trung Lập, Hoà Bình và Hợp Tác (viết tắt tiếng Pháp FUNCINPEC) do người con lớn của Sihanouk là Ranariddh đứng đầu.

Cả ba mặt trận chống lại Việt Nam và chính quyền Heng Samrin đều có mặt khu sát biên giới Thái Lan. Cả ba đều tuyển mộ binh lính từ các trại tỵ nạn sát biên giới. Lực lượng Khmer Đỏ nhận tiếp liệu quân sự từ Trung Hoa trong khi hai lực lượng không cộng sản nhận viện trợ vũ khí từ các nước ASEAN. Họ hoạt động với những đơn vị nhỏ từ tiểu đội đến đại đội, tổ chức phục kích, phá hoại cầu đường, ám sát viên chức, pháo kích và tấn công những đồn bót xa xôi. Dù họ chỉ hoạt động mạnh ở các tỉnh phía tây, nhưng những trục lộ phía đông đội khi cũng bị đặt mìn, chặn xét ... Số thương vong của đoàn quân chiếm đóng trong mười năm có thể đã lên tới gần năm chục ngàn người, trong đó có một sư đoàn trưởng.

Để cuộc chiến hữu hiệu hơn, các quốc gia ASEAN cũng như Trung Hoa thúc đẩy ba lực lượng kết hợp thành một mặt trận kháng chiến duy nhất. Nhưng công việc hợp nhất ba lực lượng rất khó khăn. Cựu thủ tướng Son Sann vốn không ưa Sihanouk và cả hai lực lượng không cộng sản đều không muốn cộng tác với Khmer Đỏ. Tuy nhiên, Khmer Đỏ có lợi thế là được Trung Hoa ủng hộ, trên pháp lý vẫn là đại diện trong Liên Hiệp Quốc và là lực lượng có kỷ luật

và khả năng chiến đấu cao nhất. Do thúc đẩy của các quốc gia đỡ đầu, ba lực lượng trên, sau nhiều lần thảo luận và gặp gỡ tại Vọng Các, Bắc Kinh, Bình Nhưỡng ..., cuối cùng đã đồng ý kết hợp thành Chính Phủ Liên Hiệp Campuchia Dân Chủ (viết tắt CGDK) vào ngày 22-6-1982, theo đó, chủ tịch nước là Sihanouk, phó chủ tịch đặc trách ngoại giao là Khieu Samphan và Son Sann là thủ tướng. Ba thành phần này thỉnh thoảng họp ở mật khu sát biên giới nhưng các cuộc họp thường để tranh luận, chỉ trích nhau.

Những năm đầu thập niên 80, Liên Xô chưa tỏ lộ nét suy yếu nên lập trường Việt Nam với vấn đề Campuchia rất cứng rắn. Họ tuyên bố chỉ rút quân khỏi Campuchia khi nào hết hẳn đe dọa từ bên ngoài.

Bị hầu hết các nước lên án hay tẩy chay do hành động xâm lấn, Việt Nam mở cuộc tấn công ngoại giao. Tháng 7-1980, Việt Nam nhân danh Việt – Miên - Lào đề nghị ký thỏa ước song phương hay đa phương sống chung hoà bình, bất tương xâm, không liên kết với Thái Lan hay những láng giềng khác. Đề nghị này kêu gọi lập vùng phi quân sự dọc biên giới Thái – Campuchia nhưng bị Thái Lan từ khước.

Năm sau, 1981, Việt Nam lại đưa đề nghị nhằm quốc tế hóa vấn đề Campuchia, liên kết việc Việt Nam chiếm đóng Campuchia với việc Thái Lan – Trung Hoa giúp đỡ các lực lượng chống đối. Theo đề nghị đó, sẽ có một hội nghị giữa các nước trong vùng để thảo luận về liên hệ của Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan với vấn đề Campuchia. Trong đề nghị mới này, Việt Nam hứa sẽ rút một phần quân chiếm đóng nếu Thái Lan ngưng giúp quân kháng chiến và Liên Hiệp Quốc ngưng công nhận chính quyền Khmer Đỏ.

Không ai để ý tới đề nghị trên nên năm sau, 1982, Việt Nam mềm dẻo hơn, hứa sẽ rút một phần quân số nếu Thái Lan ngưng giúp quân kháng chiến và chính quyền Heng Samrin không đòi ghé đại diện tại Liên Hiệp Quốc dù đại diện Khmer Đỏ bị trục xuất khỏi cơ quan này, nhưng Thái

Lan vẫn làm ngơ. Hai năm sau nữa, vì tình trạng an ninh tồi tệ tại các tỉnh phía tây Campuchia, Việt Nam tập trung nhiều sư đoàn đồng loạt tấn công mật khu của các lực lượng kháng chiến. Các mật khu này sau khi bị pháo tan nát đã bị tràn ngập, ba lực lượng chống đối đều tổn thất nặng. Tin là các lực lượng kháng chiến đã suy yếu, năm 1985, thủ tướng Hun Sen tuyên bố sẵn sàng đàm phán với Sihanouk và Son Sann. Hun Sen cũng đề nghị từng bước tiến đến việc rút quân Việt Nam và bầu cử tự do với sự giám sát của Liên Hiệp Quốc. Thời gian đó, Trung Hoa vẫn coi Việt Nam như quân cờ của Liên Xô nên không thềm đàm phán trực tiếp. Họ coi vấn đề Việt Nam chiếm đóng Campuchia là một yếu tố để thảo luận và giải quyết trên bình diện rộng lớn hơn. Đó là quan hệ giữa Liên Xô và Trung Hoa.

Kể từ 1982, Trung Hoa và Liên Xô đã có các cuộc hội đàm nhằm bình thường hóa bang giao, nhưng không đi đến đâu. Lúc đó, Trung Hoa có ưu thế hơn Liên Xô trong quan hệ với Hoa Kỳ nên đã đặt nhiều điều kiện để Liên Xô có thể bình thường hóa ngoại giao. Họ gọi các điều kiện đó là “ba trở ngại” mà Liên Xô phải giải quyết. Trở ngại thứ nhất là chấm dứt hành động gây hấn ở biên giới Trung – Xô. Trở ngại thứ hai là vấn đề Campuchia và trở ngại thứ ba là vấn đề Afghanistan. Riêng về “trở ngại Campuchia”, Trung Hoa đưa ra các yêu sách:

— Liên Xô chấm dứt ủng hộ việc Việt Nam xâm lăng Campuchia.

— Việt Nam phải rút quân khỏi Campuchia. Trung Hoa sẽ bắt đầu hoà đàm khi Việt Nam bắt đầu rút quân.

— Lập chính phủ liên hiệp ở Campuchia gồm bốn phe Hun Sen, Pol Pot, Sihanouk, Son Sann.

— Bảo đảm quốc tế cho một nước Campuchia độc lập và không liên kết.

Do phải đối phó với nguy cơ suy sụp toàn diện, Liên Xô đã nhanh chóng đáp ứng đòi hỏi của Trung Hoa trước sự

ngõ ngành và huyệt hăng của cộng sản Việt Nam. Họ vội triệu tập đại hội đảng lần thứ VI năm 1986, đưa ra khẩu hiệu “đổi mới” và một “đổi mới tư duy” quan trọng và rõ ràng nhất là xoay 180 độ trong đối sách với Trung Hoa, từ khiêu khích, thách thức bước sang khép nép, nhường nhịn.

Dưới áp lực Liên Xô, đại hội VI đảng CSVN họp tháng 12-1986 vội vã bầu Nguyễn Văn Linh ⁽⁸⁸⁾ làm tổng bí thư để phát động chính sách “đổi mới”, rập khuôn theo *glasnov* và *perestroika* của Liên Xô. Đồng thời, trước cảnh Liên Xô đang cầu thân với Trung Hoa, bộ Ngoại Giao Việt Nam lập một tổ công tác lấy ký hiệu CP-87 do Trần Quang Cơ cầm đầu tìm phương án hoà giải với Trung Hoa, trước hết là giải quyết vấn đề Campuchia. Câu “*Trung Hoa là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất*” mở đầu hiến pháp mấy năm trước bị loại bỏ. Chủ trương chiếm đóng Campuchia coi là điều “*không thể đảo ngược*” cũng được đảo ngược. Lần đầu tiên, Việt Nam đánh tiếng rút quân và giải quyết vấn đề Campuchia để đáp ứng điều kiện của Trung Hoa.

Với thời gian, nhu cầu phải kết thân với Trung Hoa càng cấp thiết. Trước hết là hình tượng đàn anh Liên Xô bị mờ nhạt. Kinh tế lụn bại, đế quốc từng mảng tan rã, nhất là mô hình tái cấu trúc, mở rộng tự do dân chủ của Gorbachev không hợp với lớp người đang thủ đắc đặc quyền đặc lợi ở Việt Nam. Nhìn chung, chỉ còn một nước lớn có chế độ độc đảng có thể làm chỗ dựa cho Việt Nam là Trung Hoa. Vì thế, Cộng sản Việt Nam thấy phải kết thân với Trung Hoa bằng mọi giá. Những người không muốn bị Trung Hoa chèn ép quá đáng như Nguyễn Cơ Thạch bị loại bỏ.

Về vấn đề Campuchia, Trung Hoa chỉ đặt điều kiện lập chính phủ liên hiệp tương lai gồm 4 thành phần (Hun Sen, Khmer Đỏ, Sihanouk và Son Sann) thì đảng Cộng Sản Việt

⁽⁸⁸⁾ Năm 1982, Nguyễn Văn Linh bị loại khỏi Bộ Chính Trị vì tương đối cởi mở khi điều hành kinh tế miền Nam sau 1975.

Nam đưa ra “*giải pháp đờ*”, chỉ giải quyết vấn đề trong khối Cộng Sản (giữa Trung Hoa – Việt Nam) và chính phủ liên hiệp chỉ gồm 2 thành phần cộng sản là Hun Sen và Pol Pot. Họ tưởng Trung Hoa là quốc gia cộng sản, sẽ thấy đó là thắng lợi của quốc tế vô sản và hài lòng với đề nghị của Việt Nam. Cho nên dù Hun Sen phản đối, ⁽⁸⁹⁾ ngay lần đầu được gặp Giang Trạch Dân ở Thành Đô năm 1990, Nguyễn Văn Linh và Đỗ Mười đã đưa ra như món quà ra mắt. Tuy nhiên, Trung Hoa thắng tay cự tuyệt và còn tiết lộ đề nghị này ra ngoài để Tây phương và các nước ASEAN mất lòng tin về thiện chí hoà bình của Việt Nam, đồng thời cũng để phe Hun Sen biết là Việt Nam đã qua mặt họ.

Trong hoàn cảnh đơn độc, Việt Nam đã bằng lòng rút quân khỏi Campuchia và tỏ thiện chí cầu hoà nhưng Trung Hoa vẫn gây khó dễ. Họ tiếp tục trợ giúp Khmer Đỏ và gây hấn ở biên giới Việt – Hoa. Năm 1988, khi Liên Xô rút quân khỏi Afghanistan thì Trung Hoa gây hấn ở Trường Sa, đánh chìm 3 chiến hạm Việt Nam, lấn chiếm một số đảo nhỏ. Dù có hiệp ước “hợp tác và hữu nghị”, và có một lực lượng hùng hậu ở Cam Ranh, Liên Xô đã làm ngơ. Nước anh em chí cốt là Ai Lao cũng không có một lời tuyên bố ủng hộ Việt Nam. Cuối năm đó, khi quan hệ Hoa Kỳ – Liên Xô cải thiện và các nước ASEAN muốn giải quyết sớm vấn đề Campuchia để rảnh tay phát triển kinh tế, Trung Hoa mới đánh tiếng mời một thứ trưởng ngoại giao Việt Nam sang Bắc Kinh. Năm sau, 1989, sau khi Việt Nam rút quân

⁽⁸⁹⁾ Ngày 7/1/1989, Hunsen xuất bản cuốn *Campuchia Con Đường Mười Năm, kịch liệt phê bình giải pháp Đờ là sai lầm, nguy hiểm, phi lý, trái đạo đức. Theo Hồi Ký Huỳnh Anh Dũng, sau khi VN rút quân, Campuchia thay đổi hần, các cán bộ cao cấp bị thay thế, VN bị Hunsen phê bình là “duy ý chí”, áp đặt Campuchia phải “quá độ lên XHCN” trong khi cần đặt mục tiêu hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ và chuyển hướng kinh tế. Năm 2012, Hunsen ngã theo Trung Hoa, không cho Việt Nam đem vấn đề biển Đông vào nghị trình ASEAN.*

khỏi Campuchia và xảy ra vụ Thiên An Môn, uy tín bị giảm sút, Trung Hoa mới thực sự bàn thảo về vấn đề Campuchia cùng việc cải thiện bang giao với Việt Nam.

Tuy đã rút hết quân khỏi Campuchia từ tháng 9-1989 nhưng mấy tháng sau, Khmer Đỏ từ biên giới Thái trở lại chiếm Palin và uy hiếp Battambang, Việt Nam vẫn khẩn cấp lên đưa 3 trung đoàn qua ứng phó dưới sự chỉ huy của Sáu Úng, tư lệnh phó quân khu VII. Sau đó 3 trung đoàn này rút về dần nhưng để lại một số “cố vấn.”

Sau trận đánh này, do Trung Hoa bắt đầu giảm viện trợ, lực lượng Khmer đỏ dần dần bị phân hóa và tàn lụi.

Trong thời gian đó, đã có các cuộc hội đàm riêng rẽ không chính thức giữa các phe phái Campuchia ở Vọng Các, Kuala Lumpur, Bình Nhưỡng, Jakarta, nhưng đều không đạt kết quả cho đến năm 1988, mới có một cuộc gặp mặt không chính thức của cả bốn phe cùng các nước liên hệ như Việt Nam, Trung Hoa, các nước Asean, Liên Xô, Hoa Kỳ, Pháp... Tuy nhiên, hội đàm dang dở mãi đến hai năm sau khi quân đội Việt Nam rút khỏi Campuchia, thỏa hiệp nhằm lập một chính phủ cho Campuchia mới được ký kết. “Thỏa ước dàn xếp chính trị toàn diện cho Campuchia” nhằm “tái lập và duy trì hoà bình ở Campuchia, thúc đẩy hoà hợp quốc gia, và bảo đảm quyền tự quyết của nhân dân Campuchia qua những cuộc bầu cử tự do công bình” được ký ngày 23-10-1991 ở Paris. Ngoài chữ ký của bốn phe đối nghịch, có chữ ký của năm hội viên thường trực Hội Đồng Bảo An LHQ, sáu nước ASEAN, Việt Nam, Lào, Nhật, Ấn Độ, Úc, Canada, Nam Tư. Theo thỏa ước, một “Cơ Quan Thẩm Quyền Chuyển Tiếp của LHQ ở Campuchia” (United Nations Transitional Authority in Cambodia – UNTAC) được thành lập để tạm thời cai trị Campuchia cho đến ngày tổng tuyển cử.

Vì Nhật Bản đóng góp ngân quỹ dồi dào cho cơ quan này, nhà ngoại giao Nhật Yasushi Akashi được cử đứng

đầu cơ quan, trung tướng Sanderson của Úc phụ trách về quân sự. Nhân viên cơ quan bao gồm nhiều quốc gia, nhiều quốc tịch: cảnh sát của Hung Gia Lợi, Hoà Lan, lính của Uruguay, quan toà của Pháp, chuyên viên nhân quyền của Côte d'Ivoire, chuyên viên bầu cử của Canada, y tế của Ấn Độ, phái đoàn quan sát quân sự của Trung Hoa, Hoa Kỳ, Mã Lai, Cameroon... Dù lãnh lương rất cao, nhân viên UNTAC hầu như không làm được gì. Binh lính cả bốn phe không chịu giải giới như thỏa ước qui định, chính phủ Hun Sen không chịu từ chức, nhượng quyền cho UNTAC. Nhân viên quân sự UNTAC không được vào các vùng của Khmer Đỏ, của Son Sann, Sihanouk để quan sát hay làm việc.

Hai năm 1992, 1993, phong trào giết người Việt lại nổi dậy, hàng trăm người Việt bị tàn sát. Cảnh sát của Hun Sen làm ngơ trong khi binh lính và cảnh sát UNTAC không can thiệp, thậm chí bệnh viện quân sự của Ấn cũng không chịu chăm sóc người bị thương. Tuy nhiên UNTAC tổ chức được bầu cử quốc hội tháng 5-1993. Cuộc bầu cử thành công một cách đáng ngạc nhiên. Nhân dân Campuchia, sau nhiều năm bị đàn áp hy vọng có cơ hội đi bầu một chính phủ dân chủ, đã tham gia đông đảo và dù chính quyền Hun Sen dùng đủ mọi cách như đe dọa, ám sát, gian lận... để kiểm phiếu, kết quả đảng FUNCINPEC của Ranariddh, con Sihanouk, vẫn chiếm 45% số phiếu, đảng của Hun Sen được 38 %, của Son Sann được 4%.

Dù vậy, Hun Sen không chịu cho Ranariddh và đảng FUNCINPEC nắm quyền. Hun Sen đòi để Sihanouk làm quốc trưởng kiêm luôn thủ tướng vì cha con Sihanouk đang bất hoà với nhau. Hun Sen biết Sihanouk ham chức vị, nhưng khi quân UNTAC rút đi, ông ta sẽ bị cô lập và bị Hun Sen thao túng. Sihanouk nhận lời ngay và tuyên bố sẽ đảm nhiệm cả ba chức vụ quốc trưởng, thủ tướng, tư lệnh quân đội. Khi Ranariddh phản đối để giành chức thủ tướng, một người em của Ranariddh ở cùng đảng FUNCINPEC là

Chakrapong ly khai, kéo theo một số hậu thuẫn chạy theo phe Hunsen. Chakrapong sau đó được gán lon đại tướng và là một ủy viên Bộ Chính Trị trong đảng của Hun Sen. Tình hình chỉ ổn định sau khi dàn xếp để Sihanouk làm quốc trưởng với một chính phủ liên hiệp có Ranariddh đệ nhất thủ tướng, Hun Sen đệ nhị thủ tướng. Ashaki và tướng Sanderson tuyên bố hoàn thành nhiệm vụ, giải tán UNTAC. Sau khi quân LHQ rút đi, quân đội của Hun Sen thanh toán dần vây cánh của Ranariddh và Son Sann. Kể từ đó, Sihanouk chỉ có hư vị và Hun Sen nắm toàn quyền cai trị.

Trong khi đó, Liên Xô hoàn toàn tan rã và Việt Nam đã tỏ dấu thân phục, mối đe dọa từ phía nam không còn, Trung Hoa từ từ bỏ rơi Khmer Đỏ. Lực lượng này tan rã. Năm 1996, Ieng Sary⁽⁹⁰⁾ về đầu thú và được Sihanouk ký lệnh “khoan hồng”. Ieng Sary tuyên bố “bất đồng với Pol Pot từ khi đảng cộng sản Campuchia được thành lập”, đổ hết tội lỗi cho Pol Pot, Nuon Chea và Son Sen. Trước tình hình phân hóa của Khmer Đỏ, năm sau, phe Ranariddh ở Nam Vang mưu toan chiêu dụ rồi liên kết với Ta Mok để chống lại Hun Sen. Tin này bị lộ. Hun Sen cho thuộc hạ tấn công phe Ranariddh, giết và xử tử trên 150 người. Mấy tháng sau, trong một khu, Pol Pot cho người giết vợ chồng Son

(⁹⁰) Sau khi Ieng Sary cùng vợ về đầu thú, Son Sen và vợ là Yun Yat cùng 8 người thân bị Pol Pot cho hành quyết năm 1997. Ít lâu sau, Tamok đảo chánh Pol Pot, lập ra một phiên toà xử Pol Pot tù chung thân nhưng Pol Pot chết vài tháng sau (15/4/1998). Ke Pauk chết năm 2002. Năm 2007, một toà án quốc tế được thành lập để xử tội diệt chủng đối với Ieng Sary, Thirith, Nuon Chea, Tamok... Riêng trưởng trại Tuol Sleng là Duch, trốn sang Thái Lan rồi sang Trung Hoa, sau đổi tên về nước làm việc ở một cơ quan cứu trợ và bị bắt, 11 năm sau mới đưa ra toà án quốc tế và bị xử 30 năm tù. Một nhân chứng giận dữ: “Hắn giết 14 ngàn người, ở tù 19 năm, tính ra giết một mạng chỉ bị tù 11 phút!”. Còn Noun Chea, dù là cháu gọi Siêu Heng bằng cậu nhưng không hiểu sao vẫn được Pol Pot lưu dụng và cất nhắc lên làm nhân vật số 2. Ra toà, Noun Chea khai phải giết người để cứu nước.

Sen. Tranh chấp nội bộ bùng nổ, Ta Mok thắng thế bắt giữ được Pol Pot. Ông ta tổ chức phiên “toà” ở biên giới, kết án xử Pol Pot tù chung thân về tội giết Son Sen. Pol Pot chỉ sống thêm vài tháng rồi chết vì bệnh. Tháng 4-1998, quân đội Campuchia tiến vào Anlong Veng, sào huyệt cuối cùng của Khmer Đỏ. Ta Mok cùng một số nhỏ bộ hạ chạy về biên giới Thái Lan sau đó bị bắt. Lực lượng Khmer Đỏ thực sự tan rã.

Từ đó, Hun Sen toàn quyền cai trị Campuchia. Đảng FUNCINPEC cũng dần dần yếu thế, Ranariddh được Hun Sen dàn xếp cho làm chủ tịch quốc hội.⁽⁹¹⁾ Tháng 10-2004, quốc vương Sihanouk từ chức, Sihamoni ⁽⁹²⁾ là một người con của bà Monique lên nối ngôi.

Sự tồn tại của chính quyền Hun Sen thân Việt Nam tương đối là một kết quả thuận lợi cho Việt Nam sau những dàn xếp ngoại giao nhằm vẫn hồi hoà bình ở Đông Nam Á. Ngoài mặt, giữa hai chính quyền đang có mối quan hệ “thân hữu” bền chặt nhưng bên trong, sự thù hận dân Việt vẫn âm ỉ trong lòng người Campuchia.

Dù có công giải phóng Campuchia khỏi ách thống trị tàn bạo Khmer Đỏ, nhưng chủ trương “chiếm đóng lâu dài”, và cách cai trị hống hách quan liêu của viên chức cộng sản Việt Nam ở Campuchia càng khiến mối thù hận lâu đời giữa hai dân tộc được hâm nóng. Những lãnh tụ đối

⁽⁹¹⁾ *Ranariddh, cựu chủ tịch phong trào FUNCINPEC chống Việt Nam. Đảng này chiếm đa số trong cuộc bầu cử 1993 nhưng bị đảng của Hun Sen lấn át. Từ 1998 đến 2006 làm chủ tịch quốc hội, sau đó bị Hun Sen gán cho tội tham nhũng và kết án tù, phải trốn qua Thái Lan và Mã Lai. Được vua Sihamoni ân xá, hiện về hưu ở Nam Vang.*

⁽⁹²⁾ *Sihamoni, Norodom. Con của Sihanouk và bà Monique. Hồi nhỏ du học ở Tiệp và Bắc Hàn. Về nước năm 1977 và bị quản chế. Sau 1979 sang Pháp ở. Năm 1984, khi Sihanouk thoái vị, Ranariddh từ chối kế nghiệp và ủng hộ Sihamoni nên Sihamoni được gọi về làm vua. Hiện vẫn còn độc thân nên có lời đồn đồng tính luyến ái.*

lập với Hun Sen như Ranariddh và Sam Rainy ⁽⁹³⁾ luôn luôn tìm cách khơi dậy mối hận thù này.

Ngoài ra, những năm gần đây, Trung Hoa với ưu thế quân sự và kinh tế sẵn có, đang ồ ạt viện trợ hai đồng minh thân thiết của Việt Nam là Ai Lao và Campuchia.

Mới đây, năm 2012, khi Campuchia là nước tổ chức hội nghị ASEAN thì Hun Sen, người được Việt Nam đưa lên cầm quyền và đến phiên làm chủ tịch hội nghị, đã ngả theo Trung Hoa mà không cho Việt Nam đem vấn đề tranh chấp ở biên Đông ra thảo luận trong hội nghị.

Trong khi Việt Nam vẫn muốn theo đuổi chủ nghĩa cộng sản, hy vọng chủ nghĩa này lại có ngày tràn lan trên thế giới để xây dựng thế giới đại đồng và Campuchia vẫn luôn là bước chinh phục đầu tiên thì bên phía Campuchia vẫn có những nhà lãnh đạo cũng luôn nhìn về đồng bằng Cửu Long, hy vọng có ngày sẽ trở về với Campuchia, lấy lại cái tên Khmer Hạ.

Sự hiềm khích giữa hai dân tộc có lẽ còn kéo dài trong nhiều thế hệ tới.

⁽⁹³⁾ *Sam Rainy là một chính khách đối lập ở Campuchia, chủ trương bài Việt Nam và thân Trung Hoa. Năm 2010 bị Hun Sen cho án 2 năm tù về tội “giả mạo chứng cứ” vụ cáo Việt Nam xâm lấn lãnh thổ, hiện lánh nạn tại Thái Lan.*

● CHƯƠNG 15

Chiến trường Việt - Hoa đợt II : cuộc chiến tiêu hao 1979 - 1989.

Bài học quân sự trừng phạt Việt Nam đợt thứ nhất đầu năm 1979 không đạt kết quả như các nhà lãnh đạo cộng sản Trung Hoa mong muốn. Dù chiếm được một số tỉnh lỵ, nhưng về quân sự, bộ đội Việt Nam được đánh giá cao hơn. Không cần dùng tới quân chính qui, họ đã bình tĩnh chống trả một địch thủ có quân số đông gấp hai hay ba lần. Trong cuộc chiến, quân đội Trung Hoa đã phơi bày nhiều nhược điểm như binh sĩ thiếu kinh nghiệm, vũ khí lạc hậu, tiếp vận yếu kém, nhất là chiến thuật biên người đã không còn phù hợp với thực tế và đưa đến tổn thất nhân mạng nặng nề. Do đó, sau năm 1979, Hứa Thế Hữu mất chức tư lệnh quân khu Quảng Châu và Dương Đắc Chí được thăng lên tham mưu trưởng quân đội.

Sau trận chiến, Việt Nam và Trung Hoa đều giảm thiểu hay không công bố tổn thất mà thôi phòng tổn thất của đối phương. Theo giới quan sát Tây phương, tổn thất nhân mạng của Việt Nam khoảng trên dưới 30 ngàn và của Trung Hoa khoảng 50 ngàn.

Nhưng dù bị đánh giá thấp về quân sự, xét về chiến lược, Trung Hoa đã đạt các mục tiêu dài hạn của họ. Trước hết, Trung Hoa tuyên bố rút quân, “*không lấy một tấc đất nào của Việt Nam*”, nhưng trên thực tế, họ đã giữ lại một số địa điểm trọng yếu, lấn thêm một phần đất Việt Nam sát

Hữu Nghị Quan. Việt Nam đã không dám phản kích chiếm lại và không dám cho nhân dân biết. Những nhà máy, nhà thương, trường học, công sở ... tại các thị xã Việt Nam bị chiếm đóng đều bị quân Trung Hoa tháo gỡ đem về nước, hoặc đặt chất nổ phá hủy.

Ngay sau trận chiến, trong khi giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam vẫn một lòng sùng bái Liên Xô, thúc đẩy cả nước tiến lên xã hội chủ nghĩa khiến tình trạng kinh tế ngày một lụn bại thì Trung Hoa tiếp tục làm cho tình trạng đó tệ hại hơn bằng kế hoạch “chiến tranh đa diện” nhằm mục đích đẩy Việt Nam vào thế “chảy máu” đến suy kiệt.

Trong kế hoạch này, về phương diện quân sự, Trung Hoa tiếp tục viện trợ cho Khmer Đỏ để kéo dài cuộc chiến tiêu hao ở phía tây nam, mặt khác, tạo áp lực thường xuyên dọc biên giới phía bắc bằng cách duy trì một lực lượng trên 200 ngàn quân, thỉnh thoảng lại cho quân xâm nhập, lấn chiếm, pháo kích... thường xuyên đe dọa sẽ cho Việt Nam một bài học thứ hai. Đối phó với áp lực quân sự nặng nề, trong cùng ngày Trung Hoa tuyên bố rút quân, chính quyền Việt Nam đã phải ra lệnh tổng động viên để có đủ nhân lực chiến đấu và bố trí phòng thủ trên nhiều mặt trận:

— Mặt trận tây nam 719 của Lê Đức Anh nhằm bình định Campuchia có cố vấn Liên Xô là tướng Koputyn.

— Mặt trận Lào 379 do Chu Phương Đới tư lệnh phòng thủ hướng tây bắc, cố vấn là tướng Sergheevitch.

— Quan trọng nhất là mặt trận miền bắc Việt Nam. Tại mặt trận này, ngoài binh đoàn chính qui 1, 2, 3 (quân đoàn 2,3 vừa rút từ Campuchia về), Việt Nam còn tăng cường sáu quân đoàn tân lập:

- 01) Quân đoàn 14, sau đổi thành quân đoàn 5 hay binh đoàn Chi Lăng, do Hoàng Đan tư lệnh, gồm các sư đoàn 3, 337, 327, 338, 347 phụ trách phòng thủ tuyến đầu biên giới ở hướng Lạng Sơn, quân khu I. Tư lệnh quân khu I là Đàm Quang Trung, cố vấn Liên Xô là tướng Kaveric.

- 02) Quân đoàn 6 ở quân khu II, gồm sư đoàn 316, 335, 345..., tư lệnh là Nguyễn Năng, trợ giúp phòng thủ Lào Cai. Quân khu II của Vũ Lập sau đó còn tăng cường các sư đoàn chủ lực quân khu hay tân lập như 355, 313, 314, 356, 411, 357... Cố vấn quân khu II là tướng Arkhipovitch.

- 03) Quân đoàn 7 hay 65 hoặc binh đoàn Lý Thường Kiệt, dưới quyền điều động của bộ Quốc Phòng, gồm các sư đoàn 341, 342, 343... Tư lệnh là Nguyễn Thế Bôn.

- 04) Quân đoàn 8, hay 26, hay Pắc Bó, gồm các sư đoàn 311, 322, 346, 302 do Đàm Văn Ngụy tư lệnh, phòng thủ mạn Cao Bằng, quân khu I.

- 05) Quân đoàn 29 hay sông Thao, trực thuộc quân khu II vùng Lai Châu, Lào Cai, trong đó có sư đoàn 303, phòng thủ biên giới tây bắc.

- 06) Quân đoàn 34 thuộc quân khu thủ đô (có lẽ chưa kịp thành hình chính thức).

Tháng 3-1979, khi cuộc chiến đang tiếp diễn, Phạm Văn Đồng ở Campuchia về đã bí mật sang Liên Xô xin thêm viện trợ để nuôi dưỡng đạo quân trên một triệu người. Ngoài ngân khoản viện trợ quốc phòng khoảng trên 2 tỷ mỹ kim mỗi năm, Liên Xô gửi sang một số tàu chiến gồm một tuần dương hạm, một khu trục hạm, một tàu vét mìn đến bờ neo ngoài khơi cảng Cam Ranh, nơi mà 74 năm trước, hạm đội Nga Hoàng đã dừng chân trước khi bị hạm đội Nhật của đô đốc Togo đánh tan ở biển Đồi Mã. Ngoài Cam Ranh, Liên Xô còn được xử dụng căn cứ Đà Nẵng. Đồng thời, ngoài hàng ngàn cố vấn dân sự, Liên Xô cũng tăng đến hơn hai ngàn cố vấn quân sự. Dù vậy, giúp đỡ của Liên Xô chỉ có giới hạn. Do sa lầy ở Afghanistan và đối đầu với NATO, Liên Xô không thể gây chiến với Trung Hoa nếu chưa bị mất mặt quá đáng. Cũng như các cuộc tranh chấp trước, vai trò được giao cho Việt Nam là vai trò hy sinh xương máu, làm “người lính tiên phong” của phong trào cộng sản, mở đường cho Liên Xô tiến về Thái Bình Dương và Úc Châu.

Mấy năm sau 1979, thấy Việt Nam vẫn đứng về phe Liên Xô và không rút khỏi Campuchia, Trung Hoa mở thêm chiến dịch mới làm tiêu hao tài nguyên, nhân lực của Việt Nam và một cách gián tiếp, làm suy kiệt nước đờ đầu Liên Xô đang bị sa lầy ở Afghanistan.

Cũng như Việt Nam Cộng Hoà trước kia chỉ có thể tự vệ và bị giới hạn không thể tấn công qua biên giới hay ra Bắc như ý muốn, lần này, đến lượt quân đội Cộng Sản Việt Nam bị Trung Hoa tận dụng tối đa thể chủ động về mục tiêu tấn công, thời gian tấn công, qui mô trận đánh... Một năm đầu, Trung Hoa cho chủ lực quân khu hay pháo binh liên tiếp tạo căng thẳng bằng các cuộc xâm nhập, pháo kích, trong khi luôn đe dọa sẽ có một “bài học thứ hai.”

Không biết rõ mục tiêu, mưu định, thời điểm tấn công của đối phương, Việt Nam dàn một đội quân đông đảo dọc theo chiều dài biên giới hàng ngàn cây số, tạo gánh nặng cho ngân sách ít oi đang sống nhờ vào viện trợ Liên Xô.

Thời gian này, trận đánh quan trọng đầu tiên xảy ra ngày 5 và 6-05-1981 khi quân Trung Hoa tiến đánh một dải đất hẹp của huyện Cao Lộc (Lạng Sơn), chiếm đồi 400 (hay núi Faka mà Trung Hoa gọi là Pháp Táp Sơn) và những cao điểm 820, 630 thuộc huyện Thất Khê. Hai tháng sau, họ

*Tổng bí thư
đảng CSTH
Hồ Diệu
Bang
thăm núi
Faka
(Lạng Sơn)
chiếm được
của VN.*

*—Hình
tài liệu
quân sự
Trung Hoa.*



chiếm điểm cao Sín Mản thuộc Hà Tuyên (Hà Giang và Tuyên Quang, giáp giới Cao Bằng). Năm sau, 1982, Trung Hoa đánh vào Đồng Văn (Hà Tuyên). Tháng 4-1983, họ đánh quân lỵ Mường Khương thuộc Lào Cai. Đó là các trận đánh khuấy phá gây tình trạng bất ổn thường xuyên ở biên giới. Những năm đó, thế lực Liên Xô còn mạnh nên Trung Hoa cũng không dám mạnh tay với Việt Nam.

Nhưng thế lực Liên Xô bắt đầu suy yếu. Mô hình phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa bộc lộ khuyết điểm trầm trọng khiến sản xuất từ nông nghiệp đến công nghệ đều trì trệ, lại thêm tài nguyên phải đổ vào Afghanistan và Việt Nam khiến sinh lực cạn kiệt. Thêm nữa, các tổng bí thư Brezhnev, Andropov, Chernenko liên tiếp bị bệnh và qua đời khiến nội bộ Liên Xô càng khó khăn. Đồng thời Trung Hoa với sự thành công của kinh tế mở cửa, và sự thân thiện với Hoa Kỳ nên càng tự tin hơn.

Thời gian này, Liên Xô bắt đầu tỏ dấu hiệu muốn hoà hoãn với Trung Hoa, nhưng Việt Nam vẫn tin tưởng mù quáng vào thiên đường cộng sản Liên Xô và các hứa hẹn từ thỏa hiệp hữu nghị nên đầu năm 1984, chỉ hai tháng sau khi Dương Đắc Chí viếng thăm Thái Lan và tuyên bố *“đánh vào lãnh thổ Thái Lan là đánh vào Trung Hoa”*, Việt Nam đã mở cuộc tấn công một mật khu Khmer Đỏ và tiến sâu vào nội địa Thái Lan để truy kích.

Hành động của Việt Nam khiến Trung Hoa không thể ngồi yên, vì không thể để mất mặt với Thái Lan và các quốc gia trong vùng. Nhưng Trung Hoa không rầm rộ mở trận chiến ồ ạt mà âm thầm khơi ra một vết thương nhỏ để từ đó, theo thời gian, Việt Nam sẽ liên tục bị “chảy máu”. Vị trí vết thương được Trung Hoa lựa chọn là một khoảng đất đồi núi hoang vu nhỏ bé sát biên giới Việt – Hoa thuộc quận Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Vết thương nhỏ bé, nhưng với thời gian gần năm năm, đã làm tiêu hao nhân lực và kinh tế Việt Nam, góp phần lớn vào thắng lợi của Trung

Hoa khiến cộng sản Việt Nam từ ương ngạnh thách đố năm 1984 đã phải cầu cạnh và quy lụy năm 1989.

Vị Xuyên, Yên Minh là hai quận cực bắc Việt Nam, địa thế hiểm trở, núi non trùng điệp, phương tiện giao thông thô sơ, tiếp vận khó khăn. Chiến trường mà Trung Hoa chọn suốt năm năm kế tiếp đó chỉ là vùng đồi núi hoang vu nhỏ hẹp trong vòng hai mươi cây số vuông. Tuy nhiên, tại chiến trường đó, hàng triệu viên đạn đại bác đã đổ xuống, hàng chục ngàn chiến binh đã hy sinh trong cuộc chiến gần như kỳ lạ phần lớn do pháo binh hai bên pháo vào các chốt phòng thủ mà cả hai địch thủ hàng ngày chen chúc, giành giật từng tấc đất. Trung Hoa chọn khoảng đất đồi núi nhỏ hẹp Vị Xuyên làm chiến trường vì nhiều lý do:

— Qui mô trận chiến không gây phản ứng trong dư luận quốc nội và thế giới, nhất là phản ứng của Liên Xô.

— Vì chỉ muốn tiêu hao sinh lực Việt Nam, Trung Hoa xử dụng tối đa hỏa lực pháo binh. Không như năm 1979, lần này, họ đã được huấn luyện cẩn thận, điều nghiên vị trí hỏa tập kỹ lưỡng, địa hình chiến trường cũng thông thạo vì chính Việt Nam từng nhờ chuyên viên Trung Hoa sang thăm dò, đo đạc, vẽ bản đồ chi tiết cho pháo binh.

— Về tiếp vận, Trung Hoa cũng chiếm ưu thế do đã cho làm đường, sửa sang cầu cống, đem đủ mọi loại pháo đến bố trí để tấn công, trong khi Việt Nam không ngờ Trung Hoa tấn công vào địa điểm không có giá trị quân sự hay chính trị này nên đã trải mỏng lực lượng pháo binh trên toàn tuyến biên giới dài hàng ngàn cây số. Khi Trung Hoa bất ngờ tấn công, pháo binh Việt Nam ở Vị Xuyên chỉ bắn yểm trợ được một thời gian ngắn là hết đạn.

— Phải chiến đấu ở một chiến trường hiểm hóc, Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn về bổ sung, tiếp tế. Trong khi Trung Hoa tự sản xuất được súng đạn, và vì trận chiến chủ yếu là pháo binh, dù có ngày phải tiêu thụ hàng chục ngàn viên đạn pháo, họ chỉ cần chờ thẳng từ công xưởng đến tiền

tuyến còn Việt Nam phải bốc dỡ từ tàu Liên Xô ở Hải Phòng, chờ xe đưa tới thị xã Vị Xuyên, rồi mới chuyển đến các đơn vị đóng trên những cao điểm bằng sức người mà mỗi ngày một người chỉ có thể chuyển lên chiến trường 2 trái đạn nặng hàng chục kí.

— Mục tiêu nhỏ bé của chiến trường Vị Xuyên cũng là nơi để binh sĩ Trung Hoa thực tập cho quen với chiến trận. Vì thấy chiến thuật biển người đã lỗi thời trước hỏa lực vũ khí mới, họ đã dùng Vị Xuyên như một nơi thực tập. Vì thế, chiến dịch “*kỵ tuyến bạt điểm*” này còn được gọi là “*lưỡng sơn luân chiến.*” Lưỡng sơn là núi Đất và núi Bạc mới chiếm được của Việt Nam. Mỗi sáu tháng, họ luân phiên thay đổi đơn vị của nhiều quân đoàn trên lãnh thổ Trung Hoa tới tham chiến. Mới đầu là các đơn vị của quân khu Côn Minh, sau đó là những quân khu Lan Châu, Thẩm Dương, Bắc Kinh, Tế Nam, Vũ Hán, Nội Mông.

— Cuối cùng, để Việt Nam phải cố thủ vùng đất hoang vu nhỏ bé này bất chấp tổn thất, Trung Hoa tung tin là muốn chiếm một “vùng lõm” để giúp con cờ của họ là Hoàng Văn Hoan có một căn cứ trong nội địa hầu bành trướng thế lực, tiêu diệt phe thân Liên Xô Lê Duẩn.

Khi nhắm mục tiêu chủ yếu trên, Trung Hoa cũng mở trận tấn kích phụ vào điểm cao 820, 636 thuộc huyện Trảng Định, Lạng Sơn do vài tiểu đoàn phụ trách với mục đích cầm chân các đơn vị trừ bị ở quân khu I và quân khu III. Khi bị chống trả, những tiểu đoàn này rút lui ngay về nước.

Phòng thủ các cao điểm biên giới dọc theo Vị Xuyên và Yên Minh là các đơn vị sư đoàn 313, một sư đoàn tân lập được dùng làm chủ lực của quân khu II. Ngoài sư đoàn 313, tuyến đầu phòng thủ của Việt Nam tại biên giới quân khu II là những sư đoàn chủ lực khác của quân khu như 314, 356, 316.. Tuyến sau là những sư đoàn của quân đoàn 6 tân lập. Các quân đoàn chính qui của bộ tổng tham mưu được bố trí ở tuyến sau cùng, quanh Hà Nội, nên được binh

lính của các sư đoàn biên giới gọi là ”quân triều đình”. Giai đoạn đầu, chỉ huy mặt trận Vị Xuyên là Lê Duy Mật, tư lệnh phó quân khu II. Một tháng sau, Hoàng Đan thay thế chỉ huy cuộc phản công tái chiếm những vị trí đã mất.

Vì là cuộc chiến kéo dài, những đơn vị của các sư đoàn, quân đoàn Việt Nam cũng lần lượt được gửi lên tuyến đầu để bổ sung hay thay thế cho binh sĩ sư đoàn 313. Do bảo mật và nghi binh, sự theo dõi hoạt động của những đơn vị này rất khó khăn, bởi dù là lính sư đoàn 356 (quân khu II), 312 (quân đoàn 1), 3 (quân đoàn 5), 322 (quân đoàn 26), 320 hay 31 (quân đoàn 3), 306 (quân đoàn 2), 301 (quân khu thủ đô)...khi đến mặt trận, họ vẫn dùng phiên hiệu một đơn vị nào đó của sư đoàn 313 hay 314.

Vì địa thế nhỏ hẹp của chiến trận và hỏa lực pháo binh dồi dào, hai bên đều không thể tập trung lực lượng lớn. Trong trận chiến, khi giành nhau từng mỏm cao, từng ngọn đồi, cách nhau vài trăm hay đôi khi vài chục thước, các đơn vị phòng thủ thường chỉ là trung đội hay đại đội khoảng từ 20 đến 50 người đóng chốt ở những hang động, hầm hố hay công sự... Các đơn vị tấn công, trừ những toán đặc công, thường ở cấp trung đoàn, tiểu đoàn hay đại đội. Quanh các chốt phòng thủ dày đặc những bãi mìn, những bẫy lựu đạn. Binh lính đóng chốt không dùng AK47 mà trang bị toàn súng nặng như đại liên, súng cối, B41, M79, M72 và nhất là lựu đạn. Vì sợ pháo binh và bắn sẻ, tất cả đều núp kín trong hầm, khi cần phải lén bò ra trong đêm. Tiếp tế khó khăn, ăn uống thiếu thốn, chỗ ở chật chội thiếu vệ sinh ngày này qua ngày khác trên 6 tháng mới được thay phiên nên đời sống binh sĩ phòng thủ rất cực khổ và nguy hiểm. Tuy nhiên, đa số vẫn giữ được tinh thần chiến đấu.

Chiến dịch “kỳ tuyến bạt điếm” đợt hai bắt đầu vào 5 giờ sáng 28-4-1984. Sau một trận mưa pháo kích bằng đủ loại pháo 160 ly, 122 ly, hỏa tiễn bắn hàng loạt H12, súng cối 82, 120 ly..., hai trung đoàn của sư đoàn 40 quân đoàn

14 quân khu Côn Minh do tướng Lưu Đãng Vân chỉ huy ào ạt tấn công các cao điểm phòng ngự Việt Nam. Do căng thẳng biên giới kéo dài nhiều năm, binh sĩ phòng ngự thuộc trung đoàn 122 sư đoàn 313 có vẻ lơ là, quân số không đầy đủ, nhất là pháo binh vì bất ngờ đã không kịp và không đủ để yểm trợ. Sau vài giờ đồng hồ giao phong, Trung Hoa đã lấn sâu vào lãnh thổ Việt Nam một dải đất phía tây sông Lô dài khoảng 7 cây số, sâu 2 cây số gồm các cao điểm 1509, 722, 233, 266, bình độ 300-400, khu E, đồi 685, trong đó, quan trọng nhất là cao điểm 1509, hay núi Đất, Trung Hoa gọi là Lão Sơn, và cao điểm 722, Trung Hoa gọi là Lão Hoành Sơn. Từ đỉnh cao điểm 1509, cao 1422 thước trên mặt biển, thoai thoai xuống thấp có những mô đất đá nhấp nhô vòng quanh đỉnh núi thấp dần gọi là bình địa.



Chiếm được đỉnh Lão Sơn, quân Trung Hoa tràn xuống phía nam, vượt khỏi bình địa 1300 nhưng bị chặn lại ở bình địa 1200. Vài ngày sau, quân Việt Nam giành lại núi Đất rồi lại bị tái chiếm. Từ đây, núi Đất hoàn toàn do Trung Hoa kiểm soát.

Ngày 15-5-1984, một trung đoàn của sư đoàn 40, quân đoàn 14 Côn Minh do Liêu Tích Long chỉ huy mở trận tấn công ở phía đông sông Lô, chiếm cao điểm 1030 (Trung Hoa gọi là Đông Sơn), cao điểm 1250 (núi Bạc, Trung Hoa gọi là Giả Âm Sơn), và cao điểm Si Cà Lá do những đơn vị của trung đoàn 266 sư đoàn 313 trấn giữ.

Sau khi bị mất các cao điểm phòng thủ kể trên, quân Việt Nam một mặt chuẩn bị phản công tái chiếm, mặt khác, củng cố phòng ngự các cao điểm kế cận bằng cách đặt chốt chốt thủ trong những hang động hay những công sự. Các chốt của hai bên ở vào thế cài răng lược, có khi chỉ cách nhau vài chục thước. Hàng ngày, hai bên thường xuyên trao đổi



Địa thế hiểm trở cùng vị trí pháo binh Trung Hoa nhìn ngược lại qua không ảnh từ hướng Trung Hoa — Hình : vnmilitaryhistory

pháo kích và Việt Nam cũng gửi các đội đặc công vượt biên giới thám thính, phá rối hậu cần. Theo một nguồn tin, một đội đặc công đã vô tình phá hủy được một dàn radar phản pháo Cymberline mà Trung Hoa mới mua của Mỹ.

Để giành lại các vị trí đã mất, Việt Nam mở cuộc hành quân MB-84. Sau hai tháng chuẩn bị, ngày 12-07-84, quân Việt Nam phản công toàn tuyến Vị Xuyên.

Đơn vị tham chiến gồm :

— trung đoàn 141/SĐ 312 tấn công tái chiếm đồi 1030, 1250 và Si Cà Lá ở phía đông sông Lô

— trung đoàn 174/SĐ 316 đánh đồi 233 và bình độ 300- 400 sát bờ phía tây sông Lô. ⁽⁹⁴⁾

— trung đoàn 876/SĐ356 tiến chiếm 772 và 685.

— trung đoàn 149/SĐ313 tiến chiếm các vị trí gần núi Đất.

Cuộc phản công đặt dưới quyền tướng Hoàng Đan, từng là tư lệnh quân đoàn 14, vừa thay Nguyễn Đức Huy chỉ huy tiền phương. Đích thân Lê Ngọc Hiền, tổng tham mưu phó quân đội và Vũ Lập, tư lệnh quân khu II đến Hà Giang giám sát cuộc phản công. Quá tự tin, khi động viên bộ đội trước trận đánh, Hoàng Đan đã nhắc nên chuẩn bị nhiều dây thừng để “bắt trời quân xâm lược.” Nhưng trên thực tế, lực lượng tấn công bị pháo kích tan nát và bị tổn thất nặng. Theo nguồn tin quân sự Việt Nam thì “do công tác chuẩn bị chưa chu đáo, đánh giá địch không chính xác, quyết tâm và cách đánh không phù hợp, nóng vội, nên trận tiến công thất bại, các đơn vị bị tổn thất lớn.”

Theo cựu trung tá Hoàng Văn Xiển từng tham dự trận đánh chiếm điểm cao 722, gần trăm khẩu pháo 130 ly Việt Nam đã bắn cường tập mục tiêu 722 trong nửa giờ, nhưng

⁽⁹⁴⁾ Các trung đoàn tấn công do các tư lệnh phó sư đoàn chỉ huy hay giám sát trực tiếp của. Tư lệnh phó sư đoàn 316 lúc đó là Đào Trọng Lịch, sau là tổng tham mưu trưởng, tử nạn máy bay bên Lào năm 1998.

quân Trung Hoa biết trước đã rút lui hết. Khi quân Việt Nam đến nơi, công sự hầm hố đã bị pháo binh Việt Nam phá nát nên Trung Hoa phản pháo thì không còn chỗ trú ẩn phải phơi lưng chịu trận. Bị thiệt hại nặng ở mặt trận Đông Sơn 1030, trung đoàn 141 thuộc sư đoàn 312 phải rút về ngay để bổ sung quân số và tái tổ chức.⁽⁹⁵⁾ Theo bài “*Huyết chiến trên đỉnh 1509*” của một sĩ quan Trung Hoa dịch đăng trên blog Phạm Viết Đào, tác giả nói Trung Hoa đã đọc được mật mã của Việt Nam, do đó, sắp đặt sẵn các vị trí hỏa tập đưa 3 trung đoàn Việt Nam vào các bẫy trận địa pháo, gây tử thương trên 1000 người (Trung Hoa phóng đại là 3700).⁽⁹⁶⁾ Theo tùy viên quân lực của đại sứ Nhật Bản, điều này xảy ra do sự phản bội của một sĩ quan quân báo.

Thất bại, Hoàng Đan bị mất chức, hai sư đoàn 316 và 312 rút khỏi Vị Xuyên về chấn chỉnh quân số. Sư đoàn 31 do Trần Tất Thành tư lệnh, thuộc quân đoàn 3 từ Ai Lao được điều về thay thế, để từ đó, cùng hai trung đoàn của các sư đoàn 313 và 356 thực hiện một cuộc phản công tháng 11-1984 nhằm chiếm lại đồi 211(cứ điểm A6b), đồi 400 và đồi 685 ở sát phía đông sông Lô. Trận phản công này do tướng Nguyễn Hữu An, một trung đoàn trưởng trong trận Điện Biên Phủ, sở trường về công kiên chiến, thay thế Hoàng Đan chỉ huy. Lần này không dùng các đơn vị cấp trung đoàn hay tiểu đoàn tấn công ồ ạt mà chủ yếu dùng những tổ đặc công lặn chiếm từng cao điểm, nhưng Việt Nam chỉ chiếm lại được một số cao điểm như vùng E,

⁽⁹⁵⁾ Qua các cựu binh từng ở Hà Giang trên www.vnmilitaryhistory.net, trung đoàn 141/SĐ 312 được đưa đến chỉ 2 ngày trước trận đánh, chưa quen địa thế. Tư lệnh sư đoàn xin hoãn ngày tấn công không được nên chỉ tham chiến hơn 6 giờ đã bị tổn thất nặng phải rút ngay về để bổ sung lực lượng. Trung đoàn 174/SĐ 316 bị đưa vào trận địa pháo cũng bị tổn thất nặng nên bị mang tiếng là “quả dấm dặt dùng dấm vào dấm.”

⁽⁹⁶⁾ Qua website trên, theo một tiểu đoàn trưởng từng tham chiến, trung đoàn 876/SĐ 356 tại trận tái chiếm 722 bị chết và bị thương 549 người.

đồi Cô X., cách các chốt Trung Hoa khoảng từ vài chục đến vài trăm thước. Sau đó, Việt Nam chiếm lại được đồi 685.

Nghĩ rằng quân Việt Nam tổn thất nặng sau trận phản công kể trên, ngày 2-12-1985, Trung Hoa mở cuộc tấn công cấp tiểu đoàn theo ba mũi gồm phía đông là khu vực núi Pha Hán (phía đông sông Lô), ở giữa là mũi tấn công cao điểm 685 (khu núi đá gần tả ngạn sông Lô), và quan trọng nhất là mũi tấn công từ núi Đất lún sâu vào nội địa Việt Nam, dự định tràn qua bình địa 1100, chiếm đồi tiên tiêu, đồi không tên, cao điểm 1050 do trung đoàn 2/SĐ3/QĐ14 phòng thủ. Từ vị trí này, Trung Hoa sẽ khống chế khu vực phía bắc suối Thanh Thủy. Cả ba mũi tấn công đều bị đẩy lui, quân Trung Hoa rút về vị trí cũ.

Mấy tháng sau, lợi dụng thời gian bàn giao cứ điểm quan trọng 211 (A6b) giữa sông Lô và điểm cao 685, từ quân đoàn 14 Côn Minh sang quân đoàn 67 quân khu Tế Nam, khi quân đoàn 67 chưa kịp quen địa thế, một đại đội của sư đoàn 322 quân khu II Việt Nam tái chiếm cứ điểm này ngày 31/05/1985.⁽⁹⁷⁾ Sau những trận tấn công trên, các năm 1985 – 1986, với đà suy sụp của Liên Xô, Việt Nam

⁽⁹⁷⁾ Theo blog Phạm Viết Đào, sau khi mất 211, tư lệnh quân đoàn 67 Trương Chí Kiên báo cáo về Bộ Tổng Tham Mưu là vẫn giữ vững cứ điểm. Phụ trách tác chiến là tướng Ngô Phú Lâm đòi đến kiểm tra khiến Trương Chí Kiên đốc thúc sư đoàn 199 phải tái chiếm vị trí này trước khi Ngô Phú Lâm đến. Sư đoàn trưởng Trịnh Quảng Thần phản đối, đòi có thời gian chuẩn bị. Trương Chí Kiên cách chức Trịnh Quảng Thần, cử Túc Nhung Sinh thay. Được thăng chức mau chóng do là con đại tướng hồng quân Túc Dụ, Túc Nhung Sinh đem sư đoàn 199 đánh căn cứ 211. Kết quả thảm bại, Túc Nhung Sinh mất chức, Trịnh Quảng Thần được phục hồi, nhưng căn cứ 211 vẫn do quân Việt Nam giữ đến khi dứt cuộc chiến. Nhà văn Phạm Viết Đào có người em họ sinh tại Vị Xuyên. Ông đã thu thập được 26 bài về mặt trận này từ mọi phía, nhất là bài phỏng vấn nhà văn Đào Thắng, bài dịch “Lão Sơn thảm bại, Túc Nhung Sinh thăng quan” của La Gia Bình do Nguyễn Thị Anh Thư dịch. Phạm Viết Đào hiện đang bị chính quyền Việt Nam giam giữ.

dần dần yếu thế hơn. Trung Hoa lợi dụng thực trạng này mỗi khi cần đưa ra một tín hiệu cảnh cáo hay trả đũa, tiếp tục pháo kích đôi khi rất dữ dội có ngày hàng chục ngàn trái pháo hoặc mở tấn kích giành giật những cao điểm. Theo tin quân sự Việt Nam, các vị trí nhỏ như Bồn Hàm đã luân phiên đổi chủ 30 lần, đồi Cô X 45 lần, cao điểm 685, 41 lần. Từ 1987, sau khi Gorbachev công bố đổi sách ngoại giao mới và Việt Nam đổi cấp lãnh đạo sau đại hội đảng lần VI tỏ thái độ cầu hoà, tình hình lắng dịu dần.⁽⁹⁸⁾ Trên biên giới phía bắc, chỉ thỉnh thoảng mới có những vụ pháo kích lẻ tẻ.

Hai năm sau, sự suy yếu của Liên Xô đã rõ rệt. Khi Liên Xô tỏ dấu hiệu muốn hoà hoãn, Trung Hoa bắt đầu mở chiến dịch chiếm các đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Đầu năm 1987, họ chiếm bãi Kỳ Vân và Kiệu Ngựa phía tây Trường Sa. Việt Nam phản ứng bằng cách tăng quân trú đóng trên các đảo nhỏ xung quanh, nhưng hoạt động vận chuyển tăng cường, tiếp tế thường bị các pháo hạm Trung Hoa phá rối, ngăn chặn. Suốt một năm 1987, lực lượng hải quân hùng mạnh của Liên Xô ở Cam Ranh không hề phản ứng. Trung Hoa thấy không cần giới hạn hành động nên công khai đưa quân chiếm thêm một số đảo của Việt Nam. Cuộc tấn công này không còn nhằm gây áp lực với Việt Nam nữa, mà nhằm mục tiêu xa hơn là chiếm lĩnh vùng biển có tài nguyên dầu hỏa và mở rộng lãnh hải tiến thêm một bước trong kế hoạch viễn dương phòng thủ..

Đầu năm 1988, Trung Hoa đem quân chiếm đảo chũ Thập. Việt Nam phản ứng thụ động bằng cách chỉ tăng cường binh sĩ đóng tại các đảo xung quanh Đá Lát, Đá Lớn, Châu Viên, Đá Đông, Đá Nam... Giáp Văn Cương được cử

⁽⁹⁸⁾ Nghị quyết trung ương đảng tháng 7/87 ra lệnh tránh va chạm với Trung Hoa, đặt kế hoạch rút khỏi Campuchia. Trước đó, Lê Đức Anh đi thăm trận địa, đã lệnh cho pháo binh chỉ được bắn khi bị tấn công.

làm tư lệnh chiến dịch CQ 88. Lực lượng chiến đấu gồm các lữ đoàn 125,146,172, các hải đội 131,132,134... nhưng tàu chiến lạc hậu, hỏa lực kém, lại phải trải mỏng để phòng thủ nên tháng 3-1988, khi Trung Hoa tiến chiếm đảo Gạc Ma, một đảo nhỏ quan trọng sát phía tây đảo Chữ Thập, hải quân Việt Nam ngăn chặn thì 3 chiến hạm bị bắn cháy, 3 thủy thủ tử trận, 61 người mất tích. Ngoài bãi Gạc Ma, Trung Hoa đã chiếm nhiều đảo như Chữ Thập, Châu Viên, Huy Gơ, Gaven, Xu Bi...⁽⁹⁹⁾

Sau khi chiếm một số đảo chiến lược ở Trường Sa và Việt Nam đã tỏ thái độ cầu hoà, vùng biên giới Việt – Hoa im tiếng súng, cuộc chiến dịu đi và một năm sau, 1989, khi Trung Hoa bị khủng hoảng nội bộ, gặp khó khăn về ngoại giao với thế giới, họ đã cho Việt Nam tái lập bang giao và rút khỏi một số vị trí chiếm đóng tại biên giới. Trong một cuộc phỏng vấn, đại sứ Lê Công Phụng, người từng thương thuyết với Trung Hoa về vấn đề biên giới, nói là trong trận chiến, Trung Hoa chiếm 27 vị trí, sau đó trả lại 21, còn giữ lại 6, có lẽ 6 vị trí này là những cao điểm chiến lược quan trọng. Về hòn đảo bị Trung Hoa lần chiếm không được nói tới. Hồi ký của thứ trưởng ngoại giao Trần Quang Cơ chỉ nhắc là đến năm 1992 vẫn có rắc rối biên giới ở Hà Giang.

Cuộc chiến biên giới Vị Xuyên, hay cuộc chiến lãng quên vì cả hai phía đều cố tình không nhắc tới, tuy xảy ra trên một chiến trường nhỏ hẹp diện tích chỉ khoảng 20 cây số vuông, nhưng đã là một vết thương rỉ máu cho Việt Nam gần năm năm. Suốt thời gian đó, hàng triệu viên đạn trái phá đủ loại đã rải xuống tàn phá ngày đêm. Trên mảnh đất nhỏ hẹp, nhiều đợt thanh niên Việt Nam từ khắp đất nước

⁽⁹⁹⁾ Trong cuộc phỏng vấn của đài RFA, anh Nguyễn Văn Thống, người dự trận Trường Sa cho biết “ bên mình trước khi đi đã quán triệt là không được nổ súng bằng bất cứ giá nào” nên trong trận Trường Sa 1988, hải quân Việt Nam đã không bắn một phát súng nào dù là AK.

đã luân phiên đến chịu gian khổ, chiến đấu, giành lại từng tấc đất, đã đổ máu và hy sinh.

Nếu trong đợt tấn công đầu của cuộc chiến biên giới, Trung Hoa tỏ ra thua kém và tổn thất nặng, thì ở đợt hai, do ưu thế chủ động tấn công và dôi dào hỏa lực, họ ít bị tổn thất hơn, đã chiếm lĩnh được một số vị trí, lần chiếm được một ít đất đai, nhất là trận chiến này đã đóng góp lớn lao vào thành quả của cuộc chiến tranh đa diện làm Việt Nam chảy máu đến kiệt quệ khiến mười năm sau, năm 1989, cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam phải sang Thành Đô nhường nhịn cầu hoà. Nhưng những thái độ nhường nhịn đến mức qui phục của từ Nguyễn Văn Linh đến Nguyễn Phú Trọng, nhất là của Lê Khả Phiêu vẫn không đủ cho Trung Hoa hài lòng và tới nay họ vẫn tiếp tục hành động ức hiếp và lấn chiếm biển Đông.

THAM KHẢO :

- Wikipedia: Trận chiến Việt Trung 1979.
- Blog Phạm Viết Đào.
- Website www.quansuvn.net
- Website Trái Tim Việt Nam, www.ttvnol.com,
lấy tài liệu từ bàn luận và hồi ức của những chiến binh từng chiến đấu ở Vị Xuyên.
- Bản đồ từ nguồn www.vnmilitaryhistory.net,
có lẽ của một cựu sĩ quan từng tham dự trận đánh
- Trên Những Bờ Sông Mekong, *hồi ký của tướng Krivda, trưởng đoàn cố vấn quân sự Liên Xô từ 1982 đến 1985.*



Nghĩa trang liệt sĩ ở Vĩ Xuyên (1660 ngôi mộ, đa số đã hy sinh trong cuộc phản công tại hai ngày 12/07/1984 của tướng Hoàng Đan)



Theo

“The Spratly Island Dispute: Who’s on First” của Dan J. Dzurek :

— Việt Nam giữ Bãi Tộc Tan (*Allison Reef*), An Bang (*Amboyna Cay*), Chan Chai (*Barque Canada Reef*), Bombay Reef, Truong Sa Đông (*Central Reef*), Bãi Vững Mây (*Collins Reef*), Johnson Reef, Đá Núi Lẻ (*Cornwallis Reef*), Đá Lớn (*Discovery Great Reef*), Cồn Đông (*East Reef*), Bãi Quế Dương (*Grainger Reef*), Kingston Shoal, Đá Lạt (*Ladd Reef*), Len Dao, Nam Yết (*Namyit*), Orlena Shoal, Hòn Sáp (*Pearson Reef*), Đò Thi (*Pentley Reef*), Đá Tiên Nữ (*Pigeon Reef*), Bãi Phu Nguyên (*Prince Consort Bank*), Đá Sơn Ca (*Sand Cay*), Sinh Tồn (*Sin Cowe Island*), Sinh Tồn Đông (*Sin Cowe East Island*), Đá Nam (*South Reef*), Song Tử Tây (*Southwest Cay*, đảo Trường Sa (*Spratley Island*) Bãi Tu Chính (*Vanguard Bank*), Cồn Tây (*West Reef*). VN có thể đã chiếm thêm *Orleana Shoal* và *Kingston Shoal*.

— Trung Quốc chiếm *Chigua Reef* (đặt tên là *Dongmen Jiao*), *Cuateron Reef* (*Huayang Jiao*), *Fiery Cross Reef* (chiếm năm 1988, đặt tên là *Yongshu Jiao*), *Gaven Reef* (*Nanxun Jiao*), *Johnson Reef* (*Chigua Jiao*), *Mischief Reef* (*Meiji Jiao*) và *Subi Reef* (*Zhubi Jiao*)

— Đài Loan giữ đảo Thái Bình (*Itu Aba island* do Nhật giao năm 1945

— Mã Lai chiếm *Ardasier Reef* (đặt tên *Terumbu Ubi*), *Investigator Shoal* (*terumbu Peninjau*), *Mariveles Reef* (*terumbu Montanani*) và *Swallow Reef* (*terumbu Layang Layang*).

— Phi Luật Tân chiếm *Commodore Reef*, *Flat Island*, *Lankiam Cay*, *Loaita Island*, *Nanshan Island*, *Northeast Cay*, *Thitu Island*, *West York Island* và đổi tên là *Rizal*, *Patag*, *Panata*, *Dagahoy Dugao*, *Lawak*, *Parola*, *Pagasa*, *Likas*.



● CHƯƠNG 16

Tương quan lực lượng Việt – Hoa tại Biển Đông hiện nay.

— *Chơi với Tàu, mất nước
Chơi với Mỹ, mất đảng !*

● Tham vọng bành trướng của Trung Hoa

Tham vọng bành trướng lãnh thổ của Trung Hoa đã có từ ngàn xưa và chưa bao giờ cần che giấu. Có chăng chỉ các lãnh tụ già nua của đảng Cộng Sản Việt Nam mới nhắm mắt công nhận quyết nghị của Trung Quốc ngày 4/09/1958,⁽¹⁰⁰⁾ khi Trung Hoa tự nhận chủ quyền trên cả Hoàng Sa lẫn Trường Sa. Họ kiên nhẫn chờ đợi đến mười sáu năm sau, năm 1974, khi cuộc nội chiến Việt Nam đi đến giai đoạn quyết liệt mới đem quân đánh chiếm Hoàng Sa, thực hiện bước đầu tiên trong kế hoạch lâu dài của họ ở biển Đông. Các lãnh tụ Cộng đảng Việt Nam có lẽ coi đó như một thắng lợi trên đường tiến lên xã hội chủ nghĩa toàn

⁽¹⁰⁰⁾ *Điều 1 của Tuyên Bố Trung Hoa ngày 4/9/1958: “Lãnh hải nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa rộng 12 hải lý. Qui định này áp dụng cho toàn bộ lãnh thổ nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa, bao gồm Trung Hoa đại lục cùng với duyên hải của các hải đảo, với Đài Loan cùng các hải đảo xung quanh cách đại lục bằng hải phận quốc tế, những hải đảo của khu vực Bành Hồ, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa (tức Hoàng Sa), quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa (tức Trường Sa) và những gì thuộc về hải đảo của Trung Quốc.” (Bản dịch của Trần Đông Đức trên Nam Úc Tuần Báo ngày 29/05/09). Phạm Văn Đông nhanh chóng công nhận mười ngày sau.*

cầu và chỉ phản ứng thụ động bằng các lời tuyên bố vô thưởng vô phạt: “*Những tranh chấp lãnh thổ nên được giải quyết một cách hoà bình.*”⁽¹⁰¹⁾

Khi Bắc Việt chiếm được miền Nam năm 1975, hải quân Trung Quốc chưa đủ mạnh và Việt Nam đang liên minh quân sự với Liên Xô nên Trung Hoa nằm yên thêm mười năm nữa. Năm 1988, Liên Xô suy sụp và Việt Nam khùng hoảng cả về kinh tế lẫn ý thức hệ, Trung Hoa bắt đầu lấn tới vùng biển Trường Sa bằng cách đem quân đánh chiếm đảo Chữ Thập, rồi từ đó lấn sang mấy mỏm đá nhỏ xung quanh. Kể từ thời điểm đó, hành động lấn chiếm của Trung Hoa ngày một rõ ràng và thô bạo hơn.

Điều này xảy ra do nhiều nguyên nhân:

— Về quân sự : Do đã phát triển kinh tế, nhu cầu dầu hỏa của Trung Hoa gia tăng. Từ một nước xuất cảng dầu, từ 1989 Trung Hoa dần dần thành nước nhập cảng dầu quan trọng thứ nhì thế giới. Vì phần lớn dầu nhập cảng của họ mua từ Trung Đông, tàu chở dầu phải qua Ấn Độ Dương rồi qua eo biển Malacca giữa Mã Lai – Nam Dương, sau đó qua vịnh Thái Lan, qua Biển Đông mới tới Trung Hoa. Hải lộ này trở nên huyết mạch chính của kinh tế Trung Hoa. Nếu hải lộ này bị khổng chế, kinh tế Trung Hoa sẽ bị bóp nghẹt. Vì thế, Trung Hoa muốn làm chủ vùng biển Đông để bảo đảm an toàn cho hải lộ huyết mạch của họ.

— Về kinh tế : Vùng biển Đông được dự đoán là có trữ lượng dầu hỏa và hơi đốt khổng lồ chưa khai thác nên Trung Hoa càng muốn được làm chủ vùng biển này. Đây cũng là vùng biển có nguồn thủy sản đáng kể trong khi

⁽¹⁰¹⁾ Theo Hồi Ký Trần Quỳnh, năm 1974, sau khi Trung Hoa chiếm Hoàng Sa, Trần Quỳnh lúc đó là phó thủ tướng, theo Phạm Văn Đồng sang Trung Hoa xin viện trợ. Chu Ân Lai đã không tiếp phái đoàn theo giờ hẹn mà bắt chờ một giờ để xem đài truyền hình chiếu cảnh một cô gái Tàu ngâm thơ ca tụng chiến thắng Hoàng Sa. Dĩ nhiên, như thường lệ, Phạm Văn Đồng khi gặp Chu Ân Lai, vẫn “ngậm miệng ăn tiền.”

Trung Hoa với dân số đông đảo, tài nguyên đã bị tận dụng nên nhìn vùng biển này như một nguồn lương thực quan trọng, và gọi đó là “*không gian sinh tồn*” mới. Sau khi Công Ước Quốc Tế Về Luật Biển ra đời, cho phép quốc gia nào dù làm chủ chỉ một mỏm đá nhỏ cũng có độc quyền khai thác kinh tế một chu vi 200 hải lý xung quanh, nhu cầu nhanh tay chiếm đoạt vùng biển này càng trở nên cấp thiết.

— Về chính trị : Chiếm được biển Đông là một bước tiến trên con đường thực hiện giấc mơ Đại Hán, trở nên siêu cường, tranh giành ảnh hưởng với Hoa Kỳ. Để thực hiện ước mơ, Trung Hoa đã từng bước thực hiện và thúc đẩy một thế giới đa cực, gồm các khối quyền lực riêng biệt Hoa Kỳ, Tây Âu, Nam Mỹ, Hồi giáo và Trung Hoa ở Á Châu. Hiện nay, họ đang phát huy ảnh hưởng khắp nơi bằng cách đầu tư ở Phi Châu, viện trợ Venezuela, trợ giúp cho Cuba và ngầm ủng hộ Iran để thực hiện mục tiêu đa cực, từ đó, Hoa Kỳ sẽ phải phân tán lực lượng khắp nơi, tạo cơ hội cho Trung Hoa độc quyền thao túng vùng Đông Á và, sẽ có ngày trở nên bá chủ toàn thế giới.

● Chiến lược và mục tiêu của hai nước.

Việt Nam tương đối nhỏ yếu so với Trung Hoa, lại có thể về chính trị và ngoại giao nên lâm tình trạng bị động. Hiện tại, sau khi nhượng bộ trên biên giới đất liền và trên vịnh Bắc Việt để được yên thân, mục tiêu ngắn hạn của chính quyền Việt Nam là duy trì nguyên tình trạng, cố giữ tất cả các đảo đang giữ, mặc cho Trung Hoa chiếm Hoàng Sa và những đảo đã chiếm tại Trường Sa, dù trên lời lẽ, Việt Nam vẫn bày tỏ lập trường về chủ quyền đối với hai quần đảo đó, chờ cơ hội cho những thế hệ mai sau.

Trong khi đó, Trung Hoa với dân số đông đảo, kinh tế phát triển, quân lực hùng mạnh hơn, nhưng trong tình thế hiện nay, do nhiều nguyên nhân chưa thể dùng binh lực tràn ngập để nhanh chóng chiếm toàn vùng biển nên họ chủ

trương từ từ lấn tới. Cách lấn chiếm chậm mà chắc “*bất chiến tự nhiên thành*” này được thực hiện bằng nhiều mặt:

— Về kinh tế, không chế bằng đầu tư ồ ạt qua mọi ngành (xây dựng, điện khí, xi măng...), tràn ngập thị trường Việt Nam đủ loại hàng hóa không bán được cho ai với giá rẻ, giết chết sản phẩm thủ công nghệ và kỹ nghệ nhẹ nội địa, thuê rừng để canh tác, khai thác quặng mỏ, đem nhân công từ Trung Hoa sang làm việc... khiến kinh tế Việt Nam dần dần lệ thuộc vào kinh tế Trung Hoa.

— Về chính trị và ngoại giao, Trung Hoa là chỗ dựa cho chế độ độc đảng Việt Nam để tập đoàn lãnh đạo cộng sản duy trì quyền hành và địa vị, cho nên những ủy viên cao cấp của Bộ Chính Trị hầu như sẵn sàng nhân nhượng với nước Cộng Sản đàn anh. Những lãnh tụ mù quáng hơn, sẵn sàng nhường đất và biển để chiêu ý Trung Hoa như Lê Khả Phiêu vẫn được đảng đề cao.

— Về quân sự, Trung Hoa không ngừng tăng cường quân lực, nhất là hải quân ở vùng Biển Đông để đe dọa và tạo áp lực với Việt Nam, cho nên, thời gian gần đây, họ càng ngày càng tự tung tự tác trên vùng biển tranh chấp.

● **Biển Đông và quần đảo Trường Sa.**

Biển Đông là bước tiến chủ yếu đầu tiên nếu không muốn nói là then chốt trong mưu toan phát huy ảnh hưởng và thế lực của Trung Hoa. Chính Trung Hoa đã nhiều lần tuyên bố Biển Đông là một trong ba quyền lợi “cốt lõi” ngang với Đài Loan, Tây Tạng — có nghĩa là họ sẽ chiếm đoạt bằng bất cứ giá nào.

Trong việc giành giật quyền lợi cốt lõi ở Biển Đông, Việt Nam là chướng ngại đầu tiên. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại, dù Hoa Kỳ đã rút khỏi Việt Nam và Subic, đồng thời phải phân tán lực lượng qua Trung Đông, Bắc Hàn, nhưng hải quân Trung Hoa so với đệ thất hạm đội Hoa Kỳ vẫn thua kém nên Trung Hoa chỉ có thể lấn ép từ

từ ở Biển Đông, chậm mà chắc. Nếu năm 1974, họ lợi dụng nội chiến ở Việt Nam để chiếm Hoàng Sa, năm 1988, họ lợi dụng Việt Nam mất chỗ dựa Liên Xô để xâm lấn Trường Sa thì năm 1995, sau khi Hoa Kỳ rút khỏi Subic, họ chiếm đảo Vành Khăn (Mischief) do Phi Luật Tân chiếm giữ.

Việc chiếm đảo Vành Khăn đã gây cảnh giác cho Hoa Kỳ và các nước trong vùng. Hơn nữa, Trung Hoa đang cần ổn định để phát triển kinh tế nên suốt thập niên 1990 tới đầu thập niên 2000, Trung Hoa chỉ âm thầm thực hiện kế hoạch bành trướng tại vùng biển Việt Nam, một nước đang ở tình trạng khó khăn và cô lập cả về chính trị lẫn ngoại giao. Gần đây kế hoạch này thay đổi, khi kinh tế và quân lực Trung Hoa đã phát triển mạnh trong lúc Hoa Kỳ phải quan tâm hơn ở Afghanistan và Iraq. Mức hành động lấn ép của Trung Hoa mỗi ngày một thô bạo hơn. Họ tự tung tự tác, coi toàn vùng Biển Đông này như ao nhà. Ngư dân Việt Nam liên tiếp bị bắt, bị đòi tiền chuộc, bị đánh đắm tàu, bị bắn giết...và từ hai năm qua, 2009 – 2010, Trung Hoa đơn phương ra lệnh cấm ngư dân Việt Nam ra khơi đánh cá từ tháng 5 đến tháng 8 mỗi năm. Các công ty ngoại quốc ký hợp đồng khai thác dầu và hơi đốt tại Biển Đông với Việt Nam bị Trung Hoa áp lực phải bỏ cuộc.

Năm 2009, Trung Hoa chính thức trao cho Liên Hiệp Quốc bản đồ ranh giới lãnh hải “*chín khúc đứt đoạn*” hay đường lưỡi bò, coi toàn vùng Biển Đông thuộc Trung Hoa.

Với chiến thuật đó, từ đảo Chữ Thập (Fiery Reef) năm 1988, họ đã gặm nhấm thêm được sáu mỏm đá hay cồn cát nhỏ của Trường Sa (Chigua Reef, Gaven Reef, Johnson Reef, Mischief Reef, Cuateron Reef và Subi Reef) để mở rộng vùng độc quyền kinh tế.

● Phương cách đối phó của Việt Nam.

Đối phó với Trung Hoa, Việt Nam luôn ở vị thế khó khăn, tế nhị do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Trước tiên, Việt Nam là nước nhỏ, dân số chưa bằng một phần mười dân số Trung Hoa, chính sách kinh tế từ hơn năm mươi năm qua hầu hết đều theo khuôn mẫu Trung Hoa và kết quả thua kém hơn. Thứ hai về chính trị, chính quyền Cộng Sản Việt Nam tự đặt mình vào cảnh cô thế và đây nghịch lý khi giao thiệp với Trung Hoa, luôn phải vừa cầu cạnh vừa đề phòng. Câu nói “*Chơi với Tàu, mất nước – Chơi với Mỹ, mất đảng*” không phải ví von của dân gian mà là một nhận xét thực tế chính xác về nghịch lý này.

Từ thời Nguyễn Văn Linh, Lê Đức Anh, nhất là Lê Khả Phiêu, Cộng Sản Việt Nam vẫn coi Trung Hoa như người thay thế Liên Xô cầm ngọn đuốc Cộng Sản soi sáng thế giới, là khuôn mẫu để học tập và là chỗ dựa cho chế độ độc đảng của họ. Vì thế, dù bị chèn ép, Việt Nam luôn luôn nhường nhịn, cầu cạnh. Những năm sau này, thái độ Trung Hoa cùng dư luận quốc nội và quốc ngoại khiến sự quy lụy của chính quyền Việt Nam bớt lộ liễu hơn, nhưng các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam vẫn coi Trung Hoa là đồng minh số một nên vẫn khép nép, hy vọng có ngày Trung Hoa trở lại tư duy chiến lược “*hai phe, bốn mâu thuẫn*” mà ban ơn cho nước Cộng Sản đàn em.

Trên cán cân “đảng” và “đất nước”, chính quyền Việt Nam đã thiên hẳn về đảng. Hơn hai mươi năm qua, giới lãnh đạo Việt Nam liên tiếp mong sẽ nâng quan hệ ngoại giao giữa hai nước lên “*tâm cao mới*.” Bộ máy tuyên truyền của chính quyền cộng sản Việt Nam không ngừng ca tụng tình bằng hữu thắm thiết với Trung Hoa. Những từ ngữ bóng bẩy như “*bốn tốt*” hay “*mười sáu chữ vàng*” do Giang Trạch Dân ban ra luôn được Việt Nam rao nhắc.

Mỗi khi ngư dân ra khơi bị bắt, bị giết đều chỉ nói do “*tàu lạ*”, không dám nêu đích danh Trung Hoa. Nếu phóng viên nước ngoài hỏi về hành vi chèn ép của Trung Hoa thì các phát ngôn viên đều trả lời với một điệp khúc là Việt Nam sẽ phản đối, đồng thời xác nhận chủ quyền, hứa sẽ

giải quyết bằng ngoại giao để sau đó, mọi chuyện chìm vào quên lãng. Họ tự biện minh thái độ phản đối thụ động này là vì đảng có “*cái nhìn vĩ mô*” hay “*tầm nhìn đại cục*.”

Dĩ nhiên, Trung Hoa không đếm xỉa đến các phản đối trống rỗng này. Hơn nữa, khi Việt Nam muốn cho BP thăm dò dầu khí tại Côn Sơn năm 2007, đúng lúc chủ tịch quốc hội Nguyễn Phú Trọng thăm viếng Bắc Kinh, Trung Hoa vẫn tố cáo Việt Nam xâm phạm chủ quyền và phát ngôn viên ngoại giao Trung Hoa còn đe dọa sẽ “*xử lý nghiêm khắc*” với Việt Nam.

Vì phải nhường nhịn nên thỏa ước biên giới trên đất liền ký kết trên 10 năm nay, nhưng bản đồ chi tiết chưa được công bố. Những nhường nhịn trên thỏa ước ranh giới vịnh Bắc Bộ không che giấu nỗi đã được giải thích bằng sáo ngữ mơ hồ kỳ quái là “*thắng lợi cho cả hai bên*.”

Cộng Sản Việt Nam chỉ tương đối tỏ ra kiên quyết trong vấn đề Trường Sa vì quần đảo Trường Sa và vùng biển xung quanh chiếm vị thế quan trọng với Việt Nam.

Về kinh tế, hiện mức dầu hỏa khai thác ở Biển Đông đã chiếm 1/3 số lượng xuất cảng của Việt Nam và có hàng triệu ngư dân sống nhờ tài nguyên hải sản trên biển.

Về quân sự, bị Trung Hoa đe dọa từ phía bắc và hai nước lân bang phía tây đang ngả dần về Trung Hoa, nếu mất thêm Trường Sa, Việt Nam coi như bị bao vây.

Về chính trị, Cộng Sản Việt Nam đã phạm sai lầm trong vụ Hoàng Sa, đã nhường nhịn trên biên giới đất liền và thỏa ước vịnh Bắc Bộ nên không thể lùi thêm ở Trường Sa. Ngày 9-2-2007, Việt Nam đề ra “*Chiến Lược Biển*” trong đó chủ trương “*phải phấn đấu để nước ta trở thành một quốc gia mạnh về biển, giàu lên từ biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, góp phần giữ vững ổn định và phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường...*” và gần đây, đã tăng cường lực lượng hải

quân đồng thời cố gắng cải tiến quan hệ với Hoa Kỳ.

● **Vai trò của ASEAN
và các quốc gia láng giềng.**

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN, thành lập thời chiến tranh Việt Nam, gồm 6 quốc gia Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba, Brunei và Nam Dương.

Sau khi Việt Nam gia nhập năm 1995, kéo theo Ai Lao, Campuchia, Miến Điện tăng lên thành 10 nước.

Trong thập niên 1970 và 1980, kinh tế các quốc gia ASEAN phát triển nhanh chóng. Họ cần thị trường trong khi Trung Hoa cần vốn đầu tư nên hai bên đã có quan hệ kinh tế sâu sắc. Do đó, một phần do áp lực Trung Hoa, một phần vì quyền lợi riêng tư, các nước ASEAN đã không thể có một phản ứng chung về vấn đề Biển Đông, dù đa số đều e ngại mưu đồ bành trướng của Trung Hoa và có năm nước đang cùng Trung Hoa tranh chấp chủ quyền ở Trường Sa.

Thêm nữa, một nửa trong số 10 nước này chẳng mắc mớ gì đến Biển Đông nên Trung Hoa luôn biện luận Biển Đông là vấn đề riêng biệt của mỗi nước và Trung Hoa chỉ chấp nhận hội đàm song phương với từng nước một, không chấp nhận hội đàm đa phương hay quốc tế hóa vấn đề.

Tại diễn đàn ASEAN 2009, Trung Hoa ngăn cản Thái Lan không cho đem vấn đề Biển Đông ra thảo luận. Năm 2010, Việt Nam làm chủ tịch, đưa vấn đề Biển Đông lên diễn đàn thì chỉ có Hoa Kỳ, một nước quan sát viên, lên tiếng tán thành. Năm 2012, Campuchia làm chủ tịch đã trở cờ, không cho đem vấn đề Biển Đông ra thảo luận. Lúc đó, Phi Luật Tân vừa mất đảo Vành Khăn nên phản ứng quyết liệt trước hội nghị, trong khi ngoại trưởng Việt Nam được báo chí phỏng vấn, chỉ bày tỏ sự thất vọng và buồn rầu.

Trong tình thế đó, trường hợp xảy ra xung đột với Trung Hoa, Việt Nam khó hy vọng có ASEAN giúp đỡ, kể cả Phi Luật Tân vì Phi Luật Tân biết rõ giới lãnh đạo Việt

Nam, đã một mình đơn độc kiện Trung Hoa tại toà án quốc tế đồng thời tìm cách liên minh với Nhật Bản và Hoa Kỳ.

Ngoài ASEAN, một quốc gia trong vùng tỏ ra tích cực hỗ trợ Việt Nam là Ấn Độ. Ấn Độ luôn có tranh chấp biên giới với Trung Hoa. Trung Hoa còn giúp Hội Quốc, đối thủ của Ấn, tăng cường quân lực, chế bom nguyên tử, và tạo áp lực với Ấn Độ bằng cách mướn quân cảng Coco của Miến Điện, quân cảng Hambantoba của Tích Lan. Vì thế, Ấn Độ giúp Việt Nam canh tân vũ khí cũ của Liên Xô, huấn luyện thủy thủ Việt Nam về cách điều hành tàu ngầm và đang dàn xếp để thay công ty BP khai thác mỏ hơi đốt vùng Côn Sơn sau khi BP rút lui vì áp lực của Trung Hoa.

Một quốc gia khác hỗ trợ Việt Nam là Nhật Bản cũng đang bị Trung Hoa giành chủ quyền đảo Senkaku mà Trung Hoa gọi là Điếu Ngư. Nhật Bản có lực lượng quân sự hùng mạnh, có thỏa ước liên minh với Hoa Kỳ nên Trung Hoa dù đạt lợi thế do giữ vai trò quan trọng với nền kinh tế Nhật Bản, cũng chưa dám có biện pháp mạnh.

Cuối cùng, Việt Nam đang đặt hy vọng vào Nga. Sau khi chế độ Cộng Sản Liên Xô sụp đổ, Nga đang từ từ hồi phục nhờ môi lợi kinh tế lớn là bán dầu hỏa và vũ khí. Tuy Trung Hoa là khách hàng lớn nhất nhưng Nga không bao giờ muốn nước láng giềng Trung Hoa mạnh hơn mình. Thực tế từng chứng tỏ khi hai nước cùng là Cộng Sản đã có các đụng chạm quân sự nghiêm trọng. Năm 2009, Nga đã bán cho Việt Nam hỏa tiễn phòng thủ duyên hải K300 P Bastion hiện đại nhất mà không báo cho Trung Hoa biết.

Tuy nhiên, yếu tố chính khiến Trung Hoa e dè về vấn đề Biển Đông thực sự chỉ là thế lực của Hoa Kỳ.

● Vai Trò Hoa Kỳ tại Biển Đông

Tuy mấy thập niên vừa qua Hoa Kỳ bớt quan tâm đến vùng Đông Nam Á, nhưng đệ thất hạm đội vẫn có mặt tại Thái Bình Dương và hùng mạnh hơn hải quân Trung Hoa

rất nhiều. Chính sức mạnh của hải quân Hoa Kỳ đã khiến Trung Hoa dè dặt khi bành trướng thế lực tại Biển Đông, nhất là sau khi Hoa Kỳ tuyên bố chủ trương xoay trục về Á Châu Thái Bình Dương.

Trên thực tế Hoa Kỳ đã cho thấy sẽ chỉ can thiệp vào các tranh chấp khi quyền lợi Hoa Kỳ hay đồng minh thân thiết như Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn... bị đe dọa. Nhưng nhiều giới chức Hoa Kỳ đã công khai xác nhận vai trò quan trọng của Việt Nam trong đối sách xoay trục của Hoa Kỳ. Nói cách khác, Hoa Kỳ đã mở vòng tay thân hữu với Việt Nam và sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam trong tình thế phải đối đầu với Trung Hoa — nhưng với một số điều kiện.

Hoa Kỳ là quốc gia truyền thống dân chủ nên không thể chấp nhận sự vi phạm nhân quyền và sự cấm đoán các quyền tự do căn bản của người dân tại Việt Nam. Vì thế Hoa Kỳ trông đợi Việt Nam cải thiện các vấn đề trên, cụ thể là nỗ lực dân chủ hoá, coi như điều kiện kết thân.

Nhưng Việt Nam là quốc gia Cộng Sản với một tập thể lãnh đạo mù quáng về ý thức hệ nên dù thấy Hoa Kỳ là chỗ dựa tối hậu cho nên an ninh trong vùng, là đòn bẩy cho sự phát triển kinh tế, vẫn luôn đặt Hoa Kỳ vào hạng chót trên bậc thang thứ hạng ngoại giao.

Khi nói tới Hoa Kỳ, chính quyền Việt Nam luôn nhắc nhở cán bộ và nhân dân cảnh giác trước âm mưu “*diễn biến hoà bình*” và mối lo “*Chơi với Mỹ, mất đảng.*” Vì lẽ này, Việt Nam đã thiết lập bang giao với Hoa Kỳ chậm hơn Trung Hoa 20 năm, khiến kinh tế bị tụt hậu so với Trung Hoa và thua kém cả về khả năng quân sự.

Hoa Kỳ quyết định xoay trục và quan tâm về sự lấn lướt của Trung Hoa tại Biển Đông cũng là thời gian Trung Hoa bắt đầu có hành vi thách đố thế lực của Hoa Kỳ như phủ quyết biện pháp trừng trị Bắc Hàn, giảm nhẹ phong tỏa Iran, xách nhiều tàu thăm dò địa chất Impeccable...

Lần đầu tiên sau nhiều năm im lặng đứng ngoài, tại diễn

đàn ASEAN tại Hà Nội tháng 7-2010, ngoại trưởng Hoa Kỳ lên tiếng cho biết Biển Đông cũng là một quan tâm của Hoa Kỳ và muốn quốc tế hóa những tranh chấp. Đồng thời, Hoa Kỳ tỏ ra thân thiện hơn với Việt Nam.

Và, như một dấu hiệu cảnh cáo Trung Hoa, một tháng sau, hàng không mậu hạm Washington ghé ngoài khơi Việt Nam đón các viên chức Việt Nam tới thăm, rồi hộ tống hạm McCain viếng Đà Nẵng. Đồng thời, Hoa Kỳ cũng duyệt xét thỏa ước phát triển năng lượng nguyên tử với Việt Nam.

Do tranh chấp giữa Việt Nam – Trung Hoa tập trung ở vùng Biển Đông nên cũng cần nhìn qua tương quan lực lượng hải quân giữa hai nước.

● Kế hoạch thực hiện giấc mơ “Đại Hán” và sự bành trướng hải quân Trung Hoa.

Cộng Sản Trung Hoa dưới thời Mao Trạch Đông đã hình dung hình ảnh “*ba thế giới*” : Hoa Kỳ, Liên Xô và thế giới thứ ba đứng đầu là Trung Hoa. Liên Xô sụp đổ, quan niệm “*ba thế giới*” đổi khác. Qua lăng kính Trung Hoa, thế giới đang hình thành tình trạng đa cực và từ đây, Trung Hoa sẽ vươn lên tạo thế lưỡng cực, chia đôi thiên hạ với Hoa Kỳ, rồi có thể có một ngày độc bá toàn cầu. Trong ước mơ này, hải quân sẽ phải giữ nhiệm vụ quan trọng.

Vì thế, thời gian gần đây, Trung Hoa liên tục tăng cường ngân sách quốc phòng để tăng cường và canh tân lực lượng quân sự theo các chiến lược dài hạn cho hải quân.

Hai chiến lược chính của hải quân Trung Hoa được nhắc đến là chiến lược “*Chuỗi Ngọc Trai*” và “*Viễn Dương Phòng Thủ*” nhằm cùng một mục tiêu và hỗ trợ cho nhau. “*Chuỗi Ngọc Trai*” có nhiệm vụ bảo đảm an ninh thủy lộ từ Trung Đông tới Trung Hoa, trong khi “*Viễn Dương Phòng Thủ*” có nhiệm vụ khống chế Biển Đông, đe dọa các nước lân bang, đồng thời tạo áp lực với Hoa Kỳ và Úc Châu..

— *Chiến lược Chuỗi Ngọc Trai* : “Chuỗi Ngọc Trai” là tên gọi đường dây bảo vệ thủy trình cho các tàu chuyên chở từ Trung Đông về Trung Hoa, trên đó có những quân cảng chiến lược của Trung Hoa hoặc các nước khác mà Trung Hoa có thể sử dụng. Những quân cảng hay hải cảng này, được gọi là những hạt ngọc trai.

Chuỗi ngọc phòng thủ Trung Hoa khởi từ căn cứ Tam Á ở Hải Nam dọc xuống duyên hải Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, eo biển Malacca ngược lên tới “hạt ngọc” khác là quân cảng Coco, Miến Điện, rồi tới “hạt ngọc” Chittagon, của Bangladesh. Từ đây, nó chạy vòng xuống phía nam vịnh Bengal, tới hải cảng Hambatoba của Tích Lan, một hạt ngọc mới được Trung Hoa xây dựng và thuê lại, cách thủy đạo chở dầu vài chục hải lý. Đây là sự kiện gây thất vọng lớn cho Ấn Độ và Hoa Kỳ. Vì Ấn Độ, một nước láng giềng lâu năm đã không tích cực viện trợ Tích Lan đánh dẹp quân Tamil trong khi Trung Hoa hết lòng giúp đỡ, còn Hoa Kỳ thì luôn chỉ trích chính phủ Tích Lan về nhân quyền. Từ cảng Hambatoba, đường dây ngược lên quân cảng Gwadar của Hồi Quốc, nơi Trung Hoa đã bỏ ra hơn 200 triệu Mỹ kim để tân trang. Quân cảng Gwadar là khâu chốt của đường dây phòng thủ chiến lược, cách Trung Đông chỉ vài trăm hải lý. Hồi Quốc và Trung Hoa đều là đối thủ của Ấn Độ nên Hồi đã hoan hỉ giúp Trung Hoa. Trung Hoa đang xây dựng con đường từ Gwadar tới các tỉnh ở phía tây Trung Hoa và chắc chắn cũng mưu tạo thêm một hạt ngọc ở Biển Đông và đang dụ dỗ Campuchia để hoàn tất chuỗi ngọc bằng cách được sử dụng hải cảng Sihanookville.

Đường dây phòng thủ “chuỗi ngọc trai” này, ngoài việc giữ gìn an ninh thủy lộ, còn đón nhận dầu trong trường hợp khẩn cấp khi một vùng biển nào đó bị trở ngại hay để tiếp tế tàu bè công tác trong những chuyến hải hành xa.

Trung Hoa còn gửi tàu chiến sang bờ biển Somalia để ngăn ngừa hải tặc, và việc này mang ý nghĩa chiến lược



Đường đậm nét bên trên là đường dây của Chuỗi Hạt Trái, đường dưới là thủy lộ chở dầu tới Trung Hoa



quan trọng là răn đe các nước trong vùng, kể cả Ấn Độ là nước đang có tranh chấp biên giới với Trung Hoa.

— *Chiến Lược Viễn Dương Phòng Thủ* : Là kế hoạch hải quân thứ hai của Trung Hoa, mang tên phòng thủ nhưng nhằm tấn công, tạo áp lực tại các vùng biển do Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ tuần tiễu. Kế hoạch thành hình trong thập niên 1980, khi Đặng Tiểu Bình cầm quyền do Lưu Hoà Thanh,⁽¹⁰²⁾ tư lệnh hải quân Trung Hoa thời đó phác họa.

Kế hoạch gồm hai giai đoạn theo đó, giai đoạn đầu là lập một tuyến phòng thủ dọc theo các đảo miền nam Nhật Bản, bọc luôn Đài Loan, chạy sát duyên hải Phi Luật Tân, Mã Lai, bao gồm hết vùng đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Giai đoạn thứ hai, mở lớn tuyến phòng thủ về phía đông, bao gồm luôn vùng biển Nhật Bản với mục tiêu lan tới vùng đảo Guam của Mỹ và Úc châu. Chiếm Hoàng Sa và Trường Sa là bước đầu trong chiến lược viễn dương phòng thủ.

Tại Đông Á, do hải quân Hoa Kỳ quá mạnh, Trung Hoa phải để yên cho các đồng minh của Hoa Kỳ như Đại Hàn, Nhật Bản, Đài Loan. Từ 1988, dù đảo Ba Đầu sát đảo Thái Bình do Đài Loan chiếm giữ, Trung Hoa vẫn không đụng đến. Bù lại, khi Trung Hoa công bố về biên giới lãnh hải lưỡi bò, Đài Loan đã mặc nhiên công nhận và ủng hộ.

● Lực lượng hải quân Trung Hoa

Do đà phát triển kinh tế nhanh chóng trong ba thập niên qua, Trung Hoa đã có khả năng tăng cường và canh tân lực lượng hải quân với tốc độ đáng kể. Kỹ thuật đóng tàu của

⁽¹⁰²⁾ *Đô đốc Lưu Hoà Thanh (Liu Huaqing), tư lệnh hải quân Trung Quốc từ 1982–1987. Được Đặng Tiểu Bình rời Giang Trạch Dân nâng đỡ, sau đó Lưu Hoà Thanh được thăng ủy viên Bộ Chính Trị, phó chủ tịch quân ủy trung ương. Lưu Hoà Thanh chỉ mong Trung Hoa chế tạo được hàng không mẫu hạm. Theo thuật ngữ hải quân, có hàng không mẫu hạm là hải quân nâng cấp từ “green water” (cận duyên) lên “blue water” (viễn dương) có thể tạo áp lực với các nước xa xôi khác.*

Trung Hoa cũng tiến bộ vượt bậc. Ngoài số phi cơ, tàu chiến, hỏa tiễn, phi đạn tối tân mua của Liên Xô, Trung Hoa đã có thể tự chế tạo phi cơ, chiến hạm, tàu ngầm chạy bằng dầu cặn và tàu ngầm chạy bằng nguyên liệu nguyên tử. Đồng thời, để xây dựng một lực lượng hải quân viễn dương (blue navy), họ đã mua hai hàng không mẫu hạm cũ Varyag và Kuznetsov của Liên Xô về học tập, nghiên cứu để chế tạo hàng không mẫu hạm riêng cho họ. Ngoài ra, hỏa tiễn tầm xa Đông Phong DF của họ đã thành mỗi ưu tư cho các hàng không mẫu hạm của Hoa Kỳ.

Từ thập niên 1970 đến nay, số lượng tàu chiến Trung Hoa gia tăng mạnh mẽ. Tàu ngầm từ 35 tăng đến 200 chiếc trong đó có 6 tàu ngầm nguyên tử, 3 tàu ngầm có khả năng phóng phi đạn từ dưới sâu, và pháo hạm phóng phi đạn từ 20 tăng đến 200. Ngoài hơn 20 khu trục hạm cũ, họ còn mua hai khu trục hạm tối tân Sovremenny của Nga...Hải quân Trung Hoa còn có trên 50 tuần dương hạm, một số lớn tàu đổ bộ, những khinh tốc đỉnh phóng hỏa tiễn.

Tất cả được bố trí trong ba hạm đội :

— Hạm đội Bắc Hải chịu trách nhiệm vùng biển Bột Hải và Hoàng Hải, gần Bắc Hàn và Đại Hàn. Soái hạm của hạm đội này là khu trục hạm Cấp Nhĩ Tân

— Hạm đội Đông Hải chịu trách nhiệm vùng Đông Hải gồm Đài Loan, Nhật Bản. Soái hạm là tuần dương hạm J302 Sùng Minh Đảo

— Hạm đội Nam Hải có bộ tư lệnh tại Trạm Giang, Quảng Đông, chịu trách nhiệm vùng Đông Hải của Việt Nam. Soái hạm là tuần dương hạm Nam Xương. Hiện nay, hạm đội Nam Hải được coi trọng nhất, được giành ưu tiên canh tân và phát triển. Trong tương lai gần, khi hàng không mẫu hạm đầu tiên của Trung Hoa được hoàn thành, hậu cứ sẽ là quân cảng Tam Á tại phía nam đảo Hải Nam. Quân cảng này đang là một căn cứ tàu ngầm quan trọng, được coi như bàn đạp cho công cuộc bành trướng thế lực.

● **Lực lượng hải quân Việt Nam.**

Xét về tương quan lực lượng, số lượng tàu chiến Việt Nam còn thua xa hạm đội Nam Hải của Trung Hoa. Ngoài ra, các chiến hạm tối tân nhất, hỏa lực mạnh nhất của cả hai nước đều mua từ Nga. Trừ ưu thế hàng không mẫu hạm dự trù sẽ có của Trung Hoa và 2 khu trục hạm Sovremenny (Hàng Châu, Phúc Châu), vũ khí lợi hại nhất của hải quân hai nước đều là tàu ngầm Kilo và phi cơ Sukhoi 30⁽¹⁰³⁾ của Nga⁽¹⁰⁴⁾. Đặc điểm của hai loại vũ khí này gồm có:

— Sukhoi 30MK2, Trung Hoa có 24 chiếc, Việt Nam sẽ có 12 chiếc là loại phi cơ đa năng, vừa dùng trong không chiến, vừa có thể oanh tạc chiến hạm. Phi cơ có hệ thống gây rối loạn radar địch. Vận tốc tối đa là 2120 km/giờ, tầm hoạt động là 3000 km. Phi cơ được trang bị hỏa tiễn không địa Sk31 hoặc Sk59 chống chiến hạm hay mục tiêu trên mặt đất với tầm hoạt động 100 cây số. Riêng trong không chiến, phi cơ sử dụng hỏa tiễn tầm nhiệt R-73. Phi cơ đều do Nga chế tạo, nhưng Trung Hoa có thể đã biến cải thêm, và Việt Nam cũng có thể nhờ Nga hay Ấn Độ cải tiến vài chi tiết, nên ưu khuyết điểm khác nhau khó ai được biết. Do mua sau 10 năm, phi cơ Sukhoi của Việt Nam có thể được Nga trang bị một số thiết bị điện tử hiện đại hơn. Ngoài ra, trong chiến đấu, thắng bại còn dựa vào sáng kiến và khả năng phi công. Phi cơ Sukhoi 30 bay lâu 4 giờ, nhưng Trung Hoa có kỹ thuật tiếp tế xăng trên không nên có thể bay liên tiếp 10 giờ.

— Tàu ngầm Kilo 636 là loại tàu chạy bằng dầu cặn diesel. Đặc điểm của tàu là chạy rất êm, khó phát hiện và có thể lặn suốt 45 ngày. Tàu có khả năng lặn sâu 300 mét,

⁽¹⁰³⁾ *Sukhoi 30 không phải loại tối tân nhất của Nga. Loại tối tân nhất là Shukhoi PAKFA, dùng đối đầu với F-35 của Hoa Kỳ. Nga chỉ mới bán Sukhoi PAKFA cho Ấn Độ.*

⁽¹⁰⁴⁾ *VN mua 6 tàu ngầm Kilo và 12 Sukhoi 30 với giá 2.4 tỷ Mỹ kim.*

đạt tốc độ tối đa 20,3 km/giờ khi nổi và 37 km/giờ khi lặn. Tầm hoạt động của Kilo đạt 12.000 km khi chạy có ống thông hơi ở tốc độ 13 km/giờ hay 640 km nếu lặn sâu với tốc độ 5,5 km/giờ. Tàu ngầm Kilo có thể chống tàu ngầm hay chiến hạm và cũng là mối lo cho hàng không mẫu hạm.

Vũ khí chính của tàu ngầm Kilo 636 là 6 ống phóng ngư lôi cỡ 533 mm ở phía trước mũi tàu. Thông thường tàu có thể mang theo 18 ngư lôi (phi đạn bắn dưới nước) bắn ra bởi 6 ống phóng ngư lôi loại VA-111 Shkval có tầm bắn từ 7 đến 10 cây số và có vận tốc 370 km/giờ. Những ống phóng ngư lôi này có thể dùng để rải 24 thủy lôi (mìn đặt dưới nước). Vì Việt Nam mua trễ, tàu Kilo được trang bị loại vũ khí tối tân hơn là phi đạn Novator Club-S (NATO gọi là SS-N-27 Sizzler) có thể tiêu diệt các tàu chiến ở khoảng cách tới 220 km bằng đầu nổ 450 kg của nó. Để phòng không, tàu Kilo 636 được trang bị bộ phóng tên lửa phòng không Strela-3 hoặc Igla. Tên lửa phòng không Strela-3 (SA-N-8 Gremlin) có tầm xa 6 km. Sáu tàu ngầm Kilo sẽ thay thế hai tàu ngầm Yugo nhỏ mua của Bắc Hàn hơn mười năm trước và trả bằng gạo, dự trữ dùng đến 2012 sẽ phế thải hay dùng vào việc huấn luyện.

Ngoài hai loại vũ khí tối tân kể trên, hải quân Việt Nam có 5 hộ tống hạm loại nhỏ Petya dùng chống tàu ngầm mang tên HQ 9,11,13,15,17 mua từ thời Liên Xô. Tàu chạy rất nhanh, khoảng 30 km/giờ. Tầm hoạt động tùy vận tốc nhanh hay chậm, từ 500 đến 4000 hải lý. Để diệt tàu ngầm, tàu trang bị 4 dàn phóng phi đạn RBU 6000 và 5 ống phóng ngư lôi. Phi đạn RBU có tầm bắn từ 600 mét đến 4 cây số, bắn được tàu ngầm lặn sâu nhất là 1000 mét.

Gần đây, Việt Nam mua thêm hai hộ tống hạm Gepart của Nga, tối tân hơn. Tàu này có vận tốc 23 hải lý (khoảng 40 km/giờ) và tầm hoạt động 5000 hải lý. Loại hộ tống hạm này được trang bị hệ thống phi đạn chống chiến hạm Uran-E có thể bắn 16 phi đạn cùng một lúc, nhằm chống lại hệ

thống phi đạn phòng thủ của địch. Với tầm tác xạ từ 5 đến 100 km, hệ thống có thể bắn 6 mục tiêu cùng một lúc. Gepart cũng trang bị ống phóng ngư lôi chống tàu ngầm 533 ly và súng chống chiến hạm 630 M. Gepart có thể chở trên tàu một trực thăng cỡ nhỏ. Để chống phi cơ địch, Gepart dùng hệ thống phòng không Palma. Hệ thống này gồm một trung tâm radar, và bắn máy bay địch trong tầm cao từ 500 đến 3000 mét bằng cả súng lẫn phi đạn phòng không. Hệ thống Palma có thể dùng các loại phi đạn điều khiển khác nhau và bắn sáu mục tiêu trong cùng một lúc.

Ngoài các hộ tống hạm loại nhỏ trên, Việt Nam có khoảng 20 khinh tốc đình Tarantul bắn phi đạn chống tàu chiến và tàu ngầm. Loại khinh tốc đình này có lợi thế chạy nhanh 32 hải lý tức gần 60 km/giờ. Nếu chạy 26 km/giờ, Tarantul có thể hoạt động trên biển 10 ngày và tầm hoạt động là 1650 hải lý. Tàu trang bị phi đạn phòng không SA-N-5, phi đạn chống chiến hạm SS-N-22 (Sunburn, tầm hoạt động 250 km), phi đạn SS-N-25 (tầm hoạt động 130 km), hoặc phi đạn cỡ hơn SS-N-2 (tầm hoạt động 80 km). Một số tàu trang bị phi đạn chống tàu ngầm RBU1200 và ống phóng ngư lôi 406 ly. Một số khinh tốc đình cũ vẫn được dùng thuộc các loại Osa II (8 chiếc) chuyên phóng phi đạn, Turya (5 chiếc), Shershen (3 chiếc) dùng phóng thủy lôi và Svetlyak (2 chiếc, trang bị đại bác).

Trên đây là những chiến hạm và vũ khí chính của hải quân Việt Nam. Trung Hoa cũng sử dụng những chiến hạm tương tự nhưng với số lượng nhiều hơn, một số chiến hạm tối tân hơn như hộ tống hạm Sovremenny mà Việt Nam không có. Tuy nhiên, vì thiên về phòng thủ, Việt Nam có lợi thế là duyên hải tương đối gần vùng biển tranh chấp hơn, và ngày 19-5-2009, Việt Nam đã mua được từ Nga hai hệ thống phòng thủ bờ biển rất hiện đại K300P Bastion P gồm những hỏa tiễn 3M55 Yakont được gọi là “hệ thống Hồng Ngọc” điều khiển bằng radar chống chiến hạm có

tầm bắn xa 300 km. Đây là một hệ thống phòng ngự tối tân nhất và Nga mới chỉ bán cho Việt Nam. Tân Hoa Xã, trong một bản tin có hướng lo ngại, đã dự đoán hai hệ thống này với tầm bảo vệ dài 600 km duyên hải sẽ được bố trí dọc vùng IV Hải Quân có trách nhiệm về vùng biển Trường Sa.

Ngoài hệ thống Hồng Ngọc nêu trên và loại hỏa tiễn Scud không chính xác lắm với các mục tiêu trên biển mua từ Bắc Hàn nhiều năm trước, Việt Nam còn có 2 hệ thống hỏa tiễn phòng thủ di động là P5 Bazalt và Kh-41 Moskit.

Hệ thống P5 Bazalt có những phi đạn SS-N-12 chống các mục tiêu trên biển hay trên mặt đất, có tầm hoạt động 550 km. Hệ thống Kh-41 Moskit gồm những phi đạn SS-N-22 với tầm hoạt động 120 km.

Theo báo The Straits Times ở Singapore thì Việt Nam đã đặt mua từ Do Thái hệ thống phi đạn tầm ngắn Extra, có thể bắn đầu đạn 125 kg xa 150 km để phòng thủ duyên hải.

Thêm nữa, hải quân Việt Nam còn có các tàu vận tải, vớt mìn, tiếp tế, sửa chữa, đổ bộ mua của Nga, hoặc tự đóng do tổng công ty Vinashin, hoặc do hải quân VNCH bỏ lại (Trần Khánh Dư – HQ 501).

Việt Nam mới ký hợp đồng mua của Canada 12 thủy phi cơ dùng trong công tác trinh sát, vận tải, cấp cứu... và một số tàu khinh tốc Tarantul được đóng tại Việt Nam với trợ giúp của Nga. Việc phòng vệ duyên hải còn có các dàn radar mua từ Thụy Điển, Ukraine... cùng các phi cơ Mig 21, 23 cũ được Ấn Độ và Do Thái tân trang. Khi Nam Tư bị tách làm hai, Serbia không có biên, hải quân không có chỗ xử dụng, Việt Nam định mua lại ba tàu ngầm, nhưng Serbia đã bán trọn hạm đội cho Ai Cập.

Trong phạm vi Chiến Lược Biên, Việt Nam cố phát triển kỹ nghệ đóng tàu và thành lập tổng công ty Vinashin với số vốn hàng tỷ Mỹ kim gồm nhiều công ty nhỏ dọc theo những tỉnh ven biển. Những năm đầu, công ty đã đóng được một số tàu vận tải cho nhiều quốc gia như Pháp, Anh,

Nhật...và tàu đánh cá, tàu tuần cho quốc nội. Nhờ nhân công khéo tay, cần cù, tiền công rẻ, có lúc Việt Nam được xếp hạng 5 trong những quốc gia đóng tàu trên thế giới.

Tiếc thay, cũng như tất cả công ty quốc doanh khác, tệ nạn bè phái, tham nhũng, vô trách nhiệm đã khiến tổng công ty đầy triển vọng bị sụp đổ, chính phủ phải lãnh số nợ trên 4 tỷ Mỹ kim. Tổng giám đốc công ty Phạm Thanh Bình mất chức và bị truy tố. Sự thất bại của Vinashin ⁽¹⁰⁵⁾ thể hiện khuyết điểm của những công ty quốc doanh, làm tổn hại ngân quỹ và là một bước thụt lùi cho kỹ nghệ đóng tàu cũng như kế hoạch canh tân của hải quân Việt Nam.

● Tổ chức hải quân Việt Nam.

Vùng biển Việt Nam chia làm năm vùng hải quân :

— Vùng I, trách nhiệm vùng biển và các hải đảo trong vịnh Bắc Bộ từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh. Bộ tư lệnh đóng ở Hải Phòng.

— Vùng III, vùng biển miền Trung, trách nhiệm vùng biển và những hải đảo từ Quảng Bình đến Bình Định. Bộ tư lệnh đóng ở Đà Nẵng.

— Vùng IV, trách nhiệm vùng biển Nam và miền Trung từ Phú Yên đến bắc Bình Thuận, kể cả quần đảo Trường Sa và đảo Phú Quý. Bộ tư lệnh ở Cam Ranh.

— Vùng II : trách nhiệm bảo vệ vùng biển từ Bình Thuận tới Bạc Liêu kể cả đặc khu kinh tế DK trên thềm lục

⁽¹⁰⁵⁾ Công ty quốc doanh Vinashin, thành lập năm 2006 do ngân sách quốc gia vay vốn, giao cho những cán bộ đảng viên quản lý kinh doanh, được ưu tiên chiếm hữu đất đai, bao gồm khoảng 200 “công ty con” từ Bắc xuống Nam, chủ yếu là đóng và sửa chữa tàu, nhưng đã mở rộng và kinh doanh đủ thứ, từ nuôi heo, đến buôn bán xe hơi, trồng cà phê, trồng dưa... Kết quả là mỗi công ty con tha hồ chia nhau đục khoét của công rồi chính quyền sẽ trả nợ. Một thí dụ là năm 2007, họ mua tàu Hoa Sen từ Ý để chạy tuyến đường Bắc Nam với giá 600 triệu Mỹ kim, chạy được đúng một năm thì hư hỏng. Có tin đồn tàu được mua do một lúc nổi hứng trong một bữa nhậu của những cán bộ lãnh đạo công ty.

địa. Bộ tư lệnh đóng ở Đồng Nai (Vũng Tàu).

— Vùng V: quản lý vùng Nam của biển Đông và vịnh Thái Lan. Bộ tư lệnh đóng ở Phú Quốc.

Sau 1975, hải quân Việt Nam lập ra 2 hạm đội, Bạch Đằng và Hàm Tử, nhưng về sau giải tán, có lẽ để tập trung lực lượng và thống nhất chỉ huy khi xảy ra biến cố. Những đơn vị hỏa tiễn di động phòng vệ duyên hải đặt dưới sự chỉ huy của binh chủng “tên lửa pháo bờ biển.” Cùng với binh chủng “lính thủy đánh bộ” và “không quân hải quân”, binh chủng “tên lửa pháo bờ biển” do bộ tư lệnh hải quân chỉ huy. Ngoài ra, quân chủng hải quân có các công ty đóng tàu Hải Long (Hải Phòng), Hải Minh (hay X51, Sài Gòn) để tu bổ, bảo trì, sửa chữa và đóng những tàu tuần nhỏ, tàu đánh cá dân sự cho Việt Nam và ngoại quốc.

● Tương quan lực lượng quân sự.

Hiện nay theo nhận định chung, một cuộc chiến qui mô Việt Nam – Trung Hoa gồm cả chiến tranh trên biển và trên đất liền khó xảy ra.

Thứ nhất, kinh nghiệm lịch sử cụ thể năm 1979 cho thấy Trung Hoa không chắc ăn khi chiến đấu trên đất liền dù với địch thủ yếu kém hơn về nhân lực cũng như vũ khí.

Thứ hai, nếu trận chiến xảy ra không như ý, có thể kéo theo hậu quả khó lường, kể cả sự sụp đổ của chế độ.

Thứ ba, mục tiêu của Trung Hoa là tài nguyên và vị trí của những hải đảo, một trận chiến trên biển qui mô càng nhỏ càng có lợi cho chiến thuật “lấy thịt đè người” khi họ có thể dùng vũ khí tối tân hơn, số lượng nhiều hơn.

Cuộc đụng độ trên biển khác với cuộc đụng độ trên đất liền do ưu thế vũ khí đóng vai trò quan trọng. Vì thế, khi so sánh tương quan hỏa lực của hai lực lượng hải quân, Trung Quốc có ưu thế vượt trội. Hơn nữa, những vũ khí hiện đại mà Việt Nam sử dụng thì Trung Hoa cũng sử dụng mà lại có nhiều hơn, sử dụng lâu hơn nên đã hiểu rõ hết tính năng.

Thí dụ là ngày 9-7-2007, khi hải quân Trung Hoa bắn chìm một thuyền đánh cá Việt Nam, gây thương vong cho nhiều ngư dân, hai tàu BPS-500 của hải quân Việt Nam chạy tới nhưng chỉ đứng xa để “cưỡi ngựa xem hoa”, không dám gây chiến, và như thông lệ, để phát ngôn viên ngoại giao giải quyết bằng... phản kháng xuống.

Do Việt Nam gần đây tăng cường lực lượng hải quân nên hải quân Trung Hoa bắt đầu có một số giới hạn, không còn mặc sức coi Biển Đông như cái “ao sau” của mình để tự tung tự tác.

Nếu xảy ra một trận hải chiến qui mô với Việt Nam, chắc chắn Trung Hoa sẽ dựa vào ưu thế số lượng để chiến thắng nhanh. Nhưng vùng biển dễ xảy ra tranh chấp hiện nay là vùng biển Trường Sa chỉ cách Cam Ranh 245 hải lý hay Nha Trang, Tân Sơn Nhất hơn 300 hải lý. Hải quân Việt Nam dễ dàng được không quân yểm trợ. Trong khi đó, phi cơ Trung Hoa từ đảo Hải Nam phải bay một thời gian lâu gấp hai. Nếu Trung Hoa sử dụng các chiến hạm tối tân như Sovremenny, các chiến hạm này có thể là mục tiêu cho những Mig 21, Sukhoi 27, Sukhoi 30MK2...hay các thủy lôi, phi đạn của Kilo nằm phục kích đâu đó. Hàng không mẫu hạm Trung Hoa sẽ không có tác dụng nhiều trong một trận chiến giả định với Việt Nam, vì nó rất tốn kém⁽¹⁰⁶⁾ và vì tượng trưng uy tín Đại Hán, Trung Hoa sẽ phải rất e dè nếu chẳng may bị tổn thất. Ngoài ra, tàu chiến Việt Nam còn lợi thế được yểm trợ từ vùng duyên hải bởi những giàn hỏa tiễn phòng vệ, nhất là giàn hỏa tiễn K300 P Bastion dọc bờ biển miền Trung...

Nhưng nếu không kể đến các ngạc nhiên bất ngờ, hải quân Việt Nam chỉ có thể ở vị thế tự vệ, và không thể chịu

⁽¹⁰⁶⁾ Một hàng không mẫu hạm đi đến đâu cũng cần tiền hô hậu ủng, phải được bảo vệ từ phía bằng các hộ tống hạm, phi cơ, tàu ngầm và một hệ thống tiếp liệu...

đựng một chiến dịch trên biển lâu dài do quá thua thiệt về số lượng, bởi chắc chắn Trung Hoa sẽ tăng cường một số phi cơ, tàu chiến từ hạm đội Bắc và Đông Hải trong khi chỉ riêng hạm đội Nam Hải đã hùng mạnh hơn hải quân Việt Nam rất nhiều. Ngoài ra, Trung Hoa luôn nắm lợi thế chủ động. Sự tăng cường hải lực của Việt Nam mới đây chỉ có ý nghĩa báo cho Trung Hoa biết sẽ phải trả một cái giá nào đó, có thể rất đắt, khi chèn ép thái quá ở biển Đông.

Cuối cùng, lá bài quan trọng mà Việt Nam có thể dùng trong trường hợp tối hậu và thực sự khiến Trung Hoa dè dặt là nếu bị dồn tới chân tường, Việt Nam sẽ đành phải “chơi với Mỹ, dù mất đảng”, cho Hoa Kỳ xử dụng hải cảng Cam Ranh. Sự có mặt Hoa Kỳ ở Cam Ranh sẽ làm đứt xâu chuỗi ngọc trai và chặn đứng kế hoạch viễn dương phòng vệ của Trung Hoa.

● Kết luận .

Đó là vài nét chính về tương quan lực lượng hải quân giữa hai nước Việt – Hoa và một số suy nghĩ chủ quan về những ưu khuyết điểm.

Tại biển Đông, việc đòi lại Hoàng Sa là một công cuộc khó khăn, có lẽ phải chờ một thời gian dài, nhưng việc bảo vệ vùng biển và quần đảo Trường Sa là mục tiêu ưu tiên cấp thiết. Hiện nay, sức mạnh hải quân Việt Nam chỉ có thể đe dọa sẽ gây tổn hại ít nhiều về uy tín, về quân sự, về kinh tế cũng như về chính trị cho Trung Hoa và không hy vọng gì đạt chiến thắng.

Sự canh tân lực lượng hải quân mới đây là một yếu tố tích cực nhằm giảm bớt cường độ sách nhiễu của Trung Hoa, nhưng chỉ là một yếu tố nhất thời. Ngoài ra, vấn đề dũng khí để chính quyền Cộng Sản Việt Nam có dám xử dụng vũ khí mới này đối phó với nước Cộng Sản đàn anh hay không vẫn còn là câu hỏi.

Cho tới nay, yếu tố chính để bảo vệ những hòn đảo còn

giữ được và vùng biển phụ cận gần như phụ thuộc vào thế lực Hoa Kỳ. Dù muốn dù không, Việt Nam phải trực tiếp hay gián tiếp dựa vào Hoa Kỳ, nhưng quan hệ giữa hai nước vẫn trong tình trạng dè dặt, vì Việt Nam chưa dám đặt nhẹ quyền lợi của đảng để nghĩ đến nhu cầu dân chủ hóa sinh hoạt chính trị. Như thế, Hoa Kỳ sẽ chẳng bao giờ dính vào tranh chấp biển Đông nếu Trung Hoa không chạm đến quyền lợi của họ hay đe dọa đến các đồng minh thân thiết của họ là Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn.

Tóm lại, với thế yếu về quân sự, để chấm dứt chiến thuật tầm ăn lá dâu của Trung Hoa, Việt Nam cần có một sức mạnh chính trị và ngoại giao. Sức mạnh này chỉ có được khi chính quyền Việt Nam thay đổi tư duy, coi trọng đất nước hơn đảng mà từ bỏ chế độ lỗi thời cai trị bằng đàn áp, độc tài với dân, cầu cạnh với địch. Chỉ khi đó, Việt Nam mới hoà nhập được vào trào lưu của thế giới, mới hy vọng được Hoa Kỳ cùng như những cường quốc khác tích cực hỗ trợ để có thể giữ được toàn vẹn lãnh thổ và vùng Biển Đông.



KẾT TỪ

● HOÀNG DUNG

Tôi viết cuốn Chiến Tranh Đông Dương III này cách nay đã hơn mười lăm năm và cuộc chiến cộng sản tương tàn cũng đã hoàn toàn chấm dứt cách nay hơn hai mươi năm.

Trong khoảng thời gian hơn hai mươi năm đó, thế giới đã trải qua bao nhiêu đổi thay, chiến tranh lạnh chấm dứt, đế quốc Liên Xô sụp đổ, phong trào Hồi giáo quá khích và khủng bố phát triển, kinh tế thế giới ngày càng mang tính cách toàn cầu...

Riêng đối với Việt Nam, chính sách đổi mới từ 1986, bỏ đi mô hình kinh tế của Mác, áp dụng kinh tế thị trường đã đưa đến một số thành quả kinh tế nhất định, quan hệ ngoại giao đối với hai quốc gia lân bang thù nghịch, nhất là đối với Trung Hoa, tương đối đã được cải thiện, nhưng vẫn luôn luôn bất cân xứng.

Một câu hỏi thường được đặt ra khi viết về một cuộc chiến tranh giữa hai quốc gia là liệu cuộc chiến đó có thể tái diễn hay không. Trong cuộc tranh chấp Việt - Trung, các nhà quan sát thời sự trên thế giới hiện nay đều đang coi vùng biển Đông ngoài khơi Việt Nam và Trung Hoa là một “điểm nóng”, dễ trở thành một

nguyên nhân gây ra một cuộc chiến mới.

Tuy nhiên, nếu “điểm nóng” biển Đông có thể trở nên một ngòi nổ gây ra một cuộc chiến tranh địa phương hay một cuộc chiến qui mô lớn, điều này chỉ có thể xảy ra khi Trung Hoa đụng chạm trực tiếp tới quyền lợi của Hoa Kỳ như gây chiến với Nhật Bản, tiến chiếm đảo Senkaku hay thô bạo xâm lấn Phi Luật Tân. Trong khi đó, chúng ngại quan trọng và trực tiếp trên bước đường mưu toan bá chủ Biển Đông là Việt Nam thì trong suốt ba mươi năm qua, vẫn đang cố thể chịu đựng sự áp chế của Trung Hoa trên mọi phương diện.

Có nhiều nguyên nhân đưa tới phản ứng thụ động và tình trạng gần như bất lực của Việt Nam. Dĩ nhiên là có những nguyên nhân khách quan như hoàn cảnh của một nước nhỏ yếu hơn bên cạnh một nước đông dân cư và hùng mạnh hay nhu cầu cần chiếm đóng một vùng biển nhiều tài nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng của Trung Hoa. Tuy nhiên, có những nguyên nhân chủ quan cũng rất quan trọng là chính quyền Việt Nam đã tự đặt mình vào một thế hạ phong và bất lợi, mà căn bản là sự du nhập và áp đặt chủ nghĩa cộng sản vào đất nước Việt Nam đưa đến một chính sách đối ngoại thụ động, khép nép cầu cạnh, nhường nhịn và đầy nghịch lý đối với Trung Hoa.

Chính sách đối ngoại khép nép này bắt đầu được thể hiện từ năm 1988 khi hải quân Việt Nam được đưa ra bảo vệ Trường Sa nhưng lại “*không được phép nổ súng*” và trở nên rõ ràng, chính thức năm 1990, khi Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Phạm Văn Đồng sang Thành Đô muối mặt cầu hoà.

Kể từ đó đến nay, hai mươi năm trôi qua, Việt Nam

và Trung Hoa đã trải qua nhiều đợt cầm quyền, nhưng mưu đồ và tham vọng của Trung Hoa vẫn không thay đổi, luôn luôn lấn ép Việt Nam về biên giới trên bộ hay trên biển, thường xuyên bắt giữ và sát hại ngư phủ Việt Nam, áp lực các công ty ngoại quốc khai thác tài nguyên tại vùng biển của Việt Nam, từng bước hợp thức hóa hầu hết Biển Đông.

Trong khi những hành động lấn chiếm và ức hiếp Việt Nam nằm trong bước đầu trong việc thực hiện mục tiêu rõ ràng và dài hạn của Trung Hoa là khống chế Biển Đông, sau đó phát triển ảnh hưởng đe dọa miền Tây Hoa Kỳ và Úc Châu, tranh giành địa vị siêu cường với Hoa Kỳ rồi bá chủ thế giới, thì chính sách đối phó của Việt Nam chỉ là tạm thời, vá vúi, mong giữ được nguyên trạng – status quo – để rồi hy vọng Trung Hoa sẽ nể tình một nước cộng sản đàn em đang hết lòng nhường nhịn mà không lấn lướt quá đáng, từ đó đảng vẫn độc quyền hưởng đặc quyền đặc lợi. Những vụ bắn giết ngư phủ, lấn chiếm hải đảo... đều được phản ứng bằng những lời phản kháng xuông của những phát ngôn viên chính phủ là xác nhận chủ quyền và hứa sự việc sẽ được giải quyết bằng những cấp cao, trong “tầm nhìn đại cuộc”. Nhưng những cấp cao này, từ tổng bí thư, chủ tịch nước đến thủ tướng Việt Nam, mỗi khi gặp đối tác của Trung Hoa, tất cả đều chỉ luôn nhắc đến “mười sáu chữ vàng” hay “bốn tốt” mà Giang Trạch Dân đã chỉ dạy.

Với chủ trương coi trọng sự sống còn của đảng hơn là sự toàn vẹn lãnh thổ, các lãnh tụ cộng sản Việt Nam đã có một thái độ khép nép qui phục đối với Trung Hoa, nhưng đối với nhân dân trong nước, họ lại có một

đường lối quyết liệt hơn. Một mặt họ che giấu thông tin — *bản đồ chi tiết biên giới Việt Trung vẫn chưa được phổ biến, ranh giới lãnh hải vịnh Bắc Bộ được ca tụng một cách hàm hồ khó hiểu là “thắng lợi cho cả hai bên”*—, những tàu Trung Hoa bắt bớ và tàn sát ngư dân Việt suốt hai chục năm nay đều chỉ được gọi là tàu lạ.

Mặt khác, những người biểu tình chống đối Trung Hoa bị đàn áp hay bắt giữ, một số bị gán cho những tội vu vơ để bỏ tù giam giữ nhiều năm.

Đảng viên được học tập là đảng lúc nào cũng anh minh, sẽ giải quyết được mọi chuyện.

Chính sách thụ động và khép nép cầu hoà này của Việt Nam rất phù hợp với Trung Hoa trong giai đoạn hiện tại. Trong khi họ dùng tài nguyên kinh tế khổng lồ để nhanh chóng tăng cường và hiện đại hóa không quân và hải quân chờ ngày đối phó với Nhật Bản và Hoa Kỳ thì tại Biển Đông, Trung Hoa từ từ, âm thầm gặm nhấm theo chiến thuật tầm ăn lá dâu rồi dần dần sẽ có ngày bắt chiến tự nhiên thành.

Để kết thúc cuốn sách này, tôi muốn mượn lời của hai cán bộ chính trị cao cấp.

Đầu tiên là của đại tá Nguyễn Đăng Thanh. Ông là phó tiến sĩ, nhà giáo nhân dân, giáo sư học viện Chính Trị của Tổng Cục Chính Trị. Trong bài lên lớp ngày 19/12/2012 với những khoa trưởng, giáo sư đại học, những trưởng phòng công tác chính trị, quản lý sinh viên, các bí thư đoàn..., ông đã dạy mọi người phải đòi đòi nhớ ơn Trung Hoa, phải bỏ qua những va chạm hay bất đồng đáng tiếc và ông đe dọa là những cấp lãnh đạo của trường sẽ phải chịu trách nhiệm nếu để sinh viên biểu tình chống Trung Hoa. Cuối cùng, ông khuyên mọi người : *“Phải làm mọi cách để bảo vệ bằng được tổ quốc*

Việt Nam thời xã hội chủ nghĩa”, vì có như vậy mới “bảo vệ được số hưu khi về già”!

Một cán bộ chính trị cao cấp khác, thượng tướng Bùi Văn Huân, phó chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị, trong một bài phỏng vấn đăng trên mạng lưới của Trung Tâm Phát Triển Văn Học Nghệ Thuật ngày 18/3/2012, khi trả lời về mưu toan chiếm đoạt Biển Đông của Trung Hoa, ông *“đăm chiêu một lúc rồi nói với giọng thật buồn: “Trung Quốc lấy cái gì của ta thì ta đành phải chịu thôi”.*

Hai cán bộ chính trị cao cấp của đảng cầm quyền, dù có hai thái độ khác nhau, nhưng thái độ nào cũng khiến cho tôi cảm thấy buồn khi kết thúc cuốn sách này.

● HOÀNG DUNG

2012

270 * HOÀNG DUNG

CHỈ DANH NHÂN VẬT

Achar Man	28, 53
Akashi, Yasushi	217
Arkipovitch, Evgheny	224
Andropov, Yuri	226
Ang Mey	40
Bành Bái (Peng Pai)	156
Bành Chân (Peng Chen)	171
Bành Đức Hoài (Peng Te Huai)	171, 193
Blumenthal, Werner	189
Bou Thang	119, 139, 208, 211
Borodin, Mikhaïl	48, 49, 50
Brzezinski, Zbigniew	96, 97, 98, 99, 185
Brezhnev, Leonid	128, 167, 177, 226
Bùi Thanh Vân	210
Bùi Cát Vũ	115
Cảnh Biểu (Gang Biao)	140
Carter, Jimmy	83, 90, 91, 92, 96, 97, 98, 99, 100, 185
Châu Quán Lộ	191
Chế Củ	36
Chế Mân	36
Chernenko, Sergey	226
Chia Sim	125, 126, 208
Chia Soth	126, 134, 139
Chu Ân Lai (Zhou Enlai)	76, 124, 166, 169, 170, 173
Chu Đức (Chu Teh)	69, 174, 178
Chu Phương Đới	223

Chu Huy Mân	105, 134, 198, 209
Chu Văn Tấn	123, 195, 194, 195
Dap Chuon	43
Dien Del	212
Diệp Kiếm Anh (Yeh Chienying)	85, 174, 175
Diêu Văn Nguyên (Yao Wenyuan)	83,171,172
Dubcek, Alexander	119, 177
Duch (tên thật Kaing Guek Eav)	69, 72, 117, 125
Dương Dũng (Yang Yong)	188
Dương Đắc Chí (Yang Dezhi)	193, 194, 200, 201, 222, 226
Dương Ngạn Địch	39
Đào Đình Luyện	104
Đàm Văn Ngụy	224
Đàm Quang Trung	194, 195, 223
Đặng Tiểu Bình (Deng Xieuping)	88, 90, 98, 99, 127, 128, 129, 140, 141, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 179, 183, 184, 185, 186, 187, 193, 253,
Đặng Dĩnh Châu (Deng Yengchao)	100, 120, 124, 129, 175
Decoux, Jean	25
Đèo Văn An	191
Đèo Văn Long	191
Đình Bá Thi	95
Đỗ Mười	216, 266
Giang Trạch Dân (Jiang Jemin)	216, 245, 267
Giang Thanh (Jiang Qing).....	76, 172,173, 174
Giáp Văn Cương.....	235
Gorbachev, Mikhail	215, 235
Gromyko, Andrey	100, 186
Hà Huy Tập	52
Heng Samrin	114, 119, 124, 125, 126, 132, 139, 208, 209, 212, 213
Heng Thal	124
Hoa Quốc Phong (Hua Guofeng)	83, 84, 88, 89, 98, 99, 129, 174, 175, 176

Hoàng Cầm	107, 115, 208
Hoàng Minh Chính	166
Hoàng Đan	202, 223, 229, 232, 233
Hoàng Hoa (Huang Hua)	84, 96, 99, 100
Hoàng Hữu Thái	104
Hoàng Văn Thụ	191
Hoàng Trà	104
Hoàng Văn Xiển	232
Holbrook, Richard	85, 92, 93, 95, 96, 99
Hou Youn	31, 32, 55, 56, 60, 61
Hồ Diệu Bang (Hu Yao Pang)	175
Hồ Quang	209
Hồ Chí Minh	41, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 103, 156, 158, 159, 160, 163, 164, 165, 166, 167, 191, 157, 192
Hu Nim	31, 32, 58, 60, 61, 63, 71, 75, 125
Hứa Thế Hữu (Xu Shiyou)	182, 187, 193, 194, 198 199, 200, 201, 222
Hun Sen	119, 139, 208, 214, 215, 216, 218, 219, 220, 221
Huyện Trần Công Chúa	36
Ieng Sary	55, 56, 57, 58, 61, 62, 63, 75 83, 84, 127, 133, 139, 140, 219
Indravarman	22
Jayavarman II	22
Karpelès, Suzanne	26
Keo Meas	30, 45, 58, 71, 72, 111
Khampha Vilachit	137
Khieu Ponnary	57
Khieu Samphan	31, 32, 55, 56, 57, 58, 60 61, 63, 68, 76, 139, 212, 213
Khieu Thirith	45, 57
Khoy Thoun	62, 63
Khúc Thừa Dụ	36
Kim Tuấn	107, 135, 141
Kopytin, Victor	209
Kosygin (Alexei)	85, 187

Kriangsak (Chomanan)	129, 140, 185
Kroushchev (Nikita)	165, 166, 176
La Quý Ba	161
Lâm Bru (Lin Biao)	160, 169, 171, 172, 173, 178
Lê Đức Anh	107, 114, 130, 134, 209, 210, 223, 245
Lê Quảng Ba	107, 123, 160, 191
Lê Duẩn	76, 77, 78, 79, 82, 86, 87, 89 115, 128, 166, 167, 208, 228
Lê Ngọc Hiền	232
Lê Thiết Hùng	156, 157
Lê Văn Lương	164
Lê Linh	135
Lê Hồng Phong	49, 52
Lê Công Phụng	236
Lê Trọng Tấn	107, 114, 115, 134, 160
Lê Thanh	77, 210
Lê Đức Thọ.....	54, 62, 85, 93, 114, 119, 126, 132, 134, 208, 209
Li Desheng	187
Liêu Thừa Chí (Liao Chengzhi)	121
Liêu Tích Long	231
Lon Nol	32, 33, 44, 46, 47, 60, 61, 64, 108
Long Boret.....	64
Lưu Thiểu Kỳ (Liu Shaoqi)	83, 156, 170, 171, 172
Lưu Hoà Thanh (Liu Huaqing).....	253
Lưu Đăng Vân.....	123, 191
Lý Hồng Chương (Li Hongzhang)	155
Lý Thường Kiệt	150, 192
Lý Nghiệp Phu	123
Mạc Cửu	39, 40
Mạc Thiên Tứ	40
Mao Trạch Đông (Mao Zedong).....	63, 64, 68, 72, 76, 83, 110, 121, 123, 153, 157, 160, 161, 162, 163, 164, 167, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 177, 178, 198, 208, 250
Mondale, Walter	185
Mongkut	24
Nghiêm Kế Tổ	156, 203

Ngô Đình Diệm	43, 75, 120
Ngô Hàm (Wu Han)	171
Ngô Trung (Wu Zhong)	199
Ngô Gia Tự	50
Nguyễn Hữu An	107, 135, 233
Nguyễn Thế Bôn	224
Nguyễn Minh Châu.....	210
Nguyễn Chơn	210
Nguyễn Đệ	210
Nguyễn Thái Học.....	156
Nguyễn Đức Huy.....	232
Nguyễn Thị Minh Khai	52
Nguyễn Hữu Kính	39
Nguyễn Sùng Lãm	195
Nguyễn Văn Linh	75, 215, 216, 237, 245, 266
Nguyễn Năng.....	224
Nguyễn Quyết	195
Nguyễn Sơn	152, 157, 159
Nguyễn Tường Tam	156
Nguyễn Cơ Thạch	96, 97, 215
Nguyễn Chí Thanh	163
Nguyễn Văn Thiệu	75
Nguyễn Quốc Thước.....	141
Nguyễn Văn Thương	195
Nguyễn Duy Trinh	96, 116
Nguyễn Phú Trọng	237, 246
Nhim Ros	62, 63, 70, 125
Nixon, Richard	90, 91, 92, 98, 121, 173
Nuon Chia	124, 139
Obaturov, Gennady	196, 202
Pen Sovan	119, 126, 138, 208, 209
Penn Nouth.....	61
Phạm Văn Ba	45
Phạm Văn Đồng	61, 76, 77, 82, 85, 86, 87, 93 127, 128, 167, 189, 208, 224, 266
Phạm Hùng	76, 78

Phạm Văn Trà.....	210
Phan Hiền.....	81, 85, 88, 91, 92, 93, 95
Phomvihane, Kayson.....	79
Pol Pot	39, 45, 46, 47, 54, 55, 56, 57, 58, 60, 62, 63, 68, 69 71,72,74,75,76, 87, 88, 105, 109, 110, 112, 114, 115 116, 117, 118, 120, 123, 124, 125, 133, 134, 137, 138 139, 140, 143, 145, 208, 211, 212, 214, 216, 219, 220
Ranariddh, Sihanouk	212, 218, 219, 220, 221
Saloth Sar	31, 32, 45, 55, 56, 57, 58
Sam Rainy	221
Sanderson	218, 219
Sergheevitch	223
Si Vatha	25
Sieu Heng	30, 45, 55, 57, 62
Sihamoni Norodom.....	220
Sirik Matak	32, 64
So Phim	62, 63, 72, 109, 114, 125
So Khaeng	111
Son Ngọc Minh	29, 45, 53, 54, 55, 57
Son Sann	212, 213, 214, 215, 218, 219
Son Sen	55, 56, 58, 60, 62, 63, 69,72, 108 109, 117, 124, 127, 139, 219, 220
Son Ngọc Thành	27, 28, 30, 53, 55, 64
Souphanouvong	54, 87
Ta Mok	63, 70, 110, 118, 125, 220, 221
Tăng Tuyết Minh (Zeng Xueming)	49
Thioun Mumm	30
Thioun Prasith	56
Tiêu Văn	156, 157
Tôn Dẫn	192
Tou Samouth.....	45, 55, 57, 58, 62,71
Trần Xuân Bách	209
Trần Tử Bình	163
Trần Canh (Chen Geng)	160
Trần Quang Cơ.....	97, 215, 296

Trần Văn Cung.....	50, 51
Trần Bá Đạt (Chen Boda).....	172
Trần Hoạt	123
Trần Trọng Kim	34, 40, 168, 203
Trần Tích Liên (Chen XiLian)	76, 88, 174, 175
Trần Phú	49, 51, 52
Trần Chí Phương (Chen Chi Fong)	123
Trần Hồng Quý	120, 124, 129, 175
Trần Tất Thành	233
Trần Văn Trà	88, 107, 112, 113, 114, 130
Trần Văn Trân	115
Trần Độc Tú (Chen Duxiu)	169
Trần Vân (Chen Yun)	175
Trương Chấn (Zhang Zhen).....	188
Trương Chinh	53, 78, 164, 166, 167, 169, 208
Trương Minh Giảng	40
Trương Xuân Kiều (Zhang Chunqiao).....	172
Uông Đông Hưng (Wang Dongxing).....	182
Vance, Cyrus	92, 96, 98, 100, 185
Văn Tiến Dũng	105, 107, 113, 160
Vi Quốc Thanh (Wei guoqing)	160, 161, 192
Võ Văn Dần	115
Võ Nguyên Giáp	85, 119, 126, 158, 167, 191
Von Verth	58, 62, 63, 69, 71
Vòng A Sáng	191
Vũ Lập	195, 224, 232
Vương Chân	175
Vương Tất Thành	194
Vương Hồng Văn (Wang Hongwen).....	172
Vương Thừa Vũ	107, 160
Vương Thượng Vinh (Wang Shangrong)	85
Woodcock, Leonard	91, 92, 94, 97, 100
Young, Andrew	140



278 * HOÀNG DUNG



Tiếng Quê Hương

P.O Box 4653 – Falls Church – VA 22044
uyenthao174@yahoo.com & uyenthaodc@gmail.com

Chủ trương : UYÊN THAO

với sự cộng tác của

✿ HÀ THƯỢNG NHẬN ✿ VƯƠNG ĐỨC LỆ ✿
✿ THÁI THÙY ✿ LÊ THIỆP ✿

DOÃN QUỐC SỸ * MINH VÕ * TRẦN PHONG VŨ * LÃ HUY QUÝ
* HOÀNG SONG LIÊM * HÀ THỂ RUYỆT * HỒNG DƯƠNG *
PHAN DIÊN * ĐÀM QUANG LÂM * HOÀNG HẢI THỦY * VŨ ÁNH
* TRỊNH ĐÌNH THẮNG * HOÀNG NGỌC LIÊN * LÊ PHÚ NHUẬN *
TRÙNG DƯƠNG * PHÙNG THỊ HẠNH * XUÂN BÍCH
* NGUYỄN TUYẾN * NGUYỄN HỮU ĐIỀN * TRƯƠNG CAM VĨNH *
THANH THƯƠNG HOÀNG * NGUYỄN THIÊN ÂN * PHẠM TRẦN
* ĐẶNG ĐÌNH KHIẾT * DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN * MẠC LY HƯƠNG *
PHẠM QUỐC BẢO * VIỆT DƯƠNG * PHÓ HỒNG HÀ * CHU TẤN



► Tác phẩm do TQH giới thiệu thuộc mọi thể loại : sưu tầm, khảo luận, dịch thuật, sáng tác văn học... đặc biệt là tác phẩm của các tác giả trẻ và các tác giả đang sống tại quê nhà.

► Tủ sách hy vọng mang lại đều đặn cho bạn đọc các tác phẩm đáp ứng đúng yêu cầu tìm hiểu mọi mặt đời sống của đất nước, đồng thời hy vọng sẽ trở thành nhịp cầu nối kết mọi người Việt hàng tha thiết với tiếng nói quê hương và vận mạng chung của dân tộc.

► Tủ sách rất mong nhận được sự chung lo của các bạn qua mọi hình thức tiếp sức như cổ động bạn bè cùng mua sách, đóng góp tác phẩm, nhận xét về công việc ... để giúp Tủ Sách nâng cao khả năng đóng góp vào sinh hoạt cộng đồng.



Mọi giao dịch xin gửi thư về : Tủ sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG
P.O Box 4653 — Falls Church — VA 22044 — USA

hoặc e-mail về :

uyenthao174@yahoo.com & uyenthaodc@gmail.com

● *Bưu phí giao sách tới nhà :*

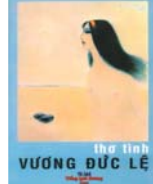
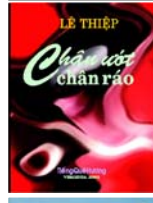
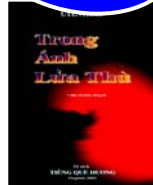
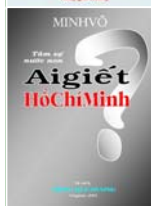
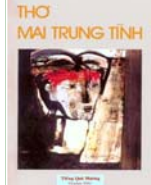
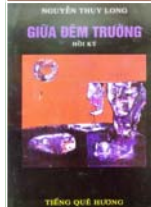
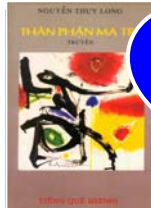
3 USD tại Hoa Kỳ — 10 USD gửi ra nước ngoài.

● *Thanh toán bằng Check hoặc International money order
xin ghi trả cho : VLAC/TIẾNG QUÊ HƯƠNG*

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III * 279

Xin tìm đọc
tác phẩm
của

Tổ
Đích **Tiếng Quê Hương**
TIENGQUEHUONG BOOKCLUB



- **THÂN PHẬN MA TROI**
*Truyện * NGUYỄN THỤY LONG*
— 18 Mk (Hết)
- **GIỮA ĐÊM TRƯỜNG**
*Hồi ký * NGUYỄN THỤY LONG*
— 14 Mk (Hết)
- **THƠ VƯƠNG ĐỨC LỆ**
Mấy vần thơ còn sót lại trong trí nhớ
— 20 Mk
- **THƠ MAI TRUNG TÌNH**
Ngoài Vườn Địa Đàng - Những Bài Thơ Xuôi
— 15 Mk (Hết)
- **NGÃ TƯ HOÀNG HÔN**
*Tiểu thuyết * VÂN QUANG*
— 18 Mk (Hết)
- **TÂM SỰ NƯỚC NON :
AI GIẾT HỒ CHÍ MINH?**
*Tiểu luận * MINH VÕ* — 18 Mk (Hết)
- **TRONG ÁNH LỬA THÙ**
*Dã sử tiểu thuyết * UYÊN THAO*
— 20 Mk
- **SÔNG & CHẾT Ở SÀI GÒN**
*Hồi ký * HOÀNG HẢI THỦY*
— 20 Mk
- **CHÂN ƯỚT CHÂN RÁO**
*Ký sự * LÊ THIỆP* — 20 Mk
- **THƠ TÌNH VƯƠNG ĐỨC LỆ**
*Thơ * VƯƠNG ĐỨC LỆ* — 20 Mk
- **ĐI TÌM NHÂN VẬT**
*Tiểu thuyết * TẠ DUY ANH*
— 20 Mk
- **TÂN TRUNG TÁC**
*Thơ * MA XUÂN ĐẠO* — 15 Mk

280 * HOÀNG DUNG

- **VŨ TRỤ KHÔNG CÙNG**
*Tuyển tập * BÙI NGỌC TẤN* — 20 Mk
- **ĐỔ LỆNH DỪNG**
*Truyện ký * LE THIỆP* — 25 Mk
- **VIỆT Ở RỪNG PHONG**
*Tạp bút * HOÀNG HẢI THỦY* — 20 Mk
- **GUƠM THIÊNG TRẦN QUỐC**
*Dã sử tiểu thuyết * UYÊN THAO* — 20 Mk
- **TRẮNG TRÊN ĐEN**
*Hồi ký * GONZALEZ-GALLEGO*
** VŨ THƯ HIÊN dịch* — 15 Mk
- **LÊN ĐỜI – Tập I**
*Phóng sự * VĂN QUANG* — 25 Mk
- **GIÁO HOÀNG PHAOLÔ II**
VĨ NHÂN THỜI ĐẠI
*Biên khảo * TRẦN PHONG VŨ* — 40 Mk
- **VIỆT NAM THÊ KỶ 20**
*Biên niên sử * DƯƠNG KIẾN* — 15 Mk
- **LÊN ĐỜI – Tập II**
*Phóng sự * VĂN QUANG* — 25 Mk
- **THƠ GIỮA ĐỜI THƯỜNG**
*Thơ * VƯƠNG ĐỨC LỆ* — 20 Mk
- **THƯ GỬI VÀO KHÔNG**
*Tâm bút * MAI NGUYỄN* — 20 Mk
- **HOA PHƯỢNG**
*Thơ * NGUYỄN THỊ HOÀI THANH* — 12 Mk
- **VIỆT VỀ BÈ BẠN**
*Hồi ký * BÙI NGỌC TẤN* — 20 Mk (Hết)



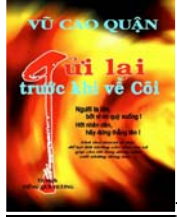


HỒ CHÍ MINH - nhận định tổng hợp

Biên khảo ● MINH VÕ

Chân dung chính xác của Hồ Chí Minh qua phân tích của hơn 100 tác giả ngoại quốc.

— 650 trang / 32 Mk

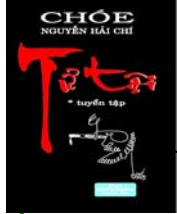


GỬI LẠI TRƯỚC KHI VỀ CÔI

Tâm bút ● VŨ CAO QUẬN

Tâm sự của người lao vào lửa đạn từ tuổi 13 tới tuổi 70 lại thấy sự hy sinh bản thân chỉ bị khai thác tàn khốc để vùi dập cuộc sống của chính mình và thân thuộc.

— 250 trang / 15 Mk



TỬ TỘI

Tuyển tập Văn-Thơ-Họa-Nhạc ● CHOÊ Nguyễn Hải Chí

Các sáng tác cuối đời của một họa sĩ đã thành mù lòa tàn phế do bị hành hạ tù đày sau 30-4-1975.

— 400 tr / 25Mk

CHÂN TRỜI TÍM

Tiểu thuyết ● VĂN QUANG

Cuốn sách gói đầu giường của lớp trẻ miền Nam đã bị vùi lấp sau 30-4-1975.

— 450 tr / 20 Mk



QUÊ HƯƠNG NGÀY TRỞ LẠI

Ký sự ● LÊ MỸ HÂN

Hình ảnh thực tế VN qua ghi nhận của một phụ nữ trẻ từ Tokyo trở lại thăm quê nhà và mái trường xưa...

— 320 tr / 20 Mk



VŨNG LẦY CỦA BẠCH ỐC

Người Mỹ & Chiến Tranh VN 1945 - 1975

Biên khảo ● NGUYỄN KỶ PHONG

200 hình ảnh và tài liệu đặc biệt được giải mật hơn 10 năm qua về nhiều khía cạnh cuộc chiến VN.

— 650 tr / 30 Mk



NHÂN QUYỀN & DÂN CHỦ Ở VN

Chính luận ● NGUYỄN THANH GIANG

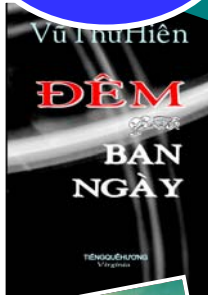
Tiếng nói chống chế độ bạo quyền cất lên giữa Hà Nội ...

— 320 tr / 20 Mk

Sách mới

Tiếng Quê Hương

ĐANG PHÁT HÀNH



ĐÊM GIỮA BAN NGÀY

Hồi ký * VŨ THƯ HIÊN
• 30 USD

TIẾNG CHIM BÁO BẢO

* Chính luận
TIÊU ĐẠO BẢO CỰ
25 USD •

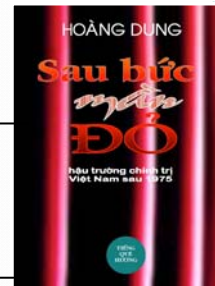


ĐỜI TÔI

Hồi ký * NGUYỄN LIỆU
* 30 USD (Hết)

SAU BỨC MÀN ĐỎ

Sưu khảo * HOÀNG DUNG
25 USD •

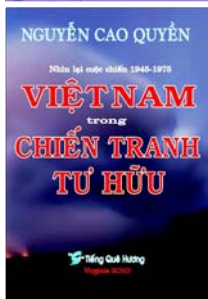
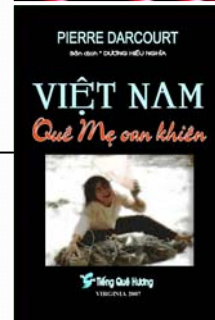


HỒI KÝ của MỘT THẲNG HÈN

Hồi ký * TÔ HẢI
• 25 USD

VIỆT NAM QUÊ MẸ OAN KHIÊN

* Pierre DARCOURT
DƯƠNG HIẾU NGHĨA dịch
25 USD •



VN trong CHIẾN TRANH TƯ HỮU

Biên khảo * NGUYỄN CAO QUYỀN
• 25 USD

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG III * 283



NÚI CAO VỰC THẳM

* *Phê bình Văn Học*
HỒ TRƯỜNG AN

• 25 USD

20 NĂM MIỀN NAM

* *tiểu luận*
NGUYỄN VĂN LỤC

20 USD •



MỘT NGƯỜI MỘT ĐỜI

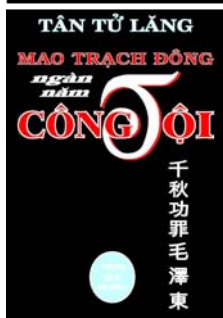
Ký sự * LÊ MỸ HÂN

• 20 USD

SINH RA ĐỂ CHẾT

* *Tiểu thuyết*
TẠ DUY ANH

20 USD •



MAO TRẠCH ĐÔNG ngàn năm công tội

* TÂN TỬ LĂNG

• 25 USD

LŨNG THŨNG giữa ĐỜI

Ký sự * LÊ THIỆP

20 USD •



BUỒN VUI ĐỜI THUYỀN NHÂN

Hồi ký * LÂM HOÀNG MẠNH

20 USD •

NHŨNG MẢNH TRỜI KHÁC BIỆT

Tuyển tập * 17 TÁC GIẢ
thuộc KHÔNG LỰC VNCH
• 20 USD



	<p>CÔI TRỜI CÔI TA Sưu khảo * HOÀNG DUNG • 25 USD</p>	
	<p>NHÂN VĂN GIAI PHẨM Biên khảo * THỤY KHUÊ 40 USD •</p> <p>VN trong viễn tượng DÂN CHỦ TOÀN CẦU Biên khảo * NGUYỄN CAO QUYỀN • 25 USD</p> <p>Một hành trình THƠ Thơ * CUNG TRẦM TƯỜNG 30 USD •</p>	
	<p>MỘT THỜI OAN TRÁI Tập ký * PHAN LẠC TIẾP • 25 USD</p> <p>TUYÊN TẬP TRẦN PHONG VŨ 25 USD •</p>	
	<p>KẸ BỊ KHAI TRỪ Hồi ký * NGUYỄN MẠNH TƯỜNG • 20 USD</p> <p>THÚ NGƯỜI Nguyên tác HERTA MULLER DƯƠNG HOÀNG DUNG dịch 20 USD •</p>	

2013 PHÁT HÀNH

VÕ THỊ HẢO



DA TIỆC QUÝ

Tiếng Quê Hương

Dạ Tiệc Quý

* Tiểu thuyết
VÕ THỊ HẢO

* 20 USD

VỮ BIỆN ĐIỀN



PHIÊN BẢN TÌNH YÊU

2

VỮ BIỆN ĐIỀN



PHIÊN BẢN TÌNH YÊU

1

Tiếng Quê Hương

PHIÊN BẢN TÌNH YÊU

Tiểu thuyết
VỮ BIỆN ĐIỀN

– 2 tập 1 & 2 (25 USD/tập)

NGUYỄN CHÍ THIÊN

TRÁI TIM HỒNG

* TRẦN PHONG VŨ



NGUYỄN CHÍ THIÊN
TRÁI TIM HỒNG

Tiếng Quê Hương

NGUYỄN ĐẮC KIÊN

Hãy Ngẩng Mặt

LIFT UP YOUR FACE
A voice that joins the choir of Vietnam emigrants

Tiếng Quê Hương
A NHẬP ĐƠN NGƯỜI VIỆT

QUÁCH THOẠI

Giữa lòng cuộc đời

Tiếng Quê Hương
Virginia 2013

HÃY NGÃNG MẶT

* NGUYỄN ĐẮC KIÊN

• 20 USD

GIỮA LÒNG CUỘC ĐỜI

Thơ * QUÁCH THOẠI

• 20 USD

Chiến Tranh Đông Dương 3

CUỘC CHIẾN

Việt - Hoa - Miên

Sưu khảo * HOÀNG DUNG

* 20 USD

Mọi giao dịch xin gửi thư về :

TIẾNG QUÊ HƯƠNG
P.O Box 4653
Falls Church – VA 22044
– E-mail :
uyenthaodc@gmail.com
uyenthao174@yahoo.com

**CHIẾN TRANH
ĐÔNG DƯƠNG III**

● **HOÀNG DUNG**

Ấn phí : Hai Mươi Mỹ kim

Mọi giao dịch xin gửi thư về :

**Tủ sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG
P.O Box 4653
Falls Church – VA 22044**

Email : uyenthao174@yahoo.com

- *Sách giao tận nhà, thêm lệ phí Bưu Điện 3 Mk (tại Hoa Kỳ) - 10 Mk (ngoài Hoa Kỳ)*
- *Check, Money Order xin ghi trả cho :*
VLAC/ TIẾNG QUÊ HƯƠNG

288 * HOÀNG DUNG